

CỎ THƠM

TAM CẢ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
SỐ 56 - MÙA THU 2011



CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN

NGÔ TĂNG GIAO

PHẠM VĂN TUẤN

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (571) 926-8962

FAX: (571) 926-8962

Email: dsenser@yahoo.com

THÁNG 9, NĂM 2011

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.

HẢI BẰNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.

HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.

VŨ HỐI. VŨ THÁI HÒA. VI KHUÊ.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG. HUY LÂM.

PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN. VŨ NAM.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYỄN.

ĐỖ PHÚ. KIM VŨ. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN. ĐIỆU TẦN.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

NGUYỄN VĂN THÀNH. PHONG THU.

TIỂU THU. HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG.

TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Charlotte, NC.

VŨ LANG: Anaheim, CA.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

	Trang
VĂN	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Tâm Thư Mùa Thu	6
HẢI BĂNG HDB & BẠCH CÚC NTN Mối Ân Tình Của Nguyễn Gia Thiều	8
ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG: Bước Nhảy Vọt Trong Nền Văn Học Cổ Việt Nam	16
PHẠM THỊ NHUNG: Tiếng Đàn Thúy Kiều	28
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Quan Niệm Về Thời Gian Qua Tục Ngữ Ca Dao	36
PHẠM VĂN TUẤN: Miguel de Cervantes	45
NGUYỄN QUÝ ĐẠİ: Mèo Trong Khoa Học...	53
HỒ TRƯỜNG AN: Trương Anh Thụy với truyện dài “Chuyến Mùa”	60
ĐỖ BÌNH: Mưa Đời Kẽm Gai	69
TÔN NỮ MẶC GIAO: Nỗi Lòng Người Đi	71
VŨ NAM: Nơi Chốn Mù Sương	77
NGUYỄN THUYỠ: Trương Phái Lãng Mạn...	86
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH: Hà Nội Buổi Đầu Thời Pháp Thuộc	92
NGUYỄN MÂY THU: Công viên Các Thi Sĩ	103
ĐẶNG NGUYỄN: Xứ Trời, Quê Hương Tôi	109
NGUYỄN LÂN: Xin Cho Tôi Được Sống	113
NGUYỄN QUỐC KHÁI: Những Tiếng Bom Nổ Giữa Thời Bình	118
VĂN QUANG: Nghệ Sĩ Ưu Tú Buồn Hay Vui?	126
THANH TRANG: Về Bài Hát “Ngày Mưa Trên Phố”	132
Ỡ NGUYỄN: Anh Tôi	133
PHAN VĂN BÌNH: Tiếng Việt Hay	144
DUY AN ĐÔNG: Tình Yêu Chân Thật	147
PHẠM TRỌNG LỄ: Ý Nghĩa Tự Do Trong Đoạn Trường Tần Thanh	159
ĐỖ PHŨ: Đường Nào Lên Thiên Thai	164
NGUYỄN BÁ HẬU: Đạo Trời Của	168

Nguyễn Du Trong Truyện Kiều NGUYỄN NGỌC BÍCH: Đọc Sài Gòn	172
Mưa Vẫn Rơi của Phong Thu	
CỎ THƠM: Tưởng thuật buổi ra mắt sách Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi của Phong Thu	176
PHAN ANH DŨNG, THÁI ĐẮC NHẢ	186
ĐÀM XUÂN LINH, LÊ VĂN KHOA Kỷ Niệm Một Năm Buổỉ Hoà Nhạc Ca Ngợi Tự Do – Ode to Freedom	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Khi Gia Đĩnh Tôi Sum Họp	193

THƠ

NGUYỄN KINH BẮC: Lưu Vong Hành	15
HÀ THƯỢNG NHÂN: Qua Lam Sơn	27
HỒ CÔNG TÂM: Bình Ngô	27
HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT:	27
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT: Đêm Nay Bên Em	44
BÙI THANH TIÊN: Suổỉ Tóc Em, Cuối Thu	44
NGÔ TẦNG GIAO: Bức Tường	51
JULY GORMAN KING: The Wall	52
ĐỖ BÌNH: Mưa Nguồn	70
CHÚC ANH: Thu Nhớ	91
THANH THANH: Nostalgic Autumn	91
DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN: Nhớ Mẹ	99
THIÊN ĐỨC: Ru Em Khắp Nẻo Quan Hà	99
RABINDRANATH TAGORE: Lotus	102
TÂM MINH NGÔ TẦNG GIAO: Hoa Sen	102
HỒ CÔNG TÂM: Đạỉ Việt Phục Hưng	127
NGUYỄN PHŨ LONG: Khi Rời Bệnh Viện	141
LÝ HIỂU: Gái Hoang	141
VŨ LANG: Chuyện Đờỉ	141
PHAN KHÂM: Vẫn Là Mùa Thu	141
HOÀNG SONG LIÊM: Luân Hồi	149
LAM ĐIỀN NGUYỄN THŨ: Giấc Thu	154
XUÂN BÍCH: Bên Này Bên Kia	154

NHẠC

VŨ ĐỨC NGHIÊM: Sao Đêm Lung Linh	34
HUY LÂM: Em Là Mùa Thu	100
THANH TRANG: Ngày Mưa Trên Phố	130
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT &	142
TẠ BÌNH: Từ Đạo Em Đi	

TRANH HỌA NHIẾP ẢNH

TRƯƠNG HỒNG SƠN: Autumn Soul	01
NGUYỄN SƠN: Nắng Thu (bìa sau)	208
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Farmland	208
Blue Ridge Mountain Foothill (bìa sau)	

HÌNH ẢNH SINH HOẠT

Họp Mặt Tại Toà Soạn Cỏ Thơm 6/26/11	155
Buổi Giới Thiệu Sách, 7/30/11	179
Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi	

GIỚI THIỆU

BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	33
------------------------	----

Chiều Nhạc VŨ ĐỨC NGHIÊM	35
Buổi Ra Mắt Sách Unforgettable Kindness của Cung Thị Lan và Diễm Trân Kratzke	59
Phòng Mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	76
Phòng Mạch BÁC SĨ VÕ ĐẠM	125
PHAN THANH BÌNH: Đời Ta,	146
Năng Lực Lời Nói	
SOVEREIGN REALTY, INC.	158
Thi Tập Tâm Linh của TUÔNG LỮU:	171
NGUYỆT SAN ĐỈNH SÓNG	199
HARVEST MOON RESTAURANT	202
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	203
PHIẾU MUA BÁO	204

PHÂN ƯU

Cụ Ông Dominico PHẠM XUÂN NHÂN	200
Cụ Bà NGUYỄN VĂN ĐỨC	200
Tiến Sĩ CHỦ TAM ANH	201

Tâm Thư Mùa Thu

Một đề tài làm bận lòng người Việt quốc nội cũng như quốc ngoại từ vài năm nay là việc nhà cầm quyền Việt Nam cho Trung cộng thuê dài hạn nhiều vùng đất rộng lớn để thiết lập những cơ sở vĩ đại và trường kỳ. Trung cộng đã đem xuống đất Việt hàng ngàn dân thầy thợ để xây thành đắp lũy như thế giới riêng của họ. Sự bận lòng của chúng ta càng trở nên sôi sục vì nhiều ngư thuyền Việt Nam bị hải quân, hải tặc Trung cộng tấn công, bắt giữ và sát hại gần quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trung cộng ngang nhiên tuyên bố hải phận của họ chạy dài xuống tận quần đảo Nam

Dương, Phi Luật Tân. Nhiều cuộc biểu tình của người Việt hải ngoại và quốc nội nổi dậy, chống đối sự việc này. Đã tưởng sự xâm lăng của quân Tàu chỉ có trong lịch sử. Nhưng cái nước Tàu cộng vẫn hống hách, luôn luôn áp đảo quê hương nhỏ bé của chúng ta.

Người Việt từ hải ngoại đến quốc nội kêu gọi nhau bài trừ sản phẩm của kẻ thù Trung cộng, không đi du lịch Trung cộng, không dùng biển ngữ, chữ Tàu trong nhà hàng hay tiệm thực phẩm nếu không phải là người Hoa, không dùng thiệp chúc Tết với

chữ Tàu, hình ảnh Tàu, không dùng chữ Hán nữa chúng ta có chữ Việt thay thế.

Nhưng chống đối thế nào thì cứ chống đối, Nhà Nước Việt cộng cứ ký giao kèo nhượng đất, cho thuê đất và bán đất cho Tàu cộng, cúi đầu, quy lụy đàn anh khổng lồ phương bắc. Trong khi đó vợ vét tiền của vào túi riêng mặc cho dân tình ngu dốt, nghèo khổ, thì chúng ta làm được gì đây? Dân nhược tiểu lại đành phải dựa vào người anh em Hoa Kỳ thôi!

Cũng trong tinh thần trân trọng chữ Việt giản dị, trong sáng, báo của chúng tôi đã không dùng tên Phương Thảo (được ví cho những bài văn, bài thơ hay) và đã dùng tên Cỏ Thơm. Chúng tôi cũng không lấy tên Cỏ Thơm (chữ Hán là phương cỏ có nghĩa lúa thơm và được ví cho những áng văn thơ tuyệt tác). Quý vị hẳn cũng nhận thấy cái tên Cỏ Thơm vừa thanh tao vừa nhũn nhặn như người Cỏ Thơm, không tự nhận những danh xưng to lớn mà không thực hiện được.

Gần đây trên Internet, Ông Đặng Bảo nêu ý kiến “Một Hàn Lâm Viện cho Chữ Việt và Ngôn Ngữ Việt rất cần thiết”. Ông kêu gọi các vị thức giả trong và ngoài nước nên thành lập:

- Một uỷ Ban ở hải ngoại, mục đích bảo tồn và phát huy ngôn ngữ Việt, dùng tiêu chuẩn và sách giáo khoa của bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng Hoà làm nền tảng.

Chúng tôi cũng thấy tên Nhà văn Hải Bằng Hoàng Dân Bình của Cỏ Thơm ký tên đồng ý. Nguyễn Thị Ngọc Dung cũng rất hoan nghênh ý kiến có một tiêu chuẩn về cách viết chữ Việt như người Pháp, Anh, Mỹ sẵn có. Khi đã có một quy luật, các nhà văn,

nhà thơ sẽ không dùng chữ hoa, chữ thường tùy hứng, tùy thích; không dùng dấu chấm, dấu phẩy, gạch ngang, gạch nối bất cứ ở chữ nào; sau một dấu chấm, hay hai dấu chấm, sau dấu phẩy, dấu hỏi, dấu chấm than nên có mấy “spaces” hay không có “space” nào v.v... Và, nên viết “ư” hay “uý” sau chữ “q”? Ngay trong tập báo Cỏ Thơm, người đọc cũng nhận thấy cách viết “tự do” của nhiều tác giả. Theo thiển ý của tôi, người Việt đã dùng vẫn a, b, c... của Tây Phương, chúng ta nên theo quy luật viết chữ của Tây Phương là hợp lý và thức thời nhất.

Bây giờ chúng ta nói đến sinh hoạt văn chương trong cộng đồng mùa hè nóng bức vừa qua. Nhà văn Phong Thu đã cho ra mắt tập truyện ngắn song ngữ đặc sắc: *The Rain Still Falls in Saigon – Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi*, tại Hội Trường James Lee, Falls Church, Virginia. Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích là diễn giả chính giới thiệu *Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* rất trung thực và hào hứng. Nghệ sĩ Đèo Văn Sách đã giới thiệu một chương trình văn nghệ hấp dẫn. Xin quý vị xem chi tiết và hình ảnh buổi ra mắt sách của Phong Thu từ trang 172 đến trang 183.

Sinh hoạt văn nghệ và văn học đã đem lại không khí lành mạnh, tươi mát cho đời sống vốn dĩ căng thẳng vì các tin tức chiến tranh, khủng bố, thiên tai, bệnh hoạn, tai nạn chết chóc xảy ra hằng ngày chung quanh chúng ta và trên thế giới. Xin mời quý vị vào thăm vườn văn học trong số báo Cỏ Thơm Mùa Thu này. Đề tài lý thú trích dẫn từ Truyện Kiều vẫn được nhiều biên khảo gia khai thác như quý vị Giáo sư: Phạm Thị Nhung, Phạm Trọng Lệ, Nguyễn Bá Hậu.

Những bài thơ chống Trung cộng của Nhà thơ Hồ Công Tâm, những bài thơ ca tụng mùa thu của quý thi, nhạc sĩ: Bùi Thanh Tiên, Chúc Anh, Thanh Thanh, Phan Khâm, Lam Điền Nguyễn Thử, Huy Lãm. Bìa trước của Cỏ Thơm là tranh “Nắng Thu” của Họa sĩ Trương Vũ. Bìa sau có ảnh của Nhiếp ảnh gia Nguyễn Sơn và Nguyễn Quốc Khải.

Chúng tôi rất hân hạnh được tiếp đón hai vị độc giả mới đến với Vườn Cỏ Thơm là Ông Phạm Văn Tiến ở Seattle và Bà Nguyễn Song Phượng ở Santa Ana. Danh Sách Mạnh Thường Quân, trang 203, đã vội ghi tên hai vị để cảm ơn tấm thịnh tình đó.

Trong ba tháng vừa qua Cỏ Thơm đã nhận được sách tặng của Nhà văn Mục sư Phan Thanh Bình, Nhà thơ Tường Lưu và Nguyệt san Đỉnh Sóng. Xin chân thành cảm tạ quý tác giả và giới thiệu cùng quý độc giả.

Cỏ Thơm xin cảm tạ quý văn thi hữu đã gửi sáng tác đến sớm sửa, để người trình bày báo có thời giờ thông thả làm việc hoàn hảo hơn. Đặc biệt trong số báo này có bài thơ “Khi Rời Bệnh Viện” của Thi sĩ Nguyễn Phú Long, sau khi nằm nhà thương hai tháng cũng không quên gửi tới vườn Cỏ Thơm của anh. Xin chúc anh Nguyễn Phú Long sức khoẻ dồi dào để có những dòng thơ đầy cảm xúc chia sẻ với văn thi hữu bốn phương.

Chúng tôi cũng xin cảm tạ quý văn thi hữu và độc giả các bang xa đã gọi hay gửi điện thư thăm hỏi về chuyện động đất 5.8 chiều ngày 23 tháng 8, cách Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn 80 dặm đường chim bay, cò bay. Người Cỏ Thơm ở vùng này tuy bị một phen kinh ngạc, vì hơn 100 năm mới có một trận

động đất lớn như vậy, nhưng may mắn không bị thiệt hại gì.

Trận hồng thủy Irene cũng làm các văn thi hữu ở Canada, Pháp, Đức lo ngại cho những người giữ Vườn Cỏ Thơm vùng Hoa Thịnh Đốn. Nhưng ở cách xa bờ biển, nên chúng tôi chỉ bị mưa gió mạnh qua một đêm, cây đổ làm mất điện, không dùng được computer, không email được trong vài ngày. Chỉ tội nghiệp cho những người vùng biển, gió bão làm lụt lội, đổ nhà, đổ cửa, mất hết tài sản, bỗng chốc hai bàn tay trắng. Chúng tôi thật may mắn. Cảm ơn Thượng Đế.

Thưa quý vị, Tam Cá Nguyệt San hân hạnh thông báo về Buổi Ca Nhạc Thánh Phòng Vũ Đức Nghiêm, chiều Chủ nhật 20 tháng 11, vào cửa miễn phí. Xin quý vị xem Thư Mời trang 35 và mong sự hiện diện của quý vị. Đó là một phần thưởng tinh thần cao quý cho người nhạc sĩ đã một đời tha thiết với nền âm nhạc Việt Nam.

Nếu yêu văn học, quý vị cũng sẽ không bỏ qua buổi ra mắt sách của hai nhà văn nữ trẻ Cung Thị Lan và Diễm Trần Kratzke với tập “Hồi Ký Tìm Tự Do – Unforgettable Kindness”, song ngữ Việt-Anh. Xin quý vị vào trang 59 xem thư mời. Sự hiện diện của quý vị là niềm khuyến khích quý báu cho các tài năng mới.

Kính chúc quý độc giả, văn, thi, nghệ sĩ bốn phương và gia đình được mọi sự bình an và một mùa thu hạnh phúc.

Xin cầu nguyện cho các nạn nhân chiến tranh, thiên tai, nghèo khổ, hoạn nạn trên thế gian này.

CỎ THƠM

CUNG OÁN NGÂM KHÚC MỐI ẪN TÌNH CỦA NGUYỄN GIA THIỀU?

Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc.NTN

Các nhà Nho thường trước khi viết truyện thường dùng thể thơ lục bát hay song thất lục bát. Đó là hai thể văn vần của riêng dân tộc Việt rất gần gũi với giới bình dân. Các nhà Nho lại cũng thường viết truyện với mục đích gửi gắm tâm sự hay khuyên răn đời vì vậy có câu “**văn dĩ tải đạo**”.

Cuốn *Cung oán Ngâm Khúc* là một khúc ngâm viết bằng thể thơ song thất lục bát vào thời Chúa Trịnh Sâm, cuối thế kỷ 18. Trong thời kỳ này, cuộc sống trong các Phủ Chúa càng ngày càng sa đọa. Cốt truyện là lời oán thán của một thiếu nữ đẹp được tuyển làm cung phi sống trong nhung lụa nhưng lại không được tận hưởng hạnh phúc vợ chồng suốt đời vì nhà vua thường chiếu cố tới cung phi một vài lần rồi không đoái hoài nữa. *Tác giả lồng vào cốt truyện những tư tưởng của Đạo Phật và Đạo Lão như là những lối thoát cho những nỗi buồn khổ của người cung phi*. Đó cũng là đặc tính “tải đạo” của *Cung Oán Ngâm Khúc*. Tuy nhiên, cũng còn những câu hỏi như:

1. Tại sao tác giả đã chọn đề tài này và người cung phi oán thán kia là một nhân vật đại biểu cho các cung phi thời đó hay là người yêu của tác giả đã bị tuyển vào cung?

2. *Cung Oán Ngâm Khúc* và *Chinh Phụ Ngâm* có những đặc điểm gì khác biệt đáng kể?

Trước khi trả lời các câu hỏi này, hãy tìm hiểu về tiểu sử của tác giả và hoàn cảnh của các ti nữ và cung nữ.

Tiểu Sử Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều (1741-1798)

Nguyễn Gia Thiều sinh ngày 6 tháng 2 năm Tân Dậu (1741), người làng Liễu Ngạn, Bắc Ninh; mất ngày 9 tháng 5 năm Mậu Ngọ (1798) dưới thời Chúa Trịnh Sâm. Ông là con của Quận Chúa Quỳnh Liên Trịnh Ngọc Tuấn, con gái của Trịnh Cương. Như vậy ông là cháu của Trịnh Doanh và là anh em con cô con cậu với Trịnh Sâm.

Cha của ông là Đạt Vũ Hầu Nguyễn Gia Cư, một võ quan, và vì thế ông xuất thân cũng là một võ quan. Vợ ông là con của Đại Tư Đồ Bùi Thế Đạt. Ông có công đánh giặc nên được phong tước Ôn Như Hầu vào tuổi 30 (1771). Nhưng đến năm **33 tuổi**, có lẽ **có một điều gì bất đạt khiến ông xin lui về cuộc sống dân giả**.

Ông là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, vẽ, và biên soạn nhạc. Sáng tác của ông còn để lại: tranh *Tống Sơn Đồ*, ca khúc *Sơn Trung Âm* và *Sở Từ Diệu*. Ông cũng tỏ ra là người có tâm Đạo: lấy tên là: Hy Tôn Tử” và Như Ý Thiên”. Năm 39 tuổi, ông lại được Chúa Trịnh Sâm vời ra giữ việc binh và xây dựng Chùa Thiên Tích. Năm 1782, ông được Trịnh Sâm phong chức Lưu Thủ Hưng Hóa.

Năm 1786, Tây Sơn ra đánh Bắc Hà, ông đi lánh ở vùng Hưng Hóa. Năm 1789, ông về Thăng Long trình diện Nhà Tây Sơn rồi cáo bệnh lui về quê.

Tác phẩm: Ông để lại hai tập thơ chữ Hán *Ôn Như Thi Tập*. Về văn Nôm, ông viết *Cung Oán Ngâm Khúc*, *Tây Hồ Thi Tập*, và *Tứ Trai Thi Tập*.

Ông là người thuộc hoàng thân, quốc thích, lại đa tài nên con đường công danh rất thênh thang đối với ông. Nhưng tại sao ông lại sớm tìm cách rút lui? Tại sao ông chọn tình cảnh của một cung nữ bị bỏ quên để viết *Cung Oán Ngâm*

Khúc? Người cung nữ đó có liên hệ gì với ông không hay chỉ đơn thuần muốn nói lên một khung cảnh của xã hội đương thời? Bút pháp của ông mô tả nỗi lòng của người cung phi trong *Cung Oán Ngâm Khúc* so với bút pháp của Đặng Trần Côn mô tả nỗi lòng của người chinh phụ trong *Chinh Phụ Ngâm* có gì khác biệt? Chúng tôi sẽ cố gắng trả lời những điểm này.

*

Tì Nữ và Cung Nữ

Chế độ đa thê vốn là một nhu cầu của xã hội trong đó các gia đình giàu có và uy quyền đều muốn có nhiều con trai để gìn giữ dòng tộc và củng cố thế lực. Dân gian có câu:

Trai năm thê, bảy thiếp
Đêm năm canh, năm vợ ngồi hầu
Vợ cả quạt nước tằm trâu

Vợ Hai săn sóc nhà ngoài nhà trong
Vợ Ba chải chiếu quạt mừng ...

Trong cuốn *Hồng Lâu Mộng* (Trung Hoa), cốt truyện cho thấy những nhà đại quan cách ngày xưa đã nuôi cả trăm nô tì. Mỗi cậu con trai có thể có tới 5 nô tì hầu hạ. Các nô tì này được mua từ lúc tuổi



chừng 12 hay 13, rồi hầu hạ cho tới trên 20 thì có thể được cho về để lấy chồng. Có người xin ở suốt đời, được coi như con cháu trong nhà, và được dựng vợ, gả chồng.

Trong nơi cung cấm, các cung nữ được tuyển chọn từ các gia đình khá giả

trong dân gian. Riêng các cung phi thì tuyển trong số các con cháu của các vị hoàng thân, quốc thích hay các vị đại thần. Hoàng Hậu thường là do mẹ của Vua chọn và Vua tấn phong. Dưới Hoàng Hậu là các thứ phi. Con số thứ phi nhiều hay ít tùy mỗi đời vua. Sử sách nói số cung phi có khi lên tới cả vài ngàn trong đó có thể có một số cung phi chẳng bao giờ được vua biết tới. Tì như truyện Chiêu Quân Công Hồ sau đây:

Sử Tầu chép rằng: Vào đời Vua Hán Nguyên Đế cách nay trên 2000 năm, số cung nữ được tuyển chọn có tới vài ngàn, nhà vua không sao nhớ hết mặt. Nhà vua bèn truyền lệnh cho họa sĩ Mao Diên Thọ cho vẽ hình những cung phi treo trong nội điện để hàng ngày vua chọn. Các cung phi muốn cho hình của mình vẽ đẹp, phải hồi lộ

cho Mao Diên Thọ. Riêng có nàng phi tên Vương Tường, còn gọi là Minh Phi hay **Chiêu Quân** là người dung mạo rất đẹp, biết thơ phú, giỏi nghề ca hát và gảy đàn tì bà, nhưng lại không chịu hồi lộ cho họ Mao nên nàng không có hình treo trong nội điện và tất nhiên ngày tháng trôi qua, nàng chẳng một lần được vua vờ tới. Hằng đêm, Chiêu Quân buồn bã buông những tiếng đàn thật náo nùng và may mắn sao tiếng đàn đó lọt vào tai Lâm Hoàng Hậu. Hoàng Hậu cho vờ Chiêu Quân vào yết kiến, mới hay một trang quốc sắc thiên hương đã bị bỏ quên và bà cho Chiêu Quân vào yết kiến Hán Đế. Nhà vua biết chuyện Chiêu Quân không chịu hồi lộ đề có hình vẽ; ông đã khiển trách họ Mao nặng nề. Chiêu Quân từ đó được phong làm Tây Phi (đứng thứ nhì, sau Hoàng Hậu).

Thời đó thường có rợ Hung Nô quấy phá làm cho Nhà Hán rất lo ngại.

Mao Diên Thọ muốn trả thù Chiêu Quân nên hiến kế dâng Chiêu Quân cho Chúa Hung Nô để cầu hòa. Chúa Thiển Vu nhìn thấy hình của Chiêu Quân đâm ra mê mẩn và chịu rút binh. Thế là vua Hán buộc phải cho Chiêu Quân qua với rợ Hồ. Chiêu Quân cũng đành phải gạt lệ để ra đi cứu đất nước và cứu muôn dân khỏi nạn binh đao.

Trong Hán Thư chép: trong đêm li biệt cuối cùng nơi quan ải, Chiêu Quân vừa gảy đàn tì bà vừa hát khúc tạ từ:

Ai ơi xin chớ sai lời
Sai lời thế nguyện

Duyên nợ ba sinh
Giác mộng năm canh
Trách hăn với trời xanh
Sao khéo vô tình
Bâng khuâng nhớ thuở tơ đào
Ra vào dưới gối
Duyên có đâu dẫn đến cách xa?
Ôi, đau đớn lòng ta
Tự cổ hồng nhan bạc mệnh
Mong sao cho sông núi an hòa



S.M. Bao Dai

Cũng từ tích này mà có hai chữ “**Hồ cầm**” để chỉ tiếng đàn tì bà vô cùng náo nùng, ai oán của Chiêu Quân bị cống Hồ. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du tả bài đàn tì bà của Vương Thúy Kiều qua hai câu:
Cung thương lâu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt **Hồ cầm**
một chương

*

Từ đó, cảnh ngộ đáng thương của những cung phi bị bỏ quên đã trở thành

nguồn hứng cho các văn nhân, thi sĩ trong đó có Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều. Tuy nhiên, nếu nói tới những cung phi trong điển tích thì cũng không thể không nói tới một vị thiên hương, quốc sắc trong thực tế đã được tuyển làm Hoàng Hậu. Đó chính là **Nam Phương Hoàng Hậu**, một vị Hoàng Hậu cuối cùng của lịch sử Việt trước 1945. Đây cũng một cuộc tình đẹp đầy những thử thách rất cam go khó xử nhưng tất cả đều được giải quyết êm thấm nhờ tinh thần dung hòa đặt trên nền tảng “**Tinh Yêu là Trên Hết**”.

Tuyển Hoàng Hậu dưới Triều Hoàng Đế Bảo Đại

Dưới triều đại Họ Nguyễn có một điều khoản gọi là “**Tứ Bất Lập**” tức là (1) *Không lập Hoàng Hậu.* (2) *Không lập Thái Tử.* (3) *Không lập Tế Tướng.* (4) *Không lập Trạng Nguyên.* Nhưng đến khi Vua Bảo Đại đi du học ở Pháp về vào năm 1932 thì mọi sự đều đảo lộn hết: *ông không muốn cuộc hôn nhân của ông không do tự ông sắp đặt.*

Hoàng Đế Bảo Đại (1913 – 1997) Cưới Vợ Như Thế Nào?

Theo cuốn *Nội Cung Cựu Hoàng Bảo Đại* của Nguyễn Đắc Xuân (Huế 1998): sau khi Bảo Đại về nước (1932), mẹ của Bảo Đại là bà Từ Cung chọn cô Bạch Yến con của ông Thượng Nguyễn Đình Tiên (Huế) để làm vợ. Nhưng việc sắp xếp này bất thành vì viên Khâm Sứ Trung Kỳ, ông Charles, đã dàn xếp để Bảo Đại cưới cô Nguyễn Hữu Thị Lan Sinh năm 1914, con của ông Nguyễn Hữu Hào, một đại điền chủ ở Gò Công. Cô Lan cũng học ở Pháp nhưng lại là người công giáo và cô đưa ra điều kiện:

1. *Cô phải được tấn phong Hoàng Hậu ngay trong ngày làm lễ cưới.*
2. *Được giữ Đạo Thiên Chúa và các con sinh ra đều được rửa tội theo đạo Thiên Chúa.*

3. *Bảo Đại được tự do giữ Đạo Phật.*

4. *Phải được Tòa Thánh La Mã cho phép.*

Đây rất có thể là những điều kiện mà Nguyễn Hữu Thị Lan đặt ra để *thử thách tình yêu của Bảo Đại, nghĩa là ông sẽ phải chọn lựa: một bên là ý của mẹ và của triều đình; một bên là của người yêu.* Hoàng Đế Bảo Đại dường như chẳng phải suy nghĩ lâu vì ông đã có tình thân Tây phương và vì ông đã yêu cô Nguyễn Hữu Thị Lan, hơn nữa, mẹ cũng như triều thần đã không còn đủ uy thế nữa để khuất phục ông. Vua Bảo Đại chấp thuận những điều kiện kể trên và còn tuyên bố công khai là *chống lại tục đả thê của vua chúa Việt Nam, cụ thể là các vua Nguyễn có tới chín bậc phi tần.*



Nam Phương Hoàng Hậu

Ông Bảo Đại ghi lại chuyện thành hôn này trong cuốn hồi ký *Le Dragon D'Annam*. Đại ý ông kể khi ông mới ở Pháp về ông nghe phong thanh về việc mẹ ông và triều đình tính chuyện *nap phi* tức tuyển lựa cho ông một người vợ, nhưng ông không quan tâm. Trong một dịp lên Đà Lạt nghỉ mát, ông và cô

Marie Thérèse Nguyễn Hữu Hào gặp nhau và tình cảm thương yêu chớm nở. Mẹ ông và các quan Tứ Trụ Triều Đình đều ngăn cản nhưng ông vẫn nhất quyết cưới cô Marie, phong cô làm Nam Phương Hoàng Hậu. Hai chữ Nam Phương ý nói là Hương Thom của Phương Nam. Ông viết:

Lễ tấn phong được cử hành ở ngay đại sảnh trong Điện Cần Chánh. Trước sân châu trái thắm đỏ và vàng để cho Hoàng Đế ngự qua. Triều thần tập họp đủ mặt. Hai hàng quan chức triều đình nghênh đón. Hoàng Hậu vận triều phục, đầu đội mũ cửu phượng, chân đi hia mũi nhọn, tay cầm hốt ngà, từ từ tiến vào phía tôi đang ngồi chờ trên ngai vàng. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam có một người phụ nữ tiến vào cung như vậy.

Sự kiện trên cho thấy Bảo Đại có cá tính độc lập và đầu óc tiến bộ.

*

Trở lại với *Cung Oán Ngâm Khúc* của Nguyễn Gia Thiều, một câu hỏi chưa từng được nêu ra là **phải chăng tác giả đã đem lòng thâm yêu trộm nhớ một cung phi mà ông đã có dịp quen biết trước khi nàng được tuyển vào trong Phủ Chúa Trịnh?** Câu hỏi này được đặt ra là bởi vì trong tác phẩm có đoạn tả một thiếu nữ sắc nước hương trời và trước khi được tuyển làm cung phi, nàng đã từng được nhiều vương tôn, công tử lui tới ngấm ghé, trong đó tất không thể thiếu chàng trai đa tình và đa tài Nguyễn Gia Thiều.

Cung Oán Ngâm Khúc: Lòng Oán Thán của Một Cung Phi

Như chúng ta đã biết, tác giả Nguyễn Gia Thiều là người có họ hàng với các Chúa Trịnh nên được tự do nơi Phủ Chúa. Tất nhiên, ông rất rành những chuyện xảy ra nơi cung cấm như các sinh hoạt của các cung nữ. Thường thì những chuyện nơi cung cấm đều tuyệt đối cấm tiết lộ ra ngoài. Nhưng ông đã không tôn trọng điều cấm này và ông lại sớm rút lui khỏi con đường công danh lúc tuổi mới 33. Tại sao ông lại rút lui sớm thế? Tất nhiên ông phải

có điều bất mãn lớn. Điều đó chắc chắn không phải là danh lợi hay thời cuộc. Vậy thì chỉ còn lý do là tình yêu: **ông hẳn đã có một người yêu rất đẹp bị chọn làm cung phi và đó là lý do khiến ông không thiết tha gì đến sự nghiệp nữa và viết lên *Cung Oán Ngâm Khúc* để nói lên nỗi oán than chính của trái tim mình?**

Trong một thi tập khác của ông có bài thơ đặt tên là:

Miếng Tình

Khắc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào
Miếng tình ghen mãi nuốt làm sao?
Muốn kêu một tiếng cho to lắm
Răng: Ôi ai ôi, nó thế nào!

Vậy, miếng tình này là miếng tình nào?

Không thấy tài liệu nào bàn tới cả. Có phải đó là “miếng tình” ông đã ăn phải khi gặp nàng cung phi lúc nàng chưa chọn đưa vào Phủ Chúa?

Hơn nữa, còn những bài thơ thất ngôn bát cú dưới đề tài là “**Cung Oán Thi**” được Trần Trung Viên, tác giả *Văn Đàn Bảo Giám* (Nam Ký, 1934) ghi là của Ôn Như Hầu, trong đó có bài “Khóc Bằng Phi”. Bài này có hai câu:

Đập mảnh gương ra tìm lấy bóng
Xếp mảnh áo lại để dành hơi

Bài này cũng được nhà phê bình văn học Đặng Tiến viết trong *Thế Kỷ 21* (số tháng 6.2005) cho là của Nguyễn Gia Thiều. Tuy nhiên, trước đó, ông Dương Quảng Hàm cho hai câu này là của Vua Tự Đức và được viết là:

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi

Nếu hai câu thơ trên là của Nguyễn Gia Thiều như hai nhà biên khảo Trần Trung

Viên và Đặng Tiến nêu ra thì sự kiện Nguyễn Gia Thiều có tình với một nàng cung phi bị bỏ quên là có căn cứ.

*

Nội Dung Cung Oán Ngâm Khúc

Tác phẩm gồm 354 câu thơ song thất lục bát, ít hơn *Chinh Phụ Ngâm* 124 câu. Mở đầu, tác giả đưa ra một nhận định ước lệ của Nhà Nho rằng “người đẹp thường gặp gian truân”:

Trái vách quế gió vàng hiu hắt
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng
Oán chi những khách má hồng
Mà xui phận bạc nằm trong má đào

Nàng cung phi này được trời phú cho những vẻ đẹp thật là thu hút từ má đào, khóe mắt, tới tài ăn nói văn chương, cầm, kỳ, thi, họa, tất cả đều toàn bích khiến ai nhìn thấy cũng phải ngây ngất:

Áng đào kiển đằm bông nào chúng
Khóe thu ba dợn sóng khuynh thành
Bóng gương lấp lánh trong mảnh
Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa
Chìm đáy nước cá lờ dờ lặn
Lưng da trời nhận ngấn ngơ sa
Hương trời đắm nguyệt, say hoa
Tây Thi mát vía, Hằng Nga giạt mình
Câu cầm tú đàn anh họ Lý
Nét đàn thanh bạch chị chàng Vương
Cờ tiên, rượu thánh ai đang
Lưu Linh, Đế Thích là làng tri âm
Cầm diêm nguyệt phỏng tâm Tư Mã
Địch lâu thu độ gã Tiêu Lang
Dầu mà tay múa miệng xang
Thiên Tiên cũng ngảnh, Nghê Thường trong trắng

*

Chắc hẳn con người tài sắc tiếng tăm đó đã khiến cho Chúa Trịnh Sâm phải động lòng chiếm đoạt nên tác giả mới hạ bút:

Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn
Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên đùng đùng

Thuở chưa được tiến cung, người đẹp đó, đóa hoa xuân còn đương phong nhụy đó đã được nhiều khách công hầu ngấp nghé trong đó sao lại không thể không có chàng công tử trẻ tuổi, đa tài, đa tình Nguyễn Gia Thiều tìm đến chiêm ngưỡng, trao đổi thi văn, ca nhạc?

Hoa xuân nọ còn đương phong nhụy
Nguyệt thu kia, chưa hé hàn quang
Hồng lâu còn khóa then sương
Thâm khuê còn giấm mùi hương khuynh thành
Làng cung kiếm rắp ranh bắn sê
Khách công hầu găm ghé mong sao
Vườn xuân bướm hấy còn rào
Thấy hoa mà chẳng lối vào tìm hương

*

Sau đoạn thơ này, có lẽ thất vọng vì không sao tới gần được mỹ nhân, tác giả viết lên những câu thơ đầy tiêu cực, ý muốn thoát khỏi vòng tục lụy cho chính bản thân tác giả hơn là cho thân phận người cung phi.

Mùi tục lụy dường kia cay đắng
Vui chi mà đeo đẳng trần duyên?
Cái gương nhân sự chiền chiền
Liệu thân này với có thiên phải nao
Thà mượn thú tiêu dao Cửa Phật
Mối thất tình quyết dứt cho xong

Sau đó, tác giả mới tả chính thức từng bước kể từng giai đoạn mà người cung phi trải qua từ khi được tiến cung. Đầu tiên là được nhà vua sủng ái:

Tay Nguyệt Lão khờ sao có một
Bỗng tơ tình vương gót cung phi
Cái đêm hôm ấy đêm gì?
Bóng dương lồng bóng trà mi trập trùng

Nhà vua tỏ ra rất say mê và nàng cung phi cung rất mãn nguyện:
Mây ngai lẫn mặt rồng lồ lộ
Sắp song song đôi lứa nhân duyên
Hoa thơm muôn đội ơn trên
Cam công mang tiếng thuyền quyên với đời

Nhưng rồi sự đời không thể mãi mãi không thay đổi: cái gì đến sẽ đến. Đó là ngày của định mệnh của kiếp con người “***có sáng thì có tối; có hạnh phúc thì có khổ đau***”. Nếu không phải là nhà vua thì có thể chính là nàng cung phi nghĩ đến cách xa:

Ai ngờ bỗng một năm một nhật
Nguồn con kia chẳng tát mà vơi
Thôi đi đâu biết cơ trời
Bỗng không mà hóa ra người vị vong

Sau khi bị nhà vua quên lãng, nàng cung phi buồn bã thở than. Đoạn ca thán kéo dài 160 câu: khởi đầu là oán trách nhà vua bằng những câu như “*cá no môi cũng khó như lên*” hay “*chơi hoa cho rửa nhụy dẫn lại thôi*”. Rồi than cảnh cô đơn bóng chiếc: “*Một mình đứng tủi, ngồi sầu. Đã than với nguyệt lại rầu với hoa!*” Rồi nhớ lại những ngày còn được quân vương thăm viếng: “*Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái*” hay “*Nào lúc tựa lầu Tần hôm nọ*”. Nhưng tất cả chỉ còn là dĩ vãng mới đây mà dường như đã quá xa xôi và nàng sống với cảnh “*hoàng hôn thôi lại hôn hoàng*”. Người cung phi cũng không thể không mơ ước ngày Cửu Trùng trở lại:

Tình rầu rĩ khôn khuây nhĩ mục
Chốn phòng không như dục mây mưa
Giác chiêm bao những đêm xưa.
Giọt mưa cửu hạn còn mơ đến rầy

Cuối cùng, tác giả cho thấy nàng cung phi không có thể nhắm mắt ngủ yên giấc mà “*Mắt chưa nhắm, đồng hồ đã cạn*” và cũng như bất cứ người con gái đẹp nào, nàng e sợ hương sắc sẽ chóng tàn phai:
Phòng khi động đến cửu trùng
Giữ sao cho được má hồng như xưa

*

Kết luận

Cung Oán Ngâm Khúc được nhiều độc giả thích thú sau *Truyện Kiều* và *Chinh Phụ Ngâm* nhờ cốt truyện dính líu tới nơi cung cấm, lời thơ *trang trọng và truyền cảm*. Lời oán than của người cung phi trong tác phẩm không thể coi như là tiếng nói chung các cung phi bởi vì vào thời đó, *được tuyển chọn vào cung để được hầu hạ Vua được coi là một đặc ân* nhiều người đẹp ao ước cũng như được làm hoạn quan để hầu hạ các cung phi cũng là do tự nguyện.

Khác với *Truyện Kiều* hay *Chinh Phụ Ngâm*; *Cung Oán Ngâm Khúc* không có một câu nào của người cung phi cô đơn nói đến tình cảm thương nhớ về cha mẹ hay quê cũ. Sự thiếu sót này làm cho nhân vật cung phi không sống đồng bằng nhân vật Kiều hay Chinh Phụ. Đó là một điểm khác biệt giữa *Cung Oán Ngâm Khúc* và *Chinh Phụ Ngâm Khúc*.

Và, người viết bài này tin rằng Nguyễn Gia Thiều thực sự đã yêu một cung phi, người này bị tuyển vào cung khiến ông vô cùng đau khổ và đã tìm nơi Cửa Thiên để quên đi mối ân tình tuyệt vọng:
Lòng ta chôn chặt một mối tình
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu
Tình tuyệt vọng, nỗi thăm sầu
Mà người gieo thảm như hầu không hay
(Khái Hưng phỏng theo bài Sonnet d’Arvers)

Lưu Vong Hành

Đất mẹ còn xa cách vạn trùng
Ta còn phiêu bạt – đã mười đông
Mười đông – vật vĩa vì cơm áo
Lòng vẫn chưa nguôi, nhớ chẳng cùng !
Ta nhớ một thời chinh chiến cũ
Học làm tráng sĩ luyện đao cung
Bút nghiên xếp lại, yêu đời lính
Theo gót người xưa sống vẫy vùng
Quân đội trưởng thành trong khói lửa
Dựng cờ đại nghĩa, diệt thù chung
Tình dân đã quyện theo tình nước
Thề quyết xông pha, vượt bão bùng
Bao địa danh ngời trang chiến sử
Đã làm khiếp vía giặc tàn hung
Kontum, Quảng Trị, ...cùng An Lộc
Phát phối cờ bay rợp khí hùng
Rồi đến một ngày kia, súng gãy
Ôi, trời nghiêng ngửa, đất đang rung
Tướng quân tuần tiết ngoài biên ải
Sĩ tốt điều linh giữa khốn cùng
Một lũ bất tài lo tháo chạy
Những vì sao bạc rụng như sung
Bao năm chêm chệ ngôi vợ vét
Bỏ nước ra đi chẳng thẹn thùng
Ta cũng như trăm nghìn chiến hữu
Nổi trôi cùng vận nước long đong
Sa cơ mắc bẫy vòng lao cải
Rừng thăm rào ngăn vó ngựa hồng
Ôi những ngựa hồng nay chiến bại
Cơ trời chuyên hóa, có thành không!
Đòn thù giáng xuống đầu thương tiếc
Oán hận triền miên mãi chất chồng
Lao động khổ sai, thêm đói rét
Mỗi ngày hai bữa bát ngô lung
Thân phơi gió lộng đôi heo hút
Xác bỏ điu hiu giữa mịt mù
Nhớ lại những ngày đi chiến đấu
Lòng hằng giữ vững chữ kiên trung
Dù cho đã ở trong tay giặc
Đầu ngẩng lên cao, gối chẳng chùng

Đất nước tuy còn, như đã mất
Người người mang một nỗi đau chung
Hỡi ơi, hăm tám năm rồi nhi ?
Mà vẫn không chung một chữ “đồng”
Tự buổi lên đường, xa tổ quốc
Làm người tị nạn, sống lưu vong
Những ai nếu vẫn còn tâm huyết
Thấy cảnh nhiều khi cũng nản lòng
Chiến hữu một thời, nay cầu xé
Bạn tù quên hết thuở lao lung
Cai thầu chống Cộng nhân danh hảo
Chụp mũ cho nhau chẳng ngại ngục
Một lũ tui cơm, phường giá áo
Như bầy ngan ngỗng khoác lông công
Học làm con rối lẳng xăng múa
Đã nát càng thêm nát cộng đồng
Báo bổ dấm ba tờ lá cải
Tập tành chữ nghĩa viết bung xung
Bôi tro trát trâu người thiên hạ
Vẫn sống dăng dai mới lạ lung
Văn sĩ nửa mùa khoe múa bút
Phoi bày dấm dặt, cũng văn phong!
Xênh xang áo gấm về quê mẹ
Đú đờn ăn chơi cốt thỏa lòng
Chính khứa trở cờ khoe ái quốc
Ngồi chờ đón gió giữa sa lông
Nhìn quanh cũng một phường xôi thịt
Miệng lưỡi còn đang bốc rượu nồng
Đầu xót dân lành đang thống khổ
Đêm ngày rên xiết dưới xiềng gông
Những cô ca sĩ về ăn Tết
Hát “Hậu Đình Hoa” chẳng ngưng ngừng
Ôi, biết bao điều, sao nói hết
Nói càng thẹn mặt với non sông
Groom cùn, súng gãy từ bao thuở
Bút mực này đây trải mấy giò
Mái tóc xanh xưa giờ đã bạc
Thù nhà, nợ nước trả nào xong
Chiều nay lặng lẽ nhìn mây phủ
Đất mẹ còn xa cách vạn trùng

Nguyễn Kinh Bắc

BƯỚC NHẢY VỌT TRONG NỀN VĂN HỌC CỔ VIỆT NAM

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Lý Huệ Tông làm vua được 14 năm, đến tháng 10 năm Giáp Thân (1224) truyền ngôi cho con gái út là Chiêu Thánh công chúa rồi vào tu ở chùa Chân Giáo.

Lý Chiêu Hoàng lên ngôi mới có 7 tuổi, lấy niên hiệu là Thiên Chương Hữu Đạo. Trần Thủ Độ lại tư thông với người em họ là Trần Thái Hậu (vợ vua Huệ Tông, mẹ ruột của Chiêu Hoàng), ngày đêm tìm mưu đoạt cơ nghiệp nhà Lý. Bấy giờ, mọi quyền chính đều vào tay Điện tiền Chỉ huy sứ Trần Thủ Độ, ông cho cháu là Trần Cảnh vào cung làm chức Chính thủ. Tháng chạp năm Giáp Thân (1224), Thủ Độ gả Chiêu Hoàng cho Trần Cảnh rồi ngày 21 tháng 10 năm Ất Dậu (1225) ép Chiêu Hoàng ban chiếu nhường ngôi cho chồng, chấm dứt cơ nghiệp nhà Lý sau 215 năm trị vì và truyền được 9 đời. Trong tờ chiếu nhường ngôi có đoạn:

“Nay Trẫm suy đi tính lại một mình, duy có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, thực thể cách quân tử hiền nhân, uy nghi đường hoàng, có tư chất thánh thần văn võ, dù đến Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông cũng không hơn được. Sớm hôm nghĩ chín, từ lâu nghiệm xem, nên nhường ngôi báu, để thỏa lòng trời, cho xứng lòng Trẫm, mong đồng lòng hết

sức, cùng giúp vận nước, hưởng phúc thái bình. Vậy bố cáo thiên hạ để mọi người đều biết” [1].

Trần Cảnh lên ngôi, lập ra triều đại Trần Thái Tông, lấy niên hiệu là Kiến Trung trong 7 năm đầu. Nhà Trần mở một trang sử mới. Trang sử oai hùng cho nền độc lập và chống ngoại xâm của nước ta.

Về mặt văn học đời Trần, Ông Ngô Tất Tố đã viết:

“Đọc hết tập *Văn Học Đời Lý*, có lẽ nhiều người phải ngỡ trình độ văn học của đời Trần hay ít nhất cũng ngỡ trình độ văn học của đời Trần sơ. Phần vì việc học chưa thật phát triển, phần vì tài liệu đã bị mai một, văn chương nhà Lý đã để lại cho chúng ta một mối thất vọng. Nhà Trần nối liền nhà Lý, phát tích từ nghề thuyền chài, cái người cầm cân nảy mực, làm mưa làm gió trong lúc đầu tiên lại là một người tuyệt nhiên không biết học vấn là gì, thế thì trình độ văn học đời ấy khó mà vượt qua trình độ văn học đời trước. Ai chẳng ngỡ vậy?

“Sự thực lại trái hẳn thế.

“Chẳng những đến hồi trung diệp, nhà Trần đã sản xuất nhiều tay đại nho thạc học như Chu Văn An, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh, v.v... mà ngay mới dựng nước, ông vua thứ nhất - Trần Thái Tông - đã là một nhà học uyên bác, tư tưởng

thuần túy, xứng đáng gọi là bậc học giả. Sau đó, những viên võ tướng Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão... đều có đọc nhiều sách vở, biết làm văn thơ, có nhiều tác phẩm khiến cho người đời sau truyền tụng. Cuối cùng lại có một người khác thường hơn nữa, ấy là Hồ Quý Ly... Ông ta soạn ra mười bốn thiên Minh Đạo, dâng Vua Thuận Tông... Ông ta còn làm ra cuốn *Quốc Ngữ Thi Nghĩa*, dùng tiếng bản quốc chua nghĩa *Kinh Thi* để cho các nữ sư đem dạy hậu phi và các cung nhân...

“Đó là chưa kể những bậc văn chương có tài, như Nguyễn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố, bắt đầu dùng quốc âm làm văn thơ.

“Xét về sự nghiệp trừ thuật, đời Trần cũng phát đạt...” [2].



H 1: Đền thờ nhà Trần ở Tức Mặc, nay thuộc Tp Nam Định. Ảnh của Nguyễn Huy Trực, 1993.

Thật vậy, theo Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, suốt cả chiều dài hơn hai thế kỷ của triều Lý chỉ vồn vẹn 7 tập sách gồm: 2 quyển thi văn là *Ngộ Đạo Thi Ca Tập* và *Viên Thông Tập* (thơ và phú), 3 quyển thuộc loại hiến chương là quyển

Hình Thư, *Lý Triều Ngọc Diệp*, *Nam Bắc Phiên Giới Địa Đồ* và 2 quyển thuộc loại phương kỹ là *Dược Sư Thập Nhị Nguyên Văn*, *Tham Tông Hiến Quyết* [3] hai quyển này của Thiền sư Viên Chiếu. Nhưng, lịch sử vừa sang trang nhà Trần, đã thấy khuôn mặt mới của nền học thuật. Cũng theo *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, năm Nhâm Thìn (1232), niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 1, tức chỉ mới tám năm Thái Tông lên ngôi (1225-1258), nhà Trần đã mở khoa thi Thái học sinh và chia vị thứ các tân khoa Tiến sĩ làm ba cấp: Đệ Nhất giáp, Đệ Nhị giáp và Đệ Tam giáp. Lệ Tam giáp trong phép thi cử của nước ta bắt đầu từ đó.

Mười lăm năm sau, nhân khoa thi Đinh Vị (1247) Thái Tông đặt ra Tam khôi, nghĩa là chia Đệ Nhất giáp làm ba hạng: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Nước ta có Trạng nguyên từ đó.

Đến năm Quang Thái 9 (1396) đời Trần Thuận Tông (1388-1398) lần đầu tiên trong lịch sử khoa cử nước ta phân cấp thi Hương và thi Hội, gọi những người đậu hương khoa là Cử nhân và ấn định cứ năm trước mở thi Hương năm sau thi Hội.

Nếu chỉ tính riêng khoa thi Thái học sinh, tổng hợp từ các tài liệu cũ về khoa bảng, triều Lý với 215 năm trị vì (1010-1225) chỉ mở được 8 khoa thi Tam trường, lấy đỗ 38 người, biết rõ tên 11 vị (thời ấy chưa có danh hiệu Trạng nguyên). Đời Trần, thời gian trị vì có 175 năm (1225-1400) đã mở 21 khoa thi Thái học sinh (không kể các Hương khoa) lấy đậu 383 người, biết rõ tên 51 vị, trong đó có 9 Trạng

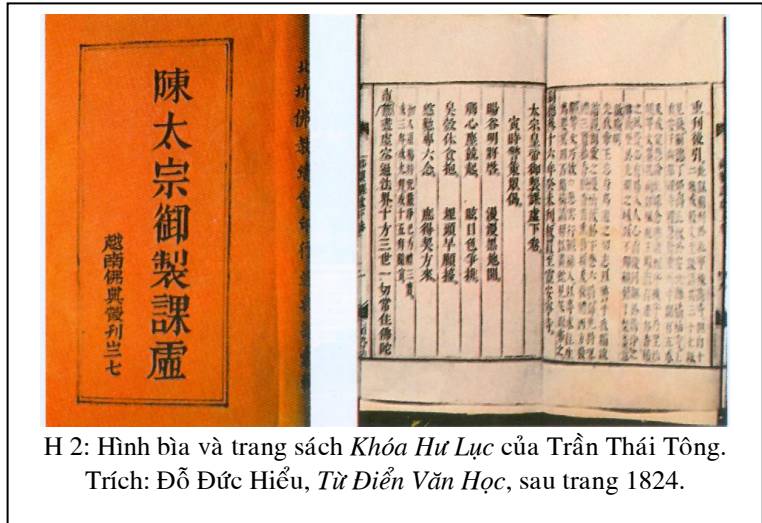
nguyên [4], 8 Bảng nhãn, 9 Thám hoa, 6 Hoàng giáp, 19 Tiến sĩ. Thời Hồ lại phát triển hơn nữa, trị vì chỉ có 7 năm (1400-1407) đã mở 2 khoa thi Thái học sinh, lấy đầu 190 người, biết rõ tên 13 vị, trong đó 1 Đệ Nhất giáp [5], 6 Hoàng giáp, 6 Tiến sĩ. Có thể các số liệu trên chưa chính xác vì còn thiếu sót, nhưng vẫn thấy được việc thi cử thời ấy phát triển hơn gấp mười lần so với thời Lý.

Các vua chúa nhà Trần phần lớn là những nhà thơ nổi tiếng, học giả uyên bác. Năm đời vua liên tiếp từ Thái Tông (1225-1258), Thánh Tông (1258-1278) Nhân Tông (1279-1293), Anh Tông (1293-1314), Minh Tông (1314-1329), rồi sau này có Nghệ Tông (1370-1372) đều có thi tập. Theo *Lịch Triều Hiến Chương*, Trần Nhân Tông có đến 5 tác phẩm, gồm 3 truyện ký là *Thạch Thất Mỹ Ngữ*, *Thiền Lâm Thiết Chủ Ngữ Lục*, *Trung Hưng Thực Lục*, và 2 thi tập là *Đại Hương Hải Ấn* và *Nhân Tông Thi Tập*. Trần Thái Tông có 3 tác phẩm là *Khóa Hư Lục* (truyện ký), *Quốc Triều Thông Chế* (Hiến chương) và *Thái Tông Ngự Tập* (thi ca).

Trần Thánh Tông có *Cơ Câu Tập*, *Di Hậu Lục* (đều truyện ký) và 1 thi tập. Trần Anh Tông có *Công Văn Cách Thức* (hiến chương) và *Thuỷ Văn Tuyền Bút* (thi ca); Trần Nghệ Tông có *Bảo Hoà Diện Dư Bút* (truyện

ký) và 1 thi tập; còn Trần Minh Tông cũng có 1 thi tập. Những công trình biên soạn và sáng tác trên, đủ thấy các vị vua nhà Trần dấn thân vào văn nghiệp, yêu chuộng thơ văn đến mức độ nào. Và cũng từ ý hướng thuận lợi đó, nền văn học của thời Trần hình thành các sự kiện sau đây mà ở thời Lý chưa hề có:

THI TẬP TRANH NHAU ĐUA NỔ



H 2: Hình bìa và trang sách *Khóa Hư Lục* của Trần Thái Tông. Trích: Đỗ Đức Hiểu, *Từ Điển Văn Học*, sau trang 1824.

Từ vua đến quan, không những quan văn và các quan võ đều sành điệu làm thơ, dấy lên phong trào thành lập các tập thơ. Thi ca thịnh hành đến nỗi các tập thơ chiếm hai phần ba số lượng các sách trước tác. Theo *Lịch triều hiến chương* và tổng hợp các tài liệu khác, thời Trần có 21 thi tập sau đây:

1. *Trần Thái Tông Ngự Tập* của Trần Cảnh (1218- 1277), đã thất lạc, nay chỉ còn 2 bài thơ. Ngoài ra, ông còn nhiều bài kệ [6] đặc sắc. Phan Huy Chú, tác giả bộ *Lịch Triều*

Hiển Chương Loại Chí (1809-1819) khen là: “Lời thơ thanh nhã, đáng đọc” [7].

2. *Trần Thánh Tông Thi Tập* của Trần Hoảng (1240- 1290), đã thất lạc. Theo *Thơ Văn Lý Trần*, thơ ông hiện còn 12 bài và 2 đoạn. Phan Huy Chú khen thi phẩm Thánh Tông là: “Các bài đều có phong vị thơ Đường”

3. *Phi Sa Tập* của Hàn Thuyên (đỗ Tiến sĩ năm 1256), đã thất lạc; theo Phan Huy Chú: “Tập này có nhiều thơ quốc âm”.

4. *Lạc Đạo Tập* của Chiêu Minh vương Trần Quang Khải (1248-1294), đã thất lạc, chỉ còn 9 bài chép ở *Việt Âm Thi Tập* [8]; trong đó, bài *Tụng Giá Hoàn Kinh Sư* là bản anh hùng ca, rất nổi tiếng. Phan Huy Chú khen *Lạc Đạo Tập*: “Tứ thơ sâu xa lý thú, lời thơ thanh thoát nhàn nhã, xem thơ có thể tưởng thấy phong thái của người”.

5. *Củng Cực Lạc Ngâm* của Trần Ích Tắc (con thứ năm của Trần Thái Tông) sáng tác lúc chưa theo giặc Nguyên, đã thất lạc, chỉ còn vài bài chép ở *Việt Âm Thi Tập* và sau này Lê Quý Đôn đem vào sách *Toàn Việt Thi Lục* [9].

6. *Sâm Lôu Tập* của Uy Văn Vương Trần Quốc Toại (1254-1277), đã thất lạc, và theo *Thơ Văn Lý Trần*, nay chỉ còn 3 đoạn thơ trong các bài khác nhau, chép ở các bộ sử.

7. *Trần Nhân Tông Thi Tập* của Trần Khâm (1258- 1308), đã thất lạc. Theo *Từ Điển Văn Học*, ông chỉ còn 25 bài thơ chữ

Hán chép trong *Việt Âm Thi Tập*, nhưng *Thơ Văn Lý Trần* lại chép được 30 bài thơ và kệ cùng với 2 cặp thơ lẻ. Phan Huy Chú khen thơ Trần Nhân Tông là: “Bài nào cũng phóng khoáng thanh nhã”.



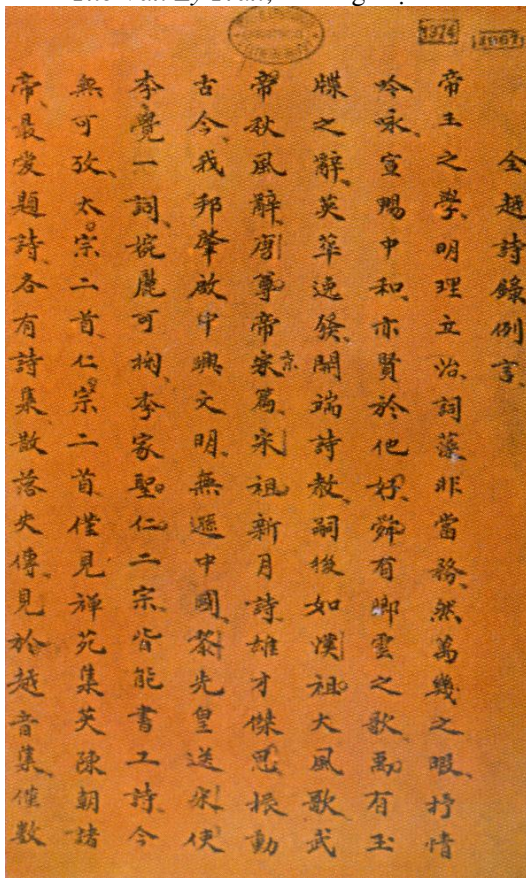
H 3: Bìa sách *Việt Âm Thi Tập* của Phan Phù Tiên. Trích: *Từ Điển Văn Học*, sau trang 1568.

8. *Đại Hương Hải Ấn Thi Tập*, gồm những bài kệ do Trần Nhân Tông làm ra khi đã xuất gia. Sau được cháu nội là Vua Minh Tông đề tựa tập ấy, Phan Huy Chú tóm lược, có đoạn: “Đức tổ ta là Điều Ngự Nhân Tông Hoàng Đế, ra khỏi cõi trần, thoát vòng tục lụy, bỏ chốn cung vua ra giữ sơn môn (chùa Phật), nghiêm nhiên đến nay vẫn còn đó, tiếng thơm bất hủ dấu cũ càng tươi” [10].

9. *Thủy Vân Tuy Bút* của Trần Anh Tông tức Trần Thuyên (1276- 1320), toàn tập có 2 quyển, trước khi mất, vua sai các quan đem đốt. Phan Huy Chú khen thơ của Anh Tông là: “Bài nào cũng thanh tân và có lực lượng”. Theo *Thơ Văn Lý Trần*, thơ ông hiện còn 13 bài.

10. *Cúc Đường Di Thảo*, 2 quyển, của Văn Huệ Vương Trần Quang Triều (1287-1325), Nguyễn Úc biên soạn. Nguyên tập đã mất, chỉ còn 11 bài chép trong *Việt Âm Thi Tập*, Phan Huy Chú khen thơ của Trần Quang Triều “đều là thanh thoát đáng ưa”.

11. Thi tập của Thiền sư Pháp Loa tức Đồng Kiên Cương (1284- 1330) đã thất lạc. Theo *Thơ Văn Lý Trần*, thơ ông hiện còn 3



H 4: Trang sách *Toàn Việt Thi Lục* của Lê Quý Đôn. Trích: *Từ Điển Văn Học*, sau trang 1056.

bài: *Nhập Tục Luyện Thanh Sơn* (Vào cõi tục tiếc non xanh), *Thị Tịch* (Gợi bảo trước khi chết), *Tán Tuệ Trung Thượng Sĩ* (Ca ngợi Tuệ Trung Thượng Sĩ). Chỉ còn ba bài mà vẫn thể hiện được tứ thơ hàm súc văn chương điêu luyện. Đồng Kiên Cương (1284-1330) người làng Cửu La, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, tu ở núi Yên Tử. Năm 1304, ông được Thượng hoàng Trần Nhân Tông kết nạp vào Thiền phái Trúc Lâm, đặt tên là Thiệu Lai, năm sau ban pháp hiệu là Pháp Loa. Năm 1308, ông được Nhân Tông trao y bát, tiếp nối làm vị tổ thứ hai dòng Thiền Trúc Lâm

12. *Minh Tông Thi Tập* của Trần Mạnh (1300- 1357), đã thất lạc, chỉ còn 25 bài được chép rải rác trong các quyển: *Nam Ông Mộng Lục* (1438) của Hồ Nguyên Trừng (xuất bản tại Trung Quốc), *Việt Âm Thi Tập* và *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*. Phan Huy Chú khen thơ của Minh Tông là: “Lời thơ hùng hồn, mạnh mẽ và phóng khoáng, không kém gì đời thịnh Đường”.

13. *Ngọc Tiên Tập* của Thiền sư Huyền Quang tên là Lý Đạo Tái (1254-1334). Năm 20 tuổi (1274), ông đỗ đầu khoa thi Hội, được cử vào Viện Nội Hầu, từng tiếp sứ phương Bắc. Sau ông bỏ quan đi tu ở Núi Yên Tử, trở thành vị tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm. Thi tập của ông đã bị thất lạc, theo *Từ Điển Văn Học*, chỉ còn 24 bài thơ chữ Hán (thực ra là 19 bài vì có bài *Cúc Hoa* 6 đoạn) chép trong *Việt Âm Thi Tập* và *Trích Diễm Thi Tập* [11]. Phan Huy Chú khen *Ngọc Tiên Tập*: “Văn thơ bay bướm,

phóng khoáng”; Lê Quý Đôn cũng khen thơ Huyền Quang “nghĩa lý tinh thâm, khí tượng cao siêu”.

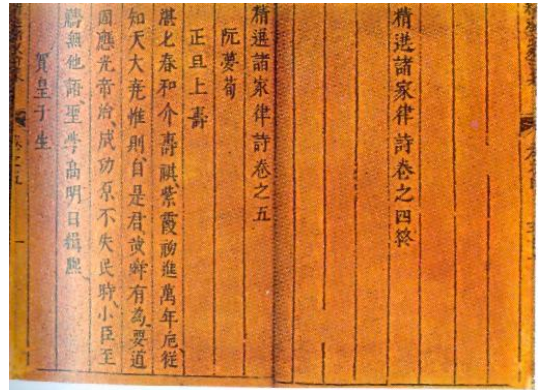
14. *Giới Hiền Thi Tập* là tập thơ của Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370), được Phan Huy Ôn rút ra từ các bộ hợp tuyển như *Việt Âm Thi Tập*, *Tinh Tuyển Chư Gia Luật Thi* [12] và *Trích Diễm Thi Tập*, hợp lại hơn 80 bài biên soạn lại cuốn *Giới Hiền Thi Tập* (1775). Phan Huy Chú khen là: “Lời thơ phần nhiều hào mại phóng khoáng, có khí phách và cốt cách Đỗ Lăng [13]. Bài nào lời thơ cũng mạnh mẽ, phóng khoáng khác thường. Thơ tứ tuyệt lại càng hay, không kém gì đời thịnh Đường”.

15. *Tiêu Ẩn Thi Tập* của Chu Văn An (? - 1370), đã bị mất, chỉ còn lại 11 bài thơ chữ Hán chép trong *Toàn Việt Thi Lục* và *Phượng Sơn Từ Chí Lục*. Phan Huy Chú khen là: “Lời thơ rất trong sáng, u nhân, tự nhiên có thể tưởng thấy ý thú thanh cao của người ở ẩn”.

16. *Tiêu Ẩn Quốc Ngữ Thi Tập* bằng chữ Nôm cũng của Chu Văn An. Cả tập bị mất, nay không còn bài nào.

17. *Hiệp Thạch Tập* của Phạm Sư Mạnh, đã thất lạc, nay chỉ còn 33 bài thơ chép rải rác trong các tuyển tập như *Việt Âm Thi Tập*, *Tinh Tuyển Chư Gia Luật Thi*, *Trích Diễm Thi Tập* và *Toàn Việt Thi Lục*. Ông là môn đệ của Chu Văn An, đậu Thái học sinh đời Trần Minh Tông (1314- 1329) là một nhà thơ có tiếng. Phan Huy Chú khen: “Tinh thơ cao siêu, hào

phóng, lời thơ đều có phong thái nhàn nhã, thực có thể hơn hẳn người Nguyễn”.



H 5: Trang sách *Tinh Tuyển Chư Gia Luật Thi* của Dương Đức Nhan. Trích: *Từ Điển Văn Học*, sau trang 544.

18. *Nghệ Tông Thi Tập* của Trần Phủ (1321-1395), đã thất lạc, nay chỉ còn 5 bài thơ chép trong *Việt Âm Thi Tập*, gồm: *Đề Từ Đồ Trần Nguyên Đán Từ Đường*, *Đề Siêu Loại Báo Ân Tự*, *Tự Gia Hưng Trấn*, *Ký Cung Tuyên Vương*, *Tống Bắc Sứ Ngưu Lương*. Phan Huy Chú khen thi phẩm của Nghệ Tông “có những câu thơ hay”.

19. *Băng Hồ Ngọc Hác*, 2 quyển, của Trần Nguyên Đán (1325-1390), đã thất lạc, hiện chỉ còn 51 bài thơ chép trong *Việt Âm Thi Tập*, *Tinh Tuyển Chư Gia Luật Thi*, *Trích Diễm Thi Tập* và *Toàn Việt Thi Lục*. Trong số đó, có những bài thơ sáng giá như *Nhâm Dàn Lục Nguyệt Tác*, *Bất Mị*, *Dạ Qui Chu Trung Tác*...

20. *Thảo Nhân Hiệu Tân Thi Tập* của Hồ Tông Thốc. Ông người làng Thổ Thành, phủ

Diễn Châu tỉnh Nghệ An, đậu Thái học sinh (tiến sĩ) khoảng những năm Thiệu Khánh (1370-1372) đời Trần Nghệ Tông. Ông nổi tiếng thơ văn, có lần làm đúng một trăm bài thơ ngay trên chiếu tiệc. Nhưng thơ ông hầu hết bị thất lạc, nay chỉ còn 3 bài: *Thị Ý* (Tổ ý), *Du Đông Đình Họa Nhị Khê Nguyên Vận* (Qua chơi Đông Đình, họa nguyên vận thơ của Nhị Khê), nguyên chép trong *Hoàng Việt Thi Tuyển* [14] và bài *Đề Hạng Vương Từ* (Đề đền Hạng Vương) [15], nguyên chép trong *Truyền Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ.

21. *Nhị Khê Thi Tập* của Nguyễn Phi Khanh (1355-1428), đã thất lạc, chỉ còn được 77 bài thơ chép trong các tập thi tuyển ở thế kỷ thứ 15, sau được Lê Quý Đôn (1726- 1784) thu nhặt đưa vào tập *Toàn Việt Thi Lục*. Sang thế kỷ 19, Dương Bá Cung (1794- 1848) sưu tầm thêm hai bài văn, cộng với 77 bài thơ có sẵn, lập thành quyển *Nguyễn Phi Khanh Thi Văn Tập*, tức là quyển 2 trong bộ *Ức Trai Di Tập* (gồm 7 quyển), xuất bản 1868.

KHUYNH HƯỚNG THI CA RA ĐỜI

Qua 21 tập thơ thời Trần ngày nay còn biết được, Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, cho là có giá trị nghệ thuật, có tập đầy phong vị thơ Đường, có tập sánh bằng thời thịnh Đường, có tập hơn hẳn thời Nguyên. Thật vậy, một thời kỳ mà nghệ thuật thơ văn đã hoàn chỉnh, nội dung đã phong phú, số lượng đã dồi dào thì các khuynh hướng thơ cũng bắt đầu hình thành, có thể chia ra các nhóm sau đây:

1 - Loại thơ cao siêu:

Lối thơ này rất thịnh hành trong thời nhà Lý, nặng màu triết lý của nhà Phật. Sang đời Trần, phong vị thiền trở nên nhẹ nhàng, pha lẫn cái phiêu dật và chút hơi hướm của nhà nghệ sĩ. Đội ngũ của nhóm thơ này rất đông, như Thiền sư Huyền Quang (Lý Đạo Tái), Chu Văn An, các Vua Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông. Tiêu biểu nhất là sư Huyền Quang, qua bài *Địa Lô Tức Sự* (Trước bếp lò tức cảnh).

*Ôi dư cốt đốt độc hoàng hương
Khẩu đáp sơn đồng vấn đoán chương
Thủ bả xuy thương hoà độc đạc
Tùng giao nhân tiểu lão tăng mang.*

Nguyễn Lang dịch:

*Củi hết, lò còn vương khói nhẹ
Sơn đồng hỏi nghĩa một chương kinh
Tay cầm dùi mõ, tay nâng sáo
Thiền hạ cười ta, cứ mặc tình.*

(*Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*)

2 - Loại thơ cảm khái:

Thi ca mang tính chất thời đại, tiêu biểu có Trần Nguyên Đán và Trương Hán Siêu. Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, nhận xét chất thơ cảm khái thời thế của Trần Nguyên Đán như sau: “Thân tuy về ẩn nhưng lòng không quên việc nước”. Chẳng hạn như bài *Dạ Qui Chu Trung Tác*, Trần Nguyên Đán làm thơ trên thuyền trong đêm trở về kinh đô sau khi quân triều đình đã dẹp xong loạn Dương Nhật Lễ:

*Vạn quốc dân sinh phí đỉnh ngư,
Sóc Yên, đông Biện [16] dĩ khâu khu
Qui chu vị ổn giang hồ mộng,
Phân thủ ngư đăng chiếu cổ thư.*

Đình Văn Cháp dịch (*Nam Phong Tạp Chí*, 1927)

Dân bị lầm than mấy triệu thừa,

*Yên tan, Biện nát đã bao giờ.
Giang hồ chiếc gổi chưa yên giấc,
Mượn lửa thuyền chài đọc sách xưa.
(Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam)*

3 - Loại thơ hùng tráng:

Nhóm thơ này bao gồm các tướng tá của nhà Trần như Phạm Ngũ Lão, Trần Quang Khải. Ngoài ra, còn có một số bài của các vua Nhân Tông, Nghệ Tông và quan Nhập nội Hành khiển Phạm Sư Mạnh. Tiêu biểu có bài *Thuật Hoài* của Phạm Ngũ Lão:

*Hoành sóc giang san cáp kỷ thu,
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu [17].
(Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)*

Việt Thao dịch:

*Xông giáo, non sông đã mấy thu
Ba quân dũng mãnh nuốt sao Ngâu [18].
Công danh chưa vẹn, trai còn nợ
Hổ thẹn, nghe ai nhắc Vũ Hầu.*

4 - Loại thơ vịnh sử:

Lối thơ này mới xuất hiện nên còn ít, chỉ thấy vài bài của Vua Anh Tông vịnh các nhân vật lịch sử Tàu như bài *Vịnh Hán Cao Tổ, Vịnh Hán Văn Đế, Vịnh Hán Vũ Đế, Vịnh Đường Túc Tông...* Về sau, lối vịnh sử đã thấy những nhân vật Việt xen trong các nhân vật Tàu như bài của Vua Dụ Tông (1341-1369) so sánh Vua Trần Thái Tông của nước ta với Vua Đường Thái Tông của Tàu. Tiến lên một bước nữa, đến đời Hồ có Trần Lâu với những bài vịnh sử Việt Nam, như bài *Hai Bà Trưng* khi tác giả đi ngang qua Phong

Khê, lúc qua cửa Hàm Tử tác giả cũng có bài *Quá Hàm Tử Quan* [19] như sau:

*Thuyết trước sa trường cảm khái đa,
Nhi kim Hàm Tử mạn kinh qua.
Cổ chinh hùng dũng triều thanh cấp,
Kỳ bãi sâm si trúc ảnh tà.
Vương đạo hồi xuân nông cổ thụ,
Hồ quân bão hận thấu hàn ba.
Toa Đô thụ thủ tri hà xứ,
Thủy lục sơn thanh nhập vọng xa.
(Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam)*

Việt Thao dịch:

*Từng nghe chiến trận ở nơi đây,
Giờ mới đi qua Hàm Tử này.
Tiếng súng dập dồn chiêng trống đổ,
Bóng tre nghiêng ngả quạt cờ bay.
Tốt tươi vương đạo thêm xuân thấm.
Ám ức Hồ quân dưới sóng dày.
Nào chỗ Toa Đô đầu hấn rụng?
Non xanh nước biếc ngút ngàn thay.*

5 - Loại thơ sử trình:

Trên đường đi sứ đến kinh đô Trung quốc, các sứ giả của ta khi đi ngang qua những địa danh nổi tiếng của Tàu thường làm thơ vịnh cảnh. Phạm Sư Mạnh tuy thuộc nhóm thơ hùng tráng, nhưng cũng có vài bài thuộc loại này. Tiêu biểu nhất là Thượng thư Nguyễn Trung Ngạn (đời Trần Anh Tông) nay còn hơn 80 bài trong quyển *Giới Hiền Thi Tập*, phần lớn là loại sử trình, chẳng hạn như bài *Ung Châu* [20].

*Hào kiệt tiêu ma hận vị hư,
Đại giang y cật thủy đông lưu.
Quảng Tây hình thắng vô đa cảnh,
Lĩnh ngoại [21] phồn hoa độc thử châu.
Cổ lũy tình kỳ thê lạc chiếu,*

*Không sơn cổ giác tống thâm thu.
Tồng quân lão thú tăng kinh chiến,
Thuyết đảo nam chinh các tự sầu.*

Đình Gia Khánh dịch:

*Hào kiệt qua đời hận chữa nguôi,
Sông kia như cũ hướng đông xuôi.
Quảng Tây cảnh đẹp, nào đâu lắm,
Lĩnh ngoại phần hoa, ấy đấy thôi.
Luỹ cũ, tình kỳ vin bóng rớt,
Núi trơ, kèn trống tiễn thu rồi.
Lính già đã nếm mùi chinh chiến,
Nói tới Nam chinh luống ngậm ngùi.
(Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam)*

6 - Loại thơ thù phụng:

Loại này bao gồm những bài xưng họa, có tính cách ngoại giao, giữa vua quan nước ta với các sứ Tàu và ngược lại. Chẳng hạn bài của Vua Trần Thái Tông đưa sứ Tàu là Trương Hiếu Khanh và Trương Lượng. Vua Trần Minh Tông đưa sứ Tán Chỉ Ngọa và Triệu Tử Kỳ. Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải tiễn sứ Sài Trang Khanh. Quan Nhập nội Hành khiển Phạm Sư Mạnh tiễn sứ Dư Quý... Ngoài ra, trong việc giao tiếp giữa vua tôi, giữa các quan, bè bạn, lối thơ này vẫn đặc dụng. Tiêu biểu có bài *Tống Phạm Công Sư Mạnh Bắc Sứ* (Tiễn ông Phạm Sư Mạnh đi sứ Trung quốc) của Thượng thư Lê Quát (đời Trần Minh Tông):

*Dịch lộ tam thiên quân cứ an,
Hải môn thập nhị, ngã hoàn sơn.
Triều trung sứ giả, thiên biên khách,
Quân đặc công danh, ngã đặc nhân.
(Thơ Văn Lý Trần)*

Việt Thao dịch:

Đường ba nghìn dặm bắc trên yên

*Kẻ vượt trùng dương, trở lại ngàn
Sứ giả triều đình, người cuối chốn
Công danh bắc lãnh, tớ cầu nhân.*

7 - Loại thơ phúng điệp:

Lối thơ này cũng thấy ít bài trong số thi ca thời Trần, hiện nay còn giữ được. Chẳng hạn như bài *Văn Thượng Tướng Quốc Công Hưng Đạo Đại Vương* (viếng Thượng tướng Quốc công Hưng Đạo Đại Vương) của Bùi Tông Quán (đời Nhân Tông):

*Trường lạc liên thanh kính nhất chùy
Thu phong tan tác bất thăng bi.
Cửu trùng minh giám kim vong lữ,
Vạn lý trường thành thực hoại chi!
Vũ ám trường giang không lệ huyệt,
Vân đê phục lĩnh toả sầu mi!
Ngưỡng quan khuê tảo từ phi dật,
Ngư thủy tình thâm kiến vịnh thi.*

Vân Trình dịch:

*Trường lạc liên hồi chuông báo tang,
Gió thu thêm gợi mối buồn thương.
Chín trùng gươm sáng đâu còn nữa,
Muôn dặm thành dài ai phá ngang?
Sông lớn mưa trùm lệ máu rỏ,
Núi cao mây toả mí sầu vương.
Kính xem văn khố lời chân thực,
Cá nước tình thâm thơ mấy hàng.*

(Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam)

8 - Loại thơ nhàn tản:

Nổi bật nhóm này có Trần Quang Triều và Nguyễn Xưởng trong Thi Xã Am Bích Động (Quỳnh Lâm). Nhóm thơ nhàn tản còn có Mạc Đĩnh Chi (1272-1346) với bài *Văn Cảnh* (Cảnh chiều), Phạm Tông Mại có bài *Đi Sứ Tàu Ngẫu Tác*, Trần Quốc Tảng (1252-

1313) với bài *Tĩnh Bang Cảnh Vật* (Cảnh vật đất Tĩnh Bang), Trần Quốc Toại (1254-1277) có quyển *Sâm Lôu Tập* đã thất lạc chỉ còn truyền lại đôi câu, Tự Lạc tiên sinh... Dưới đây là bài *Thôn Cư* (Ở làng) của Nguyễn Sưởng, tiêu biểu cho loại thơ nhàn tản:

*Thông thông xuân dĩ hạ.
Thụ đế diểu danh mang.
Thiên nguyệt di hoa ảnh,
Song phong tá trúc lương.
Vi kỳ nhàn đắc địa
Đối tửu tuý vi hương.
Hoán xuất Hoa Tư quốc [22],
Lân kê cách đoản trường.*

Nguyễn Đồng Chi dịch:

*Hè duỗi xuân dĩ vội,
Gốc cây chim hót vang,
Bóng rèm hoa đối chỗ,
Gió cửa trúc đưa sang.
Cờ đánh vui hơn nước;
Rượu say giộng bác làng.
Nước Hoa Tư đâu thấy,
Gà gáy cách bên tường.
(Việt Nam Cổ Văn Học Sử)*

9 - Loại thơ hoài cổ:

Tiêu biểu cho nhóm thơ này có Phạm Sư Mạnh. Ông là lớp người trí thức đã đem hết tài trí và sức lực của đời mình cống hiến cho triều đại và đất nước. Nhưng cơ nghiệp nhà Trần phải có cuộc đời của nó, khi đã đạt đến đỉnh thì ắt phải đi xuống và ông là nhân chứng của thời cuộc. Vì vậy, thơ ông sáng tác trong quãng cuối đời là những chuỗi dài nuôi tiếc về một quá khứ vàng son của triều đại, đó là loạt bài như *Sơn Hành* (Đi trên núi), *Đông Sơn Tự Hồ Thượng Lôu* (Lầu trên hồ

chùa Đông Sơn), *Chu Trung Túc Sự* (Trong thuyền làm thơ tức sự), *Quá An Phủ Nguyễn Sĩ Cố Phần* (Qua mộ An phủ Nguyễn Sĩ Cố)... Ông bị ám ảnh về một định mệnh khó cưỡng lại được, nỗi buồn vương vít trong thơ được phơi bày qua bài *Đăng Thiên Kỳ Sơn Lưu Đề* (Lên núi Thiên Kỳ đề thơ lưu lại), một ngọn núi ở huyện Đông Triều:

*Phong hiên thủy hạm [23] thương dài cổ
Trúc kính hoa khê cảm thạch ban.
Tầng thị tiên hoàng du lãm xứ,
Xuân lai sầu tứ tối tương quan.*

(*Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*)

Việt Thao dịch:

*Phong hiên, thủy hạm phủ rêu xanh
Cảm thạch đường, khe lóm đóm vành
Vua trước, nơi đây thường dạo đến
Xuân về cảnh ấy nỗi buồn quanh.*

10 - Loại thơ trào phúng:

Vào thời Trần Thánh Tông, Nhân Tông và Anh Tông có Nguyễn Sĩ Cố (? - 1312) khởi đầu cho dòng thơ trào phúng của nước ta. Tiểu sử Nguyễn Sĩ Cố, không rõ, có điều chắc chắn ông là người nổi tiếng về học vấn uyên bác và giỏi quốc âm, lại sở trường thơ trào phúng. Năm 1274, Trần Thánh Tông nghe tiếng, bèn triệu ông vào kinh trao chức Nội thị học sĩ để dạy hoàng tử, sau này là Trần Nhân Tông. Năm 1306, dưới đời Trần Anh Tông (1293- 1314), ông được thăng chức Thiên Chương các Học sĩ, sau bổ làm An phủ sứ. Năm 1312, ông theo vua đi đánh Chiêm Thành và chết ở dọc đường. Thơ ông, hiện nay chỉ còn 2 bài thất ngôn tứ tuyệt, được Lê Quý Đôn sưu tầm chép vào *Hoàng Việt Thi Lục*. Đó là bài *Tùng Giá Tây Chinh Yết Tản*

Viên Từ (Theo vua đi đánh phía Tây yết đền Tản Viên) và dưới đây là bài *Tùng Giá Tây Chinh Yết Uy Hiển Vương Từ* (Theo vua đi đánh phía Tây yết đền Uy Hiển Vương).

Ngự qui phù ấn quải yêu gian

Tư sự sát câu phó tướng quan.

Bạc liệt thư sinh vô vọng xứ

Chỉ lai từ hạ khát bình an.

Nguyễn Đồng Chi dịch:

Bên lưng đeo ấn ngự qui,

Bình nhung phó thác nhờ vì tướng quan.

Tớ đây vẫn đũa uơu hèn,

Bình an đôi chữ dưới đèn cửi xin.

(*Việt Nam Cổ Văn Học Sử*)

Khoảng cuối nhà Trần, đầu Hồ có thêm cây bút trào phúng nổi tiếng nữa là Nguyễn Công Phụ. Ông người tỉnh Hưng Yên, làm quan đến chức Tham tri Bộ Hình, chuyên làm thơ trào phúng thời thế, đến nỗi Hồ Quý Ly ra lệnh bức tử để khỏi bị châm chọc qua thơ văn. Thơ ông, bị thất lạc, nay chỉ còn hai câu thơ trào phúng chua chát, làm ra khi sắp chết.

Kham ta Vương Mãng khiêm cung nhật

Thâm thán Đường Huyền ủy chính niên.

Nguyễn Lợi dịch:

Than thay! anh Mãng khi vòng cánh,

Nông nổi vua Đường lúc bó tay.

(*Việt Nam Cổ Văn Học Sử*)

THÀNH LẬP THI XÃ

Lần đầu tiên trong nền Văn học Việt Nam có một hội thơ ra đời. Người sáng lập hội thơ là Trần Quang Triều (1287-1325) hiệu là Cúc Đường, biệt hiệu là Vô Sơn Ông, nguyên quán ở làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định. Ông là con

trai trưởng của Trần Quốc Tảng, cháu nội của Trần Quốc Tuấn và anh vợ của Vua Trần Anh Tông. Ông được phong tước Văn Huệ Vương, làm quan đến chức Nhập nội Kiểm hiệu Tư đồ. Nhưng rồi, ông chán ngán việc đời, về ở ẩn am Bích Động, gần chùa Quỳnh Lâm, đất Quỳnh Long. Nơi đây, Ông thành lập Thi Xã Bích Động, cùng xướng hoạ với các hội viên như: Nguyễn Xưởng, hiệu là Thích Liêu; Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370), tự là Bang Trực, hiệu Giới Hiên; Nguyễn Úc hiệu là Giản Trai; và Tự Lạc tiên sinh...

Theo sử, dưới thời Minh thuộc, bao nhiêu sách vở và tài liệu của nước ta, do các nhân tài của hai triều Lý Trần biên soạn và sáng tác, đều bị Trương Phụ và Mộc Thạch tịch thu, đem về Kim Lăng (Jin Ling) tiêu hủy, nhằm xoá sạch nền văn học nước Nam. Bởi thế, không còn thấy tài liệu nào ghi đầy đủ các thành viên trong Thi Xã Bích Động. Và nay, chỉ còn lưu lại một ít bài trong các tuyển tập thời Lê sơ như *Việt Âm Thi Tập* và thời Lê Trung Hưng như *Toàn Việt Thi Lục*. Tuy với số lượng còn lại quá ít ỏi, cũng tạm cho thấy Thi Xã Bích Động, là tiếng thơ của những người, tuy còn đứng ở bên này đỉnh dốc của triều đại, nhưng đã thấy được cái tàn tạ, phải đến và sắp đến, ở bên kia bờ dốc. Khiến họ chán ngán chính sự, muốn thoát ly thế tục, không phải để chú tâm tu hành, đi vào siêu thoát, mà để tìm về cái thanh thoi, cuộc sống ẩn dật Lão Trang.

(Còn tiếp)

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

(San Jose)

QUA LAM SƠN

Mười năm binh lửa áo bào phai
Cỏ sắc dâu xanh tiếp bãi dài
Muôn dặm núi non, con nước lũ
Ngàn trùng sóng gió, xó tre gai
Vương tôn đế nghiệp tro tàn miếu
Du khách giai nhân lãng gót hài
Trước chác bên sông cờ đỏ rõ
Giờ trông thấy đố chiếc thuyền ai

HÀ THƯỢNG NHÂN

(California)

Họa

BÌNH NGÔ

Bình Ngô Đại Cáo mực chưa phai
 Gian khổ mười năm há chẳng dài
 Khôi Huyện tàn quân..., khi nếm mật.
 Lam Sơn chướng khí..., lúc nằm gai
 Biên thù gió thét tan thân giặc
 Lãng miếu rêu in thoảng dấu hài
 Vó ngựa chập chùng lên ải Bắc
 Tai còn nghe vắng Khúc Nam Ai

HỒ CÔNG TÂM

(Texas)

Họa

“QUA LAM SƠN”

Dấu cũ ngàn sau chẳng nhạt phai
Can qua binh lửa mười năm dài
Trống dồn đuổi giặc xa bờ cõi
Chiêng dội an bang sạch chướng gai
Biên trấn tung bay cờ đại nghĩa
Làng thôn vang vọng khúc hòa hài
Mà nay gió lộng trời Quan ải!
Bóng đỏ bờ nào, biết hỏi ai!

HẠ THÁI

TRẦN QUỐC PHIỆT

TIẾNG ĐÀN THÚY-KIỀU

GS. Phạm Thị Nhung

Kỳ 1

Trong tác phẩm *Đoạn-Trường Tân-Thanh* của Nguyễn Du, Thúy-Kiều, con gái đầu lòng của ông bà Vương Viên-Ngoại, không chỉ là một giai-nhân « quốc-sắc », với tâm hồng-nhan tươi-thắm, kiều-mị, đến hoa phải « ghen », liễu phải « hờn » :

Làn thu-thủy nét xuân-sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Nàng còn là một phụ-nữ thông-minh, tài-hoa:

Thông-minh vốn sẵn tính trời

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

Đặc-biệt có ngón đàn tuyệt-diệu :

«*Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm một trương*»

với: «*Một Thiên Bạc-Mệnh*» lại càng nã nhân».

Nguyễn Du (ND) đã coi tiếng đàn của Thúy-Kiều như mệnh của nàng. Thế nên, mỗi biến-cổ trong đời Kiều là một lần tiếng đàn ấy lại thay xoang đổi điệu, để nói lên cảnh-ngộ, cùng diễn-tả tâm-trạng, tình-cảm của người con gái tài-hoa bạc-phận này. Phải chăng ND đã lấy 4 chữ *Đoạn-Trường Tân-Thanh* (ĐTTT) làm tựa đề cho tác-phẩm của ông là có ngụ-ý ấy, thay vì Kim Vân Kiều Truyện (KVKT), như nguyên-tác chữ Hán của Thanh-Tâm Tài-Tử (TTTT), viết từ cuối đời nhà Minh (thế-kỷ 18) bên Trung-Quốc.

Mặc dù KVKT của TTTT chỉ là một cuốn tiểu-thuyết văn xuôi, viết theo lối

chương-hồi (20 hồi), trần-thuật, kết-cấu lỏng-lẻo, tâm-lý nhân-vật nông-cạn ; nói chung là tầm-thường đến người Trung-quốc cũng ít ai biết tới. Nhưng ND, vào đầu đời Nguyễn, đọc được cuốn này, ông đã nhìn thấy nổi đoạn-trường của nhân-vật Thúy-Kiều trong cái xã-hội nhà Minh thuở ấy, chẳng khác nào nổi đoạn-trường ông đang đòi-đoạn cho chính thân-phận mình, cũng như cho bao kiếp người đã bị vùi-dập trong cảnh bế-dâu thời Lê mạt Nguyễn sơ (cuối thế-kỷ 18, đầu thế kỷ 19) ở nước ta: loạn-lạc, tàn-bạo, bất-công, sa-đọa mà ông từng trải qua :

Trải qua một cuộc bế-dâu

Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng.

Bởi thế, ND muốn mượn cốt truyện kia như một cái khung thích-hợp, để từ đó ông có thể đem cái tài văn-chương trác-tuyệt , cái học-vấn uyên-thâm, cái từng-trải việc đời cùng nỗi lòng khắc-khoải về thế-sự nhân-sinh, và cả cái mộng anh-hùng áp-ủ từ bao lâu nay, là làm sao cải-thiện được xã-hội, đem lại công-bằng và cuộc sống an-vui, hạnh-phúc đến cho muôn dân ; mà viết nên ĐTTT, gọi nôm-na là truyện Kiều, một tác-phẩm văn-chương quốc-âm, ghi lại bằng chữ nôm, dài 3254 câu thơ lục bát, một thể thơ thuần-túy dân-tộc.

Cốt truyện tuy vẫn giữ đúng như nguyên-tác, nhưng nhờ vào thiên-tài, ND sau khi cải-biên nhiều chi-tiết về hình-thức, đặc-biệt về nội-dung (như : Giảm-thiểu tới đa những chi-tiết tàn-bạo, bất-công cùng những gì gọi là thô-bỉ, dâm-đăng trần-ngập trong nguyên-tác ; và ND đã thay vào đó bằng sự khai-triển đời sống tình-cảm của

các nhân-vật, như tình yêu gia-đình, lòng thương nhớ quê-hương, lòng nhân-ái, độ-lượng cùng tinh-thần đạo-nghĩa đầy nhân-bản tính của con người...). ĐTTT lập-tức được thay hồn, đổi xác, trở thành một kiệt-tác-phẩm văn-hóa của nước nhà, một áng văn-chương bất-hủ của dân-tộc.

Riêng nói về những tiếng đàn chính của nhân-vật Thúc-Kiều trong Trong ĐTTT, thì những tiếng đàn tuyệt-diệu ấy đã được gảy 4 lần, đánh dấu 4 mốc quan-trọng trong tấn bi-kịch đoạn-trường của đời nàng: Đó là :

Lần đầu Thúy-Kiều đàn cho Kim Trọng thương-thức khi mới bước vào cuộc tình.

Lần hai Kiều đàn trong vai con hầu giúp vui tiệc rượu cho Thúc-sinh (chồng nàng) và Hoạn-Thư (cô vợ cả ghen-tuông thâm-hiểm của chàng).

Lần ba Kiều hầu đàn Tổng-đốc Hồ Tôn-Hiến, kẻ vừa giết Từ Hải, người chồng anh-hùng, tình-nghĩa của nàng.

Và lần chót, khi Kiều vừa được tái-hồi Kim Trọng.

Sau đây chúng ta hãy phân-tích 4 tiếng đàn đặc-biệt này của Thúy-Kiều để tìm hiểu những nỗi đoạn-trường của người phụ-nữ tài-hoa bạc-phận này, đồng thời cũng để hiểu rõ hơn về thiên-tài của ND trong kiệt-tác-phẩm ĐTTT của ông.

1- LẦN ĐẦU THÚY-KIỀU ĐÀN CHO KIM-TRỌNG THƯƠNG-THỨC (Tiếng đàn dự-báo cuộc đời phong-trần của Thúy-Kiều) (cc. 471-492)

Nhân Hội Đạp-Thanh, Thúy-Kiều cùng hai em là Thúy-Vân và Vương Quan đi du xuân. Trên đường về, Kiều trông thấy ngôi mộ hoang thì động lòng trắc-ấn; được Vương Quan cho biết, đây là ngôi mộ

Đạm-Tiên, một ca-nhi tài sắc chết giữa tuổi hoa-niên. Kiều vô cùng xúc-động, làm thơ viếng mộ; nàng chẳng những thương cho Đạm-Tiên mà còn lo cho hậu-vận « *Thấy người nằm đó biết sau thế nào?* ».

Trước khi rời gót, Kiều gặp Kim Trọng, một văn-nhân tuấn-tú, hào-hoa phong-nhã. Trai « *thiên-tài* » gái « *quốc-sắc* » gặp nhau, tiếng sét ái-tình đã xảy ra làm cho đôi bên cùng chuyễn-choáng, đê-mê « *Chấp-chờn con tình, con mê* ».

Đêm hôm ấy về nhà, Kiều đã tơ-tưởng ngay tới chàng Kim. Nhưng những mộng-mơ yêu-đương vẫn không trấn-áp nổi nỗi khắc-khoải lo-âu cho số-kiếp hồng-nhan, tài-hoa bạc-phận của mình, do câu chuyện về cuộc đời Đạm-Tiên gợi ra; đến nỗi nàng nằm mê thấy Đạm-Tiên hiện về báo cho hay, nàng có tên trong sổ đoạn-trường. Từ đó Kiều mới mang nặng hội-chứng đoạn-trường.

Còn Kim Trọng từ ngày gặp Kiều trở về thì ôm mối tương-tư; chàng bèn lấy cố du-học, tìm thuê căn phòng ngay sau nhà Kiều, để được « *Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông* ».

Nhờ bắt được kim-thoa, đôi bên tái-ngộ. Nhân dịp cha mẹ và hai em đi dự Lễ sinh-nhật bên ngoài, Kiều liền sang chơi nhà Kim Trọng rồi thề-nguyên gắn-bó. Đêm ấy, Kiều đã ở lại tới khuya tình-tự với người yêu « *Đủ điều trung-khúc ân-cần / Lòng xuân phơi-phối, chén xuân tàng-tàng* », và nàng đã có dịp gảy đàn cho chàng thương-thức.

Đoạn tả tiếng đàn lần đầu của Thúy-Kiều đã được ND trình-bày trong 22 câu thơ (cc. 471- 492).

Trước hết, ND giới-thiệu nội-dung tiếng đàn (cc.471- 480)

Sau khi so dây, thử tiếng:

So dần dây vũ, dây văn

Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.

Kiều bắt đầu đàn :

Khúc đầu Hán Sở chiến-trường

Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.

Nét nhạc mở đầu mang đầy khí-vị trầm-hùng, với những tiếng đàn vừa mạnh-mẽ vừa dòn-dập, huyền-náo như có hàng ngàn, hàng vạn tiếng chân binh-sĩ rầm-rập ngoài chiến-trường, với đủ loại khí-giới xô-xát vang lên... tiếng sắt (tiếng đục, trầm) tiếng vàng (tiếng trong, cao) chen nhau hỗn-loạn... Kim Trọng có cảm- tưởng như đang nghe Kiều gảy khúc Hán Sở Chiến-Trường, tả cuộc giao tranh giữa quân Hán (Luu-Bang) với quân Sở (Hạng-Võ) đang hồi khóc-liệt.

Khúc đầu Tư-Mã Phụng Cầu

Nghe ra như oán, như sầu phải chăng?

Sau đó, nét nhạc ngả sang tình buồn với những tiếng đàn dịu-nhẹ, nghe rừ-rì, lâm-ly... Kim Trọng tưởng chừng như nghe khúc Phụng-Cầu-Hoàng của Tư-Mã Tương-Như, đang ti-tê như oán, như than để quyên-rũ Trác Văn-Quân. Người góa-phụ trẻ đẹp, giàu-có này đã bị tiếng đàn của chàng Tương-Như mê-hoặc, bỏ nhà trốn theo chàng.

Kê-Khang này khúc Quảng-lãng

Một rằng lưu-thủy, hai rằng hành-vân.

Tiếp theo, nét nhạc trở nên vui-tươi thanh-thoát, với những tiếng đàn nhẹ-nhàng, lưu-loát như nước chảy (lưu thủy), mây bay (hành vân) ; Kim Trọng có cảm-tưởng như đang nghe đoạn nhạc vui trong khúc Quảng-Lãng-Tản của Kê-Khang.

Quả quan này khúc Chiêu-Quân

Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.

Kết-thúc bản đàn, nét nhạc buồn thương, nghẹn-ngào với những tiếng đàn trầm xuống, và kéo dài như vấn-vương, như lưu-luyến... Kim Trọng tưởng đâu đang nghe khúc Chiêu-Quân-Oán. Nàng Chiêu-Quân phải đi cống Hồ, lúc qua ái-quan biệt Hán sang đất Hung-Nô, nàng ngồi trên lưng ngựa, gảy đàn tỳ-bà khúc biệt-ly, tỏ tình thương chúa, nhớ nhà. Tiếng đàn mới ảo-não làm sao !

8 câu thơ tả ý đàn vui buồn, mừng lo chen-lấn, đang làm dao-động mãnh-liệt tâm-tư Thúy-Kiều ở đây là do ND sáng-tác thêm vào, không có trong KVKT, nguyên-tác Hán-văn của TTTT.

Kế tiếp, ND bàn về nhạc-tính chung của tiếng đàn (cc.481-484)

2 câu trên bàn về âm-sắc tiếng đàn :

Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như nước suối mới sa nửa vời.

Âm-thanh tiếng đàn « trong » tức tiếng nhạc tinh-khiết, rõ-ràng, không gọn chút tạp-âm ; chẳng khác nào tiếng hạc lãnh-lót vừa trong-trẻo, vừa ngân vang từ trên không-trung vọng xuống. Từ «*trong*» đi liền với hình-ảnh « hạc bay », còn diễn-tả tiếng đàn vừa trong vừa cao-vút. Trong, cao-vút là nói đến thánh-giác ; tuy nhiên ND cho thấy, tai ta nghe âm-thanh tiếng đàn mà đồng thời mắt ta còn thấy được tiếng đàn ấy qua hình-ảnh cánh hạc trắng-phau đang bay cao ngang bầu trời.

Âm-thanh có lúc lại « *đục* ». Nói âm-thanh đục là nói đến tiếng trầm. Câu « *Đục như nước suối mới sa nửa vời* » cũng vậy, tai ta nghe tiếng trầm, thật trầm của dây đàn, mà tưởng như nghe tiếng âm-ì, nặng-nặng của luồng nước suối đang rơi giữa lưng-chùng thác, trước khi đổ xuống mặt đất. Như thế, tai ta vừa nghe âm-thanh, mắt ta

lại vừa trông thấy hình-ảnh luồng nước trắng-xóa, tức trắng đục (không trong suốt) của âm-thanh đó nữa.

2 câu sau bàn về tiết-điệu bản đàn :

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài

Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.

Ngoài âm-sắc, nhạc-tính của bản đàn còn phải kể tới tiết-điệu, tức ở nhịp khoan, nhịp nhặt, «*khoan*» là thông-thả, tiếng này cách tiếng kia một tiết-tấu. Nhịp khoan thường đi đôi với những âm-thanh lướt nhẹ, kéo dài như tiếng «*gió thoảng ngoài*»... ; «*mau*» nói về nhịp nhặt, là những nhịp-điệu dồn-dập như tiếng mưa «*sầm-sập*», tức tiếng mưa lớn, nước mưa đổ xuống ò-ạt, tới-tấp.

Đoạn cuối, đề đề-cao biệt-tài về âm-nhạc của Thúy-Kiều qua tiếng đàn lần đầu này, ND nói về hiệu-lực tác-động trực-tiếp của tiếng đàn vào ngọn đèn và Kim Trọng (cc.489-492)

Ngọn đèn khi tỏ, khi mờ

Khiến người ngồi đó cũng ngơ-ngẩn sầu.

Khi tựa gối, khi cúi đầu

Khi vò chín khúc, khi trau đôi mày.

«*Tỏ*» là sáng rõ lên khi tiếng đàn mạnh và dồn-dập ; «*mờ*» là ánh sáng tối lại khi tiếng đàn giảm nhẹ âm-thanh và tốc-độ ; vậy ngọn đèn «*khi tỏ, khi mờ*» là bởi nó bị cường-độ và tần-số âm-thanh của tiếng đàn chi-phối.

Nhưng hình-ảnh ánh sáng lung-linh chập-chờn khi tỏ khi mờ của ngọn đèn giữa đêm khuya, lại tạo được cho người đang thương-thức âm-nhạc cái cảm-tưởng tiếng đàn ấy có sức mạnh lôi-cuốn gần như ma-quái. Chính cái cảm-tưởng này đã ảnh-hưởng vào tâm-trạng Kim Trọng, khiến chàng càng bị tiếng đàn réo-rất trăm bông của Thúy-Kiều lôi-cuốn thêm, đến «*ngơ-*

ngẩn sầu» và không sao cưỡng lại được: «*Khi tựa gối, khi cúi đầu, Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày*». Nói khác đi, qua cử-chỉ biểu-lộ tâm-trạng khi thơ-thới, khi bút-rút, khi sầm-não khi quẩn-quai của Kim Trọng là do bị tiếng đàn của Kiều chi-phối hoàn-toàn.

Khi tiếng đàn vừa chấm-dứt, Kim Trọng phải công-nhận ngay:

Rằng: Hay thì thật là hay

Nhưng:

Nghe ra ngậm đắng, nuốt cay thế nào.

Nên chàng đã phải năn-nỉ Kiều, từ nay đừng gây những khúc đàn buồn não-nuột, ân-tàng nhiều nỗi bất-bình «*ngậm đắng, nuốt cay*» như thế nữa ; vừa làm khổ lòng mình vừa làm đau lòng người:

So chi những khúc tiêu-tao

Đột lòng mình cũng nao-nao lòng người.

Nhận-xét

Chúng ta cũng nên biết:

1. Bốn câu thơ tả nhạc-tính tiếng đàn của Thúy-Kiều như vừa được giới-thiệu ở trên, không phải ND dịch từ bản gốc KVKT chữ Hán của TTTT, mà ND lấy chất-liệu từ bài Cầm, trong cổ-thi:

Sơ nghi tấp tấp lương phong động

Hựu tự tiêu tiêu mộ vũ linh

Cận nhược lưu tuyền lai bích chương

Viễn như huyền hạc hạ thanh minh.

(Nghĩa là, mới nghe tưởng cơn gió mát thảo-thảo thổi. Lại nghe rộn-rã tựa trận mưa chiều. Tiếng gần nghe như tiếng suối nước dội từ vách đá xuống. Tiếng xa nghe tựa tiếng hạc từ trên cao vọng lại).

Vậy là tiếng đàn đã được tả theo quan-điểm của Nhạc-ký, phỏng thanh của thiên-nhiên để tả tiếng đàn.

Cái hay của ND là ông không dịch đúng theo từng chữ, từng nghĩa, từng câu thơ trong nguyên-tác, mà ông đã đảo ngược thứ-tự các câu thơ, đoạn thêm vào mỗi câu một thuật-ngữ về âm-nhạc, như « trong », « đục », « khoan », « mau » một cách chính-xác, tinh-tế ; làm cho tiếng đàn như vừa được « điểm nhãn », bỗng trở nên có hồn, rõ-ràng, khúc-triết hẳn lên. Có thể nói, thơ tả tiếng đàn của ND đã vượt xa cái thô-sơ của chất-liệu ban đầu mà vươn lên một nghệ-thuật tinh-xảo.

2. Lý thú hơn nữa, Nguyễn Du ngoài sự mượn thanh của thiên-nhiên để tả tiếng đàn, ông còn dụng điển, mượn ý những bản đàn cổ như Hán Sở Chiến-Trường, Phụng-Cầu-Hoàng, Quảng-Lãng-Tán và Chiêu-Quân-Oán như đã được phân-tích ở trên, không ngoài mục-dịch giúp chúng ta, những độc-giả của ông, hiểu được những tình-cảm vui buồn, tâm-trạng mừng lo bất ổn của nàng Kiều buổi ấy.

Thật thế, nàng Kiều đang thời son-trẻ xuân-sắc, lại vừa bước vào một cuộc tình đẹp như mộng và đầy hứa-hẹn với chàng Kim Trọng, thì trong cái đêm hội-ngộ, được đối-diện với người tình, đối-diện với hạnh-phúc yêu-đương của đời mình, Kiều có cơ-hội được gảy đàn cho chàng thưởng-thức, tiếng đàn ấy đáng lẽ chỉ có một điệu nhạc vui-tươi, nhẹ-nhàng phơi-phới hay rộn-ràng, trong-trẻo ; biểu-lộ một tâm-trạng hớn-hở vui-mừng, tình ý hả-hê sung-sướng mới đúng. Đằng này tiếng đàn lại quá đổi huyền-náo, hỗn-tạp, khi thì khuya động rầm-rộ như có hàng ngàn hàng vạn tiếng chân hùng-binh ra trận cùng tiếng khí-giới xô-xát dữ-dội, khi lại nhẹ-nhàng thanh-thoát như nước chảy mây bay, khi lại ni-non than-oán, khi lại ảo-nã bi-ai .

Nhịp-diệu thì biến đổi liên-tiếp. Tại sao vậy ? Thưa rằng phải vậy mới diễn-tả hết được nỗi rối-bời đang diễn ra trong đời sống nội-tâm Kiều lúc ấy, đó là giữa hai trạng-thái tình-cảm cực-kỳ mâu-thuẫn : Hạnh-phúc hay khổ-đau ?

Giữa hai hướng đời cực-kỳ đối-choi: Nàng thực sự có tự-do, đã nắm bắt được hạnh-phúc thiên-đường trong tay hay đang đứng trên bờ vực thẳm của định-mệnh tàn-khốc, chỉ chờ- chực xô-đẩy nàng xuống địa-ngục của số-kiếp đoạn-trường?

Bởi thế, dù đang ngồi đàn cho người yêu thương-thức mà Kiều niềm vui nào có trọn, nỗi khắc-khoải về mệnh bạc do bóng ma Đạm-Tiên báo mộng, cũng như lời tiên-tri của người thầy tướng thuở nào:«*Nghìn thu bạc-mệnh một đời tài-hoà*», vẫn không buông-tha nàng.

Tâm-lý Kiều đang rối-bời như thế, tiếng đàn mới trở nên phức-tạp, đầy biến-động. Và cũng vì biết mình đang hạnh-phúc mà lo-sợ không giữ được hạnh-phúc (Bây giờ tỏ mặt đôi ta, Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao ?) khiến Kiều âm-ức, tiếng đàn mới có khuynh-hướng ngả nhiều về nỗi bi-thương, nghe ra « *Ngậm đắng nuốt cay* », đúng như Kim Trọng đã tinh-tế nhận ra.

Tóm lại, qua tiếng đàn lần đầu trình-tấu này với bao nhiêu biến-điệu kỳ-ảo, Thúy-Kiều hay chính ND đã chứng-tỏ được cái tài-hoà, cái vi-tế về tài âm-nhạc của mình.

Đồng thời, tiếng đàn ấy đã phản-ảnh tán bi-kịch đầu tiên về sự tranh-chấp giữa hạnh-phúc và khổ-đau đã thực-sự xuất-hiện trong đời sống tâm-lý của nàng Kiều, vì thế nó dự-báo:

- Cái « tài » cái « mệnh » rồi sẽ phân-tranh gay-gắt trong suốt cuộc đời Kiều.

(Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau !)

- Cuộc tình của Kiều với Kim Trọng sẽ tan-vỡ
-Đời Kiều rồi sẽ phải lưu-ly, gặp lắm nỗi đọa-trường éo-le.

Quả nhiên, sau lần hội-ngộ đó, Kim Trọng phải về gấp Liêu-Dương hộ tang chú, còn Kiều thì gặp cảnh gia-biến, phải bán mình lưu-lạc xứ người, chịu trăm cay nghìn đắng suốt 15 năm trường.

(1) Lần đàn thứ 1, Kiều hầu đàn Kim Trọng « Kiều nghiêng người đỡ lấy cây đàn. Vừa mới động dây đã bật ra những tiếng như tiếng hạc kêu vượn hót, bỗng chậm như gió nhẹ, bỗng nhanh như mưa đổ, âm-vận thê-thiết, thanh-luật du-dương,

như ai như oán, như khóc như than. Chàng Kim nghiêng tai lắng nghe, hoan-hỉ vô cùng ; lúc vén áo ngồi ngay-ngắn, lúc thì gật đầu tán-thưởng, lúc thì mặc-nhiên cảm-thán. Cho mãi tới khi đầu chuyển sao dờ, đồng hồ điểm canh ba, Thúy-Kiều mới ngừng tay báo cho biết là khúc đàn đã hết.» (Kim Vân Kiều Truyện (KVKT) nguyên-tác chữ Hán của Thanh Tâm Tài Tử (TTTT), Bản dịch của Tô-Nam Nguyễn Đình Diệm, Nha Văn-Hóa, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc Trách Văn-Hóa XB, Saigon 1971, tr.67)

(còn tiếp)

GS PHẠM THỊ NHUNG
(Paris)

Bác Sĩ

NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới
(Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York

- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia



CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM

Thứ Bảy: **10:00 AM - 2:00 PM**

Chủ Nhật: Theo hẹn

Nhận Medicaid, Medicare,
và các loại bảo hiểm.

Wilson Blvd. 7-CORNERS SHOPPING CENTER
DUNCLIFFE LEESBURG PIKE (RT. 7)

Arlington Blvd. Sleepy Hollow

CASTLE PLACE
6305 CASTLE PLACE SUITE 3D

CASTLE RD.

Sao Đêm Lung Linh

Nhạc & Lời : Vũ Đức Nghiêm

The musical score is written on ten staves in a treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a 4/4 time signature. The melody features several triplet markings (indicated by a '3' above a bracket) and repeat signs. The lyrics are written in Vietnamese below the notes.

Sao đêm lung linh như nước mắt người lính. Trong đêm băng
...thơ như nước mắt đợi chờ. Hương đêm như
trinh, sao chiều sáng một mình. Đêm dâng mừng lung, vắng nghe tiếng cên
mơ, thương nhớ thoáng vạt vờ. Sao đêm chơi với, ngàn sao sáng tuyệt
trùng, màn sương đêm mờ mờ, nhạc lính vương nhớ nhung. Sao đêm nên...
với, người xưa yêu thương...
ôi, lòng có nhớ chàng người? Người yêu, mắt như trời
sao, đắm say đạt dào dịu lành vào Ly Sao. Hồ
xưa, sao trời lấp lánh, ánh sao mong manh như linh tu vờ
tan. Sao đêm bơ vơ, đêm giá buốt mịt mờ, Sao đêm năm
xưa soi sáng lối hẹn hò. Sao ơi, sao ơi! ngày vui cũ qua
rời, nhìn sao bay chơi với gọi liếc nước xa vời.



PCE

presents

Special Thanksgiving Concert

A Tribute to

Song Writer

Vũ Đức Nghiêm

Music arrangement by Nguyễn Ngọc Châu

Concert sponsored by

Cỏ Thơm Foundation

Organizing Committee:

Nguyễn Ngọc Châu

Phan Anh Dũng

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Tâm Hào

Nguyễn Huy Long

Trương Anh Thụy

Sunday November 20th 2011 at 3pm

Location: Saint John's United Methodist Church
5312 Backlick Road, Springfield VA 22151

Cơ Sở Cỏ Thơm & PCE trân trọng kính mời quý vị yêu nhạc đến tham dự:
Chiều Nhạc Vũ Đức Nghiêm
Với sự có mặt đặc biệt: Tác giả của bản nhạc nổi tiếng "Gọi Người Yêu Dấu"
Chủ Nhật 20 tháng 11, 2011 lúc 3 pm
Nhà thờ St John Methodist Church
5312 Backlick Road, Springfield VA 22511
** Vào cửa miễn phí **

QUAN NIỆM VỀ THỜI GIAN QUA TỤC NGŨ, CA DAO

Trích trong “ Con đường văn hóa VN “ của

Nguyễn Văn Nhiệm

Theo tài liệu Wikipedia thì hiện tượng sấm khai nguyên không phải là vụ nổ trong một không gian có sẵn, mà là sự xuất hiện của vật chất, không gian và thời gian cùng chung với nhau từ một đơn biệt tính nguyên thủy (Der Urknall bezeichnet keine” Explosion “ in einem bestehenden Raum, sondern die gemeinsame Entstehung von Materie, Raum und Zeit aus einer ursprünglichen Singularität). Điều đó có nghĩa là thời gian, không gian và vật chất xuất hiện đồng thời.

Ý nghĩa của tiếng sấm khai nguyên đã được ca dao nhắc nhở bằng những cuộc vui mùa cờ, mùa trồng, mùa lân vào dịp xuân, là lúc Âm Dương giao hòa, dân chúng vui chơi với biết bao hy vọng vào ngày mùa sắp tới, đồng thời cũng để tưởng nhớ đến tiếng sấm sáng tạo thuở ban đầu:

“ *Mỗi năm vào dịp xuân sang
Em về Triều Khúc xem làng hội xuân.
Múa cờ, múa trồng, múa lân,
Nhớ ai trong hội có lần gọi em.”*

Trong ba ngày Tết, ngoài tiếng trồng mùa lân, tiếng pháo nổ cũng có ý nghĩa tương tự, hỗ trợ cho tiếng trồng:

“ *Vui gì bằng lễ nghinh ông,
Đèn hoa pháo nổ ngập song ánh trời.
Cuộc vui nhiều khách đến chơi,
Giàu nghèo hi há ăn chơi ba ngày.”*

Từ đó, không riêng ba ngày Tết, hội xuân, mà có lễ hội ăn mừng nào cũng có gióng trồng vang lừng:

“ *Làng ta mở hội ăn mừng,*

Chuông khua trống gióng vang lừng bốn bên.”

Đối với nhà nông, sấm chớp là hiện tượng thiên nhiên mang lại niềm tin và hy vọng:

“ *Lúa chiêm đừng nép đầu bờ,*

Hễ nghe tiếng sấm phát cờ mà lên.”

Lúa chiêm trồng vào mùa đông, đến đầu xuân ấm áp, có sấm chớp thì lúa bắt đầu trở mạnh.

Tục ngữ cũng nói:

“ *Sấm động gió tan* “

Do đó người bình dân hầu như không khiếp sợ Thần Sấm quá đáng, họ tin Thiên Lôi chỉ ra tay trừng phạt những kẻ gian ác như ở câu “ Sấm động gió tan “ (Gió là bão tố, cuồng phong dữ tợn).

Cho nên khi xuất trận tiêu diệt giặc cướp nước, chiến sĩ nghĩa quân thường gióng trống khua chiêng vừa làm hiệu lệnh thúc giục vừa nêu cao khí thế:

“ *Tiếng trống rống ngàn quân* “

Người ta cũng thường nói “ *giảng cho giặc cướp nước những đòn sấm sét* “. Như vậy, nếu tách riêng câu:” *Hãy nghe tiếng sấm phát cờ mà lên* “ cũng có thể hiểu theo hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất, nghe tiếng sấm lệnh thì hãy nổi dậy phát cờ khởi nghĩa tiêu diệt giặc với sự phù trợ của Thần Sấm. Nghĩa thứ hai cũng nằm trong ý phù trợ, làm cho lúa trở mạnh, đem lại ấm no cho muôn dân.

Con người là cái Đức của Trời Đất như sách Lễ Ký đã viết: “ *Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, qui thần chi hội, ngũ hành*

chi tú khí giả “Điều đó xác định nhân tính là tính lưỡng hợp bao gồm Thiên Địa. Thiên chỉ tâm linh, thời gian được biểu diễn bằng đường dọc. Địa chỉ vật chất, hiện tượng, không gian được biểu thị bằng đường ngang. Tính lưỡng hợp đó cũng có giá trị chung cho vạn vật qua cái nhìn của con người, cái nhìn lúc nào cũng không rời khỏi cặp Lưỡng Nghi, Trời Đất:

“*Đi xem **Đất**, về cất mắt xem **Trời**”*

Người ta không có thể biết trực tiếp thời gian ra sao, mà chỉ có thể cảm nhận nó qua sự biến chuyển của vạn vật, sự vận hành của trăng sao, sự luân chuyển ngày đêm, bốn mùa:

“*Nguyệt rằm: ” **Vật đổi sao dời**
Thân này vẫn để cho người soi chung.”*

“*Đêm khuya thức dậy xem trời,
Thấy sao bên Bắc đối đời bên Đông.
Làm sao cho hiệp vợ chồng,
Cho lễ hiệp nhân, cho rông hiệp mây.”*

“*Tìm em cho đến La Thành,
Những là mong nhớ đêm ngày.
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần.
Mong cho hoa nở mùa xuân,
Để cho khóm trúc mọc gần trở lan.”*

“*Mai mưa, trưa nắng, chiều nồm
Trời còn luân chuyển hướng mồm thế gian.”*

Những sự vận hành, biến chuyển trong thế giới hiện tượng đưa đến ý niệm thời gian qua ca dao đều có liên quan đến tâm tư, tình cảm của con người. Như vậy có thể nói rằng cơ cấu thời gian là sản phẩm của cảm xúc, lý trí của con người, có thể thay đổi khác nhau ở từng cá nhân, từng khu vực văn hóa. Như vậy có nhiều quan niệm khác nhau về thời gian và có thể được phân loại như sau:

Thời gian khoa học

Thời gian này là thời gian thường nghiệm được phân chia ra thành những quãng đồng đều một cách máy móc bên ngoài con người, hoàn toàn khách quan do nhu cầu đo đếm trong cuộc

sống. Dụng cụ đo đếm thời gian hiện nay là cái đồng hồ:

“*Tích ta tích tắc
Ngày ngày đêm đêm
Chỉ giờ chỉ khắc
Người đời nhờ tôi
Lúc làm lúc chơi
Có giờ có giấc
Ngày thức đêm ngơi “*

Cái đồng hồ giúp con người sinh hoạt có giờ giấc. Lâu dần người ta có cảm tưởng như nó đồng hóa với thời gian, mà con người sống ở thế gian này khó thoát khỏi liên hệ với thời gian, cho nên tâm tư của người bình dân đôi khi được gói gắm qua chiếc đồng hồ:

“*Đồng hồ vàng, cây kim cũng bằng vàng,
Anh đau tương tư, em đi hốt thuốc, phụ mẫu
nàng không cho.”*

“*Đồng hồ liệt máy vì bởi sợi dây thiều,
Anh xa em vì bởi cuộn chỉ điều se lời.”*

“*Cả buồn cả lợi đó đây,
Người buồn người biết giải bày cùng ai.
Phương đông chưa rạng sao mai,
Đồng hồ chưa cạn biết ai bạn cùng.”*

Thời gian sinh lý

Khác với thời gian khoa học khách quan, thời gian sinh lý chi phối con người ở phương diện thể xác, nhưng chưa vượt tới ý thức. nó tăng trưởng không đồng đều tùy theo từng người, theo tuổi tác. Ở tuổi già thì tế bào cơ thể hầu như ngưng dần sự phát triển, nhịp sống chậm lại, cho nên người ta thường nói:

“*Tuổi già sức yếu “:
“Áo anh rách lỗ bằng sàng;
Mẹ anh già yếu, cây nòng vá may.”*

“*Tay khoác màn loan kêu bỏ bạn chung tình,
Mẫu thân già yếu hai đứa mình đường nuôi.”*

Vì tuổi già sức yếu, cho nên người già lúc đi thường chống gậy và có thái độ ung dung:

“ **Ung dung gậy trúc chống đi,**
Áo chùng chằm gót, mũ ni che đầu.
Cụ ơi, cụ sắp đi đâu?
Ra đình yến lão tiệc châu vua ban...”

Tuổi trẻ thì ngược lại, họ có thời gian sinh lý mãnh liệt do cơ thể trên đà phát triển, nhịp sống thôi thúc, vội vã, hối hả, hăng hái, vồn vã:

“ **Quả đào tiên bay nhảy**
Nắng lấp lóa vừa tròn
Cải mới **trở bông non**
Gà vừa thì nhảy ở “

“ **Lạ lúng anh mới hỏi thăm,**
Trăng kia đã đến hôm rằm hay chưa?
- Trăng đang mười bốn **chưa rằm,**
Lá **dâu non** còn đợi con tằm **mới hăng.**”

“ **Sóng vồn vã** đưa thuyền ai **chập chĩa,**
Hỡi cô em hỏi hã chèo thuyền.
Hãy **dừng tay ta** nói chuyện **tơ duyên,**
Sao cô **vội vã** quay thuyền **bỏ đi.**”
Trong dân gian vẫn thường nói:
“Thời gian là liều thuốc chữa lành mọi vết thương”

Đó là một phát biểu tổng quát về đặc tính của thời gian sinh lý, nhưng nó còn tùy thuộc vào tình trạng tuổi tác: vết thương ở tuổi già lâu lành hơn ở tuổi trẻ. Ngoài ra, đặc tính đó còn tùy thuộc vào chủng loại:

“ **Chó liền da, gà liền xương** “.

Thời gian tâm lý

Thời gian này được cảm thấy qua những mối cảm xúc, tâm tình và tùy theo mức độ sâu đậm mà có cơ giãn vẫn dài. Cái gì mà mình mong đợi hay khi có tâm sự buồn rầu hoặc ăn không ngoi rồi thì thời gian dường như giãn ra:

“ **Đau chóng, đã chầy** “

(Mắc bệnh mau, lành bệnh thì lâu)

“ **Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại** “

“ **Thức khuya mới biết đêm dài...**”

“ **Yêu nhau chẳng quản gần xa,**
Một ngày chẳng đến bằng ba bốn ngày.”

“ **Một ngày không gặp mặt nhau,**
Tương chừng xa cách đã hầu ba năm.”

“ **Có chàng nói một cười hai,**
Vắng chàng em biết lấy ai than cùng?
Trời ơi! Có thấu tình chăng?
Một ngày đằng đẵng coi bằng ba thu.”

“ **Nhất nhật bất kiến như tam thu hề.**
Thăm em một chút anh trở lộn về,
Kéo mà con trăng kia nó lặn, tứ bề vắng tanh.”

“ **Sâu đông càng khắc càng đầy,**
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.”
(Truyện Kiều- Nguyễn Du)

Trái lại, lúc vui mừng, hoan hỉ thì thời gian dường như co rút, dày đặc lại:

“ **Ngáy vui qua mau** “

“ **Đèn Bạc Liêu sáng rõ, đèn Chợ Sờ sáng lòà,**
Anh gặp mặt em đây **chưa kịp giao hòa,**
Gà **kia **vội** **gáy,** **chân** **trời** **hùng** **đông.**”**

Thời gian triết lý

Thời gian này đi sâu vào tâm thức của con người, cho nên tùy theo tình trạng và trình độ của tâm thức, nó có thể đi theo thời gian vật lý, sinh lý hay tâm lý và cũng có thể vượt thoát khỏi thời gian, tức Siêu Thời đạt đến Thường Hằng. Khả năng này trong giấc mơ tiên của Từ Thức cũng còn ở mức độ tương đối, chừng vài thể kỷ:

“ **Trách chàng Từ Thức vụng suy,**
Cõi Tiên chẳng ở về chơi cõi trần.”

Người ta “ *trách chàng Từ Thức vụng suy* ”, nhưng có biết đâu Từ Thức đã từ bỏ lối suy tính vụn vặt chi ly ở Biệt Thời, Gian Thời để vươn lên Siêu Thời, tức cõi Tiên, cõi Vĩnh Cửu. Thế

rời chàng quyết định không ở mãi cõi Tiên, mà quay về rong chơi ở cõi trần. Như vậy là Từ Thức đã thể hiện Hòa Thời của Việt Đạo, giao hòa giữa Tục- Tiên: ở cõi Tiên mà không đoạn tuyệt với cuộc đời, về cõi Tục mà tâm hồn vẫn cứ an lạc, thanh thản như cõi Tiên. Điều này cũng tương tự như trường hợp Lang Liêu thời Hùng Vương, đã thể hiện Đạo Thái Hòa qua sự tích Bánh Dày- Bánh Chung, tức là sự giao thoa giữa Vuông- Tròn. Như vậy Hòa Thời dung hợp tất cả các loại thời gian, cho nên người có tâm thức ở đợt Hòa Thời nhìn thấy xuyên suốt thời gian, mọi sự vật ở thế gian vừa chuyển, vừa hằng:

“ Trăm năm ý thiếp một lòng,

Dầu ai thêu phượng vẽ rồng mặc ai.

Dầu cho đá nát vàng phai,

Trăm năm duyên nợ chẳng phai chút nào.”

Ý thức về thời hằng nằm ngay trong tâm thức của con người, là một lòng (nhất tâm) cho dầu trong thế gian có biến dịch, đổi dời.

Theo ý nghĩa của tiếng sấm khai nguyên, thì không thể nào tách biệt vật chất, thời gian, không gian ra riêng rẽ được. Nếu có sự phân chia thì cũng chỉ tạm thời do nhu cầu tri thức, cho nên khi nói về cơ cấu thời gian thì thật ra là **cơ cấu thời không vũ trụ**. Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh định nghĩa vũ trụ như sau: “ *Bốn phương và trên dưới là vũ. Xưa qua nay lại là trụ = Không gian và thời gian= Thế giới (Univers)* ”. Theo thuyết tương đối của Albert Einstein (1879-1953) thì ánh sáng khi chiếu qua những khối vật rất nặng, tức qua những hấp dẫn lực rất lớn thì chậm lại và cong đi. Sự chậm lại này có liên hệ với sự chậm của thời gian và sự cong của ánh sáng có nghĩa là không gian biến dạng. Một cái đồng hồ nguyên tử đo thời gian rất chính xác đặt ở mặt đất chạy chậm hơn khi đặt ở trên cao trong không khí. Thời gian không những được xác định như thế ở sự vật ngoại tại, mà còn được xác định tương tự ngay trong nội tâm của chủ thể nhận thức như ở thời gian sinh lý, thời gian tâm lý. Thời gian triết lý do trình độ tâm thức qui định: Ở Gian thời thì thời gian

là thời gian khoa học được đo đếm bằng đồng hồ một cách máy móc, lạnh lùng, là vũ thuộc Địa. Siêu thời là đã vượt thoát thời gian, không còn lệ thuộc vào dụng cụ đo đếm nữa, là trụ thuộc Thiên. Khi vũ và trụ giao hòa thì sẽ làm ra vũ trụ với cơ cấu thời không co giãn tùy theo trình độ của tâm thức: ý thức về thời gian của Từ Thức khác với những người thân khi chàng từ giả cõi Tiên về dưới cõi trần. Với các bậc giác ngộ thì thời gian co giãn ngắn dài tùy tâm, ở nơi đây cũng là ở nơi đó, tuy ở cõi trần tục mà lúc nào cũng an nhiên tự tại chẳng khác nào ở cõi Tiên. Đó là Hòa thời của Việt lý, loại thời gian thể hiện lưỡng nhất tính của con người, ở Gian thời mà không thấy thời gian kéo dài ra và con người còn muốn thoát thời gian để vươn tới miền vĩnh cửu.

Một điều rất lý thú là trong lý thuyết tương đối, Einstein đã cho biết dạng thức giãn nở của thời gian qua công thức xác định khối lượng của một vật như sau:

$$E=mc^2$$

Trong đó mẫu số xác định hệ số giãn nở của thời gian (Zeitdilatation), $c= 300.000$ km/sec là tốc độ ánh sáng.

Khi vật đứng yên thì $v=0$, hệ số giãn nở của thời gian bằng 1. Do đó: $m= m_0$, nghĩa là khối lượng của vật lúc đứng im. Khi vật chuyển động với tốc độ bình thường thì sự thay đổi khối lượng không đáng kể, nên rất khó nhận ra sự khác biệt. Nhưng khi vật chuyển động với tốc độ gần bằng tốc độ ánh sáng thì hệ số giãn nở thời gian tiến về 0, do đó khối lượng m sẽ vô cùng lớn. Lúc đó, theo công thức: $E = m$ thì năng lượng E lại càng vô cùng lớn.

Hình tượng vuông tròn của cơ cấu thời không

Cơ cấu thời không trong Việt lý được biểu thị qua cặp hình tượng vuông- tròn, là tính lưỡng hợp, lưỡng nhất. Vuông biểu thị thế giới hiện tượng, vật chất, Địa, không gian. Tròn biểu thị thế giới tâm linh, tinh thần, Thiên, thời gian. Tư tưởng này đã thấm nhập vào tâm tư của

người bình dân và để lại ấn dấu trong tiềm thức của họ bao đời qua những vần ca dao, tục ngữ:

“*Tu cầu gia đạo **vuông tròn**,
Chồng hòa vợ **thuận** cháu con **thảo hiền**.”*

“*Mẹ **tròn** con **vuông**”*

“*Trên đầu em đội khăn **vuông**,
Trông xuống dưới ngực **cau buồng** còn non.
Cổ tay em vừa trắng vừa **tròn**,
Mặt mũi **vuông vắn** chồng con thế nào?”*

Hình ảnh ngựa -rồng:

Cặp hình ảnh này được xem tương đương với vuông- tròn. Ngựa chạy trên đất, rồng bay lên trời. Ở kinh Dịch:

Quẻ Kiền: “*Phi long tại Thiên*”

Quẻ Khôn: “*Tấn mã hành Địa*”.

Ở ca dao:

“*Anh đi đâu ba bốn dặm đường,
Gặp con xà **Long Mã** chừ đương ai dè.”*

(Ba bốn dặm đường: 3-4 gờ hình ảnh tròn-vuông. Chừ đương: yêu đương, hướng về sự chung thủy).

“***Rông** châu ngoài Huế,*

Ngựa té Đòng Nai,

*Nước sông trong sao lại **chảy hoài**.*

***Thương người xa xứ** lạc loài tới đây.”*

(*Chảy hoài*: nước sông vừa chuyển vừa hằng. *Thương người xa xứ*: Tình thương chung thủy không phân biệt địa phương, nghĩa là siêu vượt thời không.)

Hình ảnh ngựa chim:

Ngựa chạy trên đất, chim bay lên cao, mà loài quý như Hạc chi Tiên, lý tưởng con người phải tự nỗ lực vươn tới:

“*Ngựa chạy có bầy, **chim** bay có bạn,*

Cả cái dù không che được cán ở tay.

Gừng già, gừng rụi, gừng cay,

*Anh hùng càng cực, càng dày **nghĩa nhân**.”*

Biểu tượng dọc ngang:

Cặp biểu tượng này cũng có ý nghĩa tương tự như vuông tròn, ngựa rồng nói trên. Dọc ngang là tính lưỡng nghi căn cơ của Đạo Việt, Việt lý chi phối con người cũng như vạn vật, mà khởi đầu là Cơ, chỗ giao thoa giữa Thiên Địa, Động Tĩnh, Hữu Vô. Cơ là tác động mà chưa hiện hình nên còn rất tế vi, khó thấy. Cơ là cái điềm, mà người ta có thể thấy trước khi nó thành hình. Hệ Từ Hạ có viết: “*Quân tử kiến cơ nhi tác*”: Bậc quân tử thấy Cơ vừa máy động thì hành động ngay. Cơ là đầu mối của công trình sáng tạo của Tạo Hóa ở đợt căn cơ, chỗ tương giao dọc ngang, đan dệt thành thể giới vạn vật trong đó có con người với cuộc sống phong phú, đa diện. Tư tưởng uyên nguyên này đã bén rễ, ăn sâu vào tiềm thức cộng đồng trong dân gian qua cách sinh hoạt, mà dấu vết còn ghi lại trong kho tàng ca dao quý giá:

Đan đất:

Vật liệu dùng để đan đất là cây tre do tính dẻo dai của nó. Thân tre có nhiều lông trắng, rỗng ruột:

“*Tiết trực tâm hư*”

Vì thế đã từ lâu Việt Nho lấy tre làm biểu tượng chỉ những bậc đạt nhân quân tử.

Những bước để hoàn thành việc đan đất đó dùng: chặt che, vót nan, gầy, đan đất, lặn, nức. Theo kinh nghiệm trong dân gian thì ngay từ bước đầu, công việc chặt tre cũng phải rất thận trọng:

“*Nhất đánh giặc, nhì chặt tre*

Nhất chặt tre, nhì ve gái.”

Nhiều vật dụng đan đất cần thiết trong đời sống đều được làm ra theo phương pháp thủ công, cho nên những động tác liên kết dọc ngang của từng nan tre dần dần tích lũy nơi tiềm thức mà ý thức không hay biết. Chính động tác đó tình cờ lại phù hợp với đường hướng tâm linh giúp con người có thể sống nhuần nhuyễn theo nhịp căn cơ mà những người giàu có, ăn không ngồi rồi ít có cơ hội:

“*Cùng nghề đan thúng, từng nghề đan nia.”*

hay:

“ Nghèo đan thúng, túng đan nông.”

Con đường tâm linh khác con đường duy vật. Tâm hư mới có thể đạt nhân, trái lại nhiều tham dục thì vong thân. Con đường tâm linh hướng nội, càng vào thì càng ít về lượng mà phẩm thăng tiến. Ngược lại, con đường duy vật hướng ngoại, càng ra càng phóng tán, lượng tăng, phẩm mất dần. Nhắc lại câu châm ngôn Triết: “ Nội hàm càng nhỏ, ngoại hàm càng lớn “. Như vậy, Tâm càng trống rỗng thì càng có khả năng bao trùm khắp vạn vật và cũng vì thế mà những câu ca dao dưới dạng nguyên ngôn, tức diễn đạt nguyên lý căn cơ một cách cô đọng thì thường đa nghĩa:

“ Liệu bề đạt đặng thì **đan**,
Đùng **gậy** rồi bỏ thế gian chê cười.”

Đan là công việc đan đất, nhưng lại có ý nghĩa tổng quát là gây dựng, tạo tác bằng nguyên lý giao thoa dọc ngang căn cơ, rồi từ đó khai triển đầy sáng tạo, làm xuất hiện ở thế gian biết bao công trình mà ở đây xin nói đến tinh duyên, một đề tài không bao giờ lỗi thời, nghĩa là vượt thời gian :

“ Gặp đây anh hỏi thực nàng,
Tre non đủ lá **đan sàng** được chăng?
Chàng hỏi thì thiếp xin thưa,
Tre non đủ lá **đan** chưa được **sàng**.
Ngoài chợ có thiếu gì giang,
Mà chàng lại nỡ **đan sàng** tre non.
Đan sàng có gốc tre già,
Tre non đủ lá được là bao nhiêu?”

“ Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng,
Tre non đủ lá **đan sàng** nên chăng?
- **Đan sàng** thiếp cũng xin vâng,
Tre vừa đủ lá non chẳng hỏi chàng?”

“ Lọt **sàng** xuống **nia** “ (Tục ngữ)

Ca dao:

“ Vì **sàng** cho gạo xuống **nia**,
Vì em anh phải đi khuya về thăm.”

Nông, nia đan khít, sàng thưa hơn. Khít hay thưa đều có công dụng riêng của nó, đó là đặc tính chung của vật dụng từ nông, nia, sàng cho đến phen, màn, áo:

“ Dày che mưa, thưa che gió “

Từ đan sàng đến kết võng:

“ Anh về chẻ nứa **đan sàng**,
Tuốc đay **kết võng** cho nàng ru con.”

Rồi đến lưới:

“ Ngó lên trượng **lưới** phơi **dùn**,
Nàng **tiền** phải **đọa** anh **hùng** sa cơ.”

Võng, lưới được kết, đan có mối thắt của hai sợi dọc ngang, thời không. Phoi dùn chỉ yếu tố thuận duyên kém.

Chiếu, giường cũng được làm ra theo nguyên tắc kết hợp dọc ngang ấy:

“ Ai về đường ấy hôm mai,
Gởi dăm điều nhớ, gởi vài điều thương.
Gởi cho từ **chiếu** đến **giường**,
Gởi cho đến chốn **buông** hương em nằm.”

Canh cửi:

Canh cửi là dệt vải theo lối thủ công. Canh là sợi dọc trên khung cửi hay máy dệt đã luôn qua go và khổ, phân biệt với sợi ngang, gọi là chi:

“ Trai mong chiêm **bằng** đề danh,
Gái thời **dệt** vải vừa **nhanh** vừa **tài**.”

Canh cửi, dệt vải là nghề trang nhã của phụ nữ khi xưa, góp phần xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng khi xao lãng, bỏ bê thì hạnh phúc sẽ mất đi như câu chuyện Nguru Lang- Chúc nữ: Chúc Nữ sau khi kết duyên với Nguru Lang thì trở nên lười biếng, bỏ bê việc canh cửi nên bị Trời phạt lấy sông Ngân Hà phân cách:

“ Vị gì một dải **sông Ngân**,
Làm cho **Chúc Nữ** chẳng gần **Nguru Lang**.”

Xao lãng, bỏ bê việc canh cửi có nghĩa bóng là lơ là đời sống tâm linh, chạy theo thú vui vật chất, cho nên bị Trời phạt, bị đau khổ, không có chân hạnh phúc. Sợi dọc biểu thị con đường tâm linh rất quan trọng trong cặp lưỡng nghi dọc ngang, cũng như sợi chỉ dọc quan

trọng trong việc dệt vải. Sợi dọc này nhờ đến go, là bộ phận của khung cửi dùng để luồn và đưa nó lên xuống trong khi dệt:

*“Đó ai dệt vải dùng go,
Nấu cơm đừng lừa anh cho nén vàng.”*

Ca dao cho thấy việc dệt vải, dệt lụa không phải chỉ đơn thuần là sinh hoạt nghề nghiệp, mà qua đó người bình dân còn gởi gắm tâm tình, ý tưởng nữa:

*“Anh đốc kén cho dệt người kim chỉ,
Nên chi làm cho phải tóc tơ.
Bởi vậy nên anh mới ước mơ,
Cũng như người dệt lụa giữ hờ mối anh.”*

Trong bài ca dao trên, câu nào cũng có những chữ gây ấn tượng: đốc kén, tóc tơ, kim chỉ, ước mơ, dệt lụa, giữ mối.

Cây có cội, nước có nguồn thì tình yêu theo quan niệm truyền thống trong dân gian qua ca dao cũng có đầu mối tơ duyên:

*“Sống sâu nước chảy xuôi dòng,
Tiếc chi người nghĩa thiếu dây tơ hồng se duyên.”*

Dây tơ hồng se duyên là đầu mối, là sự giao thoa dọc ngang nguyên thủy, là nguyên lý lưỡng hợp thái hòa của Hòa thời, mà người bình dân thi vị hóa, điển hình hóa là Ông Tơ, Bà Nguyệt: *“Ngó lên Cồn Lác, ngó xuống Cồn Bàng
Anh thương em ruột thấc gan vàng
Biết Ông Tơ, Bà Nguyệt sẵn sàng se duyên.”*

Hình ảnh Ông Tơ, Bà Nguyệt không phải là dấu hiệu của sự mê tín, có toàn quyền quyết định tình duyên từ bên ngoài, mà người bình dân đã ý thức được khả năng chủ động của con người qua ước nguyện, thề nguyện gắn bó chân thành của chính mình, chứ không phải hoàn toàn phó thác:

*“Ước gì nguyện được như nguyện,
Ước gì chỉ thắm se duyên tơ đào.”*

Tinh thần *nhân chủ* được thể hiện qua quyết

tâm tự mình quay tơ, se chỉ thắm, tỏ thái độ bất tín nhiệm, phiền trách Ông Tơ:

*“Ai làm anh phải xa em,
Cho cây xa cội, cho đêm xa ngày.
Đêm với ngày anh quay chỉ thắm,
Sợi thẳng sợi dùn nghĩ mà giận Ông Tơ.”*

Việc tỏ thái độ đờ đờ khi đến độ “*mạnh tay*” chúng tỏ tính nhân chủ cao độ trong tinh thần văn hóa truyền thống Việt Nam xưa:

*“Bắc thang lên đến tận Trời,
Bắt ông Nguyệt Lão đánh mưòi cẳng tay.
Đánh rồi lại trói vào cây,
Hỏi ông Nguyệt Lão đâu dây tơ hồng?”*

Ước mơ, thề nguyện là nguyện vọng trăm năm hạnh phúc, là vượt thoát thời gian, hướng về vĩnh cửu, là Đạo thường hằng:

*“Được vàng được bạc trên tay,
Em không mừng rỡ bằng nay gặp chàng.
Trèo lên khung cửi dệt hồng,
Cửi kêu lằng lịu, dạ thương chàng lịu lằng.
Lời thề dưới nước trên trăng,
Trăm năm không bỏ Đạo hằng cùng anh.”*

Đạo hằng là Đạo thủy chung siêu vượt thời gian. Muốn giữ được Đạo hằng này thì phải thấu suốt và nắm vững đầu mối căn cơ, tức là hướng về tâm linh để lập lại quân bình đối với thế giới hiện tượng, vật chất đầy mâu thuẫn:

*“Trăm năm ý thiếp một lòng,
Dầu ai thù phượng vẽ rồng mặc ai.
Dầu cho đá nát vàng phai,
Trăm năm duyên nợ chẳng phai chút nào.”*

*“Anh đi làm ruộng ba trăng (giăng),
Ở nhà em giữ Đạo hằng chớ sai.”*

Hòa thời qua ca dao

Hòa thời là đặc trưng của tính lưỡng hợp, lưỡng nhất trong nền văn hóa truyền thống Việt Nam, có thể được tóm lược qua đẳng thức:

Gian thời + Siêu thời = Hòa thời

Đẳng thức này cũng đã nói lên ý nghĩa của tính lưỡng hợp và quân bình. Đẳng thức lưỡng hợp tính về thời gian cũng đi song song với đẳng thức lưỡng hợp tính về tâm thức:

Ý thức + Tiềm thức = Thần thức

Hòa thời như vậy có tính tương đối. Đặc tính của Hòa thời là con người tuy sống trong Gian thời mà không hoàn toàn bị thời gian cuốn trôi, con người còn muốn thoát khỏi thời gian mây móc, lạnh lùng của chiếc đồng hồ bằng mối chung tình trước cũng như sau:

*“Đồng hồ còn có khi sai,
Chung tình với bạn trước hoài như sau.”*

Hai câu ca dao trên đã tóm tắt lộ trình của Hòa thời:

Ở Gian thời thì thời gian như chiếc đồng hồ cứ chạy “*tích ta tích tắc*” mãi, nếu có chính xác, ích dụng theo tinh thần khoa học thì cũng có lúc sai:

*“Đồng hồ liệt máy vì bởi sợi dây thieu.
Anh xa em vì bởi cuộn chỉ điều se lơi.”*

Ý thức thời gian ở gian thời là cảm thấy nó cứ trôi chảy mãi:

*“Thời giờ thấm thoát thoi đưa,
Nó đi đi mãi không chờ đợi ai.”*

Do ý thức về thời gian như vậy mà có những thái độ sống khác nhau:

Thái độ hoài nghi, thiếu tin tưởng:
*“Một năm một tuổi một già,
Ba năm một tuổi chi mà đợi anh.”*

Thái độ sống vội vàng:
*“Ai ơi chơi lấy kẻ già,
Mãng mọc có lúa, người ta có thì.
Chơi xuân kẻ hết xuân đi,
Cái già sòng sọc nó thì theo sau.”*

Thái độ lo âu, xao xuyến:

*“Một mình lo bầy lo ba,
Lo cau trở muộn, lo già hết duyên.
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên đi sớm về trưa một mình.”*

Rồi người ta động lòng trắc ẩn:
*“Thương thay thân phận con tằm,
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhà tơ.
Thương thay hạc lạnh đường mây,
Chim bay môi cánh biết ngày nào thoi.”*

Do ý thức về thời gian như thế nào thì sẽ có quan niệm về hạnh phúc như thế ấy:

*“Cao cao, cao tít mù xanh,
Tuy cao mù tít vẫn quanh quẩn gần.
Dữ lành cân nhắc đồng cân,
Mà cơ hạnh phúc chuyển vẫn chẳng sai.
Hiện tiền, quá khứ, tương lai,
Như vòng vòng dính, như quay quay tròn.”*

Tuy ở trong Gian thời có phân biệt “*Hiện tiền, quá khứ, tương lai*”, nhưng vẫn có luật tuần hoàn, luật nhân quả là những luật thường hằng, cho nên con người vẫn còn niềm tin và hy vọng, là suối nguồn của sự sống:

“Hết con bĩ cực tới hồi thái lai”

“Có công mài sắt có ngày nên kim”

Từ niềm tin và hy vọng, con người quyết tâm thoát thời gian bằng tập trung nỗ lực, chuyên chú vào từng hành động có ý nghĩa trong cuộc sống, Nho gia gọi là “*đốc hành*”:

*“Thời gian vùn vụt qua nhanh,
Gắng công đèn sách đua tranh với người.”*

*“Vi dầu ngày tháng thoi đưa,
Bao năm chinh chiến anh chưa thấy về.
Điểm tô sơn phấn, em thề đợi anh.”*

(Còn tiếp)

NGUYỄN VĂN NHIỆM
(Germany)

ĐÊM NAY BÊN EM

Anh khắc khoải từng ngày
Bên tình anh đã say
Từng đêm trường mộng寐
Đưa nhung nhớ xa bay

Bao tâm sự vui đây
Lòng anh mãi ngất ngây
Nhấn gió sang bên ấy
Chờ tương tư bên này

Anh thương em như vậy
Sao em cứ như vậy
Để anh hoài một bóng
Đếm lá khóc trên tay

Vàng trắng khuya hao gầy
Soi vách sầu mãi xây
Bên hiên anh thẩn thức
Mượn sao gởi tình say

Anh nhờ suối và mây
Chải mượt tóc em dài
Cho hồn anh phiêu bạt
Về bên em đêm nay

Uyên Phương Minh Nguyệt



SUỐI TÓC EM, CUỐI THU

(Tặng B.H)

Nhìn lá rơi vàng ta ngần ngơ
Nhớ em, nỗi nhớ tựa bao giờ
Vòng tay ôm ấp đêm thu mộng
Trăng nhớ đêm rằm, ta nhớ em..

Tình đã khơi nguồn, buổi quen nhau
Bên em, khuya lắm..thử ban đầu*
Còn nguyên.. những ngày qua êm ấm
Mái tóc, bờ môi.. kỷ niệm sáu..

Suối tóc em tôi ướp hương thu
Bên gốc cây, hồ nước, ướt sương mù
Mắt xưa mơ màng, nhìn lá úa
The Ritz Carlton.**. lạnh cuối thu..

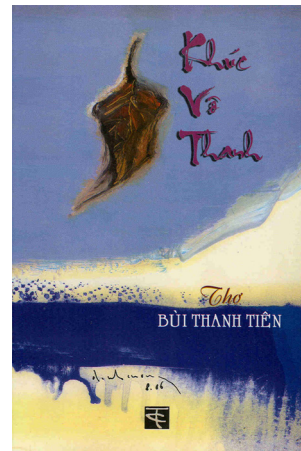
Mỗi độ gần nhau, tóc búi cao
Hình ảnh thương yêu.. ngọn sóng trào
Giờ đây.. hình như xa xôi lắm
Nỗi nhớ, nỗi buồn.. bỗng xôn xao...

*Eden Center

** Đêm nghe nhạc ở Ritz Carlton

Bùi Thanh Tiên

VA,
mùa Giáng Sinh
2010



Miguel de Cervantes (1547-1616) và Tác Phẩm DON QUIXOTE

Phạm Văn Tuấn

1/ Tác giả Cervantes

Miguel de Cervantes Saavedra đã trải qua một cuộc đời nhiều mạo hiểm và hành động can đảm nhưng thiếu may mắn, nhờ vậy tác giả đã nhận thức được thế sự và cuộc sống, đã tạo nên các nhân vật hư cấu trong các tác phẩm đặc sắc.

Cervantes chào đời vào năm 1547 tại Alcalá de Henares, gần thành phố Madrid. Vào giai đoạn lịch sử này, nước Tây Ban Nha là quốc gia giàu có nhất, hùng mạnh nhất của châu Âu. Các nhà thám hiểm và chinh phục Tây Ban Nha như Cortez và Pizarro đã chiếm đoạt được các kho tàng của miền nam châu Mỹ và gửi về nước nhiều chuyến tàu chở đầy vàng và bạc. Vua Charles I của nước Tây Ban Nha, trị vì từ năm 1516 tới 1556, là một đế vương đã từng mong muốn điều khiển quyền lực tinh thần của nhà thờ Cơ Đốc La Mã và toàn thể lãnh thổ châu Âu. Sự can đảm ngoài mặt trận với tinh thần học rộng của các vua Tây Ban Nha đã khiến cho quốc gia này đứng hàng đầu trên thế giới vào thế kỷ 16.

Cervantes là người con thứ 4 trong gia đình 7 người của ông Rodrigo, một y sĩ nghèo, trước kia thuộc giai cấp quý tộc. Ông Rodrigo đã đưa gia đình về thành phố Madrid vào năm 1561. Cervantes đã đến trường tại thành phố này vào năm 1568 và vị giáo sư tên là Juan Lopez de Hoyos có lẽ đã ảnh hưởng



tới Cervantes trong việc học hỏi nền văn chương cổ điển. Vào giai đoạn này, việc học tập tôn giáo không còn là môn học chính và tiếng La Tinh không được coi là ngôn ngữ của văn chương bác học, các nhà văn bắt đầu dùng thứ tiếng nói hàng ngày trong việc diễn tả thơ văn.

Vào tháng 9 năm 1569, Cervantes rời Tây Ban Nha, qua sông bên nước Ý, tại thành phố Rome. Người ta không rõ lý do của sự ra đi này. Có giả thuyết cho rằng nhà cầm quyền địa phương đã ra lệnh bắt giữ một công dân tên là "Miguel de Cervantes" vì tội đâm bị thương một người khác trong một cuộc đánh lộn. Không rõ đây có phải là một sự trùng

tên? Tại Rome, Cervantes có cơ hội học tập tiếng Ý và làm quen với các tác phẩm của Boccaccio, là tác giả viết văn bằng tiếng địa phương. Cũng tại nước Ý, Cervantes tham gia quân đội Tây Ban Nha cùng với người anh Rodrigo và tham dự trận thủy chiến danh tiếng Lepanto diễn ra vào ngày 7/10/1571, chống lại hạm đội của Thổ Nhĩ Kỳ. Theo các lời tường thuật, khi trận hải chiến trở nên ác liệt thì Cervantes bị bệnh, phải nằm dưới hầm tàu, nhưng đã xin phép được ra chiến đấu. Ông bị hai vết thương trên ngực còn vết thứ ba đã làm liệt cánh tay trái. Trong suốt cuộc đời, Cervantes rất hãnh diện về phần đóng góp vào chiến thắng này và kể từ trận hải chiến Lepanto, nước Tây Ban Nha trở nên siêu cường trên mặt biển.

Cervantes còn đóng góp vào nhiều trận chiến khác tại Tunis, Sardinia, Naples, Sicily và Genoa, rồi khi trên đường về xứ Tây Ban Nha vào năm 1574, con tàu biển El Sol đã bị hải tặc Barbary chặn bắt. Cervantes cùng với người anh đã bị bán làm nô lệ tại xứ Algiers trong 5 năm. Các cuộc vượt ngục không thành đã khiến cho Cervantes bị hành hạ tàn nhẫn. Người anh Rodrigo được chuộc ra trước, tới năm 1580 Cervantes được thả do 500 quan tiền vàng (crowns). Khi trở về Tây Ban Nha, người ta không rõ ông sinh sống bằng nghề gì nhưng Cervantes thường xuyên bị mắc nợ rồi vào năm 1584, ông đã cưới một cô gái 18 tuổi tên là Catalina. Đã có lần Cervantes lãnh công việc thu mua ngũ cốc cho quân đội. Đây là một việc khó khăn bởi vì chính quyền rất chậm chạp trả nợ cho các người bán sản phẩm.

Mặc dù các khó khăn trong cuộc sống, Cervantes đã làm thơ trong khoảng các năm 1583 tới 1585 và ông cũng viết thử các bản kịch nhưng gặp thất bại trước các sáng tác của Lope de Vega, là nhân vật thành công về viết kịch theo thể văn mới và phổ thông. Cervantes

quay sang viết truyện, đây là một hình thức văn chương vào thời đại bấy giờ không được giới trí thức quan tâm. Cuốn tiểu thuyết đồng quê đầu tiên của Cervantes có tên là La Galatea, được xuất bản vào năm 1585. Từ năm này, Cervantes đã xin làm nhiều công việc, kể cả nhân viên thu mua thực phẩm cho hạm đội Armada và cũng nhờ tiếp xúc với giới nhà nông mà ông đã hiểu rõ tâm lý và các nỗi cơ cực của họ để sau này diễn tả nhân vật Sancho Panza.

Khi thu mua thực phẩm, Cervantes đã gặp rắc rối vì thiếu tiền, bị trục xuất khỏi nhà thờ và bị nhốt tù vài lần. Mặc dù túng thiếu và gặp các nghịch cảnh, Cervantes đã viết xong phần đầu của cuốn truyện "Don Quixote", xuất bản tại thành phố Madrid vào tháng 1 năm 1604. Khi dọn về cư ngụ tại thành phố này, Cervantes đã tham gia vào câu lạc bộ văn học có tên là Academia Selvaje vào năm 1612, rồi qua năm sau 1613, cho xuất bản một tuyển tập các truyện ngắn có tên là "Các Tiểu Thuyết Mẫu" (Exemplary Novels = Novelas ejemplares).

Từ khi xuất bản vào năm 1604, cuốn truyện Don Quixote đã trở nên một tác phẩm bán rất chạy, được tái bản 6 lần trong 1 năm và tác giả chỉ nhận được tiền thù lao lần đầu bán bản quyền. Do cuốn truyện được nhiều người tìm đọc, một tác giả giả mạo khác đã viết ra phần tiếp của cuốn tiểu thuyết này. Có người cho rằng kẻ làm giả là đối thủ Lope de Vega của Cervantes. Sự việc gian trá này đã khiến cho Miguel de Cervantes vội vã viết ra phần cuối của cuốn truyện, xuất bản vào năm 1615. Mặc dù trong các năm cuối đời này, sức khỏe bị suy giảm và sinh sống trong cảnh nghèo khó, tác giả Cervantes cũng phổ biến vài vở kịch như "Tám biến tấu và tám hài kịch" (Eight Interludes and Eight Comedies) qua đó bộc lộ tài năng của soạn giả.

Miguel de Cervantes qua đời vào tháng 4 năm 1616, cùng tháng với nhà soạn kịch lừng danh người Anh William Shakespeare.

2/ Các nhân vật trong cuốn truyện Don Quixote.

Don Quixote là cuốn tiểu thuyết được rất nhiều người ưa chuộng qua nhiều thế kỷ. Tác giả Cervantes viết ra tác phẩm này có chủ đích châm biếm tinh thần hiệp sĩ thái quá và lỗi thời cũng như các quy ước xã hội và văn chương của thời đại của ông. Cuốn tiểu thuyết còn diễn tả các đời sống, tư tưởng và cảm xúc của cuối thời đại hiệp sĩ qua nhiều loại nhân vật như các chủ quán, kẻ chặn cừ, học viên, tu sĩ, nhà quý tộc cùng với hai nhân vật chính là Don Quixote, một người lý tưởng hão huyền và Sancho Panza, một kẻ thực tế, mộc mạc.

Don Quixote: tên thật là Alonso Quixano xuất thân từ tỉnh La Mancha, là một con người tử tế, gặp cảnh nghèo khó. Do đọc nhiều cuốn truyện có tính anh hùng, mã thượng, Alonso trở nên hơi điên khùng. Chàng này quyết định trang bị cho mình một bộ áo giáp đã rỉ sét và đội trên đầu chiếc mũ sắt bằng giấy cứng để trở thành một hiệp sĩ lang thang. Với danh hiệu Don Quixote, anh chàng bất thường này đi tới nhiều nơi để sửa chữa các điều sai trái gặp phải trong xã hội. Vào cuối truyện, anh chàng này đã tỉnh ngộ, trở về nhà và hối hận vì các điên khùng của mình trước khi qua đời.

Sancho Panza: là một kẻ quê mùa, bụng phệ, làm người hầu của hiệp sĩ lang thang do bị mê hoặc vì lời hứa sẽ trở nên chúa tể một hòn đảo. Anh Sancho này cuối cùng đã lãnh được hòn đảo thực nhưng xin rút lui vì nghe tin một đạo quân thù đang tiến tới.

Rocinante: con ngựa do Don Quixote cưỡi trong cuộc hành trình, còn con lừa của Sancho Panza có tên là Dapple.

Aldonza Lorenzo: cô gái quê nhiều mồ hôi thuộc miền Toboso, được hiệp sĩ Don Quixote đặt cho danh hiệu Dulcinea del Toboso và được chọn làm Nữ Hoàng của Tình Yêu và Sắc Đẹp, là nguồn cảm hứng của hiệp sĩ.

Chủ quán: một người mập, làm chủ một nhà trọ bên đường mà Don Quixote tưởng tượng là một lâu đài. Ông chủ quán này đã phong cho Don Quixote chức hiệp sĩ.

Pedro Perez: cha phó xứ, là vị tu sĩ đã đốt bỏ các tiểu thuyết hiệp sĩ để chữa trị cho Don Quixote khỏi bị điên khùng.

Thầy Nicolas: người thợ cắt tóc trong làng, đã giúp vào việc đốt truyện, đã ăn mặc giả Dulcinea để khuyên Don Quixote rời khỏi Sierra Morena.

Ông bà Bá Tước: là các người đã mời Don Quixote và Sancho Panza tới lâu đài để châm chọc cho vui. Ông bà này đã phong cho Sancho làm chúa một hòn đảo.

Sampson Carrasso: một người hàng xóm, giúp công vào việc khiến cho Don Quixote từ bỏ cuộc sống hiệp sĩ lang thang và trở về nhà.

3/ Cốt truyện.

Alonzo Quixano là một người khá giả khi trước, nay về hưu và trở nên nghèo khó hơn, hiện sinh sống trong tỉnh La Mancha. Alonzo đã đọc nhiều cuốn truyện mô tả các hiệp sĩ nên bị ám ảnh bởi các trận đấu so tài, các thiếu nữ bị người tình hào hiệp bỏ rơi và các say mê vì tính mạo hiểm, vì vậy ông ta quyết định rằng mình sẽ bắt chước các bậc anh hùng trong truyện và sẽ làm sống lại các tập tục tốt đẹp bằng cuộc đời một hiệp sĩ lang thang.

Sau khi đổi tên thành Ngài (Don) Quixote de la Mancha, Alonzo mặc vào người bộ áo giáp cũ đã rỉ sét của cụ nội ngày xưa và cưỡi con ngựa già, gày còm tên là Rosinante, rồi ra đi tìm phiêu lưu. Tại một quán trọ nghèo hèn mà Don Quixote bị áo

tưởng tin là một lâu đài với các tháp nhỏ, ông ta đã yêu cầu người chủ quán chính thức phong cho mình thành một hiệp sĩ. Trước người khách lạ điên khùng này và để điều chơi, người chủ quán cũng bằng lòng.

Ra đi không cách xa ngôi làng của mình, Don Quixote đã gặp một nhóm lái buôn đường xa, lầm tưởng họ là các hiệp sĩ khác nên thách thức họ giao đấu với mình. Kết quả là Ngài Quixote này bị một trận đòn đau đớn. Một người láng giềng đi ngang qua, đã đưa Don Quixote về nhà chữa trị rồi hai người bạn là vị tu sĩ địa phương Pedro Perez và anh thợ cắt tóc Nicholas đã bàn tính với người cháu đốt bỏ các cuốn truyện ảo tưởng hầu mong đưa Don Quixote về với thực tại. Nhưng Ngài Quixote này vẫn chưa tỉnh ngộ, tin rằng các sách vở của mình đã bị một tên phù thủy mang đi.

Chấp nhận các bất hạnh và vẫn còn muốn mạo hiểm, Don Quixote đã thuyết phục được một anh công nhân thô kệch địa phương tên là Sancho Panza làm "người hầu" đi theo mình để sau này được trao tặng chức chúa tể một hòn đảo. Để có một người tình lý tưởng mà dâng tặng các hành động anh hùng, Don Quixote đã chọn một thiếu nữ nông thôn mập mạp chỉ biết làm thịt ướp muối và gọi tên nàng là Dulcinea del Toboso.

Sau đó chàng Hiệp Sĩ và anh Sancho lên ra khỏi làng trong đêm tối nhưng cả hai đều mang dáng vẻ oai hùng: một ông già gầy còm mang giáo và gươm, cưỡi con ngựa xương xẩu cùng đi với anh hầu đeo túi vải và bình nước bằng da, ngồi trên lưng con lừa Dapple. Chàng hiệp sĩ và anh hầu đầu tiên gặp một hàng cối xay gió trên cánh đồng Montiel. Vì lầm tưởng đây là các tên khổng lồ, Don Quixote đã chĩa mũi giáo, thúc ngựa Rosinante phóng tới, đâm vào kẻ địch nhưng một trong các cánh quạt của cối xay đã móc vào quần áo của chàng hiệp sĩ và nhấc bổng

chàng ra khỏi yên ngựa rồi ném đi xa. Khi Sancho Panza lại nâng Ngài Quixote dậy thì chàng hiệp sĩ cắt nghĩa rằng các kẻ phù thủy đã biến đổi những tên khổng lồ thành các cối xay gió.

Không lâu sau đó, Don Quixote gặp hai nhà tu cùng với một mệnh phụ miền Basque đi theo một đoàn người cưỡi ngựa. Tưởng tượng rằng đây là một công chúa đã bị bắt cóc, hiệp sĩ Quixote đòi hỏi các người kia phải thả nàng ra và để giải cứu nàng, hiệp sĩ đã đánh một nhà tu ngã khỏi yên ngựa và khi Sancho Panza đi ăn cắp quần áo, gọi là "chiến lợi phẩm" nên bị các kẻ hầu của bà mệnh phụ đánh đập toi bời. Don Quixote cũng bị thương, vành tai gần như bị cắt đứt nhưng đã cắt nghĩa cho kẻ hầu hiểu rằng các vết thương là các biểu hiệu danh dự của tinh thần hiệp sĩ.

Tại một quán trọ khác, do quan tâm tới cuộc hẹn hò lén lút giữa một anh giao hàng và một cô hầu bàn nên Don Quixote bị anh chàng này đánh đập một trận rồi tới khi chủ quán đòi tiền và không có tiền trả, Ngài Quixote đã bỏ đi khiến cho anh hầu Sancho bị bắt nhốt vì món nợ của chủ.

Trên đường đi, cả hai chủ và anh hầu gặp một đám bụi lớn bay tới do hai đàn cừu qua đường, Don Quixote cho rằng đây là hai đoàn quân thời trung cổ đang giáp chiến nên xông vào can ngăn, kết quả là cả hai bị các kẻ chặn cứu đánh đập toi bời và ném đá vì đã làm tán loạn các con cừu của chúng.

Khi đêm xuống, Don Quixote gặp một đám ma nhưng lại cho rằng đây là một đoàn quỷ dữ, đã xông vào tấn công các người trong đoàn, sự việc này khiến cho Sancho gọi ông chủ của mình là "Hiệp Sĩ của Hoàn Cảnh Tiếc Thương" (the Knight of the Sorry Aspect). Đêm đó cả hai tới một nơi có tiếng âm âm không dứt, Don Quixote tin rằng tiếng động lớn này là do các người khổng lồ, muốn tấn công ngay nhưng Sancho đã buộc chặt

con ngựa Rosinante lại. Sáng hôm sau, cả hai mới khám phá ra rằng tiếng động lớn là từ chiếc cối xay bột.

Don Quixote cũng tấn công một anh thợ hớt tóc dạo và chiếm đoạt của anh chàng nghèo hèn này một cái chậu bằng đồng mà lại cho rằng đây là một nón sắt giá trị. Trên một đoạn đường đi khác, Don Quixote đã gặp một người trẻ tuổi tên là Cardenio đang đau khổ vì một mối tình tan vỡ nên muốn trở thành một ẩn sĩ, vì thế Don Quixote cũng muốn theo người bạn mới này. Vào lúc này, các người bạn cũ của Ngài Quixote là anh thợ cắt tóc và vị tu sĩ bàn với nhau về cách làm sao đưa Don Quixote trở về nhà. Họ đã dùng một cô gái tên là Dorothea giả dạng làm công chúa Micomicona, nài ni Don Quixote qua vương quốc của nàng để diệt trừ một con quái vật đã giành chiếm ngai vàng của cha nàng. Tất cả các người này đã lên đường cho đến khi họ trở về tới quán trọ cũ, nơi mà Ngài Quixote được phong tước hiệp sĩ. Cũng tại nơi này Cardenio và Dorothea gặp lại hai người yêu cũ là Lucinda và Don Ferdinand.

Tới lúc này, vị tu sĩ quyết định rằng chỉ còn một cách đưa Don Quixote về nhà là nhốt trong một cái chuồng. Ngài Quixote được bảo cho biết đây là một thử thách lòng cam đảm và khi đã vượt qua được trở ngại này, Ngài có thể kết hôn với người đẹp Dulcinea. Khi tới một trạm nghỉ, Sancho đã để Don Quixote ra khỏi chuồng thì một đám rước tôn giáo bị chàng hiệp sĩ này tấn công vì họ bị lầm tưởng là những người bắt cóc. Sau đó Don Quixote đồng ý để mọi người đưa mình về làng cũ.

Trở lại quê hương và sáu tuần lễ không làm cho Don Quixote khỏi bệnh điên khùng, chàng hiệp sĩ và Sancho Panza lại lên đường. Ngài Quixote muốn tới thăm nàng Dulcinea nhưng Sancho biết rõ rằng cô nàng này không phải là một mệnh phụ mà chỉ là một cô gái quê và bức thư mà Don Quixote gửi đi trước

kia đã không bao giờ tới được tay ai cả. Vì vậy anh hầu chỉ đại một cô gái qua đường, nói rằng một mù phù thủy đã biến Dulcinea trở thành cô gái tầm thường. Don Quixote cũng tin như vậy.

Các cuộc phiêu lưu của Don Quixote và Sancho Panza đã được phổ biến. Một sinh viên đại học tên là Sampson Carrasco đã đọc câu chuyện và muốn chữa trị Don Quixote khỏi bệnh ảo tưởng, nên đã cải trang thành “Hiệp Sĩ của các Tấm Gương” (the Knight of the Mirrors) và thách thức Don Quixote giao đấu, nếu thua, ngài Quixote phải chấp nhận từ bỏ nghề hiệp sĩ lang thang mà trở về nhà. Nhưng tiếc thay Don Quixote đã thắng cuộc.

Sau vài chuyến phiêu lưu khác, Don Quixote đã gặp ông bà bá tước, hai người này đã mời chàng hiệp sĩ và kẻ hầu về lâu đài của họ. Họ đã thuyết phục Sancho rằng Dulcinea đã bị phù phép thực sự và để cho cô nàng thoát khỏi bùa yểm, Sancho phải đánh mình 3,300 roi nhưng anh hầu này đã tìm cách trì hoãn hình phạt.

Don Quixote và Sancho Panza tiếp tục đi tới thành phố Barcelona, tới nơi thì Sampson Carrasco theo kịp và chàng sinh viên đã cải trang thành “Hiệp Sĩ của Trăng Tròn” (the Knight of the Full Moon), đã thi đấu với Don Quixote và lần này thắng trận, khiến cho Ngài Quixote phải hứa nhận trở về nhà, từ bỏ nghề lang thang trong một năm. Cuối cùng Don Quixote hoàn toàn được chữa khỏi bệnh ảo tưởng và tuyên bố rằng không còn điên khùng nữa mà trở thành Alonso Quixano bình thường. Sau đó không lâu, Alonso qua đời.

4/ Vài nhận xét về tác phẩm.

Khi viết ra tác phẩm Don Quixote, tác giả Miguel de Cervantes đã sống vào thời kỳ nước Tây Ban Nha mang giấc mộng thống trị thế giới. Vào năm 1556, vua Philip II lên ngai vàng và cai trị đất nước này tới năm 1598.

Nhà vua được dân chúng gọi tên là "nhà vua bàn giấy" (the paperwork king) bởi vì ông ta ưa thích ngồi tại bàn mà cai trị đế quốc, trong khi các phiêu lưu quân sự của nhà vua không phải luôn luôn thành công. Hạm đội Armada được gọi là "bách thắng", dàn trận vào năm 1588, đã bị tan tành vì một trận bão trước khi đổ bộ vào bờ biển nước Anh. Ngoài ra phần lớn tài sản của quốc gia đã bị lãng phí vào các trận chiến tranh tốn kém tại nước ngoài, khiến cho nền kinh tế của đất nước suy đồi, ngân quỹ bị phá sản và nạn lạm phát không kiểm soát nổi.

Từ nay nước Tây Ban Nha bắt đầu rút khỏi vị thế lãnh đạo thế giới. Cuộc Cải Cách Tin Lành (the Protestant Reformation) tại miền bắc của châu Âu đã khiến cho nhà thờ Cơ Đốc Tây Ban Nha ở vào vị thế suy thoái mặc dù các hình phạt của các tòa án tôn giáo (the Spanish Inquisition). Một trong các yếu kém của thể lực Tây Ban Nha vào thời gian này là sự hiện hữu của giai cấp "hidalgos" khá rộng lớn, với một phần tư dân số tự coi mình thuộc về giới quý tộc này. Trong khi lớp quý tộc thực sự cao cấp thì giàu có, còn đa số các hidalgos đều nghèo hèn nhưng tự hào. Giống như các bậc cha chú khi trước, các người hidalgos trẻ tìm kiếm danh vọng trong quân ngũ.

Miguel de Cervantes là một người hidalgo nên hiểu rõ rằng giai cấp của mình đã trở thành lỗi thời trong một xã hội mà một số ít kẻ quyền thế trở nên giàu có hơn, còn đa số dân chúng nghèo khổ đi vì thuế má và nạn lạm phát. Tác giả Cervantes đã nhận thấy các quy luật của thời hiệp sĩ không còn giá trị nữa và Don Quixote đã giết chết thời hiệp sĩ bằng các lời hài hước. Trong khi niềm tin mù quáng vào tôn giáo, tình yêu lãng mạn và danh dự của chàng hiệp sĩ vẫn còn là các điều hấp dẫn của người dân Tây Ban Nha thì đất nước này không thể sống còn bởi vì đa số dân

chúng ưa thích sinh sống nhàn nhã, mơ mộng tới niềm vinh quang của các bá tước và các mệnh phụ.

Tác giả Cervantes đã hiểu rõ một lý tưởng đi sai đường và do tác phẩm, danh từ "quixotism" có nghĩa là bệnh hào hiệp viễn vông, và các tưởng tượng thái quá của Don Quixote đã khiến cho chàng hiệp sĩ này trở nên buồn cười, nhiều khi gặp phải tai nạn đáng tiếc. Don Quixote còn được mô tả là một anh hùng tôn giáo, sinh sống theo các giá trị bảo thủ, muốn biến đổi thế gian theo lối nhìn của mình, và qua nhân vật có lòng tin mù quáng này, tác giả đã châm chọc giai cấp quý tộc cũng như hệ thống đẳng cấp của nhà thờ. Vào thời kỳ còn bị kiểm duyệt bởi giáo hội và nhà cầm quyền, tác giả Cervantes đã khéo léo phê bình sự tương phản giữa lý tưởng và tính thực tế, bởi vì nhiều người không quan tâm tới các hậu quả thực sự của các hành động của họ trong cuộc sống.

Cervantes chắc hẳn đã đồng ý với Aristotle rằng nghệ thuật là một tấm gương phản ánh thực tại, nên đã tạo ra các ảo ảnh, đã bóp méo sự thực để nói lên chủ đề bằng cách khôi hài và đây là cách thể hiện của sự chống lại các giáo điều và sự trì trệ trí thức là những trở ngại đã bóp nghẹt sự diễn tả nghệ thuật của cá nhân. Nghệ thuật châm biếm của Miguel de Cervantes đã được pha trộn bằng nỗi buồn rầu và đôi khi bằng đặc tính bi kịch do nhiều ngớ ngẩn, nhiều vô lý của các nhân vật trong tác phẩm./.

Phạm Văn Tuấn
(Virginia)



THE SPIRIT OF THE WALL

You came to see my name today
 I saw you standing there
 Man, you sure look different
 With that silver in your hair

But me, I haven't changed
 I'm still the ripe old age of 21
 That's one of the things about us ghosts
 We're now and forever young

Do you remember how proud we were
 When we were called by Uncle Sam?
 And I remember being a little afraid
 When they shipped us to Vietnam

And I remember the heat
 And the marching through the mud
 And the sounds of all that shooting
 And the sight of all that blood

Then I remember when it was
 Time for us to go home
 But I couldn't go
 So you made that trip alone

You returned to a country
 That couldn't seem to understand
 How all the boys that left
 Came back a bunch of messed up men



LINH HỒN TƯỜNG ĐÁ

*Hôm nay bạn tới chốn này
 Tìm tên tôi, bạn đứng ngay trước tường
 Chào ơi! Trông bạn khác thường
 Với màu trắng bạc điểm sương mái đầu*

*Phần tôi đổi khác gì đâu
 Vẫn còn như cái thuở nào đôi mươi
 Thần linh quanh quất bạn tôi
 Luôn còn trẻ mãi với thời gian qua*

*Bạn còn nhớ thuở xưa xa
 Chúng mình hãnh diện được là chiến binh
 Khi Chú Sam gọi chúng mình?
 Tôi qua nước Việt, thật tình hơi lo*

*Nhớ chẳng cái nóng lu bù
 Mình cùng dấn bước qua khu bùn lầy
 Âm vang tiếng súng đêm ngày
 Máu me hình ảnh vương đầy khắp nơi*

*Rồi tôi nhớ lại bạn ơi!
 Chúng mình được lệnh tới thời hồi hương
 Nhưng tôi không thể lên đường
 Một mình bạn phải theo hàng quân đi*

*Bạn về nước, thấy lạ kỳ
 Nước mình nào hiểu chút chi dân tình
 Sao trai trẻ xa gia đình
 Trường thành xáo trộn thân kinh lẫn người*

Our country seemed a little naive
Before that mixed up war
Now we never can seem
To get things back the way they were before

Now some of us are just a name
Just a small part of history
But with the building of that wall
It somehow restored our dignity

I saw that there is still pain
Even after all these years
I'm afraid I saw a lot of
in your tears

But this is a wall of love
We hope that's what everyone feels
And the warm spirits of all the ones
That surround "The Wall That Heals"

I saw you had a family
A couple of kids and a pretty wife
Try to forgive the past
And have a happy life

I guess I'll go now
That I seem to have said it all
of me once in a while
The ghost that stays with "The Wall"

JUDY GORMAN KING

(Judy's Poem: The Spirit Of The Wall")



*Nước mình chất phác quá thôi
Khi vào chiến cuộc toi bời hỗn mang
Giờ đây có vẻ muộn màng
Phục hồi như trước nghĩ càng khó thêm*

*Bọn tôi còn lại chút tên
Dự phần nhỏ bé ghi lên sử nhà
Nhưng tường này được dựng ra
Bọn tôi phẩm giá thăng hoa khắc vào*

*Tôi còn nhìn thấy niềm đau
Dù bao năm đã trôi mau qua rồi
Sợ nhìn trong mắt bạn thôi
Buồn đau giọt lệ tuôn rơi đã nhiều*

*Nhưng tường biểu hiện thương yêu
Mong ai cũng cảm thông điều đẹp tươi
Và tinh thần khắp mọi người
Thăm "Tường Hàn Gấm", quên thời chiến chinh*

*Biết rằng bạn có gia đình
Con khôn, vợ đẹp vây quanh hiện thời,
Tâm hồn rộng mở đi thôi
Cố quên quá khứ, sống đời an vui*

*Bây giờ tôi phải đi thôi
Tiếng lòng thổ lộ đủ rồi bữa nay
Hồn tôi quanh quất tường này
Lâu lâu có dịp tỏ bày tâm can.*

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

(chuyển dịch thơ – 4 June 2011)



MÈO TRONG KHOA HỌC- ĐỜI SỐNG -THI CA

(Lời Toà Soạn: Vì số báo mùa xuân có nhiều bài viết về chuyện mèo nên chúng tôi đã gác lại bài viết công phu này của Tác giả Nguyễn Quý Đại vào số báo này. Năm Mèo vẫn chưa hết và những người yêu mèo vẫn muốn đọc chuyện mèo.)

Nguyễn Quý Đại

Theo Âm lịch Tết cổ truyền Việt Nam năm nay là ngày thứ Năm 03.02.2011 thuộc chi Mão, mèo đứng thứ 4 trong 12 con giáp. Mười hai con giáp xuất hiện trong Bát quái của Kinh dịch, lịch Tàu họ chọn Thỏ, nhưng người Việt chọn mèo vì nó gần với đời sống Văn hóa Việt Nam. Mèo dịu dàng dễ thương như chó, nhưng mèo được thuần hóa sau cùng.

Những nhà Khảo cổ học nghiên cứu dòng họ nhà mèo có từ thời tiền sử hàng triệu năm, đã hóa thạch từng tìm thấy ở các Châu lục. Mèo rừng (Wildkatze/ Forest cat) ở Phi Châu tên khoa học (Felis Silestris lybica), được thuần hóa trở nên mèo nhà (Hauskatze) tên khoa học (Felis Silestris Catus). Thời cổ đại người Ai Cập (Agypten) thuần hóa mèo khoảng 6000 năm trước Công nguyên (viết tắt TCN), tuy nhiên người ta cũng tìm thấy răng xương mèo khoảng 9000 năm TCN trong ngôi mộ cổ ở Jericho Isarel, ở đảo Zypern 5000 năm TCN và thung lũng Indus Harppa 4000 năm TCN. Thời cổ đại thuần hóa mèo vì chuột cắn phá mùa màng, mèo bắt chuột bảo vệ thực phẩm và săn các loại rắn độc nguy hiểm như Kobras và Vipern, từ đó mèo gắn liền với đời sống con người.

Nguồn gốc của mèo.

Mèo thuộc bộ ăn thịt (carnivore) cùng họ Felidea, các thành viên cùng họ với mèo to lớn (Pantherinae) như: Leopard (Panthera pardus); Gepard (Acinonyx jubatus); Löwe (Panthera leo) đều ở Phi Châu. Jaguar (Panthera onca) ở Nam Mỹ; Nebelparder (Neofelis nebulosa) sống ở Nepal và Tiger (Panthera tigris) sống vùng nhiệt đới.

Các loại mèo nhỏ (Felinae) ở Mỹ Châu (kleinkatzen

Amerikas): Rotluchs/ Bobcat (Felis lynx rufus) và Ozelot/Ocelot (Felis pardalis) thường ngủ ngày ở Nam Mỹ; Kanadischer Luchs/ Canadian lynx (Felis

lynx candenis) và Puma (Felis conolor) sống ở miền Nam Canada; Baumozelot (Felis wiedi) loại đuôi dài ở Mexiko đến Argentinien; Bergkatze (Felis jacobita) sống ở Nam Mỹ trên núi cao 5000m. Tiegerkatze (Felis tigrinus) ở Costa Rica và Kleinfleckkatze (Felis geoffroyi) ở Brasilien, Bolivien; Chilenische Waldkatze (Felis guigna)

Loại mèo ở Âu Châu và Á Châu. Schottische Wildkatze (Felis silvestris grampia) loại đuôi ngắn ở Anh Quốc, Spanische Wildkatze (felis silvestris iberica) và europäische Wildkatze (felis silvestris



europaca); Ở Ấn Độ Indische Steppenkatze (Felis silvestris ornate), Rostkatze (Felis prionailurus rubiginosus), Iromote Katze (Felis prinailurus iromotensis) bắt chim của ở các đảo của Nhật, Fischkatze (Felis prinailurus vierrimus) ở Silanka và Trung Hoa bắt cá và rắn, Luchs (Felis lynx) tai dài ở Sibirien, Manul (Felis manul) tai nhỏ phủ đầy lông ở Iran...

Mèo nhà

Chúng ta có thể phân biệt được mèo nhà và mèo rừng, mèo nhà bộ lông thay đổi nhiều màu sắc, mèo rừng không giấu phân, nhưng mèo nhà thường tìm chỗ kín để phóng uế, nên tục ngữ có câu “*giấu như mèo giấu cứt*”. Các nhà khoa học khám phá ruột của mèo nhà dài hơn mèo rừng, bộ óc nhỏ hơn 30% vì ảnh hưởng đời sống và thực phẩm mèo nhà nhỏ con, xương mặt rộng và mõm ngắn, cấu tạo răng cũng khác.

Mèo nhà có thể phân biệt hai nhóm: mèo lông ngắn và lông dài có lẽ nguồn gốc từ mèo rừng Châu Phi người Ai Cập đã thuần hóa đầu tiên. Từ đó du nhập đến các quốc gia đầu tiên Hy Lạp, La Mã, các thủy thủ mang về Ấn Độ khoảng 500 TCN; Trung Hoa 400 sau CN, Nhật 999 năm SCN; Norwegen; Byzanz (Istanbul) 400 năm SCN; Pháp và Quebec thế kỷ thứ 16, Mỹ 1620... Vùng Đông Nam Á có mèo Xiêm (Thái Lan), thông minh, dễ dạy, bắt chuột



mèo Sphynx
Helmi

giỏi. Có giả thuyết cho rằng mèo Xiêm cũng bắt nguồn từ mèo Siam.

Những thế kỷ qua mèo được lai giống đẹp, được nhiều gia đình yêu thích nuôi dưỡng khắp nơi trên thế giới như: Mèo Iran (Ba Tư) lông dài mặt tịt (Persian); Mèo Maine Coon, Mèo Exotic (gần giống mèo Iran khuôn mặt tròn tịt dễ thương nên tạm gọi là Iran lông ngắn) Abyssinian; Mèo Siamese;

Mèo Ragdoll; Mèo Sphynx không lông; Mèo Miến Điện (Birman); Mèo Mỹ lông ngắn (American Shorthair); Mèo Oriental; Mèo Tonkinese; Mèo Norwegian Forest Cat; Mèo Cornish Rex lông xoắn thanh mảnh, ngộ nghĩnh; Mèo British Shorthair; Mèo Devon Rex lông xoắn; Mèo Burmese; Mèo tai cụp (Scottish Fold); Mèo Ocicat; Mèo xanh Russian Blue; Gấu mèo Mau Ai Cập (Egyptian Mau); Mèo Somali cute; Mèo thỏ Manx không đuôi; Mèo Siberian cute; Mèo Nhật đuôi cụt (Japanese Bobtail); Mèo lông xoắn Selkirk Rex; Mèo Pháp Charteux; Mèo Thổ Nhĩ Kỳ Turkish Angora; Mèo Mỹ tai vênh (American Curl); Mèo Colorpoint Short Hair; Mèo European Burmese; Mèo mun Ấn Độ (Bombay); Mèo Mã Lai Singapura; Mèo Mỹ đuôi cụt (American Bobtail); Mèo Korat;



Mèo Angora

Mèo Bali (Balinese); Mèo Havana Brown; Mèo "hồ ư nước" Turkish Van; Mèo Javanese; Mèo Ragamuffin; Mèo Mỹ lông dày (American Wirehair); Mèo lông xoắn dài LaPerm...

Mèo lông dài

(Langhaarkatzen/longhair) có bộ lông xù tuyệt đẹp được lai giống thuần dưỡng các loại mèo: Balinse, Perserkatze từ 1620 ở Perien nhập cảng sang Ý rồi đến Anh Quốc từ thế kỷ 19, nặng từ 3,5- 7 kilo. Mũi ngắn, rộng, tai nhỏ nhọn lông phủ kín, mắt to tròn, chân ngắn mập.

Norwegische Waldkatze khoảng 1000 năm sau Công nguyên (SCN) từ Byzanz nhập cảng sang Norwegen, nặng từ 3-9 kilo, đầu như hình tam giác, tai rộng cao, mắt lớn

Mèo Cymric còn có tên „Cymru“ (Walissch für Wales) ở Mỹ, Canada nguồn gốc từ Bắc Mỹ nặng 3,5- 5,5 kilo. Đầu tròn cổ ngắn, chân trước ngắn hơn chân sau, đặc biệt loại này không có đuôi (schwanzlos).

Mèo tai nhỏ Scottish Fold nặng 2,4- 6 kilo chân dài thon nhỏ, mắt to đầu tròn, tai nhỏ, vành tai cụp vào đầu như mèo bị cắt tai, thích sống yên tĩnh.

Mèo Türkisch Van: có trước thế kỷ 18, nặng từ 3-8,5 kilo, tai lớn cao, mắt to hình oval, chân dài trung bình, đuôi dài nhiều lông

Mèo Türkisch Angora từ thế kỷ thứ 15, nặng từ 2-5 kilo thông minh nhanh nhẹn đầu nhỏ cổ thon, tai lớn dài, mắt hình oval, đuôi dài nhiều lông như một cái chổi, đẹp nhất loại lông màu tam thể. Từ thế kỷ thứ 17 nhập sang Anh-Pháp tới thế kỷ thứ 20 nhập cảng sang các quốc gia khác.

Mèo Nga (Russian cat) có lông xù dài, màu trắng, mắt xanh lơ chân to, giống như mèo Iran, nhưng mèo Iran có bộ lông 2 lớp với lớp lông dài phía ngoài và lớp lông ngắn khá dày ở bên trong. Đuôi của

chúng luôn xù rất nhiều màu lông khác nhau, giống mèo này mũi nhỏ và mắt to

Mèo Mỹ lông ngắn được xem là mèo đến đất Mỹ đầu tiên năm 1620 trong con tàu Mayflower/ Hoa Tháng Năm. Thủy thủ của đoàn Pilgerväter/Pilgrims nuôi mèo bắt chuột phá phách hàng trên tàu đến vùng Plymouth/Massachusetts (nguồn gốc Thanksgiving). Thời gian trôi qua, giống mèo sinh sản tại Bắc Mỹ được lai giống với các loại mèo lông dài, lông ngắn, để tạo ra một loạt các mèo con xinh xắn đủ chủng loại, thân dài hay mập, những bộ lông màu sắc đẹp, tính tình dịu dàng nhu mì và thân thiện. Năm 1906, hiệp hội CFA đã chính thức công nhận các giống mèo đáng yêu này.

Mèo Anh, loại lông ngắn phổ biến và được yêu thích. Hội đồng quản lý mèo Anh (UK's Governing Concil of the cat fancy) công nhận từ năm 1944, khi nó vượt qua giống mèo Thái.

Mèo không lông theo tên của Ai cập cổ „Sphinx“ (hay là loài mèo Canada) „haarlos/ Hairless“. Nặng 3,5-7 kilo, tai lớn đầu dài và rộng là giống mèo hiếm thấy trong họ hàng nhà mèo. Được tìm thấy từ năm 1966 khi tại Toronto, Canada có một chú mèo con không lông có tên Prune từ lúc sinh ra đến khi trưởng thành chỉ có những sợi lông tơ! toàn thân là những nếp da nhăn nheo, nên thân nhiệt cao hơn mèo có lông.

Mèo Sphynx rất thân thiện và quý hiếm. Con mèo này sau đó còn giao phối với mẹ của nó và sinh ra thêm nhiều chú mèo không lông khác. Và đây được coi là tổ tiên của loài mèo không lông ngày nay.



Tập tính của Mèo

Mèo không có các xương đòn cứng, xương sống của mèo có nhiều đốt di chuyển dễ dàng, có thể chui qua những lỗ nhỏ leo trèo nhanh, mèo đi trên các ngón chân có lớp đệm, Xương đuôi dài để giữ thăng bằng, thân thể mèo cấu tạo 7 đốt sống cổ, 13 đốt sống ngực, 7 lưng và 3 hông, tùy theo đuôi dài hay ngắn mèo có từ 14 đến 28 đốt sống đuôi. Thân mèo mềm mại nằm ngủ có thể cuộn tròn cơ thể, chân có vuốt nhọn, các vuốt chân trước sắc hơn chân sau đều thu lại nằm trong da và lông bao quanh đệm ngón chân, nên đi rất nhẹ. Từ trên cao rơi xuống mèo có phản xạ tự xoay thân tới vị trí thích hợp và rơi chân xuống trước.

Mèo cái tìm mèo đực trong mùa động tình, thường tiết ra mùi và tiếng kêu đặc biệt hấp dẫn ... Mèo mang thai từ 57 đến 70 ngày, khi sanh mèo thường tìm chỗ kín, đẻ mèo con trong bọc mèo mẹ liếm sạch bao cho mèo con chào đời, đôi khi sinh một đàn 2 đến 6 con nhỏ khoảng 100gr, bú sữa mẹ một tuần sau mở mắt. Từ một tháng tuổi trở đi chạy nhảy leo trèo và bắt mồi nhỏ, lúc nhỏ mèo mẹ ngậm cổ mèo con mang đi, từ 4 tháng mèo trưởng thành có thể bắt mồi. Mèo sống lâu trên 10 năm, không thích tắm nước nhưng có thói quen thè lưỡi tiết nước bọt vào chân của nó bôi lên toàn thân để làm sạch cơ thể, chải chuốt lông. Ban ngày mèo thích ở chỗ kín yên tĩnh ngủ nhiều giờ, hoạt động vào buổi sáng sớm hay về đêm, mắt mèo có tầm nhìn tốt nhất vì bóng tối tạo ra một màng lưới thị giác sáng hơn. Sự biến đổi màu sắc của mắt mèo giữa ánh sáng và màng trạch, ban ngày nơi trời sáng trông đen của mèo khép lại để khỏi bị lóa mắt. Mèo nhìn

rộng từ 200° bis 220°. Mắt mèo có 9 màu khác nhau: Braun/*brown*, Kupferfarbe /*copper color*, Golden, Babyblau, Siambrau, Birmablau, Meergrün/ *Sea Green*, Reines Grün/ *Pure Green*, Haselnussfarbe. Mèo uống nước rất nhanh lưỡi chạm nhẹ mặt nước kéo theo một lượng lớn nước, một tốc độ quá nhanh khó có thể nhìn thấy bằng mắt thường, mèo không nhận được vị ngọt của đường, nhưng xúc giác của mèo rất nhạy bén và tai mèo rất thính. Mèo ăn thịt cá nhưng đôi khi cũng nhai cỏ tươi để giúp cho sự tiêu hóa.

Mèo Trong Tín Ngưỡng

Mèo gần đời sống con người, nên có nhiều truyền thuyết, thần thoại, tranh, tượng... được thần thánh hoá. Tuy nhiên, mèo thỉnh thoảng bị coi là ma quỷ, ví dụ như nó không mang lại may mắn hay thường đi liền với những mục Phù thủy trong thời Trung cổ. Đặc điểm nền Văn hóa Ai Cập cổ đại về nông nghiệp, họ theo tôn giáo đa thần thờ nhiều thần linh. Biểu hiện nữ thần Bastet/Pasht (Bastet được coi là vợ của thần mặt trời Re, mẹ của sư tử thần Mahes. Bastet mình sư tử đầu mèo là sức mạnh của mặt trời, bảo trợ cho sự phì nhiêu và tình Mẫu tử. Nữ thần Bastet được thờ ở thành phố Bubastis, cách Cairo khoảng 50 dặm, thuộc phía đông vùng đồng bằng sông Nile. Di tích còn sót lại



của ngôi đền 2.200 năm tuổi tôn thờ một nữ thần mèo Ai Cập, được tìm thấy gần ga tàu điện ở Alexandria). Mèo sinh trưởng nhanh biểu tượng cho hạnh phúc và tình yêu. Theo nhà sử học người Hy Lạp Herodot (484-424 TCN) thời ấy nếu con mèo trong nhà chết, cả chủ nhà lẫn tôi tớ phải cạo lông mày và làm

lễ tang long trọng. Nếu mèo nuôi trong các đền thờ thì cả xóm làng, thành phố đó phải để tang. Sau khi chết, mèo được ướp xác và chôn riêng ở một nghĩa trang, chọn nơi rất cao quý. Địa vị cao quý của loài mèo có lẽ bắt nguồn từ khả năng bắt chuột tài tình ở các vựa lúa của Ai Cập. Sự sùng kính quá độ này đã gây không ít tai họa, ai vô tình làm chết mèo bị kết tội tử hình.

Một số huyền thoại về mèo: con mèo của tiên tri Hồi giáo Mohammed, xe của nữ thần Freya luôn luôn vẽ hai con mèo, cầu Devil về mèo. Các ngôi đền đứng ở Tokyo Go-To-Ku-Ji, vinh danh mèo "Neko Maneki". Ở Trung Quốc và Thái Lan vẫn còn thờ mèo như vị thần, ở Đông Timor ai giết một con mèo bị nguyên rủa cho tới bảy đời.... Ngày nay các nước Tây phương có Hội bảo vệ súc vật, nếu ai đánh hay giết chó mèo cũng bị phạt.

Văn chương, chuyện cổ tích, Phim và tác phẩm nghệ thuật

Các chuyện cổ tích của nhà văn Ásop thế kỷ thứ 6 trước CN, đến nhà thơ La Fontain (1621-1695), Carlo Collodie (1826-1890), Rudyard Kipling (1865-1936), beatrix Potter (1866-1943), Kathleen Hale (1898), Humorist Edward Lear (1812-1888), Lewis Carroll (1832-1898), Theodor Suess Geisel(1904-1991) và nhiều tác giả viết về mèo hấp dẫn làm độc giả say mê. Truyện cổ Nước Nam sự tích con chuột và con mèo. Nhật có sự tích mèo Kitty không miệng..

Phim với hình ảnh mèo một thời nổi tiếng như: Batman (1966); Batman Return

(1992); Frühstück bei Tiffany (1961) do nữ tài tử Audry Hepburn đóng được giải thưởng PATSY (Picture Animal Top Star Awards of the Year).

Die ungläubliche reise (1963); Harry und Tonto (1973); Die schöne und das Tier (1945); Cat& Dogs (2001); Rosenkrieg (1989) Die Nacht der tausend Katzen (1972); Katzenmenschen (1942); Die Schwarze Katze (1985); Superman (1978); Die katze aus dem Weltraum/ The Cat from Outer Space (1978) ...

Phim hoạt hình hiện đại, mèo là nhân vật chính: Họ Mèo tội phạm (1993), phim Walt Disney, mèo quý tộc (1970), Fritz the Cat (1972), Disney Chip und Chap . Những cuộc phiêu lưu của Al Katzone, những kẻ thù vĩnh cửu của chuột Mickey và Goofy, Pat Sullivan (1917), các nhân vật hoạt hình Felix the Cat, trong đó một con mèo đen được trình bày như là một diễn viên hài dễ thương. Các loạt phim hoạt hình Tom & Jerry (1939) mèo nhà Tom chơi với những con chuột Jerry thông minh, Alice in Wonderland, Petersburger Nacht.. Felidae (1994) Babe (1995), Stuart Little (2000)...

Mèo trong nghệ thuật, danh họa Pablo Picasso (1881-1973) rất yêu thích vẽ tranh mèo, tác phẩm nổi tiếng là „Cubist cat/Kubistische Katze“; Francesco Bassno (1549-1529) với tranh „Das letzte Abendmahl/ bữa ăn tối cuối cùng) có mèo và chó nằm dưới bàn; Joseph Wright (1734-1797) tranh „Das Ankleiden der Katze“; Hsuan Tsung ở thế kỷ 18 “vườn xuân mèo treo cây”

trong bảo tàng viện New York. Các danh họa Nhật của thế kỷ 18 &19 Utamaro (1753-1806) Kokusai những tác phẩm „beginnings of racial breeding/anfänge der Rassezucht“; Mädchen, das



eine diebische Katze bestraft/Girl who punished their impish cat“

Hí hoạ quảng cáo khắp mọi nơi đều gặp mèo, hoạ sĩ Nga Zar Peter d.Gr „đám tang mèo“; Jean Cocteau (1889-1963) tranh “*Club des amis des chats*“; Louis Wain tác phẩm “*đạo phố/ Stadtbummel*“; Hiroshi Fujimoto (1934-1996) tác phẩm „Doraemon“ ... Nhiều hoạ hiệu, tượng mèo bằng sứ, đồng, nhựa nổi tiếng qua nhiều thời đại...

Ngành Y Khoa, mèo được xem là mẫu thí nghiệm rất tốt. Schröginger đưa thí nghiệm mèo về “*Hiện tượng cơ học lượng tử*“. Việc phân tích trình tự genome của mèo có thể giúp dẫn đến những khám phá mới, tạp chí “*Nghiên cứu bản đồ gene*” các nhà khoa học Mỹ đã giải mã bản đồ gene hoàn chỉnh đầu tiên của mèo hy vọng tìm ra nguyên nhân và cách chữa trị nhiều căn bệnh hiểm nghèo ở người. Tuy nhiên nuôi mèo phải cẩn thận tránh bệnh truyền nhiễm do Toxocara Cati (giun đũa mèo), người bị bệnh có thể bị sốt, xanh xao, gầy ốm, ho khô khè kéo dài. Phải tắm mèo để tránh mô hôi mèo gây nên bệnh dị ứng, nuôi mèo ở Tây phương tốn kém phải có bác sỹ Thú y khám sức khỏe định kỳ, chải lông, xia răng cho mèo...

Hà Nội „đôi mới“ có nghĩa trang, Hotel, Chùa cho mèo chó có tên “*Tê đồng vật ngã*” nghĩa là vật và người cũng giống nhau, nhưng cũng lắm hàng quán bán thịt mèo „tiểu hồ“, mèo chó không dám thả ra ngoài sợ bắt ăn thịt... Bệnh viện „*Pet Health*“ chữa bệnh cho mèo chó, trong khi trẻ em Việt Nam còn thiếu ăn không đủ tiền đi học. Các „*đại gia-cán bộ*“ thích nuôi „*mèo hai chân*“.

Thực vật có loại cây Râu mèo/Orthosiphon có dược tính dùng trị bệnh thận, phù thũng, tiểu đường. Loại Táo mèo gọi là Sơn tra trị áp huyết, an thần...

Mèo qua thi ca

Từ nông thôn đến thành thị, người ta đều nuôi mèo để bắt chuột, trong dân gian có nhiều tranh như: mèo tha con cá, tranh mèo chuột, chuyện Trạng Quỳnh ăn cắp mèo của

vua. Bài quyền “*Miêu tẩy diện*” (mèo rửa mặt) nổi tiếng khắp làng võ Bình Định mô phỏng theo thể đánh nhu nhuyễn, linh hoạt của mèo..

Qua ca dao truyền khẩu rục rờ tinh hoa của thi ca bình dân, diễn tả đơn sơ trong sáng nhẹ nhàng. *Mèo già khóc chi chuột chết, ý nói người đạo đức giả không thực lòng mấy khi mèo chẻ thịt chuột, mèo nào chẳng ăn vụng, như mèo thấy mỡ, chỉ sự thêm bớt danh lợi chạy chọt mua bằng giá để có địa vị, uy thế trong xã hội để ăn hối lộ, tham nhũng như cán bộ CS thấy nơi nào có đất bán được thì bán để vinh thân phì gia, đúng là loại mèo mù vớ cá rán. Rình như mèo rình chuột, Mèo đang gặp chó hoang là những kẻ vô loại kết bè trư đảng với nhau.*

Con mèo làm bể nổi rang, Con chó chạy lại phải mạng lấy đòn những việc oan ức, *Mèo tha miếng thịt thì đòi, Kênh tha con lợn mắt coi chừng chùng* Âm chỉ đời sống xã hội bất công, kẻ có quyền hành ăn hối lộ, cướp đất của dân làm việc sai trái thì được bao che, ngược lại khi kẻ dưới sai sót nhỏ bị trừng phạt nặng.

Đánh giặc mà đánh bằng tay, Thà về xó bếp giương cung bắn mèo.

Trường hợp này rất giống hiện tình Việt Nam bị bọn Tàu xâm chiếm biển đảo, bắt ngư dân đánh cá trên biển Việt Nam để tổng tiền, đánh đập giá man, nhưng nhà cầm quyền Việt Nam chỉ phản đối bằng miệng không dám cho tàu Hải quân hoạt động vùng biển tranh chấp, bảo vệ chủ quyền và ngư dân trên biển đảo mà cha ông chúng ta bỏ xương máu giữ vững hàng ngàn năm qua.

Mèo yếu đuối hơn chó, thường bị chó rượt cắn uy hiếp, nhưng đôi lúc mèo cũng tự hào ta ở trên cao để chọc tức con chó đang hầm hừ dưới gốc cây :

Con mèo trèo lên cây vông

Con chó đứng dưới, ngó móng con mèo

Mèo rằng sao chó chẳng theo

Lên đây, mèo sẽ dạy leo cho mà.

Những câu ca dao ngụ ngôn là những bức tranh nhỏ có tính cách tâm lý, mèo chuột là hai địch thủ, không thể sống với nhau.

Con mèo trèo lên cây cau

Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà

Chú chuột đi chợ đường xa

Mua mẩn mua muối giỗ cha chú mèo

Qua bốn câu ca dao hài hước trên, nói mèo đạo đức giả, vờ vĩnh của phường nham hiểm, con chuột cũng không vừa, thông minh biết mắng xéo chú mèo. Ca dao tuy mang hình thức trào lộng về mèo, nhưng có nhiều ngụ ý khuyên răn ở đời dù ai có địa vị, có tài

cũng phải khiêm tốn đừng tự cao, huênh hoang như *mèo khen mèo dài đuôi*.

Năm mèo nói chuyện mèo, dù không đầy đủ mong độc giả đóng góp cho đề tài về mèo phong phú hấp dẫn hơn. Kính chúc quý vị một mùa xuân an bình, khoẻ mạnh và may mắn.

Tài liệu tham khảo

Katzen Die neue Enzyklopädie tác giả Dr. Bruce Fogle NXB Dorling Kindersley 2002
Hình trên Internet

Tiere und Lebensräume Wissensbibliothek

NGUYỄN QUÝ ĐẠI (Germany)



Buổi Ra Mắt
Hồi Ký Tìm Tự Do
Unforgettable Kindness
Sách Song Ngữ

Tác giả *Cung Thị Lan* và
Dịch giả *Diễm Trần Kratzke* kính mời

Mason District Government Center
6507 Columbia Pike
Annandale, VA 22003

Ngày 3 tháng 12 năm 2011
Từ 1giờ đến 3giờ 30 chiều

Mọi chi tiết xin liên lạc
Lê Tổng Mộng Hoa (703)354-0051
Phạm Quang Hiệp (240)494-6996
Kratzke Từ Diễm Trần (703)435-3380

TRƯƠNG ANH THỤY VỚI TRUYỆN DÀI “CHUYỂN MÙA”

HỒ TRƯỜNG AN

Giữa lúc tình trạng văn chương nói chung, công việc tiêu thụ sách ố ở hải ngoại nói riêng trên đà suy thoái, các nhà văn phải chùng tay viết, một vài nhà xuất bản đã lần lượt đóng cửa. Do đó, sự trình làng của tác phẩm trường giang (roman fleuve) dày hơn 800 trang với cái tựa *Chuyển Mùa* của chị Trương Anh Thụy vào giữa thu 2004 làm chúng ta phải ngẫm nghĩ. Đây là một cây bút can đảm, không phải chỉ ở chuyện không quản ngại tốn công sức và tiền bạc, mà ở chỗ dám tung ra cái thông điệp lạ lẫm về chính kiến, cái nhìn đặc thù về xung đột giữa hai phe Quốc Cộng cho kiều bào ở khắp bốn phương trời hải ngoại suy ngẫm. Thông điệp nhấn gửi điều gì? Có phải chăng cái quan niệm mới mẻ về chủ nghĩa, lập trường? Có phải chăng cách suy nghĩ và hành động của chúng ta trước những biến chuyển thời cuộc không ngừng nghỉ trên đất nước quê hương? Có phải chăng sự tìm kiếm hạnh phúc ở vật chất lẫn tinh thần và tâm linh cho đồng bào ở quốc nội lẫn cho kiều bào ở hải ngoại? Những điều đó có thể hiện trọn vẹn hay không, chúng ta không làm sao nắm bắt được rõ rệt và trọn vẹn được. Chúng ta chỉ biết để hình thành một tác phẩm gọi nên hình ảnh một tòa kiến trúc đồ sộ và nguy nga tráng lệ này, tác giả phải đi nhiều

nơi, đọc nhiều sách, sưu tầm nhiều tài liệu trong phim ảnh, bưu ảnh nữa.

Chính trị, chủ nghĩa là một vấn đề phức tạp. Tác giả đặt ra nhiều vấn đề lớn lao cho độc giả mà mọi sự phô diễn, giải bày, tư duy nếu không sâu sắc và tinh tế thì trong lần tơ kẽ tóc sẽ gây nhiều ngộ nhận cho những độc giả cuồng tín, quá khích và nông nổi. Có lẽ tác giả không sợ nếu vô ý mình sẽ đi dưới ba bốn lần đạn. Chị cố gắng nắm bắt lấy cái ý thức về tự do đích thực, về độc lập đúng nghĩa, về cuộc tranh đấu cho tổ quốc và dân tộc nói chung, cho các bạn đồng tâm đồng lý tưởng với mình nói riêng.

Tôi cũng xin nhấn mạnh: *Chuyển Mùa* không hẳn thể hiện một cuộc cách mạng tư tưởng về chính kiến, về chủ nghĩa. Cách mạng là tiêu hủy hoàn toàn cái cũ (con người và mọi cơ cấu quốc gia) để xây dựng cái mới theo chủ trương nhóm đề xướng. *Chuyển Mùa* tuy đặt lại nhiều vấn đề, khuyến đảo nhiều thành kiến, nhưng tác giả không đặt những con người sinh ra trong một chủ nghĩa và trong một chế độ đi ngược lẽ lối suy nghĩ của tác giả vào hàng đối thủ để rồi án họ một cách hung hãn táo tợn. Chị tìm hiểu họ, soi sáng họ không bằng lý luận nghiêm khắc và không bằng giáo điều khô khan mà bằng tình người bao la, bằng cảm thông đặc biệt. Tác giả mượn cuộc đối thoại giữa Tưởng và Nga để nói lên quan niệm của mình:

- Nhưng em thấy con đường anh đang đi là con đường không thực tế nhất. Anh không biết, ở trong nước, vẫn còn rất nhiều người cộng sản tốt, họ có tài, có lòng, và yêu nước thật sự. Tại sao anh cứ nhất định đòi xóa bỏ cả chế độ?

- Em hiểu lầm hết rồi. Xóa bỏ chế độ Cộng Sản không có nghĩa là loại bỏ những người mà em gọi là cộng sản tốt. Họ chỉ cần lột cái xác cộng sản và để trần cái tốt ở lại, là anh ôm chầm lấy họ ngay.

- Thế bỏ chế độ Cộng Sản rồi thì lấy chế độ nào thay thế vào đó?

- Tất cả vấn đề là « con người ». Con người ở với nhau, con người đối xử với nhau trên căn bản công bằng và nhân bản. Không ai có quyền nhân danh chủ thuyết này, chế độ nọ để đàn áp, bắt người khác phải theo mình. Dựa trên căn bản đó, chế độ nào gần với con người, đáp ứng được những nhu cầu căn bản của con người, thì chế độ đó, cuối cùng rồi sẽ thắng.

(trang 137, 138)

Tác phẩm *Chuyển Mùa* thuộc loại tiểu thuyết luận đề về chính kiến, chớ không phải loại tiểu thuyết luận đề về phong tục mà nhóm Tự Lực Văn Đoàn thời tiền chiến đã từng chủ trương. Nó chia làm 3 tập: *Trạm Nghỉ Chân*, *Ma Lộ*, *Chuyển Mùa*. Nó gồm trên 60 nhân vật, nhưng vai chánh là Tường và Thường Nga liền. Một mối tình đẹp giữa hai kẻ có chính kiến dị biệt. Nhưng tâm sự tha thiết và u hoài chỉ ở mức độ khả dung thôi. Nó có sức quyến rũ cho đến nỗi dễ làm cho nam độc có cảm tưởng mình hóa thân thành Tường, dễ làm cho nữ độc giả có cảm tưởng mình hóa thân thành Thường Nga.

sở thích: nếu ai xem *Chuyển Mùa* là cuốn luận đề chính trị có lồng vào vài mối tình để cho tác phẩm thêm tươi mát thì cũng đúng. Còn nếu ai xem đây là tiểu thuyết tình dựa trên các bối cảnh hải ngoại mà người Việt tỵ nạn Cộng Sản đang sinh hoạt thì cũng không hẳn hoàn toàn sai.

*

Trước hết, chúng ta hãy bước vào tập 1 *Trạm Nghỉ Chân*. Tập này gồm 162 trang. Chúng ta được dự khán mối tình giữa Tường và Thường Nga liền. Một mối tình đẹp giữa hai kẻ có chính kiến dị biệt. Nhưng tâm sự tha thiết và u hoài chỉ ở mức độ khả dung thôi. Nó có sức quyến rũ cho đến nỗi dễ làm cho nam độc có cảm tưởng mình hóa thân thành Tường, dễ làm cho nữ độc giả có cảm tưởng mình hóa thân thành Thường Nga.

Tường Anh Thụy sáng tác *Chuyển Mùa* vào giữa mùa thu cuộc đời. Nhưng chị lại viết tập trung vào tuổi trẻ, tuổi của mùa xuân tình yêu. Nhân vật chính cũng như những nhân vật quan trọng của chị đều là những người trẻ tuổi, lẽ nào chị chỉ tặng cho họ trái tim nhân ái hoặc trái tim ái quốc mà không ban cho họ trái tim dào dạt sóng tình và thấp thoáng giấc mộng lứa đôi? Cho nên chị phân trái tim họ làm 3 cái ô vuông: một ô chứa lòng nhân ái, một ô chứa lòng yêu nước và một ô chứa tình yêu đôi lứa cùng giấc mơ xây tổ uyên ương. Như thế nhân vật mới sống thực hơn, tràn ngập nhân tính hơn và khả ái hơn. Và độc giả nhờ vậy mà khỏi ngao ngán và khỏi ngủ gục trên từng trang sách.

Tường và Thường Nga là thành phần út tú trong cái môi sinh Quốc Gia (Tường) hay

trong cái môi trường Cộng Sản (Nga). Tường chống Cộng với kiến thức căn bản và chín chắn, với ý thức sáng rõ cùng với kinh nghiệm sâu sắc. Chàng đã cực nhọc sống vài năm dưới chế độ Cộng Sản. Rồi chàng theo gia đình vượt biên, gặp cảnh thừa chết thiếu sống. Khi định cư trên đất nước Hợp Chúng Quốc, trong những năm đầu chàng phải làm lụng để giúp đỡ gia đình, rồi sau đó chàng vừa tự mưu sinh vừa đi học và vừa đóng góp vào công cuộc chống Cộng. Chàng nhận định đối với Cộng Sản là phải nhỏ cỏ thì phải nhổ tận gốc.

- *Nếu nói thế thì em cũng có thể nói là các ông lãnh tụ Việt Nam làm sai, thì các ông ấy sẽ phải sửa sai, hoặc già rồi các ông sẽ chết, Việt Nam sẽ dần dần thay thế các ông ấy bằng giới trẻ. Việc gì phải xóa bỏ cả chế độ?*

- *Không! Nói thế không được. Chính cái chế độ nó đưa cả dân tộc vào chỗ lầm than, thời phải trừ nó tận gốc rễ. Diệt trừ mấy ông lãnh tụ là mới trừ cái nạn.* (trang 58)

Thường Nga là một du học sinh, được học bổng Ford Foundation và lưu học tại Wasghington D.C. Trước đó, khi còn ở trong nước, nàng được Hải Đăng, nhà văn nổi tiếng mê say đeo đuổi; nhưng nàng không cảm thấy trái tim mình rung động dù chàng là giấc mơ lộng lẫy của biết bao cô thiếu nữ khác. Nàng quan niệm về tương lai của đất nước theo lập luận của chủ nghĩa Cộng Sản đã từng nhồi sọ nàng từ thuở bé thơ; lập luận mà Tường cho là một chiêu:

- Em cũng biết là đổi mới chưa đủ, còn phải tiến xa hơn nữa. *Nhưng trong bất cứ sự cải tổ nào, không muốn có những xáo trộn đến độ không thể kiểm chế nổi, như trường hợp Liên Xô chẳng hạn, hoặc không muốn đổ máu*

như trường hợp Thiên An Môn, thì phải đi dò dẫm từ từ. Em hy vọng là sẽ không bao lâu nữa, nước mình sẽ có dân chủ tự do nhiều hơn...

(trang 54)

Lập trường, chính kiến làm cho Nga giận Tường nhiều phen. Cả hai cứ cãi lầy khi động tới lý tưởng và khuynh hướng chính trị của nhau. Nhưng mà xuyên qua những cuộc tranh cãi ấy, độc giả đều nhận thấy tấm lòng ái quốc của hai bên, cái ưu thời mẫn thế của mọi bên. Tuy nhiên, khi phân tích tình hình thời cuộc cùng mọi vấn đề chính trị với Tường, Nga không cảm nhận sâu sắc được mấy cái hợp lý hợp tình trong lập luận của chàng.

- *Mấy ông lãnh tụ của chế độ Miền Nam cũ đó có quyền gì mà nói thay cho hơn ba trăm ngàn tù cải tạo? Họ có quyền gì mà nói hộ cho nửa triệu người chết chìm dưới đáy biển, và hàng trăm ngàn người hiện còn đang kẹt tại các trại tỵ nạn, đang hằng đêm sống thấp thỏm sợ bị trả về cho chế độ mà họ đã chối bỏ? Chừng nào còn bóng dáng mấy tên đao phủ ngồi cao chót vót trên ghế nhà nước, với mấy tên hề riều dờ của chế độ miền Nam cũ, đang ngấp nghé đón gió trở về làm to ở Việt Nam, thì chừng đó những người dân Việt mà anh kể trên, sẽ còn chưa quên.*

(trang 125)

Nga rất thích đường lối chính trị của Định và nhóm của đương sự. Đó là một đường lối ôn hòa mà nàng cho là tế nhị. Nga thân ngay từ đầu với họ. Một nhóm toàn sinh viên và chuyên viên trẻ có những tư tưởng rất khoáng đạt. Nhóm này thường xuyên họp nhau, nghiên cứu, thảo luận những đề tài chính trị, chuyên môn... và sẵn sàng trở về

phục vụ cho quê hương. Họ thường mời những lưu học sinh Việt Nam, hay các anh chị sang làm ở Ngân Hàng Thế Giới, đến thảo luận với họ, để họ có dịp tìm hiểu Việt Nam hiện giờ trong các lãnh vực khoa học, kinh tế, xã hội, giáo dục...

Nhưng rồi, chính nhờ tiếp xúc với chị Phượng, một kẻ ty nạn Cộng Sản, nhờ cuộc tham dự buổi chợ Tết và đêm không ngủ tại đài kỷ niệm Lincoln làm cho Nga đặt lại vấn đề về những kiến thức mà chính quyền Cộng Sản nhồi nhét vào đầu óc mình. Chị Phượng kể cho Nga nghe bao chuyện điều đứng của gia đình chị trong cuộc đổi đời sau ngày 30/04/1975, chính cái lòng ngay dạ thẳng và lời kể không hoa hòe hoa sởi của chị làm Nga bàng hoàng dao động. Ở buổi chợ Tết, Nga gặp nhóm bán quà tặng để gây quỹ cứu người vượt biển. Cái tấm bích chương ở đây với hình ảnh khổ cực của kẻ liêu chết vượt biển trong đó có bấy trẻ em làm nằng đau xót.

Cái động lực lớn nhất và mạnh nhất làm khuynh đảo chính kiến của Nga là những bức thư của Thanh Nhân, cô bạn thơ ấu rất thân thiết với nàng hiện đang ở Mát-xcơ-va. Khi Nhân qua Mát-xcơ-va du học thì Nga còn ở trong nước. Cả hai thường viết thư cho nhau. Bẵng đi hai năm, Nhân không hồi âm cho hai bức thư sau cùng của Nga. Giờ nghe Nga qua Hoa Kỳ du học, Nhân bèn nói lại sởi đây liên lạc. Trong thư, Thanh Nhân không ngần ngại vạch trần chế độ mị dân của chính quyền Cộng Sản đương thời ở quê nhà:

Cởi mở chỉ đủ cho quả bóng xì bốt hơi, cho dân khỏi nổi loạn. Vì thế mới chỉ là cởi mở nửa vời, vì vẫn còn cái đuôi theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa đưa đến thảm trạng

luật lệ mỗi lúc một khác. Còn kinh tế bây giờ là kinh tế giả tạo. Giả tạo ở chỗ mình không có thực quyền. Cái gì cũng để cho bọn tư bản nước ngoài chi phối. Nhưng đau một nỗi là những bọn tham nhũng, trong đó có vợ con các ông to lại rất hưởng ứng thứ kinh tế này. Họ đang thu những món lợi ăn xổi, làm giàu nhanh, còn tương lai quốc gia, dân tộc, họ mặc kệ. Nếu mình cố võ cho thứ kinh tế đó, nếu mình cam nhận thứ cởi mở đó, là mình đầu hàng, và mối nguy cơ phá sản đang đến với dân tộc. Sự thực nó như thế, làm thế nào tao nói với mày được lúc ấy, tao nghĩ là không viết nữa còn hơn. (trang 168)

Thanh Nhân được học bổng sang Nga. Sau 5 năm, nàng phải trở về nước. Ai muốn ở lại phải sống trốn tránh trong các khu nhà tập thể nghèo nàn. Họ phải buôn bán chợ trời để kiếm sống. Họ bị dân chúng Nga thù ghét, bị bọn Ma-phi-a và bọn cảnh sát Nga đánh đập như cơm bữa. Nước Nga không có quy chế tị nạn cho dân Việt Nam. Nước họ đang nghèo đói, túng quẫn. Còn Thường Nga thì sau khi tốt nghiệp nàng sửa soạn về nước. Nàng đưa ảnh và thư của Thanh Nhân cho Tường xem và yêu cầu chàng nên giúp đỡ gì được cho cô ta thì nên giúp. Xem ảnh Thanh Nhân, Tường bật ngửa ra. Thanh Nhân chính là Minh Châu, cô gái đã đưa chàng đi gặp gỡ anh chị em bên Nga trong kỳ chàng qua Nga vừa rồi. Thì ra Nga qua Hoa Kỳ để học văn hóa của một nước giàu mạnh hàng đầu, tự do dân chủ hàng đầu. Nhưng cái quan trọng là nàng đã học hỏi cái tự do dân chủ mà từ bao lâu nàng sống trong môi trường bưng bít của chủ nghĩa Cộng Sản, nàng chỉ nhận được cái mặt

trá hình bịp bợm của cái tự do dân chủ ấy. Cho nên trong bức thư viết cho Tường khi nằng ghé Bắng-cốc có đoạn:

Anh ạ! Ở nhà ra đi, hành trang em nhẹ hẫng. Lúc về sao mà nặng trĩu, toàn những điều phải suy nghĩ... Em trân quý tất cả những giây phút bên anh, dù những giây phút đó có khi là yêu thương, giận hờn, hoang mang, tin tưởng, hoài nghi, thất vọng, hi vọng, buồn hay vui... Tất cả những cái đó đã cho em những phút sống trọn vẹn của một con người có tim óc, và có cơ hội trải rộng tim óc của mình trên mặt phẳng một cách tự do, thoải mái.

Em không biết những ngày trước mắt sẽ ra sao, chắc chắn sẽ đầy rẫy khó khăn. Nhưng em tin là em sẽ vượt được, vì em biết em có anh. Anh sẽ từ xa nhìn về, theo dõi từng bước em đi... (trang 192)

Yêu đương thường đến với chúng ta nhanh chóng theo kiểu cú sét ái tình. Nhưng còn hoá cái một thành kiến, một tư tưởng thì phải chậm chạp, phải từ từ. Lý thuyết suông trơn dù có hùng hồn đi nữa vẫn không ưu việt bằng chứng nghiệm, bằng những điều tai nghe mắt thấy. Có ra hải ngoại, Thường Nga lần Thanh Nhân mới ra khỏi cái hũ nút để nhìn thấy sự thật của một chủ nghĩa dựa trên sự tuyên truyền láo khoét của bọn Cộng Sản. Cái khéo của tác giả Trương Anh Thụy là chị viết khoan thai, thông thả vạch cho nhân vật Thường Nga những biến cố chạm mạnh vào tâm hồn, vào trái tim và vào ý thức của Nga qua những nếp sống cởi mở phóng khoáng, qua những cuộc chống Cộng nồng nhiệt của dân ty nạn Cộng Sản. Nhờ vậy, sự hoá cái chính kiến dành cho Nga kiên cố hơn, tiến sâu

vào nếp tư duy của Nga bằng từng bước vững chắc hơn.

Tình yêu giữa Nga và Tường có nhiều pha tranh cãi nhiều hơn những pha âu yếm. Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Lý tưởng, chủ nghĩa, tôn giáo của mỗi cá nhân là những điều thiêng liêng, đừng ai nên động chạm đến. Nhưng Tường lẫn Nga dù có chính kiến bất đồng, nhưng trái tim họ vẫn gạt điều đó qua một bên để hát lên bản tình ca tràn đầy nhân tính.

*

Tập 2 với cái tựa *Ma Lộ* là tập dài nhất gồm 410 trang kể chung với 5 trang phụ bản. Nó dài gấp 3 lần tập đầu tiên vì có nhiều sự việc để tác giả khai thác. Từng biến cố trong và ngoài nước cuống quýt xảy ra. Từng vận chuyển thời cuộc nướm nượp kéo tới. Tường ở Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn vừa đi học vừa làm báo Vượt cùng các hoạt động văn hóa, chính trị, xã hội cho nhiều đoàn thể. Những người cộng tác với Vượt gồm có Nguyễn Việt (chủ nhiệm), Phùng (tổng thư ký tòa soạn), Danh, cặp vợ chồng Thuận & Hòa, cô Đan Thanh, cô Như... Về phần yểm trợ tài chính có nhà sách Dân Trí do vợ chồng Thuận trông nom. Nhóm báo Vượt tổ chức buổi lễ ra mắt với cái tên Buổi Sinh Hoạt Vượt Sóng rất thành công. Nhưng tờ báo Vượt lại bị tai nạn. Một số báo ở Thủ Đô Hoa Thịnh Đôn vì ghen ghét báo Vượt nên vu khống báo Vượt giả trò hòa hợp hòa giải với Cộng Sản.

Tường khéo léo gỡ rối... Báo Vượt thoát nạn vu khống và từ đó phát triển khả quan. Ở đây, Trương Anh Thụy có vẻ thành thạo đối với báo giới và các ngành truyền thông

khác, một đặc điểm xương sống trong sinh hoạt của các cộng đồng người Việt ở rải rác khắp bốn phương trời hải ngoại khi chị viết thêm về đài bá âm Làn Sóng Dân Chủ.

Tường bay xuống Cali ăn cưới cô em ruột. Ở đây, chàng quan sát cái sinh hoạt giới y khoa trưởng giả, cái thành công của người Việt định cư ở hải ngoại cùng cái xã hội thời thượng của giới này. Chàng có dịp đàm luận với ông Cát, cha của chàng. Ông hẳn học với Tường về vụ chàng dan díu với cô Thường Nga Cộng Sản. Ông vốn nổi tiếng quá khích cực đoan trong việc chống đối Cộng Sản nên lý luận ông gay gắt, hùng hổ:

- Bây giờ anh lại nói cái chiêu đó. Anh tin những đảng viên đang chống đối đảng là họ thật lòng bỏ Đảng đấy à? Thế những Nguyễn Hộ, Hà Sĩ Phu, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo...vv... có bỏ đảng không, hay họ chỉ muốn cho Đảng khá hơn mà thôi? Đảng khá hơn nghĩa là Đảng sẽ vững mạnh để độc trị cái nước Việt Nam một trăm, hai trăm năm nữa à? Coi chừng không có lại chui vào cái bẫy Trăm Hoa Đua Nở như dạo nào là chết ráo cả. (trang 254)

Tập *Ma Lộ* có nói tới 4 mối tình của 8 nhân vật, chỉ có Tường là nhân vật chánh, còn những nhân vật kia, trừ nữ thi sĩ Huyền Hoa ra đều là những nhân vật tuy không chánh như Tường, nhưng vẫn là những nhân vật then chốt, vượt xa nhân vật phụ. Nữ sĩ Huyền Hoa thì đúng là nhân vật phụ, chỉ được nói tới ở vài trang rồi nàng bị tác giả cho lặn sâu trong cái tổ ấm lứa đôi của Nguyên Việt và cô ta. Còn các nhân vật trong các cuộc tình kia đều đóng vai chủ động trong cơn xáo động của tình cảm. Họ

lại còn dấn thân vào guồng máy sinh hoạt của lớp người ưu tư trước những khúc quanh của lịch sử, trước những biến chuyển của thời cuộc. Đấy! Tác giả dù có mê say vận hội mới đang xảy ra trên đất nước thân yêu của chúng ta, đang xảy ra trong khối Cộng Sản Quốc Tế, nhưng chị đâu có quên nhu cầu tình cảm quan yếu và tràn ngập trữ tình của các bạn. Xin được kể những mối tình sau mối tình giữa Tường và Thường Nga: Mối tình giữa Tường và Minh Châu (tên thật là Vũ Thanh Nhân, bạn thân của Thường Nga). Trong mối tình này có lờn vờn hình bóng của Nga qua những bức thư của Nga từ Việt Nam gửi cho chàng. Nhưng éo le và ngộ nghĩnh thay, Minh Châu không ngờ Tường là người yêu của bạn mình. Và Nga cũng không biết Thanh Nhân đã xâm lăng được trái tim của người yêu mình.»

Mối tình giữa Vinh (em trai kế của Tường) và Trâm một cô gái ở Việt Nam. Đây là một mối tình suông sẻ, hạnh phúc và thơ mộng. Mối tình giữa Nguyên Việt và Đan Thanh trước đó đã bị lung lay, rồi sau đó, qua sự hiện diện của Huyền Hoa phải đi đến chỗ tan vỡ hẳn. Đan Thanh yêu Nguyên Việt, muốn hợp thức hóa cuộc dan díu của đôi bên, muốn cụ thể hóa giấc mộng lứa đôi với người yêu của mình. Còn Nguyên Việt khi chưa gặp Huyền Hoa chỉ yêu lý tưởng và công việc của mình. Nhưng trước hình bóng mỹ hoặc và trước cái huênh hoang nhộn nhàng của Huyền Hoa, trái tim Nguyên Việt bừng sống một cách lạ lẫm. Thế là Đan Thanh đành bị chàng gạt qua một bên cuộc đời chàng luôn. Mỗi mối tình của từng cặp tình nhân đều có sắc thái kỳ đặc, một phong

thái riêng biệt. Tôi sẽ lần lượt kể lại từng mối tình. Trước thảm nạn của quốc gia, trước cao trào của dân tộc, chúng chẳng có nghĩa lý gì cả. Nhưng suốt trên 800 trang giấy, nếu không có một mối tình đặc thù nào hay có những mối tình vụn vặt, lẽnh loãng nào thì cái hấp lực của tác phẩm bị giảm thiểu, cái nhân tính của những nhân vật trẻ tuổi bị tước đoạt một cách vô duyên trớ trêu.

Tường dù không được tác giả mô tả chân dung, vóc dáng, cách ăn mặc... nhưng chàng hiện diện trong tác phẩm với một hấp lực mãnh liệt, với cái hào khí lẫm liệt, với tâm hồn bén nhạy tình cảm thiết tha. Đó là một kẻ có lý tưởng sáng lạng và tình người đậm đà. Chàng là thần tượng của tuổi trẻ. Tác giả tạo ra chàng để gây niềm tin cho dân tộc chúng ta rằng tổ quốc chúng ta đã có một đứa con yêu như chàng. Tạo ra chàng, tác giả cũng dùng để o bế và nâng niu giấc mộng lứa đôi của các cô thiếu nữ có tâm huyết. Như thế, cuộc bút trình của tác giả từ tập truyện *Ánh Mắt* qua toàn bộ *Chuyến Mùa* (từ tập *Ma Lộ* trở về sau) đã có cái không khí nhất quán: yêu thương và tin cậy tuổi trẻ.

Trước khi vào truyện, Tường và Tuyết yêu nhau. Nhưng Tường chỉ lo chạy đuổi giấc mơ tham gia vào lịch sử, theo hoài bão xây dựng sự nghiệp trên lý tưởng chống Cộng. Bởi thế, Tuyết kết hôn với Định, bạn chung của cả hai. Tường vui sướng vì biết Định là người chồng tốt sẽ đem hạnh phúc cho Tuyết. Từ đó, Tuyết trở thành cô em gái thân ái của chàng và Định vẫn là bạn thân của chàng.

Lần thứ hai sang qua nước Nga, với bí danh là Năng, Tường hợp tác với một thành

viên đồng lý tưởng tên Chấn chạy chọt được giấy hộ chiếu cho Minh Châu. Điểm hẹn là đến biên thùy Tiệp và từ đó có người đưa Minh Châu tới tỉnh Gomaringen, thuộc vùng Forêt Noire, Tây Nam nước Đức. Tại đây, Minh Châu trú ngụ trong chùa Thiên Lâm do sư Giác Minh trụ trì.

Câu chuyện có vẻ phiêu lưu, nhưng tựu trung nó phản ánh được cái thời đại của dân tộc ta sau khi miền Nam bị Cộng Sản miền Bắc cưỡng chiếm. Những kẻ mưu sinh dấn thân vào các cuộc phiêu lưu ở chợ trời, ở các mảnh mung buồn lậu. Những kẻ tìm cách vượt biên cũng là làm cuộc phiêu lưu, chấp nhận cái chết khi con tàu hãy còn lênh đênh trên đại dương. Rồi khi bức tường Bá Linh sụp đổ, kéo theo Liên-xô và các nước Đông Âu từ bỏ chủ nghĩa Cộng Sản, các tường nhân, các lao nô vượt biên giới tràn qua Đức, dấn thân vào cuộc phiêu lưu để mong tìm gặp một đất nước dung thân. Cho nên cái chuyện Tường lo cho Minh Châu cái giấy hộ chiếu giả để qua Đức không phải là sản phẩm trong tiểu thuyết phiêu lưu trinh thám. Nó là một trong muôn ngàn cái phản ánh của cuộc liêu linh đi tìm tự do để làm bùng sáng cái can trường của dân tộc ta, cái niềm ham chuộng tự do của dân tộc ta. Thiếu yếu tố phiêu lưu tìm tự do, tác phẩm trường giang sẽ thiếu một vấn đề then chốt thường xảy ra hằng ngày trên đất nước chúng ta.

Đối với Thường Nga, Tường phải mắc công cãi lầy, phân tích vấn đề Quốc Cộng mà cũng chưa chắc đưa nàng đối diện với chính nghĩa mau chóng. Nhưng với Minh Châu thì khác. Cô thiếu nữ khi du học bên Nga đã chứng kiến được cuộc Boris Yetsin đảo chánh bọn Cộng Sản, được thấy sự cởi

trời đích thực, được thở không khí tự do của dân tộc Nga nên cô không còn tin tưởng Nhà Nước và Đảng Cộng Sản Việt Nam nữa. Song Minh Châu vốn bị nhồi sọ bởi giáo điều Mác & Lê-ninh từ nhỏ, giờ tuy cô không còn tin tưởng chủ nghĩa Cộng Sản nữa, nhưng để gì cô chịu thối thuân nếp sống tâm linh khi cô ở chùa Thiên Lâm? Thế nhưng, khi cô gặp võ sư Huỳnh Long vốn là bạn thân của bố cô trước đó, giờ đang tu hành ở đây nên cô được ông hướng dẫn về Tâm Từ Bi trong Phật giáo. Lời giảng dễ hiểu, dựa trên tinh thần khoa học làm cô giác ngộ để khám phá ra chân trời tư tưởng mới.

Mối tình giữa Tường và Thường Nga trong sạch quá, có thể làm độc giả trẻ sốt ruột. Nhưng ở mối tình giữa Tường và Minh Châu thì lúc đầu Tường cố gìn giữ cho trong sạch và thiêng liêng. Nhưng có lẽ tác giả sự tình ngộ vì chợt nhận ra mình đã bỏ rơi cách yêu đương của thế hệ trẻ tuổi hiện đại. Cho nên chị cho Tường và Minh Châu từ chỗ rung động con tim đi đến chỗ giao thoa giữa hai thân xác thật say đắm nồng nàn. Tuy nhiên, tác giả miêu tả rất dè sẻn ngại ngùng vì chị sợ nếu mình hở hênh thì từ chỗ miêu tả ngòi bút chị sẽ lọt qua lãnh vực khiêu dâm.

Hai người cứ ngồi yên như thế không biết trong bao lâu. Người này không đoán được người kia có thực sự chú ý, theo dõi các diễn tiến trong phim hay không. Tường quàng tay ôm vai Minh Châu. Không do dự, nàng thu mình, ép đầu vào ngực chàng, nghe nhịp tim chàng đập. Nàng ngộp lên vì cái hạnh phúc mà nàng nghĩ chỉ trong mơ mới có. Mấy năm trời, kể từ sau lần gặp Tường ở St. Petersburg, nàng ôm ấp một niềm tưởng nhớ băng quơ,

một niềm kính phục, biết ơn... Sau này, cộng thêm cái uẩn ức trước sự kiêu kỳ của chàng, như không bao giờ thêm trả lời thụt, rồi lại còn gợi ý cho anh em gả chồng cho nàng... Khiến nàng, trong cái không khí buồn thả lỏng mạn, dấy lên trong lòng ngọn lửa đam mê: Đam mê trả ơn, đam mê trả thù, đam mê của tình trai gái đang độ tuổi cần yêu đương... đưa đến một hành động như có ma lực nào sai khiến... Nàng ngửa cổ lên nhìn Tường, chờ đợi, mời mọc... Tường cúi xuống... một nụ hôn cháy bỏng, bất tận... Cứ như thế... Có trời biết là bao lâu! Cả hai thân hình ngã xuống đi-văng. Đầu Minh Châu đã chạm chiếc gối rồi mà hai cặp môi vẫn không rời. Minh Châu cố duỗi thẳng hai chân... Nàng đang chấp chờn trong cảm giác dề mê, được âu yếm, mơn trớn... thì nhận thấy một khối nặng, nóng hổi đè lên người. Các xơ thịt trong người nàng như được là thẳng ra. Thì ra... giữa hai thân thể đã không còn một manh vải ngăn cách. Ánh sáng từ chiếc TV lập lòe... sáng, tối... càng như đồng lõa, kêu gọi... giục giã... Nàng bỗng rùng mình... (các trang 461, 462)

Trong những ngày chờ đến điểm hẹn , Minh Châu đưa Tường đến viếng Thác Nước Lớn trên đất Nga, rồi đi ăn ở khách sạn, xem nữ vũ công khỏa thân nhảy múa. Tác giả miêu tả chi ly tỉ mỉ. Văn chương của chị ở đây rạng ngời nét tạo hình linh động và sống thực. Và điều này chứng tỏ tác giả đã từng sang Nga, chứ không phải miêu tả cảnh vật xứ này qua sách vở, phim ảnh, bưu ảnh...

Minh Châu và Tường lấy xe điện đi Petrodvorets, độ 22 dặm về phía tây ngoại ô St. Petersburg xem Thác Nước Lớn. Một vùng đất rộng mênh mông... Một lâu đài đồ sộ sừng sững trước mặt làm Tường choáng mắt.

Người ta đứng sắp hàng dài, đợi vào bên trong xem. Minh Châu đề nghị xem bên ngoài trước, đợi vẫn người hãy vào trong.

Từ trên ban-công làm bằng cẩm thạch chạy dài dọc theo cả mặt trước lâu đài, người ta có thể nhìn thấy một vùng rộng của khu vườn thượng uyển... Ngay trước mặt, một vòi nước từ dưới hồ vọt cao lên... Tường nhìn xuống, thấy vòi nước từ một pho tượng vàng chói lọi nằm giữa một hòn đảo nhỏ nhô lên chính giữa một hồ nước hình tròn, ngay dưới chân chỗ chàng đứng, rồi cái hồ thu hẹp lại để trải ra thẳng tắp như một giải ru-băng trước mặt Tường... Chàng liên tưởng tới một cây đàn nguyệt, thùng đàn phình ra, cái cán hẹp và thẳng. (trang 288)

Trong thời gian Tường và Minh Châu đan díu nhau, chàng thường nhận thư của Thường Nga. Lời lẽ trong thư của nàng có vẻ tin tưởng mọi thay đổi của Đảng và Nhà Nước khiến chàng chán nản. Khi Minh Châu được quy chế tị nạn ở bên Đức thì chàng mời nàng viếng thăm Washington D.C. Tại đây, nàng được kiêu bào và giới truyền thông tiếp đón niềm nở. Còn ở Cali thì cả ông Cát cực đoan chống Cộng cho tới chiều cũng tỏ vẻ ưu ái đối với nàng vì được biết nàng từng nổi tiếng trong các hoạt động chống đối Cộng Sản Việt Nam.

Ít lâu sau đó, Tường nhận cái tape của Thường Nga từ Sài Gòn gửi sang trong chuyến nàng đi công tác:

Em vào đây có công tác bốn tuần. Em ở nhà một người bạn rất thân, được bạn cho nghe đài Làn Sóng Tự Do. Nhờ nghe đài em mới biết sự thật về vụ nông dân tỉnh Thái Bình nổi dậy. Biết tên những đảng viên kỳ

cựu viết bài khuyến cáo nhà nước mở rộng quyền tự do, dân chủ đang bị bắt giam. Biết chuyện một số các nhà văn, nhà trí thức, văn nghệ sĩ dám đứng ra vận động dân chủ, họ đang bị bố ráp...vv... Những đảng viên này, qua bố mẹ và ông anh, em đã từng nghe tên, biết tiếng họ là những người đáng kính phục nên em biết đài không thể bịa đặt ra được. Bây giờ em mới hiểu tại sao anh cứ bảo em phải nghe đài này. Sự thật thì ở Hà Nội em không nghe được, có lẽ bị phá sóng, còn ở đây em nghe rõ lắm.

Trong thời gian ở đây, em tranh thủ đọc mấy tờ báo Dân Sài Gòn do chính những đảng viên cốt cán và ưu tú chủ trương. Mấy năm trước đây tờ báo bị truy diệt và đe dọa sẽ xử lý nghiêm minh cả độc giả lẫn người tàng trữ, sao chụp, truyền bá... nhưng may mắn bạn em vẫn còn giấu được nguyên bộ để ngày nay em được đọc. Tờ báo bị qui kết có nội dung phản động, xuyên tạc, dả kích đường lối của Đảng và Nhà nước, vu khống, bôi nhọ một số cán bộ lãnh đạo, hòng gây chia rẽ nội bộ và kích động chống Đảng ta và chế độ ta. Chỉ cần nhìn tên tuổi những vị trong ban biên tập, em cũng thấy không thể nào các vị đó lại có thể làm chuyện «xuyên tạc», «bôi nhọ» bất kỳ ai. Vậy thì những gì các ông ấy nói, phải là sự thật. Em cũng được đọc sách của các nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự và Vũ Thư Hiên, được biết một số chuyện những người bị tù ếm trong vụ Xét lại chống Đảng. (các trang 601, 602)

(Còn tiếp)

HỒ TRƯỜNG AN

(France)

MƯA ĐỜI KÈM GAI

Đỗ Bình

Con mưa chiều hôm ấy tầm tã, nhòa cả hoàng hôn, trắng xóa con đường đất bên cánh rừng dẫn vào trại tù. Trời trút nước, giăng mờ những hàng kềm gai rào trại tù như muốn xóa bỏ xích xiên cho những kẻ mất tự do? Tiếng mưa gió ngân lên như khúc nhạc rót vào hồn khiến khung cảnh trại tù thêm thê lương tê tái!

Hồi còn ở trại tù Suối Máu, do thiếu ăn và bị lao động quá mức nên những vết thương cũ của tôi bị nhiễm trùng, lại thiếu thuốc men nên các bạn bảo tôi trông giống “bộ xương khô biết đi”. Lần đó các bạn tưởng tôi đứt rồi, nhưng tôi vẫn sống, vẫn lết từ trại này sang trại tù khác. Sức khỏe tôi càng ngày càng kém, thấy thương nên các bạn đã lãnh thế những công tác lao động nặng như vào rừng cưa cây, đập đá núi làm đường... anh em để tôi làm những việc nhẹ ở lán. Có lần tôi được giao đi lãnh cơm cùng người bạn. Tôi, một kẻ gần như mù, còn bạn thì đi bằng chiếc chân gỗ! Cả hai khiêng thau cơm nặng cho cả lán; cái thau được gò bằng tôn chế biến lại, trông nó có vẻ to, đựng được nhiều, nhưng chia ra cho mỗi người cũng chỉ được lưng chén! Khi đoàn tù lao động trở về

chưa đến lán, thấy thau cơm các bạn đã reo lên...Người bạn khiêng phía trước

chẳng biết vì xúc động bởi những tiếng reo hay vì đường trơn ướt, chiếc chân gỗ chịu quá nặng, nên bước lệch đã khiến hai người té sấp xuống đường. Trong đoàn tù có những tiếng rú lên mà thanh âm nghe não nuột:

-Trời ơi! Cơm đổ rồi!

Chẳng một tiếng xót thương cho hai phé nhân bị té xấp, hay chẳng ai còn hơi sức để kêu ngoài sự ám ảnh của cơn đói mà vọng lên âm thanh từ trong vô thức: « *Đổ cơm rồi?!* » Khi con người trong cơn đói lả, tình đồng loại cũng mờ nhạt?! Khoảng khắc giao động lắng xuống những bạn tù ùa nhau chạy lại, kẻ thì đỡ tôi, người thì vực người bạn gốc Nhảy dù..., lớp còn lại xúm nhau nhặt từng hạt cơm văng xuống dưới rãnh hiên lán rồi đem rửa từng hạt cơm như đãi cát tìm vàng, tìm ngọc. Mặc dù không trông thấy rõ nhưng tôi vẫn cảm nhận được cơn đói hằn trên khuôn mặt anh em, khiến những giọt lệ trong lòng tuôn trào theo cơn mưa chiều, như lớp sương mờ giăng mắt! Kể từ hôm đó tôi không chịu làm việc nhẹ nữa và cùng anh em vào rừng cưa cây. Tôi còn quyết định để một nửa phần cơm chiều của mình dành cho bữa cháo sáng. Tôi nghĩ: "*Đây cũng là cách chuộc lỗi đã tắc trách làm*

Mưa Nguồn

Mưa rót vào hồn ta,
giọt ngân buồn lên phím.
Có phải gió đông về ?
hàng cây sầu ngã nghiêng !
Mưa trắng con đường phố,
đòi một kiếp tha hương,
sông nước xưa phai màu
tìm đâu những ngày thơ !
Tiếng mưa buồn trong gió
nghe xót xa trong chiều
chân gót mòn viễn phố,
dòng thời gian mãi trôi...
mưa rơi xuống bên đời
ôi hiu hắt trong ta !
Mưa ướt nhòa hoàng hôn,
lạnh cung đàn rét mướt
có phải gió mưa nguồn ?
hồn ta sầu biển khơi.
Mây vẫn trôi lơ lửng,
đòi một thoáng hư vô
Những ước mơ hẹn hò,
Phù du khúc tình thơ !

Đỗ Bình

(Paris)

đổ thau cơm của anh em". Bạn cùng tổ lúc đầu còn áy náy khi thấy tôi nhin bớt phần cơm mình để có phần cháo sáng, nhưng dần dần không còn ai thắc mắc. Tình trạng thiếu ăn đã trầm trọng và cơn đói đã trở nên gối đầu, ăn bữa nay mà cái đói nó dồn từ vài bữa trước. Nhiều buổi chiều lao động về đói quá tôi đã ăn hết phần cơm để dành ..., sáng ra vài bằng hữu không thấy cháo đâm nổi quạu ! *"Hình như các bạn ấy ngỡ bốn phần của tôi là phải có cháo sáng cho họ ăn...Thế mới biết ở tù cũng có thói quen !"*

Trong lòng tôi vừa có chút xót xa vừa ứng ức! Rồi lại nghĩ:

"Mình có ăn thêm một chút thì cũng chỉ kéo dài chuỗi ngày đau khổ, nhưng ít cháo sáng lại là chút niềm vui nhỏ mỗi ngày...cũng ấm lòng cho ít bạn bè". Nhin riết rồi cũng quen, Thời gian gần nhau cũng chẳng lâu, nhóm bạn ấy và tôi bị biên chế phân tán đi khắp nơi. Sau này nghe tin bạn tôi có người đã ngủ yên nơi xó rừng, góc núi, nào ai còn thèm những hạt cơm rơi nữa! Chiều nay nhìn mưa rơi tôi bỗng cảm thấy buồn, nhớ những người xưa hay nhớ cảnh khổ ?

*"Đời buồn như chiếc lá,
lặng rơi bên hiên nhà.*

*Mưa vô tình ngập lối
Cuốn trôi mảnh hồn ta! "*

Paris vào hạ

Đỗ Bình

NỖI LÒNG NGƯỜI ĐI

Tôn Nữ Mặc Giao

Sau lần thành công bán “chạy” như tôm tươi cuốn “Món Ăn Theo Bước Di Tàn” (MẮTBĐT) năm 2009. Thừa thắng xông lên, nhà xuất bản Bảo Linh lại vừa cho ra đời thêm một tuyển tập truyện ngắn với tựa đề: “Nỗi Lòng Người Đi” (NLNĐ) vào thượng tuần tháng 5/2011 vừa qua. Lần này qui tụ những tay viết “thần sầu quý khóc”, tên tuổi “vang dội” khắp các tiểu bang nước Mỹ. Hi hi tin “ngộ” là bán lúa giống luôn đó à nhe! Nhưng mà nếu ai thích đọc văn của ngộ thì cứ “enjoy” nhe! Ngộ đây “cho không biếu không” chứ hông có bán, cho nên “vèo” một cái là sạch sành sanh.

Những ai chậm tay thì chịu khó... mua đi nhe! Để ủng hộ như một khuyến khích cho các tác giả vì thích viết, vì muốn duy trì và phát huy văn hóa Việt, muốn để lại cho đời sau những mẫu truyện, những mảnh đời khốn khổ sau khi đất nước không còn những khung trời tự do kể từ sau ngày 30 tháng 4 mịt mờ khói lửa, đau thương tang tóc của hơn 36 năm về trước. Muốn nhắc nhở để đời sau đừng quên cội quên nguồn, chúng ta là người Việt Quốc gia đời đời không thay đổi. Nên đã không quản ngại mang hết tim óc viết ra những lời tâm huyết tận đáy lòng mình một cách bất vụ lợi, trong đó bao hàm một ý nghĩa mà Mặc Giao nghĩ rằng tất cả người cầm bút đều đồng ý: “Người Việt còn là tiếng Việt còn”. Khắp thế giới, ở đâu có người Việt là ở đó tiếng Việt được lưu truyền không bao giờ bị mờ phai.

Tuyển tập truyện ngắn “Nỗi Lòng Người Đi” dày hơn 300 trang, bìa cứng, bóng, màu vàng lá non. Mặt sau in tên những tác giả viết chung, mặt trước là một bức hình buổi chiều tà

với cảnh mặt trời sắp ngã về Tây. Sự vàng rực của ánh mặt trời báo hiệu một ngày sắp tắt đang khuất dần về phía xa tít tận cuối chân trời, rọi xuống giòng sông phẳng lặng một cách yếu ớt chỉ còn bóng vài con chim bay muợn màng về tổ. Gieo vào lòng ta một cảm giác buồn vơi vợi.

NLNĐ được viết bởi 14 tác giả với đề tài tự do, nghĩa là ai muốn viết cái gì thì viết tùy theo nguồn cảm hứng của mình. Đây là cuốn thứ nhì được nhà văn Diễm Buồn thức hiện nên có phần tiến bộ hơn cuốn MẮTBĐT. Khuyết điểm ít và cách trình bày cũng đẹp mắt hơn. MẮTBĐT cây bút nữ nhiều hơn cây bút nam (âm thịnh dương suy). Lại viết theo một đề tài chung, là mỗi tác giả một bài trong đó có ba món ăn để gợi nhớ đến quê hương. Rồi lại đem chuông đi đấm xứ người tít tận Paris xa tít mù tấp, “chuông” có reo hay không thì không biết (để độc giả nhận xét). Nhưng chuyến đi đã là một dịp cầu đưa những người có tâm hồn đồng điệu yêu thích văn thơ “xích lại” gần nhau hơn, để quen biết và thắt chặt thêm tình bằng hữu giữa những người cầm bút. Khi chia tay ai về nhà nấy rồi, nhưng dư âm của nó vẫn còn kéo dài bằng những văn thơ qua lại mãi không thôi như:

Người về Thu bở ngõ

Paris nhớ văn thơ

Chiều sông Seine gió lạnh

Lá vàng rơi hững hờ

Đỗ Bình (Paris)

Một tấm lòng thành gửi đến ai

Một lần gặp gỡ nhớ nhau hoài

Paris một chiều Thu tao ngộ

Kỷ niệm nơi này khó nhạt phai

Hồng Phúc (Dalas)

Mặc Giao họa lại:

Người về có nhớ tấm lòng ai...?

Sao ta thao thức nhớ nhung hoài

Paris gặp gỡ Thu tao ngộ

Ôm ấp tình này khó nhạt phai

TN Mặc Giao (San Jose)

Còn những bài thơ của các tác giả khác nữa, nhưng vì quá dài nên Mặc Giao không tiện nêu ra đây. Bây giờ ngồi đây viết lại, MG vẫn còn thấy bồi hồi, xúc động. Nhớ lại dư âm của buổi chiều Thu tao ngộ Paris năm nào, mà có cảm tưởng như nó vừa mới xảy ra ngày hôm qua.

Từ hồi nào đến giờ, MG không có thói quen phê bình văn của ai hết. Ngay cả hồi còn trung học cũng vậy, cứ để cho MG viết những viết cuội (Bố MG phê bình MG như vậy đó!) thì MG viết vung vít búa xua trời đất lên một cách ngon lành. Mà cứ hễ bắt phải chia nhóm ra để mổ xẻ, để phê bình rồi khen chê, đồng ý hay không đồng ý những tác phẩm của các bậc tiền bối xa xưa thì MG lại rất e dè và nhút nhát. Cho nên phần nhiều là MG thụ động, cứ yên lặng nghe các bạn bàn cãi mà trong bụng thì cứ “dzái trời cho thầy đừng kêu trúng tên mình”. Nhưng rồi tránh sao cho khỏi nắng? Lần đó thi đệ nhị hay đệ nhất lục cá nguyệt gì đó MG quên rồi, MG bóc thăm trúng đề tài Đoạn tuyệt của Nhất Linh, thầy hỏi cái gì trong bài MG cũng “pass” qua ngon lành hết. Nhưng đến khi thầy hỏi cảm nghĩ riêng:

- Em nghĩ sao về nhân vật Loan và những hoàn cảnh mà cô ta phải chịu đựng? Nếu là em thì em sẽ như thế nào?

MG “tịt”, suy nghĩ một hồi bí quá MG hỏi lại thầy:

- Thưa thầy câu hỏi này là thầy hỏi thêm hay là có trong đề thi?

Thầy ngạc nhiên mở to cặp mắt sau làn kính cận hỏi lại MG, cặp mắt thấy ti hí mắt

lượng nhưng MG cũng nhìn thấy được sự ngạc nhiên trong làn “ti hí” đó:

- Tại sao em lại hỏi vậy?

MG khổ sở:

- Dạ thưa thầy, nếu là hỏi thêm thì xin thầy miễn cho vì quả thật là “con” không dám. Đối với “con”, văn chương của các bậc tiền bối đã in thành sách, được lưu truyền và cho vào chương trình giáo dục để giảng dạy ắt hẳn là có giá trị rồi. Con chỉ là “hậu sinh khả ố... ủa quên khả ứ!” Con làm sao dám mạo phạm?

Nhưng ông thầy vẫn “bướng”:

- Tôi vẫn muốn “con” phải trả lời.

Thầy vừa nói mà vừa tùm tùm cười. Lúc đó vì còn đang hồi hộp nên MG không có để ý, sau này mới biết ông thầy chọc què MG vì tuổi thầy còn trẻ, chỉ độ bằng anh của MG mà thôi! Nhưng vì lúc đó MG quỳnh quá và cũng vì thói quen xung hô với mấy thầy lớn tuổi khác nên buộc miệng mà không hay. Thấy MG im lặng lâu quá thầy lại tiếp:

- Nếu “con” không muốn bị điểm thấp thì phải trả lời câu hỏi này.

Suy nghĩ một lát MG “thao thao bất tuyệt”:

- Không cần biết thời đại phong kiến, đạo Khổng đạo Mạnh gì hết. Chi lấy một trường hợp điển hình lúc đứa con bị bệnh đang chữa trị bằng tà thuật mê tín. Tuy “con” chưa đến tuổi lập gia đình và có con, nhưng cái thiên chức làm mẹ bẩm sinh trời ban cho phụ nữ và cái tình mẫu tử của người mẹ tiềm ẩn trong “con” trỗi dậy. Nếu là Loan, với cái vốn học thức và hiểu biết như vậy. Con sẽ “đá” văng ba te ông thầy pháp và đẩy bà cụ mẹ chồng cùng cô em chồng “đi chỗ khác chơi”, ôm lấy đứa con đưa đến nhà thương chữa trị rồi muốn ra sao thì ra. Ít nhất là đứa con cũng được còn sống, người ta nói “cứu một mạng người còn hơn xây bảy cấp phù đồ” mà thầy! Huống chi đó lại là đứa con mình đứt ruột đẻ ra, thật là nên lắm! Phải không thầy?

Thầy tùm tùm không nói gì và cũng không hỏi thêm gì nữa, sau đó thầy “tha” cho về chỗ và điểm thi của MG cũng “không tệ”. Cho đến bây giờ MG vẫn thắc mắc không biết câu hỏi đó có trong đề thi không? Sở dĩ MG phải dài dòng văn tự như vậy là để quý vị hiểu, MG không dám phê bình văn chương của ai hết. Với cuốn NLND này cũng vậy, MG chỉ viết theo ý riêng của MG thôi rồi tùy độc giả nhận xét.

NỖ LÒNG NGƯỜI ĐI có 14 tác giả tất cả mà chỉ có 4 cây bút nữ, nghĩa là lần này dương thịnh âm suy. Mỗi một bài đều có kèm hình và tiểu sử của tác giả. Mà thường thì hình của mấy ông chẳng mấy ai để ý, có già trẻ hay xấu đẹp chút đỉnh ít ai phê bình. Còn hình phái nữ thì “bị” sự chú ý nhiều hơn của độc giả cho nên ít khi trung thực (không phải nói các chị trong NLND). Vì MG đã từng được trông thấy ở những cuốn khác, nhòm vào cứ y như người mẫu ý. Nhưng cẩn thận, toàn là “Thị Nở” với “dạ Xoa” không đây! Thượng Đế thật là bất công, đã tạo ra ông A Đam mà còn sinh chi ra E Và cho rắc rối? Lại còn bắt sinh nở đốn đau, nuôi con khổ sở nên dung nhan mới mau tàn tạ hơn đàn ông. Cho nên nhìn hình của họ có khác nhiều với thực tế khi gặp bên ngoài thì cũng chẳng có chi là “lạ”. Thông cảm! Thông cảm!...

Mở đầu cuốn NLND là câu truyện “Đứa con” của tác giả Nguyễn Liệu (San Jose). Thoạt đọc văn của ông, MG cứ ngỡ là cây bút nữ, bởi ông viết lên nỗi lòng người đàn bà goá trẻ, có chồng là một vị Đại Úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà cũ. Chồng chết bà ở vậy nuôi con, lưu lạc sang xứ người vẫn hy sinh cả một đời xuân sắc cho con thành danh thành đạt, thành gia thất đàng hoàng. Nhưng cuối đời bà lại phải chịu cô đơn, tìm về Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hoà của chế độ cũ trước năm 75 ở Việt Nam và chết lạnh như

một cái xác vô chủ bên nấm mồ đổ nát của người chồng chỉ vì “đứa con”. Vâng! Đứa con mà bà đã hy sinh cả cuộc đời son trẻ để dạy dỗ nuôi nấng cho nó nên người. Cuối cùng chỉ vì chữ hiếu không qua được chữ tình, đứa con đã quá nghe lời vợ “mời” bà ra khỏi nhà nên mới có kết cục thảm thương như vậy. Thật là tội nghiệp! Tác giả chỉ biết gói gắm một câu: “Người đang làm, trời đang ngó đó con ơi!”.

Kế đến là tác giả Lê Hữu Huy (Arizona) trở về Việt Nam với bài tường thuật, viết lại chuyến đi thăm Cần Thơ quê hương ông với những biến cố lịch sử của miền Tây Nam bộ. Trong bài thấy ông nhắc nhiều đến cô “cháu gái” tên Nai Vàng, không biết có phải chú Đạt với cháu Diễm trong tiểu thuyết Yêu của Chu Tử không đây?

Tác giả thứ ba là nàng thơ Lưu Hồng Phúc (Dalas) với bài viết “Người Con Dâu Xứ Mỹ” thật xuất sắc (nhận xét riêng của MG). Được đăng với cả hai ngôn ngữ Mỹ Việt mà khi đọc xong (lần thứ hai) đến đoạn cuối, MG vẫn xúc động với hai giọt nước mắt trào ra trên khoé mắt. Thật khó mà thấy được người con gái Việt Nam nào lại dễ thương được như chị (?) của Lưu Hồng Phúc trong câu chuyện vậy.

Ánh mắt em là hai ly rượu

Uống một đời chưa cạn hết men cay

Ta ngầy ngật vô chừng con túy lúy

Rượu từ đâu em rót được thêm hoài?

Đó là bốn câu thơ mở đầu cho bài “Ba Con Về Rồi!” của cố nhà văn, nhà thơ kiêm nhà báo Phương Triều (qua đời năm 2008) tại Texas. Truyện ngắn này cũng là một khía cạnh trong trăm ngàn khía cạnh của cuộc đời. Yêu nhau rồi bỏ nhau, có chồng rồi vẫn đi cặm sừng chồng như cuộc đời vẫn thường thấy. Gia đình nào cũng có nỗi khổ riêng, con cái, anh em xích mích lục lữa, xử tệ với nhau

để tranh giành gia tài cũng là... “chuyện thường tình thế thôi!” Nhưng kết cuộc vui, có hậu làm người đọc (là ta đây) hài lòng.

Cái ông Thái Quốc Mưu (Atlanta) này có tám hình giống y như cố Tổng thống Ngô Đình Diệm năm xưa, và những giọng tiểu sử có đôi chút thật thà (?) giống ta làm ta đây khoái chí! Nghĩa là cứ tuốt tuốt tuốt: “khai sục tuổi để đi học” cũng nói ra. Sở thích riêng: “Chỉ thích các bà” cũng không che đậy. Sao mà giống “Ngài” Tôn Thất Mặc Kệ (TTMK) thế không biết! Đọc bài “Đường Tình Vạn nẻo” của ông cũng biết ngay là ông chỉ thích các bà, ông ngồi chính giữa, hai bà hai bên. Tay trái ông bóp vé một bà, tay phải ông xoa đùi một cô, cuối cùng ông lãnh một cái bạt tai chằm hết. Thế là... thua Ngài TTMK rồi nhé!

Tác giả Phx Hoài Hương (Arizona) cho NLND tựa bài “Cũng Một Kiếp Người” và chấm dứt bằng một câu than thở: “Ôi! Một con tinh trùng khôn khở!” Nghe sao nhức nhối và đau buốt cả lòng ngực, bởi MG là đàn bà nên lòng từ tâm và trách nhiệm của một người mẹ lúc nào cũng sẵn có. Không đau làm sao được khi nhìn thấy một đứa bé “tự nhiên” có mặt trong cũi ta bà này, lẩn lóc và lớn lên như một loài cây dại không biết cha, biết mẹ là ai. Trở thành kẻ bụi đời sống nhờ vào lòng thương hại của bá tánh để rồi tự sinh tự diệt chứ chẳng bao giờ được mẹ ôm vào lòng, được nếm mùi ấm áp của mái ấm gia đình. Thật là tội nghiệp “thằng bé”! Là thằng bé con lai trong bài chứ không phải... của các ông đâu! Nghèo mà ham...

Thưa Cha (?) Đào Thanh Khiết, đọc bài giảng của Cha mà đầu óc của “con” cứ lơ lơ mơ quay về quá khứ thời son trẻ. Có một ông cha tu xuất muốn cưới con làm vợ, đêm đêm đến nhà giảng đạo để “tán” con. Nhưng vợ chồng là phải có duyên nợ cho nên chúng con không có nắm tay nhau “I Do!” trước mặt

Chúa được. “Người đó” đã khóc rống lên và trách rằng: “Anh bỏ nhà thờ anh quên cả Chúa để chạy theo em, mà bây giờ... Hu hu!...”. Nhưng hiện tại đã một vợ năm con rồi đó cha ơi! Thì ra tình chỉ là “con gió thoảng” mà thôi phải không cha? Bài giảng “Hy Vọng Cho Thanh Niên” của tác giả Đào Thanh Khiết (Arizona) là truyện thứ bảy trong NLND. Thiệt không biết có phải là “Cha” không nữa! Nếu có gì mạo phạm, xin “Cha” rộng lòng tha thứ cho.

“Tà Áo Dài” của tác giả Nguyễn Thanh Dũng (Chicago Illinois) làm cho MG cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái, “tự ái dân tộc” như được vuốt ve sau khi đọc xong câu truyện. Từ ngàn xưa cho đến ngày nay, chiếc áo dài vẫn được xem là “Quốc phục VN”. Chưa kể ba miền Bắc, Trung, Nam, mỗi miền đều có những nét đặc thù riêng của nó. Nhưng nói chung vẫn là chiếc áo dài. Một người con gái Mỹ tên Sharon (trong bài) đã được thấm nhuần phần nào giáo lý Đông phương nhờ người cha là một quân nhân đã từng tham chiến ở VN, thích nền giáo dục văn hoá Đông phương nên đã tìm hiểu và đưa giáo lý đạo Khổng Mạnh vào gia đình để dạy dỗ con cái. Cô Sharon yêu thích một người con trai VN tên Miện, cô chịu được mùi cá kho, ngửi được mùi nước mắm khi Miện ăn. Cô biết thưởng thức cái đẹp của chiếc áo dài và reo vui thích thú khi thấy chúng bay lượn trên truyền hình trong những show ca nhạc của người VN. Vì người con trai VN cô yêu, cô đã chịu khó diet cho ốm bớt mặc dù cô chỉ tròn trín chứ không phải mập, nhưng cô muốn mình phải thật sự giống hệt như con gái VN. Nghĩa là mỏng như lá liễu để mặc áo dài trong ngày đầu tiên ra mắt với gia đình Miện, và cô đã làm được. Đọc trong bài thấy mẹ của Miện khen cái eo cô như thế nào thì cũng đủ biết. Và dĩ nhiên ông bố của Miện cũng từng là một chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng

Hòa khi xưa cho nên hai gia đình quả là “môn đăng hộ đối”. Chúc mừng! Chúc mừng!

Tác giả Duy An Đông (San Jose) với “Quê Hương Tôi” và niềm tự hào với hơn bốn ngàn năm văn hiến của dân tộc VN. Trải bao triều đại lịch sử, dựng nước rồi giữ nước. Qua bao thời kỳ khó khăn, gian khổ nhiều lúc tưởng chừng như sắp bị xoá tên trên bản đồ. Vậy mà Ông Cha ta đã không quản ngại hy sinh biết bao xương máu để cho đất nước được tồn tại, được phát triển và vẹn toàn lãnh thổ cho đến ngày hôm nay. Mặc Giao “khoái” nhất khi đọc câu: “Các thế hệ con cháu chúng ta noi gương tiền nhân, vì lợi ích quốc gia mà bảo toàn lãnh thổ và giữ vững chủ quyền đất nước”. Ý nghĩa lắm thay! Nhưng biết có còn không hình cong như chữ S, quê hương tôi? Bởi những đứa con bất hiếu của mẹ VN đang cắt dần thân mẹ để dâng hiến cho “người anh em” của họ (là Tàu cộng). Chỉ còn biết cầu xin và cầu xin...

Tác giả đứng số bù (10) là ta đây! Tôn Nữ Mặc Giao (San Jose) với “Sông Quê”. Người miền Bắc (Bắc kỳ 54 chứ không phải 75 đầu đây nhé!) mà cũng bày đặt viết truyện miền Nam. Bài này phải để “bác” Duy An Đông nhà ta cho ý kiến chứ “em” chả dám. Truyện ngắn của MG không có đoạn kết, anh DAD đọc xong đã kêu điện thoại nói với MG rằng:

- Nì! Mặc Giao! Đọc xong truyện của MG, thằng Đực nó tức quá chết mất tiêu rồi còn đâu nữa mà có đoạn kết!

Cũng nhờ có cuốn NLND này mà Lưu Hồng Phúc đi ăn cưới đứa cháu ở LA, đã chịu khó đi xe đò đến San Jose ngụ tại nhà MG. Chị Diễm Buồn từ Sacramento đến nhà in Papyrus (San Jose) lấy sách cũng ghé nhà MG, anh Duy An Đông cũng quá giang xe chị Diễm đến họp mặt làm một bữa cơm đầu láo và hát Karaoke vui quá trời luôn.

Cụ Hà Thượng Nhơn và tác giả Võ Thạnh Văn dính liền với nhau trong cuốn NLND. Sở

dĩ MG nói dính liền nhau là vì cụ Hà Thượng Nhơn không có viết mà ông Võ Thạnh Văn viết về cụ. Cụ Hà Thượng Nhơn là một tên tuổi lớn không ai mà không biết. Như đã tâm sự ở trên với quý độc giả, MG rất là sợ “đụng” đến các bậc lão tiền bối, cho nên ở đây MG không dám viết mà chỉ đọc “Kỷ Niệm Với Thi Lão Hà Thượng Nhân” của ông Võ Thạnh Văn mà thôi. Trong đó có ba bài thơ, mà hai bài “Chiêm bao đất Trích” và “Hạc Nhớ Bóng Tùng” là của ông Võ Thạnh Văn làm để tham kiến với cụ Hà Thượng Nhân. Bài thứ ba là bài “Ra Đi Nghiêng Xé Bóng Tùng Rợp Che” của cụ Hà Thượng Nhân họa bài “Hạc Nhớ Bóng Tùng”. Khi đọc xong ba bài thơ, MG có cảm tưởng mơ mơ màng màng như “Đưa em tìm động hoa vàng”, và đặt diu thánh thót như “Tiếng sáo Thiên thai”. Khiến MG không khỏi nhớ lại lời dạy của cụ Hà Thượng Nhơn nói với ông xã trong một dịp đàm đạo nào đó: “Thơ là phải ngắn gọn, mờ mờ ảo ảo, nghĩa không rõ rệt mới làm thơ hay được”. Mặc Giao hiểu nhưng MG không làm được mà chỉ biết ví von. Giống như hát nhạc thính phòng, mọi người im lặng để thưởng thức một cách êm dịu những lời bóng gió như: “Em ở đâu hồi mùa Thu tóc ngắn...” Chứ nhạc thính phòng không thể nào nghe “rõ” ông ông: “Đời tui cô đơn nên yêu ai cũng cô đơn”. Hoặc: “Tui nghèo, em cũng chẳng cao sang”... nghe sao được? Tóm lại ba bài thơ trong bài “Kỷ Niệm Với Thi Lão Hà Thượng Nhơn” của phù hự đặt sĩ Võ Thạnh Văn đối với MG thật là “hết xẩy!”

Tác giả Nam Giao (Arizona) với “Bóng Mây Xưa”. Thời buổi này, thật khó mà có được một gia đình nào như gia đình của chú Điền trong truyện. Sang Mỹ rồi mà vẫn giữ được lời hứa năm xưa với bạn. Chỉ trong một bữa tiệc nhậu, bốc húng đã làm giẫy hứa gả đứa con gái tên Nhân cho Dũng con trai của bạn khi chúng lớn lên. Rồi vì chia cách bởi năm 75 kẻ ở người đi, gia đình chú Điền đi

Mỹ, còn gia đình chú Sang cha của Dũng và cũng là người bạn chí thân mà chú Điền đã cam kết sẽ gả con gái khi chúng lớn khôn thì hồi hương về quê làm ruộng. Hai mươi năm sau chú Điền dắt con gái về nước tìm lại người bạn xưa để thực hiện lời giao ước, đưa con gái cũng thật là ngoan ngoãn chịu nghe theo lời cha sắp đặt. Khi về đến quê hương, vợ chồng người bạn năm xưa đã qua đời, chỉ còn lại đứa con trai là Dũng nay đã có vợ con. Chú Điền đến trước bàn thờ hai vợ chồng người bạn và đưa lá thư “hôn ước” cho Dũng đọc. Xong, chú khấn vái và xin phép linh hồn bạn được xé tờ giao ước trước mặt đôi trẻ để Dũng được yên lòng quên đi mà lo bổn phận với gia đình vợ con hiện tại, Nhân cũng được yên tâm hướng về tương lai phía trước. Riêng chú Điền, tuy hai vợ chồng người bạn đã khuất và không nhớ gì đến lời hứa năm xưa, nhưng chú không buồn mà chỉ nghĩ là mình đã làm đúng. Lòng chú không còn lo âu, buồn phiền mỗi khi

nghĩ đến đứa con gái hiếu thảo của chú, từ nay sẽ không còn nặng nề nữa khi nhớ lại tờ giao ước mà chú đã áp đặt lên vai con từ những ngày còn thơ ấu.

Tác giả Dư Thị Diễm Buồn bao chót với “Nhật Bản Trong Tôi”. MG chưa từng đi Nhật bao giờ, nhưng đọc xong truyện của chị MG muốn đi du lịch hết sức. Nhưng vì Nhật bản mới vừa trải qua những trận thiên tai kinh hoàng và đang phải chống chọi lại với thảm họa xi ló nguyên tử. Chúng ta không giúp được gì thì thôi, ai lại nữ “đi chơi” trên sự đau khổ của kẻ khác bao giờ? Đúng như chị Diễm đã viết: “Thiên tai tuy xảy ra riêng trên một nước! Nhưng đây là nỗi đau chung của toàn nhân loại”. Thôi thì chúng ta đọc bài của chị cho đỡ ghiền.

Tôn Nữ Mặc Giao
(San Jose)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Nơi Chốn Mùa Đông

VŨ NAM

Ngày xưa khi ngồi chung dưới mái trường trung học Khương không để ý đến Hồ Thu. Rõ ra là Khương không thấy phải lòng với Thu, không thấy yêu Thu. Những lúc lớp bạn rộn làm bích báo, hai người có dịp gần gũi vào những buổi chiều sau nguyên một buổi sáng đã gặp nhau ở trường, Khương đâu có „tán tỉnh“ Hồ Thu, anh chỉ tập trung vô việc làm báo. Khi ấy Khương chỉ có mình Hoàng Yến trong trái tim. Yến nói giọng nhỏ nhẹ. Lời như ru. Ngoài giờ học buổi sáng, buổi chiều cô ít tham dự vào việc của lớp vì phải phụ nhà bán chè. Quán Hoàng Yến buổi chiều thường đông khách. Thỉnh thoảng Khương và các bạn cũng ghé ăn. Quán chè nhà cô nổi tiếng vì ngon. Chè đậu đen, đậu xanh ăn chung với vài hạt đậu phộng chiên giòn. Chè không biết do ai nấu, chỉ thấy Hoàng Yến lo phần phục vụ khách vì cô tháo vát, lanh lẹ và có ưu điểm từ giọng nói nên rất được lòng khách. Yến có nước da trắng, người trung bình, mảnh khảnh. Cô là một trong những người thuộc loại đẹp, có nhiều người theo đuổi, trong đó có Khương. Cô không tỏ vẻ mình đẹp trước mặt mọi người. Nhưng ai ai cũng nhận ra cô là cô gái đẹp.

Ngược lại với Hoàng Yến, Hồ Thu khép kín, có nét đẹp hiền hòa. Da mặt hồng hào, miệng cười tươi với những chiếc răng nhỏ, trắng và đều. Thân hình Hồ Thu không mảnh khảnh như Hoàng Yến, mà đầy đặn. So ra ngày ấy chưa biết ai đẹp hơn ai. Còn bây giờ kẻ đông người tây, hai cô bạn học ngày nào chắc chưa có dịp gặp lại nhau. Nhưng Khương đã có dịp gặp lại Hoàng Yến rồi nên anh có một nhận xét: Hiện tại Hồ Thu đẹp hơn Hoàng Yến, dù Hồ Thu đang còn ở Việt Nam, Hoàng Yến đang ở ngoại quốc.

Hồ Thu dư biết ngày xưa Khương không phải lòng cô, anh phải lòng Hoàng Yến, nên sau

ba mươi mấy năm gặp lại Khương, cô vui nhưng vẫn chọc „người tình trong mộng“ của anh. Sao, ở ngoại quốc anh có gặp lại Hoàng Yến lần nào chưa. Khương gheo lại cô. Ngày xưa anh phải lòng Hoàng Yến nhưng bây giờ là đang phải lòng Hồ Thu đây. Hồ Thu biết Khương nói giỡn nên cô cười thật tươi.

Hồ Thu hẹn rủ người bạn học cũ, mà cô lúc nào cũng nghĩ như người anh trai (vì Khương có bao giờ tỏ tình với Hồ Thu đâu) đi uống cà phê ở quán Tô Tinh trên đường X trong thành phố. Đi bên Hồ Thu, ngồi bên Hồ Thu, Khương rất ngạc nhiên vì sau ba mươi mấy năm trên đất nước Việt Nam nhiều xáo trộn nhưng Thu vẫn còn giữ nguyên vẹn sự trẻ trung hồn nhiên và nét đẹp của thời thanh xuân. Dù thỉnh thoảng cô vẫn bàn đến việc học hành của hai đứa con, đến những lo toan mệt nhọc trong gia đình, trong sở làm, nhưng nét lo lắng chỉ phớt qua, sau đó phải trả lại cho cô sự tươi tỉnh. Trời Sài Gòn hôm ấy đang nắng. Từ điểm hẹn của hai người Hồ Thu gọi một chiếc taxi để đến quán cà phê. Khi bước ra khỏi taxi, nắng chói chang rọi xuống đường phố, Hồ Thu đã phải mở dù để che nắng, y như người ta đang che mưa. Thói quen này bây giờ ở Sài Gòn Khương thấy hay hay. Các cô sợ nắng làm đen, nhưng lòng đường giữa mùa hè có đầy những cánh dù nhiều màu cũng làm đường phố đẹp hẳn lên. Vẫn cách nói chuyện pha trò và hay cười của Thu làm không khí trò chuyện giữa hai người vui hơn. Thu kể về những chuyện ngày đó chứng mình. Ngày đó anh Khương có để ý gì đến em đâu! Sao, Hoàng Yến dạo này ra sao, anh có thường liên lạc với Hoàng Yến không. Buổi trưa hè Sài Gòn, ly cà phê sữa đá làm cả hai tỉnh táo. Sài Gòn bây giờ làm cả phê ngọt quá! Lần nào uống Khương cũng đổ thêm miếng nước trà vào. Trà được ướp hương pha chung vào ly cà phê sữa cho mùi vị rất được. Thu nói cô làm trong hãng bào chế thuốc, vài năm nữa là về hưu rồi. Về hưu sẽ có nhiều thì giờ để đi du lịch ở trong nước. Cô chưa đi du lịch nhiều và cũng chưa có lần nào ra ngoại quốc.

Hiện tại Hồ Thu không bịt mặt, mang bao

tay, đội nón bảo hiểm. Không biết cứ mỗi buổi sáng đi làm việc, khi ra đường Hồ Thu sẽ ra sao với những "dụng cụ" này. Chắc lúc ấy đứng đối diện với Hồ Thu, Khương cũng không thể nhận ra. Ở Việt Nam bây giờ, khi những cô bạn, người bà con chạy xe đến đứng đối diện với Khương, anh vẫn chưa thể nhận ra, cho đến khi họ lột khẩu trang. Chiếc áo dài tha thướt, ngồi sau xe Honda, đôi chân để một bên, tay ôm eo người tình đã trở thành dĩ vãng. Hôm nay các cô đa số mặc đồ Tây, phủ kín từ đầu đến chân. Đúng là mỗi thời mỗi khác. Mỗi thời có những kiểu riêng.

Uống cà phê xong, Khương "táo bạo" rủ Hồ Thu vào xi-nê. Anh hỏi hộp chờ cô trả lời. Cô chọc anh. Không có Hoàng Yến ở đây, thôi em đi thể cho Hoàng Yến vậy, sao anh chịu chưa. Hồ Thu chọn rạp Đại Đồng ở đường Cao Thắng vì hôm nay ở đó có chiếu một phim tình cảm.

Trên đường ngồi xe đến rạp xi-nê, tâm hồn Hồ Thu dao động giữa hai trạng thái: phần chân và nuôi tiếc. Những ngày còn tát bật ở VN, cả mười mấy năm trời hai vợ chồng còng lưng ra làm lụng nuôi ba đứa con. Hai vợ chồng làm công nhân viên nhà nước cả ngày mà nào có đủ ăn. Mỗi tháng vài chục bạc, mười mấy ký lương thực, ký thịt, nửa ký bột ngọt v.v... Kỷ niệm thời áo rằn đã tan thành mây khói, đã về miền viễn du, thỉnh thoảng gặp lại ngoài đường, giữa phố Sài Gòn, những người bạn học ngày xưa. Dù vội vàng nhưng vẫn có thì giờ cho một ly cà phê đá trong một quán cóc nào đó ở góc đường để trò chuyện về "những ngày xưa thân ái". Trong một lần, thật tình cờ Hồ Thu nghe tin từ một cô bạn nói Thái đã...! Tình yêu của năm lớp đệ nhất với Thái vẫn không giúp được gì cho Hồ Thu để cô có điều kiện, thời giờ để một lần tìm xem, hỏi ra tường tận lý do nào mà Thái đã bỏ...đi! Mãi sau này qua thêm những người bạn khác cô mới biết rõ tường tận về chuyện của Thái. Rồi cô cũng phải có gia đình, với anh chàng sinh viên cùng cô đêm ngày mình sinh áo ướt trên nông trường kinh tế mới Lê Minh Xuân ở Cũ Chi. Sanh một đứa con đã là từ già bạn bè,

không biết ai còn ai mất, ai đã ra sao. Hai đứa con thì chỉ còn biết cho gia đình. May mà năm 86 đất nước Đổi Mới, thờ phào nhẹ nhõm. Kinh tế từ từ theo hướng... thị ... trường..., nên bán thuốc Tây riêng được và gia đình mới từ từ ngất đầu lên cho đến hôm nay, ngày gặp lại người bạn cũ, Khương, từ Canada về.

Với Khương. Tình yêu? Tình bạn? Lãng đãng như „khóí lam chiều“. Mờ mờ ảo ảo. Ngày ấy, Khương có đá động gì về tình yêu với cô đâu. Chưa có lấy một lời tỏ tình! Khương chỉ có cái nhìn ân cần nhờ vả nhưng nồng cháy khi nhờ cô giúp một việc gì cho lớp. Khương biết Thái đang theo đuổi cô, và chính Khương, dù kín đáo, cũng để cho mọi người biết là anh đang theo đuổi Hoàng Yến, chứ đâu phải cô, đâu phải Hồ Thu này! Thỉnh thoảng Khương ghé nhà cô với Thái, anh chỉ ngồi xa xa, để cho Thái và cô tâm sự. Thỉnh thoảng mới xen vào ít lời để chọc ghẹo hai người.

- Đang nghĩ gì vậy? Có nghe nói giờ Thái ở đâu không Hồ Thu?

Khương hỏi, Hồ Thu mới trở lại hiện tại:

- Ừa, chứ anh không nghe biết gì sao?

- Không!

- Thái đã chết rồi! Chết ngay ngày ba mươi tháng tư bảy mươi lăm.

- Sao lại chết trong ngày ấy? - Khương nóng lòng muốn biết.

- Nghe nói lúc ấy Thái đang học Không quân ở Mỹ, hết tài khoá, phải về nước. Thái phải vào trường Sĩ Quan Thủ Đức để học giai đoạn quân sự cho sĩ quan bộ binh. Sáng 30 tháng 4, trước khi Tổng thống Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, trường Thủ Đức vẫn còn chiến đấu. Nghe kể Thái bị một chiếc xe tăng của mấy ông Việt cộng bắn chết ngay trên giao thông hào của trường. Ngay sáng ngày 30 tháng 4!

- Trời chuyện thể thảm vậy mà bây giờ tôi mới biết! Tội nghiệp Thái quá!

Hồ Thu hỏi Khương:

- Sáng 30 tháng 4 anh Khương đã đi chưa? Anh giỏi thật!

- Lúc đó đang trên tàu ra biển.

Hai người lại yên lặng, rong ruổi theo những ý nghĩ riêng tư. Với Khương, mới đây mà đã mấy chục năm. Mấy chục năm anh lăn lộn ở xứ người. Ráng học cho xong ngành kỹ sư điện toán, rồi cũng bù đầu bù cổ lo cho gia đình từ ngày ấy đến nay. Kỷ niệm quá khứ là những ý niệm mù mờ trong đời sống ồn ào náo động ở xứ Canada. Nhưng việc vừa nghe tin Thái chết ngay ngày 30 tháng 4 làm Khương có ít suy nghĩ không vui. Các anh là dân sự, là sinh viên, Việt Cộng có chiếm miền Nam chắc cũng không sao. Còn Thái và các người lính, chắc là trăm điều cơ cực nguy hiểm trong chế độ mới. Vậy mà anh lại lo chạy trước để yên thân, còn bạn mình, đang đi lính lại đang đối diện với xe tăng của Việt Cộng trong cái ngày cuối cùng oan nghiệt ấy. Và đã chết! Mấy chục năm mà anh nào biết nào hay! Thái chắc đã mờ yên mà đẹp, hồn phách tiêu diêu, nhưng Khương đang gặm nhắm nỗi buồn.

Chuyện tình nào cũng qua. Mỗi tình nào rồi cũng phai pha với ngày tháng. Hồ Thu ngắm nghĩ, hôm nay Khương trở về đây, tìm gặp lại mình, cô thấy vui lắm. Kinh tế gia đình đã được bình thường từ mười mấy năm qua, con cái đã lớn, nên bây giờ cô thấy có quyền hưởng thụ một buổi chiều bên người bạn học ngày trước. Cô nghĩ, cũng có thể ngày đó Khương đã yêu mình, như Thái đã yêu mình, nhưng anh không nói ra. Nếu không sao anh cứ rủ mình đi làm báo vào những buổi chiều, sau giờ học sáng. Ai cũng nói anh đề ý Hoàng Yến, nhưng cô cũng thấy anh vẫn có sẵn đón và cảm tình với cô, nhất là anh luôn tìm chuyện đề gân gủi. Còn chuyện đẹp xấu ngày ấy? Chưa biết ai đã đẹp hơn ai!

Ngày ấy đâu phải là Khương không yêu Hồ Thu. Nếu không yêu Khương đã không tìm đến thăm Hồ Thu sau ba mươi mấy năm không gặp. Anh dứt khoát muốn nhìn lại mặt Hồ Thu. Ngày đó Khương đã phải lòng ngay khi gặp Hồ Thu vào năm học lớp đệ nhất. Hồ Thu từ một trường khác, sau khi xong tú tài 1, đã vào học ở trường Khương đang học. Nhưng vì cùng là dân văn

nghệ viết báo cho lớp nên họ dễ thân nhau nhanh hơn. Trong ban báo chí ngày đó, ngoài Khương, Hồ Thu, còn có Thái, bạn thân của Khương, người bạn học giỏi, tài hoa. Thái tỏ tình và rất ga-lăng đối với Hồ Thu trước mặt tất cả bạn bè. Không riêng Khương, ai ai trong lớp cũng biết Thái đã phải lòng Hồ Thu. Như bao nhiêu chuyện tình „lãng mạn“ thời học trò, Khương tìm cách lãng xa ra khi Thái có cơ hội gần Hồ Thu, cứ gọi như là Khương hy sinh tình yêu cho bạn. Đề qua mắt thiên hạ anh còn làm bộ theo đuổi Hoàng Yến, cô gái làm nhiều thằng nam sinh chơi voi. Năm sau, lên đại học, Khương đậu vào Phú Thọ, Thái vào Không Quân, Hồ Thu theo học ngành Dược khoa. Thình thoảng Khương nghe nói hai người cũng gặp gỡ nhau nhưng hình như tình cảm Hồ Thu dành cho Thái không sâu đậm, nên Thái đã dần quên Thu. Còn Khương chưa đâu tới đâu thì bảy mươi lăm lại đến Canada, Hoàng Yến đến Mỹ. Nghe nói Thái và Hồ Thu đã bị kẹt lại.

Ngồi bên cạnh Hồ Thu, nhớ lại những ngày còn là học sinh với Hồ Thu với Thái bao giờ cũng là những ngày Khương giả bộ như chẳng quan tâm gì đến Hồ Thu, cứ lo chăm chỉ học, lại còn cố tạo cho Thái và Hồ Thu có dịp gần gũi, giờ bỗng nhiên anh thấy việc làm ngày ấy của mình nông nổi như lời ca anh đã đọc được trên Internet lúc gần đây... *giờ ra đi mới thấy lòng tiếc nuối, những kỷ niệm một thời nồng nôi, cứ thôi thúc hoài khắc khoải cả trái tim...* Anh tiếc là ngày ấy yêu Hồ Thu sao anh không tranh với Thái để chiếm lấy Hồ Thu, lại đi nhường một cách vô ích, ngớ ngẩn, bây giờ anh không thể nào cùng Hồ Thu vượt qua vòng lễ giáo để yêu nhau như những tình nhân. Chồng và con Thu đang chờ ở nhà. Vợ và con anh đang chờ ở Canada. Những bước thêm, xa, chỉ là những bước chân phiêu lưu!

Khi ra khỏi rạp, ánh nắng đã dịu, nhưng vẫn còn gay gắt. Thu lại mở dù che cho hai người. Khương lấy dù từ tay Hồ Thu, và tự động đi sát vào cô để che mát cho cả hai. *Nắng Sài Gòn anh*

đi mà chột mắt, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông. Lời bài ca thật hay. Nhất là trong lúc này. Hồ Thu không đang mặc áo lụa Hà Đông nhưng Khương vẫn thấy rất mát bên mỗi tình cảm ngày trước. Anh tiếc. Nếu ngày đó Khương đã nói được với Hồ Thu ba chữ “anh yêu em” thì bây giờ cuộc đi chơi chung hôm nay có ý nghĩa biết mấy.

Chưa chịu về nhà, Hồ Thu rủ Khương vào quán bò bía và nước mía. Ngày nào tuổi còn nhỏ, tính tình hơi hột, ít quan tâm đến người mình yêu, còn bây giờ chưa hẳn già nhưng Khương lại chú ý những chuyện chung quanh, đôi khi rất nhỏ nhặt. Anh thấy miệng Thu ăn món bò bía rất ngon, cách cầm, cách nhai, như cô chưa từng ăn một món ngon như thế. Xong lại còn uống nước mía. Cô hỏi Khương, anh có dám uống nước mía không. Thường Việt kiều về rất sợ đau... bụng vì nước mía. Anh chia ra cho cô coi mấy viên thuốc Tây trị đau bụng anh đang mang trong bóp và nói nếu vì Thu có đau cũng chẳng sao. Thu cười. Lúc sắp chia tay Khương mạnh dạn hỏi về chuyện gia đình của Hồ Thu trong hiện tại và mỗi tình ngày trước với Thái, vì Khương đã ra đi từ năm 75, nên mọi tin tức về bạn bè ở Việt Nam từ ngày đó đã biệt tăm.

Hồ Thu kể ra Khương mới biết. Lúc Thái học trong trường Không Quân ở Nha Trang Thu có ra thăm. Tụi em đi chơi ở Hòn Chông, phố Nha Trang. Khi đó anh đang học bên Phú Thọ, lo máy móc, nên đâu màn đến chuyện lính tráng. Buổi trưa Nha Trang biển đông người... Thấy mặt Khương buồn buồn nên Hồ Thu hơi ngại, nghĩ chắc anh không muốn nghe chuyện tình của người "em gái" nên cô không kể tiếp, mà đổi đề tài, hỏi: Sao về Việt Nam lần này anh có định đi chơi đâu không? Ra Nha Trang, lên thăm Đà Lạt. Nha Trang thì em ch ưa đi lại lần nào nhưng Đà Lạt thì có đi rồi. Đà Lạt bây giờ thay đổi nhiều lắm! Khương không muốn bỏ dịp may để biết Đà Lạt, khi nghe Hồ Thu rủ, hơn nữa cần đi cho biết vì anh chưa có lên đây lần nào. Anh gật đầu. Hồ Thu tiếp: Nếu em thu xếp được việc nhà thì tụi mình đi vài ngày ở Đà Lạt. Tuần này em bận. Minh hẹn tuần sau đi! Để em sắp xếp việc nhà rồi đi. Em đi

với cô con gái nha. Hồ Thu biết có con gái đi chung Khương sẽ không vui. Ánh mắt, cử chỉ Khương mấy hôm nay cho cô biết điều ấy, nhưng biết làm sao hơn khi cô là đàn bà đã có chồng. Ngừng một chút, thăm dò phản ứng Khương, trong ánh mắt long lanh cô tiếp: Có gì xảy ra bất thình lình, không thể đi được, em sẽ gọi điện thoại di động báo cho anh. Còn... anh cũng vậy, có gì... báo cho em biết. Khương một phút thất vọng, nhưng lấy lại sự điềm tĩnh ngay. May mà Hồ Thu không rủ chồng cùng theo, chớ nếu Hồ Thu rủ chồng, Khương sẽ kiếm chuyện thối thác ngay.

Bây giờ thì Khương đang trên đường đến Đà Lạt. Anh đi một mình. Theo sự hẹn hò, Hồ Thu sẽ lên sau. Ở Vùng duyên hải đang nắng nóng, xe vừa qua khỏi Di Linh, Bảo Lộc đã gặp ngay bầu trời với mây mù, nắng nhẹ. Khương nhìn quang cảnh chung quanh hai bên đường, những cánh rừng cây xanh mượt, những đồi trà uốn lượn. Quang cảnh này Khương đã nghe kể rất nhiều thời còn sống ở Sài Gòn trước bảy mươi lăm. Nghe từ các vị đã từng là chủ vườn trà. Trà Bảo Lộc. Đi đâu họ cũng vận đồ tây trắng, giày trắng, đầu chải bằng Bri-ăng-tin bóng loáng. Bước ra đường là có xe hơi Citroel, Peugeot đưa đón. Bây giờ ai là chủ nhân ở đây? Những chủ nhân ông mới. Họ đang ở đâu. Nhưng ở đây, hiện tại Khương chỉ thấy các cô gái đội khăn, những nông dân, che kín tay, mặt, mang gùi trên lưng, đứng khom mình ngắt những lá trà. Chắc là công việc ngày xưa ra sao, bây giờ vẫn vậy. Và tên gọi vẫn là: những nông dân nghèo khó! Trời lạnh và không có mưa. Ánh mặt trời thỉnh thoảng vẫn xuất hiện như phép nhiệm mầu làm cảnh quang trở nên âm áp. Xe chạy vòng quanh những con đường, bên mặt là những thung lũng, không sâu, nhưng nếu xe rơi xuống đó, chắc là thập phần nguy hiểm.

Quang cảnh hai bên đường phút chốc đã bị xô dạt qua một bên trong tầm mắt và bộ não của Khương, như sóng đời phủ trên lối mòn cuộc sống, để anh suy nghĩ về một việc khác. Hồ Thu không có cảm tình nhiều hay không còn chút tình cảm nào đối với anh, anh đâu cần biết. Anh chỉ còn biết một điều, ngày mai này ở khung trời

Đà Lạt, anh sẽ được đi bên cạnh cô, hạnh phúc muôn màng mà hơn nữa đời người anh mới có, anh thấy lòng ngây ngất. Bao năm bên cạnh mái gia đình êm ấm, bình thân, vẫn không đắm chìm được tình yêu thời trai trẻ nồng nôi của đời người. Anh đang hoang mang trong tâm trạng khi hưng phấn, lúc cô đơn. Một người Canada gốc Việt cũng không thua kém ai, nhưng lại thua kém trong tình cảnh này. Việt Nam hiện tại có khối gì cô gái đẹp, cứ sao lại phải tìm Hồ Thu, gặp Hồ Thu. Nỗi rạo rức khi về Việt Nam lần này là để mong gặp lại Hồ Thu, việc làm này xem ra dù là thời hiện đại hôm nay cũng không thể chấp nhận được. Một người đã có vợ, còn một cô đã có chồng. Cả hai đều đã có con cái. Vậy thì còn tìm lại nhau làm gì, nếu không là sự tìm lại trong gần gũi, âu yếm. Khương ngẫm nghĩ nhiều lúc tại mình hết, tại những thằng đàn ông. Chớ thường những người đàn bà như Hồ Thu ít dám bước qua lằn ranh bốn phận nhiệm vụ một khi họ đã có mái ấm gia đình.

Xe dừng lại bên đường, một quán ăn. Như đã có hẹn hò từ trước, giữa chủ xe và chủ quán ăn. Các xe xuôi ngược đều tấp vào đây để hành khách ăn trưa, giải khát và sinh hoạt cá nhân. Quán lớn, có thể chứa cả trăm người. Hầu bàn năm ba người chạy tới chạy lui kêu la in ỏi. Vẫn là sự vô tình, hai cô gái ngồi gần Khương trên xe, lại đang ngồi cùng bàn với anh. Cô em xem còn khỏe, còn cô chị đã mệt, sau một đoạn đường xem ra không còn muốn ăn uống gì nữa.

Trên xe đò, hai cô gái này ngồi cạnh Khương. Khi xe rời vùng duyên hải, lên cao nguyên, gặp ngay những khúc cua, sườn dốc, nên cô chị bị chóng mặt, nôn mửa, mặt mày tái xanh. May mà cô em vẫn còn khỏe, tinh táo, để lấy bao hứng. Trông dáng vẻ hai cô gái không thuộc con đại gia hay cán bộ trung, cao cấp. Thậm chí cũng có thể cô chị còn là cô gái làm nghề bia ôm, cà phê ôm hay mát-xa ở Sài Gòn để lo cho cô em ăn học. Có những phim bây giờ với hoàn cảnh như vậy. Nét nghèo nghèo, da mặt nhợt nhạt của hai cô gái đã nói lên điều đó.

Cô chị có vẻ ngượng ngùng khi nhìn Khương. Khương đã từng bắt gặp ánh mắt như thế trong những lần đi ăn, chơi với bạn bè ở những nơi có các cô gái trẻ Việt Nam làm tiếp viên. Trong lần đầu gặp gỡ họ tươi cười như bao nhiêu người khác khác. Nhưng lần hai lần ba gặp lại họ sẽ không từ chối ngay một lần than thở về hoàn cảnh gia đình: cha mẹ già, đồng anh em, không có công việc làm ăn, cố gắng làm để có ít vốn liếng rồi sẽ bỏ nghề này để ra hay về lại quê làm ăn đàng hoàng, vân vân và vân vân, và rồi các cô không ngần ngại xin tiền. Trong tình trạng đất nước như hiện nay, Khương dám tin chắc chín mươi chín phần trăm các cô đã nói thật. Các cô đã không nói láo. Nhìn công ăn việc làm, dân số, đất đai canh tác ai ai cũng biết rằng đại đa số các cô đang lâm trong hoàn cảnh như thế, ngoại trừ con của những gia đình có thân nhân nước ngoài hay các gia đình trung gia, đại gia mà đa số là cán bộ.

Khương đã từng ngồi ở những quán nhậu mà ngoài các cô tiếp viên trẻ đẹp, chuyên “rót bia” kiếm tiền, với đầy rẫy các cô gái trẻ, thiếu nữ trung niên tay cặp những chiếc thúng, chiếc rổ nhỏ tới lui mời mọc để mua dùm những bịch đậu phộng luộc, trái xê-ri, chùm ruột. Hỏi ra các cô cũng chỉ kiếm được mỗi tháng một triệu rưỡi đến hai triệu, rồi còn phải trả tiền trọ, gửi tiền về quê phụ chồng nuôi con, nuôi cha mẹ. Còn các cô làm trong những hãng xưởng may mặc, đồ gỗ, cá Ba-Sa lương bao nhiêu một tháng thì ai cũng biết. Ngày xưa ai cũng nghĩ chỉ có cô gái nào đẹp mới đi làm nghề mãi dâm, nhưng hiện tại hôm nay, ở Việt Nam, gái xấu cũng hành nghề mãi dâm. Có thật vậy không? Thì cứ tìm đến các anh chạy xe ôm ở các thành phố, các anh sẽ dẫn đến các nơi, các con đường có những cô gái bán phấn buôn hương, quần áo rất đẹp, chạy xe xịn, nhưng mặt mày được che kín bằng khẩu trang. Nhìn tướng tá các cô, khách mua dâm sẽ muốn mua ngay, nhiều khi chưa biết mặt mũi các cô nàng ra sao. Có những người đàn ông, thanh niên hào hiệp, nói họ sẵn sàng đi ngay, mặc cho cô gái đẹp hay xấu, vì thương cho các cô gái trong thời đại hôm

nay trên đất nước Việt Nam. Họ nói tính ra hai ba chục Đô la, hai ba trăm ngàn đồng Việt Nam thì nhằm nhò gì với họ so với cuộc đời mải dâm của một cô gái. Nhưng cũng có nhiều tay trông khá giả nhưng keo kiệt, đòi hỏi phải được coi mặt trước khi cùng bước vào khách sạn "Mini". Đây là lời kể từ thẳng bàn hàng xóm của Khương đang sống ở Sài Gòn với nghề chạy xe ôm. Ngày xưa bạn không chịu học chữ, chỉ theo học võ, và đã là võ sư của một môn phái. Bây giờ chắc vì đã hơi lớn tuổi nên không thể kiếm tiền bằng nghề võ sư được nữa, phải kiếm ăn phải bằng nghề chạy xe ôm.

Chuyện về hai chị em cô gái ngồi cạnh, thấy cô chị ốm yếu, da mặt xanh, Khương liền tưởng đến những cô gái đã gặp ở những quán ăn và những cô gái do bạn bè ở Sài Gòn kể lại, anh đem lòng trắc ẩn, thương cho cô gái, nhưng anh cũng không làm được gì hơn là chỉ đưa cho cô mớ giấy lau miệng mà anh đã mang theo trong túi xách, khi cô nôn mửa. Cô ngậm ngại nói tiếng cảm ơn.

Trời Đà Lạt mùa hè nhưng buổi chiều hơi lạnh, y như khí hậu Âu Châu, Bắc Mỹ. Khi vừa đến bến xe việc trước tiên là Khương kêu một xe ôm chở đi tìm Hotel. Anh bao luôn anh xe ôm trong buổi chiều tối đầu tiên ở Đà Lạt. Khương muốn đi đâu anh đưa đi đó, khi về Hotel ngủ là hợp đồng chấm dứt. Cả hai thỏa thuận như vậy. Lấy phòng ở Hotel xong, rảnh rang cả buổi chiều, Khương nói anh chở đến các địa điểm du lịch nổi tiếng ở Đà Lạt như Hồ Than thở, Thung lũng tình yêu, hồ Xuân Hương... Nhưng mỗi nơi anh chỉ vào mười lăm đến hai mươi phút cho biết. Thứ nhất là nếu đi lâu thì tốn tiền xe ôm cũng ồng phí, vì xe bao. Thứ hai là vì một hai ngày tới, khi Hồ Thu lên đây, hai người sẽ có dịp đi dạo các nơi này lâu hơn. Anh xe ôm mặc một chiếc áo Jacket đen để chống lạnh. Đầu cô nón kết che nắng. Lúc đang chạy xe, biết Khương lần đầu lên Đà Lạt nên anh kể nhiều chuyện về Đà Lạt, khá thú vị. Một trong những câu chuyện ấy là: Mấy ông cán bộ ở đây cứ muốn tổ chức "Hội Hoa Đà Lạt" hoài để kiếm tiền. Ở Đà Lạt làm gì có đủ hoa để tổ

chức, mỗi lần vậy phải đi mua hoa ở các nơi khác, tốn tiền, bị báo chí chửi um sùm. Xe chạy qua các ngọn đồi. Xứ sở hoa Anh Đào, dâu đầu cũng thấy màu xanh bao phủ. Màu xanh sậm của lá cây trong ngày hè. Anh xe ôm hỏi Khương lên Đà Lạt để làm gì, đi chơi không hay sao. Khương bịa: Ngoài du lịch còn định mua tranh mẫu của những họa sĩ, để đem về Sài Gòn cho người ta thuê. Ở đâu. Để em chở anh đi. Thôi được rồi. Người ta nói đến khách sạn để đưa. Nếu Khương nói ngày mai có cô bạn gái sẽ lên, chắc anh xe ôm sẽ còn khai thác thêm.

Ngồi xe ôm, gió lạnh chỉ thổi vào hai mang tai, chứ thân mình không thấy lạnh lắm vì nhờ anh xe ôm che chở. Không khí dễ chịu. Hồ Xuân Hương rất đẹp. Khương kêu ngừng lại ở một quán cà phê bên cạnh hồ sau khi xe chạy một vòng. Quán nằm ở địa thế cao, nhìn được khắp khung cảnh hồ. Cà phê Đà Lạt ở quán này pha không quá ngọt nhưng cũng không có gì là đặc biệt, chắc có quán ngon hơn, như đã có lần nghe anh bạn đi chơi ở Đà Lạt về kể lại, như quán Tùng, quán De La Poste... Quán Khương đang ngồi có mở nhạc nhẹ. Nhưng anh không cần vì trong quán đã có một cô tiếp viên với giọng nói thật hay. Nói như rót mật vào tai. Hai anh dùng chỉ. Nghe giọng nói gợi nhớ đến Hoàng Yến, Khương hỏi: Xin lỗi có phải cô là người Huế không, giọng nói cô rất hay! Chắc là đã quen với những lời khen như thế, nên cô không có vẻ mắc cỡ, hoặc hành diện, chỉ nhẹ nhàng lịch sự (nghề tiếp viên mà!): Không, em người Hà Tĩnh! Lần đầu tiên trong đời Khương nghe giọng nói người Hà Tĩnh. Người ta hay nói giọng ca "oanh vàng thỏ thẻ", nhưng ở cô gái này đúng là có giọng nói "oanh vàng thỏ thẻ", nghe mà mát ruột mát gan. Giọng nói cô, theo riêng Khương, hay hơn tiếng Huế mà anh thường nghe. Người cô nhỏ nhắn, da ngăm đen, khuôn mặt nhỏ gọn, miệng cười lộ những chiếc răng đều đặn. Ăn mặc bình thường, nên trông cô chất phát, chân quê, mang nét đẹp bình dị. Cô nói cô chỉ là người làm, một ngày vài ba

tiếng. Khương không hỏi, chỉ nghĩ, chắc cô là sinh viên nghèo, đang theo học một trường ở Đà Lạt, làm là để kiếm phụ thêm cho việc học.

Hồ Than Thở thì chẳng có không khí “thờ than” gì. Trước 75 sao thì không biết, hiện tại không khí kinh doanh náo nhiệt. Xe ngựa đủ màu, mời mọc. Các anh chụp hình, nơi nào cũng có, lúc nào cũng theo mời. Chụp một tấm đi anh! Bảo đảm với anh, hình rất đẹp! Cặp mắt van lơn. Khổ thật, ở Việt Nam bây giờ không có việc làm nhiều, thất nghiệp đây, chắc các anh thợ chụp hình cũng vậy. Không biết mỗi ngày có đủ tiền đem về nuôi vợ con không. Khuôn mặt đen đũi, dù có nón, nhưng vì suốt cả ngày đứng ngoài trời, dưới mưa và nắng. Những con đường nhỏ nhỏ ngoằn ngoèo dẫn đến khu mua sắm đồ kỷ niệm có những thảm cỏ xanh và những lảnh hoa rất đẹp.

Thung lũng tình yêu đẹp thật. Nhất là dòng thác, và con suối từ xa đang chảy đến, trong ánh chiều vàng, những tia nắng phản chiếu trên mặt thác màu vàng rực rỡ. Trước Thung lũng tình yêu có mấy tiệm Kios nhỏ bán áo lạnh Đà Lạt. Khương kêu anh xe ôm chờ, tạt vào mua vài chiếc làm quà cho gia đình và cho Hồ Thu. Giá áo rẻ, không đắt lắm, lại đẹp. Lên xứ hoa đào, mua vài cái, không đáng là bao, về thành phố người ta rất quý. Sườn đồi uốn lượn và những hàng thông xanh, những căn nhà lớn, ngôi chùa, thánh đường, đại học..., những nơi anh xe ôm chạy qua, để lại cho Khương nhiều hình ảnh ban đầu thật tốt đẹp về Đà Lạt, xứng danh là nơi nghỉ lý tưởng cho những cặp tình nhân.

Trở lại việc mình, Khương nghĩ, ngày mai đón Hồ Thu ở bên xe xong, rồi mình sẽ đi đâu, làm gì thì anh cũng đã có chương trình. Và rất may trong buổi chiều nay, đi cùng anh xe ôm, anh được thấy được nghe về Đà Lạt khá nhiều. Có kinh nghiệm đôi chút. Anh định, sẽ cùng Hồ Thu lên rừng Lan-bi-ang, cách Đà Lạt cũng không xa lắm, đến thiền viện Trúc Lâm... Cả một chương trình đặt ra trong đầu, Khương thật thấy háo hức.

Buổi tối về đến khách sạn trời khá khuya,

phòng tiếp tân chỉ có một cậu bé khoảng mười tám mười chín tuổi trông coi. Cậu hỏi Khương có cần Hoá đơn đồ không. Khương hỏi lại Hoá đơn đồ là giấy gì vậy. Cậu cười. Hoá đơn cho những người đi công tác. Khương thấy dễ cười, vì tưởng làm cậu bé muốn giới thiệu "em út" cho mình, nhưng anh không nói gì chỉ lắc đầu với cậu bé. Phòng ngủ trong một Hotel giá trung bình, nên mọi cái đều trung bình. Giường ngủ, phòng tắm đơn giản. Tắm xong, lên nằm đắp chăn Khương mới cảm thấy nổi cô đơn vậy quanh. Khương nghĩ đến Hồ Thu. Giờ này chắc đang ngủ với chồng. Không biết cô đã sắp xếp công việc chưa, có chuẩn bị ngày mai lên Đà Lạt chưa. Cha. Một người đã có gia đình, muốn đi xa một vài ngày quả thật cũng nhiều rắc rối. Phải chỉ cả hai còn độc thân thì tốt biết mấy. Và không biết ngày mai Hồ Thu có đi lên đây được không, có muốn đi không, dù với con. Câu hỏi cứ đặt ra trong đầu làm Khương khó vào giấc ngủ. Tình cảm đàn bà như những áng mây, mình có thể thấy nó nhưng khó mà nắm bắt được. Câu nói từ miệng của một nhân vật nam trong một phim Việt Nam, Khương ngẫm nghĩ thấy rất đúng. Khương cảm thấy rạo rức hơn khi nghĩ rằng ngày mai đây, mỗi khi vắng mặt con gái Thu, anh và cô sẽ tay trong tay bên cạnh nhau đi dưới những hàng thông, hay trên những đồi cỏ. Anh thêu dệt chuyện gối chăn, nhưng cùng lúc cũng biết kìm hãm cảm xúc quá xa của mình. Càng về khuya tiếng xe cộ bớt đi nhiều, nhưng vẫn không giúp được anh đi vào giấc ngủ. Anh lẫn lộn với những ước mơ. Những ước mơ anh biết không thể nào hiện thực được. Nhưng chẳng hề gì, vì chính những thêu dệt, những ước mơ không hiện thực ấy đã giúp con người sống qua và thoát khỏi những tàn bạo của cuộc sống. Ước mơ về một ngày mai được sung sướng an nhàn. Ước mơ sẽ tay trong tay với người tình ngày trước. Ước mơ về một cuộc đời. Ước mơ về một mái ấm, một tình yêu vĩnh cửu. Khi con người không còn ước mơ có lẽ người đó đã chết, như những hàng cây không

được tưới tắm bằng những giọt nước từ nhân gian, hay những cơn mưa từ trời, hàng cây sẽ chết, thành phố sẽ buồn và con người không còn đến đó để tỏ tình.

Đêm hôm đó, Khương đi vào một giấc chiêm bao. Anh thấy từ trong Thung lũng tình yêu Hồ Thu đang ngụp lặn trong đó. Minh cô ướt sũng, cô muốn ra khỏi dòng nước, nhưng nào được. Nước cứ kéo cô lại, muốn chìm cô, nhưng cô cứ cố vươn lên, hai tay vươn tới, như cố thoát ra loài bạch tuột đang bầu chặt. Cô không kêu tên ai, không kêu tên Khương, không ai đến cứu, Khương nghĩ thế nào rồi Hồ Thu cũng bị nước cuốn đi, cuốn vào Thung lũng tình yêu, vào vùng mù mờ của suối. Khi Hồ Thu khuất dạng hình hài trong dòng nước, Khương giật mình tỉnh giấc. Lúc ấy khoảng năm giờ sáng.

Do giấc mơ làm tỉnh ngủ, Khương dậy sớm rửa mặt thay đồ. Anh muốn nhìn cảnh Đà Lạt lúc bình minh. Hôm qua anh đã nhìn được Đà Lạt trong cuối ngày và khi màn đêm đến. Xuống đến phòng tiếp tân, anh thấy một anh khá lớn tuổi đang lay quay ở đây. Có vẻ anh vừa ngủ vừa trông coi khách sạn. Khương nói với anh Khương muốn ra ngoài tìm một ly cà phê sáng. Khuôn mặt người trung niên bình thản, dễ mến. Anh gật đầu với Khương. Ra ngoài mới biết trời đang có mưa lâm râm, không khí lạnh. Vì mưa nên Khương không thể tản bộ được, anh đứng đón một xe ôm để đến quán cà phê. Chiếc xe trở tới, Khương quất, người lái xe ôm mặc đồ kín đầy người, từ đầu đến chân, chỉ trừ khuôn mặt. Khi đứng trước mặt và nghe tiếng nói Khương mới nhận ra đó là một người đàn bà. Khương hơi ngạc nhiên nhưng cứ làm tính. Chị đưa dùm tôi đến quán cà phê nào gần đây nhất, mưa nên tôi không đi bộ được. Dạ, anh lên đi! Đàn bà ở đây cũng lái xe ôm nữa à. Dạ lái thay cho ông xã, chút nữa ông ngủ dậy ông lái tiếp, tôi ở nhà lo cho con đi học. Xin lỗi. Nghe giọng nói hình như chị không phải người ở đây. Dạ đúng, em người Khánh Hoà. Khánh Hoà sao không đến Nha Trang làm ăn mà phải vào tận Đà Lạt này.

Dạ, Nha Trang cũng khó làm ăn lắm anh! Biết hỏi thêm không nên, nên Khương yên lặng mãi đến khi chị xe ôm ngừng lại trước một quán ăn. Xuống xe, nhưng trong thâm tâm anh vẫn thắc mắc về chị lái xe ôm. Tại sao ở Nha Trang lại khó làm ăn hơn ở Đà Lạt. Nha Trang, thành phố lớn, nhiều khách du lịch, lại ở nơi quê chị, vậy mà khó làm ăn. Anh hỏi giá tiền, và trả cho chị gấp hai. Chị nhận với vẻ mặt thật vui. Miệng chị cười, và hình như ánh mắt cũng mỉm cười.

Ly cà phê sữa nóng làm Khương tỉnh táo. Uống cà phê xong, thấy đói anh gọi một đĩa hột gà ốp-la ăn với bánh mì. Đang ăn thấy điện thoại cầm tay báo có tin nhắn SMS. Mở ra Khương thấy hàng tin từ Hồ Thu: Em lên Đà Lạt không được, vì đứa con bệnh bất tỉnh linh hồi hôm này. Đừng buồn em nha! Về Sài Gòn em sẽ kể cho anh biết rõ hơn. Chúc anh đi chơi vui ở Đà Lạt dù không có em. Đọc tin nhắn xong Khương không còn muốn ăn gì nữa. Định không hồi âm, nhưng vì lịch sự Khương cũng viết vài chữ để Hồ Thu yên tâm: Em không lên được, anh buồn lắm! Khương muốn về lại ngay khách sạn, trả phòng và trở về lại Sài Gòn ngay trong ngày. Những rạo rức nào nức đã bị dập tắt. Suốt cả đêm không ngủ chỉ trông trời mau sáng, nhưng giờ thì nhận được tin "sét đánh" từ Hồ Thu.

Theo đường đi, buổi sáng sương còn ướt đẫm trên đường. Vài chiếc lá vàng sậm nằm lả lơi trên mặt đất. Khương cúi xuống lượm một chiếc lá. Lá đã khô, chắc lia cây lâu rồi, may mà chưa cần cỗi. Anh cầm chiếc lá trên tay, đánh đều chiếc lá theo bước đi. Khi về đến cửa khách sạn tay anh mới bỏ rơi chiếc lá xuống đường. Vào đến phòng Khương ngã người nằm dài trên giường, suy nghĩ. Bỗng dưng anh cảm thấy thương Hồ Thu hơn là buồn vì chuyện cô không lên được. Hồ Thu như chiếc lá lúc này, trên đường đi anh đã nhặt. Lá của những mùa thu qua. Cối quá khứ. Ướt ẩm. Nàng là hoa vạn hạt cuối mùa. Cố bám vào xuân nhưng đành bỏ tay. Ba mươi năm trước là xuân. Còn bây giờ đã hơn nửa cuộc đời. Khám phá ra như vậy để Khương dễ thông cảm cho Hồ Thu hơn. Cũng

dành chia xa. Khương nghĩ như thế và quyết định sẽ không tiếp tục làm phiền Hồ Thu khi đời cô như ván đã đóng thuyền.

Khương lại quyết định không về Sài Gòn sớm. Anh muốn ở lại đi chơi trong Đà Lạt và những vùng lân cận vài ngày, vì lần lên đây lần khó. Cũng có thể anh ở đến ngày về lại Canada, anh mới trở về Sài Gòn để lên phi cơ. Về Sài Gòn hiện tại anh cũng cô đơn. Biết đâu sự nhớ nhung lại làm anh quấy rầy Hồ Thu. Hãy để tình yêu ngày nào được ngủ yên. Anh muốn chôn cất nỗi buồn này nơi chôn mù sương. Một mình anh đi vòng vòng trên những con đường. Lúc lên đồi. Lúc xuống dốc. Anh tìm một quán bia. Anh muốn uống bia Đà Lạt trong buổi tối, sương mù đang bên ngoài và có cái lạnh từ con tim.

Còn mấy ngày nữa anh trở về lại Bắc Mỹ. Xa Việt Nam lại nửa vòng địa cầu và có lẽ là xa Hồ Thu một thời gian rất lâu. Hồ Thu lại nhắn tin: Khi nào về Sài Gòn liên lạc với em ngay. Em muốn tiễn anh ngày anh ra phi trường về Canada. Khương hồi âm: Có cần thiết không? Nhưng nếu em ra được anh cũng rất vui. Cám ơn em. Một chai, hai chai, ba chai. Bia đã làm Khương say. Kêu cô gái tính tiền. Anh thấy yêu thích trạng thái này. Nửa say nửa tỉnh. Nửa thánh thiện, nghiêm trang. Nửa trắng hoa, trai gái. Anh hỏi giỡn cô gái sau khi "bo" cho cô hậu hĩ. Gần đây có...Mà thôi! Bỗng dưng Khương ngưng ngang. Cô gái tùm tùm cười.

Ra ngoài trời tối. Không trăng sao. Trời khô. Lòng Khương bỗng dưng rạo rức. Anh cảm thấy muốn yêu ngay một cô gái Việt Nam. Đong đầy sự cô đơn, vắng Hồ Thu, bằng chuyện trắng hoa. Như tình cảm ngày xưa. Sau những ngày học thi căng thẳng đầu óc, bọn sinh viên tại anh cũng đã biết vào nhà thổ, để giải quyết cho cái đầu đờ đặng, rồi mới có thể tiếp tục học. Còn nay, cũng đầy rẫy các cô gái làm nghề này. Và người ngoại quốc, ngoại quốc gốc Việt, Việt kiều và các cán bộ...đại...gia, tất cả là tội...phạm nhưng cũng là ân nhân của họ.

Một chiếc xe Honda ôm chạy ngang, ngừng lại hỏi anh có đi không. Khương gật đầu, leo lên. Anh về đâu anh. Anh cho tôi đến chỗ nào có mấy em! Ừ được rồi! Tôi biết một nơi, có thể anh đến chơi được. Bia đã lên đến đầu. Khương bần thần lấy tay vuốt nhẹ gương mặt. Cha, coi bộ anh cũng rành vụ này dữ. Dạ, Thịnh thoảng cũng có khách hỏi. Phải biết để chờ họ đi. Chạy xe ôm mà anh. Khách đủ hạng người. À, mà xem ra anh đang có chuyện buồn. Ừ. Anh đoán đúng. Cũng đang buồn. Anh ở đâu đến đây du lịch à. Hình như anh không phải là dân ở đây. Khương giỡn. Tôi là người ở đồng bằng. Không phải là người ở phố núi. Lần đầu muốn biết cảnh biết người phố núi ra sao. Anh xe ôm cười lớn tiếng, trả lời. Ở đâu cũng vậy thôi. Tự dưng anh lại chêm vào câu nói nổi tiếng của ông Đặng Tiểu Bình, không biết với ẩn ý gì: Mèo trắng mèo đen gì mặc kệ. Miễn là mèo bắt chuột được thôi, phải không anh.

Anh xe ôm chờ Khương đến một góc đường. Ánh sáng mờ nhưng đủ để nhận thấy mặt người, mặc dù những nhánh cây, thân cây cũng che khuất được phần nào ánh đèn đang rải xuống các kiềm nữ. Nhiều cô gái không rụt rè chạy ra chặn đầu xe Honda, đề nghị chuyện "trăng hoa". Anh xe ôm quay lại nói nhỏ, sao anh thấy được không, có đi không.

Lúc này men rượu trong đầu Khương đã bớt. Nhờ ở ngoài trời ít phút nên anh thấy tỉnh táo, cùng lúc anh lại thấy buồn. Khương tự dưng nghĩ đến Hồ Thu, nhớ đến gương mặt Hồ Thu lúc hai đứa ngồi trong quán cà phê Tô Tinh ở Sài Gòn. Hồn nhiên và thánh thiện quá! Anh Nghĩ mình lên đây là vì Hồ Thu chứ đâu phải về việc "con con" này. Dù Hồ Thu không có mặt nơi đây, nhưng tự dưng anh lại thấy thẹn với Hồ Thu. Anh chồm tới nói nhỏ vào tai cho anh xe ôm vừa đủ nghe: Anh chờ dùm tôi về khách sạn lại đi! Chạy đi!

VŨ NAM
(Germany)

TRƯỜNG PHÁI LÃNG MẠN

Chủ Nghĩa hay Trường Phái ‘Văn Học Lãng Mạn’

Nguyễn Thùy

‘Lãng Mạn’ có nghĩa tuân tràn ra như sóng. ‘Tuân tràn’ gì? Thường chúng ta hiểu là dễ tình cảm, dễ cái ‘Tôi’ nơi mình tuân tràn tự do, không cản ngăn, không e ngại, không tìm cách giới hạn mọi cảm xúc, cảm hứng. Hiểu chung chung như thế, có thể chưa hẳn đúng với chủ trương của Chủ nghĩa hay Trường phái Văn học Lãng mạn (romantisme). Cái ‘Tôi’ nơi chủ nghĩa hay trường phái lãng mạn không hẳn là ‘cái tôi cá nhân, cái tôi ích kỷ, cái tôi bé bỏng’ (le moi individuel, le moi égoïste, le petit-moi) mà nên hiểu đây là ‘cái tôi tha ngã, cái tôi hợp ngã, cái ngã-vô-ngã’ (le moi-nous, le moi-non-moi), cái ‘Tôi’ mở phôi, giải tỏa, cái ‘Tôi’ hoà đồng với tha nhân, với xã hội, với vũ trụ, với ‘đức tin’ vào một ý nghĩa cuối cùng của vạn hữu, đặc biệt của cuộc sống con người.

Cái ‘Tôi’ nơi thơ văn lãng mạn không là ‘cái tôi trường giả, cái tôi vô sản’ (le moi-bourgeois, le moi-prolétarien) khuôn biệt nơi một vị thế nào đó mà là một ‘tổng hòa’ của ba cái Tôi nơi con người: *cái Tôi chủ thể, cái Tôi khách thể và cái Tôi thăng hoa*’ (le Moi sujet, le Moi objet, le Moi transcendantal) (1). ‘Lãng mạn’ trên ngữ nghĩa là ‘tuôn trào ra như sóng’. ‘Tuôn trào’ nơi đây, người viết hiểu, là bộc lộ, mở phôi, san sẻ, gởi trao, trang trải, tìm về thông giao, kết hợp, hòa đồng. Và vì ‘bộc lộ, mở phôi, san sẻ khi không được đón nhận, thông cảm, thông giao nên càng lãng mạn càng dễ rơi vào cô đơn; dễ rồi giải tỏa, vượt thoát cô đơn bằng ngôn ngữ, hành động bùng phá, nổi loạn hoặc gập mình đau thương, hay liêu lĩnh dần thân vào

hiểm họa, dìm mình vào tận cùng của đau thương, dần vật hoặc phiêu lưu, phóng dật, thờ ơ, lãnh đạm với sự đời’ (2) Vì ‘Sống là sống với, sống giữa, sống cùng’ với thiên nhiên, vạn vật, với xã hội, với thời đại - ‘Không ai trong chúng ta có diễm phúc sống cuộc sống chỉ riêng của mình’ (aucun de nous n’a l’honneur d’avoir une vie qui soit à lui - Victor Hugo)- nên ‘lãng mạn’ là một tính chất bản nhiên của ‘hữu thể người’. Victor Hugo, trong Lời tựa tập thơ ‘Voix intérieures’ đã viết: «...có một lúc nào đó trong cuộc sống, chân trời rộng mở không ngừng, một người cảm thấy quá bé bỏng để tiếp tục lên lời nhân danh riêng mình. Lúc bấy giờ, nó tạo ra thi sĩ, triết gia hay tư tưởng gia, một khuôn diện mới trong đó nó hiện thân và hóa thân. Cũng lại là con người nhưng không còn là cái tôi » (3). Người lãng mạn luôn bức rức, băn khoăn, buồn đau, rầy rụa trước cuộc sống, trước cảnh đời, trước những lỗ lã, nhậy nhụa, trái ngang của thời đại nên luôn mơ về một ‘thực tại’ nào khác, một ‘thực tại’ ‘chân cứng đá mềm, trời êm bể lặng mới yên tâm lòng’. Jouffroy cho rằng ‘*Tâm lý học là khoa học về cái Tôi*’ (science du Moi), đã viết: ‘‘Con người là gì nếu không là cái mà mỗi người gọi là Tôi’’ (4). Nổi ‘*Buồn đau thể kỷ*’ (le Mal du siècle) hay đúng hơn ‘*niềm đau thể sự, nỗi buồn hiện hữu*’ trong cái ‘*đế quốc của người ta*’ (l’empire de l’On) - cái đế quốc của uy quyền, bạo lực, của chiếm hữu giành giật hơn thua, hận thù, man trá, giả hình, lừa bịp, tỵ hiềm, đố kỵ, đọa dầy, bóc lột, trấn áp lẫn nhau- đã khiến nhà thơ, nhà văn lãng mạn chìm đắm trong trạng thái tâm hồn luôn luôn khắc khoải một ‘*đổi mới*’ nào đó để nhìn ra

cái ‘đỉnh mệnh vô hạn’ của con người trong vận hành lịch sử nhân sinh. “*Trong đây thăm con người, có cái gì hơn con người*” (5). Nhà thơ, nhà văn lãng mạn là kẻ ‘đơn diễn’ (soliste) chủ quan, cô đơn, hiu quạnh, luôn gói gắm lòng mình đến tha nhân, đến vũ trụ những tình tự xuất thần, nhập hóa, hướng đến, một lý tưởng thánh thiện, thiêng liêng. “*Bên trong những giới hạn của cái Tôi, người lãng mạn không nản lòng siêu việt mọi giới hạn*”. Cái Tôi nơi họ là cái Tôi tìm về hài hòa, về nhất thống, về kết hợp mọi dạng tồn sinh (vạn hữu, con người), kết hợp người chết và người sống, hiện tại và quá khứ, ký ức và tưởng tượng, nỗi đau riêng và nỗi đau chung của kiếp người.

Cái cảm thức tham dự vào vận hành của lịch sử chung của chúng loại và vũ trụ khiến nhà văn, nhà thơ lãng mạn gánh chịu mọi ‘khổ nạn’ của cuộc đời chung với mọi kẻ nhưng đồng thời hướng về một ‘*vuông quốc của hồn người*’ (royaume de l’âme - Từ ‘tâm hồn’ hay ‘hồn’ luôn được dùng trong thơ văn lãng mạn). « *Luôn quay về Cội nguồn, luôn hướng về chân trời viễn mộng, người lãng mạn không bao giờ tách biệt tương đối với tuyệt đối, cái quán sớ và cái cộng đồng* » (6), có nghĩa luôn luôn kết hợp hữu hạn và vô hạn, cái riêng và cái chung, cái cá biệt và cái tổng thể, cái cá nhân và cái chúng loại. « *Bởi vì, với chủ nghĩa lãng mạn, cuộc sống hữu cơ, dân tộc, quốc gia, xã hội, ‘vũ trụ vật chất’ không phải thuộc về phạm trù vật thể mà thuộc phạm trù ‘chủ thể’, nhìn nhận một luân lưu phổ biến của sinh lực và của thân tính* » (7). Do đó, theo người viết, vừa có tính cách thực tiễn vừa có tính cách siêu hình; nó đi tìm cái ‘Đẹp’ của cuộc sống bằng cách phối kết cái ‘Mỹ’ với cái ‘Chân’ để dẫn về cái ‘Thiện’ qua thi văn, nghệ thuật. Thi văn lãng mạn chống lại thứ Lý trí cứng ngắt, chống lại những Ý thức hệ độc đoán, một chiều, chống lại bạo quyền, bạo lực, chống lại những trói buộc ngăn cản sự phát triển phẩm cách con người. Thi văn lãng mạn ca tụng Cách Mạng, Tự do, Dân chủ, Tình người, tố cáo những thói thời thượng, trường giả,

những nhân danh ‘tín điều’ tôn giáo, đạo đức, chính trị ngăn chặn mọi tự do của con người. Cái ‘Tôi’ của họ là ở đây, cái ‘tuôn tràn’ của họ là ở đây. Vì thế, những nhà văn, nhà thơ nào chỉ thiết tha phô bày cái ‘Tôi’ chủ quan, bé bỏng của riêng mình, dù hay đến mấy, mà không hòa đồng vào ‘Đại ngã’ thì không là nhà văn, nhà thơ lãng mạn đúng nghĩa, theo người viết nghĩ.

Xin trình bày một cách ‘giáo khoa’ hơn về trường phái này theo lịch sử Văn học Pháp.

Chủ nghĩa Lãng mạn là trào lưu văn học xuất hiện ở Âu Châu vào cuối thế kỷ XVIII, trước tiên ở Đức, Anh và Ý, biểu hiện nơi yêu cầu đòi hỏi tự do cho Nghệ thuật cùng sự nảy sinh một ‘*cảm tính mới*’ (sensibilité nouvelle) nơi các nhà nghệ sĩ. Ở Pháp có chậm ơn vì chủ nghĩa ‘*Cổ Điển*’ (classicisme) còn đang sung sức ngự trị. Tính từ ‘*lãng mạn*’ (romantique), vào cuối thế kỷ XVII đồng nghĩa với ‘*mơ mộng viễn vông*’ (romanesque để nói về một phụ nữ quá nhiều tình cảm chẳng hạn). Vào thế kỷ XVIII, do từ ‘romantic’ tiếng Anh, có nghĩa *xinh đẹp, gợi cảm* (pittoresque). Từ 1810, Bà Stael, trong tác phẩm ‘*Nói về nước Đức*’ (De l’Allemagne), do từ ‘romantisch’ tiếng Đức, đã dùng từ ‘romantique’ trong tiếng Pháp. Tuy nhiên khuynh hướng lãng mạn đã có trước đây với J.J.Rousseau, Bernardin de St Pierre, rồi Bà Stael, Chateaubriand, Benjamin Constant,... Chủ nghĩa Lãng mạn tại Pháp thực sự khởi từ 1820 với Lamartine, Victor Hugo, Alkfred de Vigny, Mérimée, Balzac (người sáng lập chủ nghĩa Hiện thực dù rất ảnh hưởng Lãng mạn), Stendhal, Sainte Beuve, Michelet, Alexandre Dumas, Théophile Gautier, Alfred de Musset, Georges Sand, Gérard de Nerval (dù sau này phần nào thuộc trường phái Tượng trưng),... Về sau, từ 1843, trường phái lãng mạn không còn là trường phái nữa do các trường phái mới ra đời như Siêu Thực, Tượng Trưng, rồi những dòng Văn học, Nghệ thuật được gọi là Hiện Đại, Hậu Hiện Đại (thế kỷ

XX), tuy nhiên, ảnh hưởng và khuynh hướng lãng mạn vẫn còn tồn tại đây dựa (8).

Những đặc điểm của Trường phái Lãng Mạn:

I) **Chối bỏ chủ trương Duy lý và Chủ nghĩa Cổ Điển** (le Classicisme) :

Chống chủ trương tư duy chủ quan, khép kín trong những khuôn mẫu nhất định, chủ trọng cái ‘tổng quan, toàn thể’ mà bỏ qua cái ‘riêng tư, cá biệt’. Nếu « *trường phái cổ điển đưa đến tính cách ‘trừu tượng hóa’ và ‘nhất luật hóa’ thì chủ nghĩa Lãng mạn phản ứng lại bằng nêu bật ‘tính cách đa tạp, cụ thể và cá biệt’ của mọi sự, mọi vật* » ... »Nhà văn lãng mạn, như lời Davis Sauvageot, đã đi từ cái tổng quát rơi vào cái riêng biệt, cái cụ thể, cái riêng tư » (9).

2) ‘Cái Tôi’ hay một ‘Cảm Tính mới’ trong Văn học Nghệ thuật :

‘Cái Tôi’ như đã nói ở trên, nơi trường ^hái Lãng mạn chính là cái ‘*Tự ngã tính*’ (égotisme, xin đừng hiểu là tự tôn, tự cao, tự đại) tức cái ‘*Tôi Chủ thể*’ (le Moi sujet) nơi con người. Nếu trường phái Cổ Điển thiên về Lý trí, coi nhẹ cái ‘cụ thể và cá biệt’ thì trường phái lãng mạn lại đề cao cái ‘Tôi’, luôn đặt cái ‘Tôi’ đối diện với thế giới, với xã hội, với cuộc đời để luôn ray rứt, bất an về thân phận con người trong dòng lịch sử sinh hóa của nhân sinh. Họ ‘ném’ cái ‘Tôi’ của mình vào cái thế giới đa đoan, quay cuồng, nhiễu loạn, sống với nó, với tất cả đam mê, cuồng nhiệt để từ nó hướng đến một thứ gì cao xa, diệu vợi, nâng con người và cuộc sống lên cao. Nghệ thuật bắt nguồn từ đó. ‘*Nghệ thuật là cơ phận và trí tuệ của đời sống*’ (10). Con người phải sống toàn bộ mình trong cái toàn bộ của thế giới. Cảm tính và lý tính tức tình cảm và lý trí không là những lý luận biện bác chủ quan, võ đoán mà là một thứ ‘*lý trí được ca hát*’ và ‘*thi ca sẽ là lý trí được ca hát*’ (11). Cái ‘Tôi’ nơi người nghệ sĩ lãng mạn là nguồn suối của thi ca,

nghệ thuật, cái ‘Tôi’ trao gửi, gọi mời dẫn về một đồng hành, hảo hợp.

3) **Năng khiếu linh thị** (don visionnaire) .

Từ cái ‘Tôi’, từ sống thực với cái ‘thân phận làm người’ trong cái ‘đế quốc của người ta’ (l’empire de l’On) , trường phái lãng mạn, qua thi ca, hướng về một chân lý nào đích thực của cuộc sống, một ý nghĩa đúng đắn, cao xa, cuối cùng (sens dernier) của kiếp người. Do đó, luôn hướng về Thượng Đế, không phải một Thượng Đế xưa cũ mà là một ‘Thượng Đế mới’ trong lòng vị Thượng Đế lâu nay (12). Nổi bật nhất là Victor Hugo, trong ‘*Lời Tựa*’ tập ‘*Les Voix intérieures*’ đã so sánh ‘thi sĩ với Thượng Đế’, một Thượng Đế phần nào được ‘trần tục hóa’, sống cùng con người, cùng cảnh thế, cùng gánh chịu hết mọi trầm luân, oan khổ của nhân gian : « *Thi ca giống như Thượng Đế : duy nhất và vô tận. Nếu con người có tiếng lời của nó, nếu thiên nhiên cũng có tiếng lời, mọi hiện tượng cũng thế. Tác giả luôn nghĩ rằng sứ mạng của nhà thơ là đúc kết trong một nhóm thi khúc cả ba tiếng lời đó vốn cùng là ba lời dạy, vì tiếng lời thứ nhất ngộ thẳng với con tim, tiếng lời thứ hai với tâm hồn và cái thứ ba với trí tuệ* » (13) :

-Trong ngày tháng vô luân, nghịch bướng
Thi nhân sửa soạn những ngày đẹp sáng
Gã là người sống trong hoang tưởng
Chân nơi đây, cặp mắt ở nơi kia
Như những tiên tri trong mọi thời linh đoán.
(Le poète en des jours impies
Vient préparer des jours meilleurs
Il est l’homme des utopies
Les pieds ici, les yeux ailleurs
En tout temps, pareil aux prophètes)
Victor Hugo (Fonction du poète, 1840)

Và Lamartine : « *Địa hạt của thi ca không giới hạn. Dưới cái thế giới hiện thực, có một thế giới lý tưởng vô cùng rạng rỡ nơi cặp mắt những ai nhiều trầm tưởng sâu xa quen thấy mọi sự vật có những gì hơn là sự vật* » (14).

Trong khuynh hướng đó, văn thơ lãng mạn kết hợp cùng lúc *‘Thi nhân và Tiên tri’* (poète-prophète) trong một thứ đức tin vô hạn vào tương lai, xem như cơ sở giải quyết mọi vấn đề đương tại. Họ không thành công cũng như trường phái Siêu Thực không thành công trong một *‘Cách mạng Siêu thực đối đời’* (révolution surréaliste). Cũng như Tôn giáo, Triết học, Chính trị, Kinh tế, cả Khoa học kỹ thuật không hay chưa thể thành công. Vì sao? Vì rằng cuộc tiến hóa của nhân sinh và vạn hữu phải trải qua nhiều giai kỳ hay kỷ nguyên; mỗi giai kỳ thêm nhiều tiến bộ cùng nhiều đổ vỡ mới mới có thể dẫn về cái Chung CỤC, cái Ý nghĩa cuối cùng mà Thi ca, Nghệ thuật mong muốn. Nhưng cái hướng vọng đó là một tính chất bản nhiên, một khuynh hướng muôn đời của con người dù thuộc lãnh vực nào.

4) Yêu chuộng Thiên nhiên, Xã hội, Cách mạng, Tự do, Chân lý :

Do sống với cái ‘Tôi’ hòa đồng với tất cả, do cảm thức linh thị hướng đến cái ‘ý nghĩa cuối cùng’ của mọi sự mọi vật, trường phái lãng mạn đưa cái ‘Tôi’ của mình hòa nhập vào mọi trạng thái của Thiên nhiên, xã hội, đòi hỏi *‘Tự do cho Nghệ thuật’* (la liberté en art), chủ trương hòa hợp Nghệ thuật với Đời sống (concilier l’art et la vie). Thiên nhiên được mô tả qua thơ văn lãng mạn vô cùng quyến rũ dù là thiên nhiên sáng tươi hay buồn thảm. Nhà văn, nhà thơ lãng mạn luôn hướng đến một ‘hòa điệu’ (harmonie) giữa cảnh thanh bình của thiên nhiên với sự êm ả bên trong tâm hồn (người buồn cảnh có vui đâu bao giờ - Nguyễn Du).. Họ tìm nơi thiên nhiên chất liệu cho sáng tác và đem cái ‘Tôi’ của mình phổ vào cho Thiên nhiên để cả hai được sống trong một tương thuận tròn đầy. Hiện thực xã hội cũng là ‘luơng thực’ cho họ. Bà Stael đã nói : *“Văn chương phải là phát biểu của xã hội”* (la littérature doit être l’expression de la société). Thi nhân không thể tách rời thiên nhiên vì thiên nhiên tiềm tàng mang chở những gì cụ thể, vĩ đại; thi nhân không thể ‘ly dị’ với xã hội vì hiện thực xã hội

là nguồn cảm hứng khơi dậy cái ‘Tôi’ mạnh mẽ trong đau thương hay trong hoan lạc. Do đó, thơ văn lãng mạn chú trọng tìm đề tài và chất liệu ngay nơi truyền thống văn hóa của dân tộc, quốc gia, xứ sở mình. Đây là một trong những nguyên nhân khiến Trường phái Lãng mạn chống lại khuynh hướng Trường phái Cổ Điển mà cuộc tranh chấp giữa ‘Cũ - Mới’ (bataille des Anciens et Modernes) từ sau vụ trình diễn vở kịch Hernani của Victor Hugo đã đem lại thắng lợi cho trường phái lãng mạn tuy rằng các nhà thơ văn lãng mạn vẫn công nhận những gương nổi bật như Racine, Corneille, Voltaire, La Fontaine, Molière,... của Thế kỷ Ánh sáng (siècle des lumières) tức Thế kỷ XVII ở Pháp. Guttinguer đã bảo : *“Lãng mạn là ca ngợi xứ sở mình, những tình cảm, những phong tục và vị Thượng Đế quê hương mình”* (15). Do cái ‘năng khiếu linh thị’, do sự gắn chặt cái ‘Tôi’ của mình với cuộc sống, cuộc đời, các nhà thơ văn lãng mạn thiết tha với ‘đôi mới’, với ‘tiền bộ’ của xã hội, từ đó, họ ca tụng Cách mạng, kêu gào Tự do không cho riêng Nghệ thuật mà cho con người, cho xã hội nhân loại. Họ đem cái ‘Đẹp’ của văn chương, nghệ thuật phụng sự chân lý vì *“chân lý, theo họ, là cái gì ‘cũng là’ và ‘đồng thời là’ thi ca và thẩm mỹ”* (16).

5) Kết hợp mọi thể loại :

Văn chương lãng mạn không phân biệt mức độ ‘thấp, cao, trung bình’ trong mọi thể loại như Trường phái Cổ điển. Họ vượt qua mọi qui tắc, trộn lộn cả ngôn ngữ thanh cao, trang nhã với ngôn ngữ giản dị, bình dân của đại chúng, không loại trừ thô ngữ, thô âm, tiếng địa phương từng vùng.; tìm đến văn chương dân gian, tìm cảm hứng nơi những *‘tục dao khúc’* (ballades); về thơ, họ không quá câu nệ về vần điệu, không mấy chú trọng vào tính cách cân đối của thể thơ ‘12 tiếng’ (alexandrins) thông dụng từ thế kỷ XVI., không ngại ngừng trong việc ‘ngắt câu, bắc cầu, phá thể’ và cũng từ trường phái lãng mạn mà xuất hiện Thơ tự do, thơ văn xuôi. Về kịch nghệ, họ hủy bỏ *‘qui tắc tam nhất’* (règle des trois unités) của phái Cổ Điển,

không phân chia hài kịch với bi kịch, chủ trương ‘*cả hai là một, đối tượng của của nó là chân lý*’ (le théâtre est un, son objet est la vérité), ‘*một thứ kịch nghệ bi thảm, trữ tình, hùng tráng, luân lý, lịch sử với tất cả phương cách của thi ca*’ (17) Tiểu thuyết lãng mạn khai thác tất cả mọi khía cạnh đối kháng, mâu thuẫn, mọi vẻ tốt xấu, mọi ẩn ức, mọi tính cách đa tạp của sự vật, của đời sống, khai thác mọi nguồn thi hứng, cảm xúc của dân tộc, của đại chúng nên không chỉ hiện thực, trữ tình mà còn tính cách lịch sử, luân lý.

Tóm lại, chủ trương của Trường phái Lãng mạn là thể hiện hòa điệu giữa mọi khác biệt, đối kháng: cái đẹp, cái xấu, tiếng cười và giọt lệ, cái riêng và cái chung, cái thanh cao và cái tục lụy, cái tráng lệ và cái thô sơ, nổi đam mê cuồng nhiệt cùng những mộng ước bình thường...; tất cả nhằm làm sáng hiện cái **Đẹp** qua thi ca để từ cái **Mỹ** dẫn về cái **Chân**, cái **Thiện**. Nghệ thuật, theo trường phái này được giao phó một nhiệm vụ lớn lao, cao cả: « *Nó là ‘thuật sĩ’ hướng dẫn quần chúng đến tiến bộ* » (18).

Qua những dòng trên, ta thấy chủ trương của Chủ nghĩa hay Trường phái Lãng mạn quả vô cùng cao đẹp. Nhưng ‘*Bài ra thế ấy vịnh vào thế kia*’ (Nguyễn Du), cuộc đời hầu như không thuận thảo đồng hành với ý muốn, mộng ước của con người. Đã nhiều ‘đánh giá’ về Thi ca, văn nghệ lãng mạn: chủ quan, cá nhân, thiên về cảm tính, ước ất, ủy mị, yếu đuối, bạc nhược, ru ngủ, làm cạn tất ý chí, nghị lực con người, và từ ‘lãng mạn’ được hiểu là ‘phóng túng, trác táng’, thiên về dục tính, dục tình,...

Nguyễn Thùy (Paris)

Chú thích :

- 1) Xem ‘*Hành trình vào Nhất Thế*’ của NT và Trần Minh Xuân, nxb Mékong Ty nạn, CA, 2003
- 2) Xem ‘*Đoạn Trường Tân Thanh: Tiếng Vui trong Lời Buồn*’ của NT và TMX, nxb Mékong Ty Nạn, San Jposé, CA 1993
- 3) ‘Il vient une certaine heure de la vie, où l’horizon s’agrandissant sans cesse, un homme se sent trop petit pour continuer de

parler en son nom. Il crée alors poète, philosophe ou penseur, une figure dans laquelle il se personnifie et s’incarne. C’est encore l’homme, mais ce n’est plus le moi’ – V. Hugo, trích dẫn bởi Léon Paul Lafargue trong ‘*Lời Tựa*’ thi tập Contemplations, nrf, Gall/Poèmes, Paris 2002.

4) ‘Qu’est-ce que l’homme sinon ce que chacun appelle ‘Moi’ – Dict. encyclopédique de la Littérature Française – éd. Robert Laffont, Paris 1997, trang 917.

5) ‘.Au fond de l’homme, il y a plus que l’homme’- Dict. ency. De la Litt. Française, đd trên, trang 917.

6) ‘.également tourné vers l’le début et l’horizon, le romantisme ne sépare jamais l’absolu du relatif, le local de l’universel’ – Dict. ency., đã dẫn trên, trang 917.

7) ‘Parce que, pour lui, la vie organique, le peuple, la nation, la société, la nature ‘matérielle’ ne sont pas de l’ordre de l’objet, mais du sujet, qu’il admet une circulation universelle de la vitalité et de la spiritualité’ – Dict ency., đã dẫn, trang 917

8) Xem Dict. de Critique Littéraire của Joelle Gardes-Tamine & Marie-Claude Hubert, éd. Armand Colin, Paris 2002, trang 187, 189

9) ‘Les simplifications classiques ont conduit à l’abstraction, à l’uniformité. Le romantisme réagit par la diversité, l’expression du concret et de l’individuel’ – Histoire de la Poésie française của Robert Sabatier, éd. A. Colin, Paris 1997, trang 60

10) ‘L’art est l’organe et l’intelligence de la vie’ – Dict. ency., đã dẫn, trang 917

11) ‘La poésie sera, dit Lamartine, ‘la raison chantée’ – Dict. ency. Litt., đã dẫn, trang 917

12) ‘Un Dieu nouveau au sein du Dieu antique’ – Introduction à la Poésie moderne et contemporaine của Daniel Leuwers, Dunod, Paris 1998, trang 37

13) ‘La poésie est comme Dieu, une et inépuisable. Si l’homme a sa voix, si la nature a la sienne, les événements ont aussi la leur. L’auteur a toujours pensé que la mission du poète était de fondre dans un même groupe de

chants cette triple parole qui renferme un triple renseignement, car la première s'adresse plus particulièrement au cœur, la seconde à l'âme, la troisième à l'esprit' – V. Hugo – Introduction à la Poésis, đã dẫn nơi chú thích 12, trang 35

14) 'Le domaine de la poésie est illimitée. Sous le monde réel, il existe un monde idéal qui se montre resplendissant à l'œil de ce que les méditations graves ont accoutumé à voir les choses plus que les choses – Lamartine – Intro à la poésis, đã dẫn trên, trang 34

15) 'Être romantique, c'est chanter son pays, ses affections, ses meurs et son Dieu' – His. De la poésis frs, đã dẫn trên, trang 60

16) 'Le romantisme considère comme vérité ce qui est aussi et en même temps poésie et beauté' – Dict. ency. Litt., đã dẫn trên, trang 917

17) 'Le nouveau théâtre, dramatique, lyrique, épique, moral, historique, utilise toutes les ressources de la poésie, il sera un théâtre complet – Hixt. Litt. Frs., trang 65

18) 'Il est le mage qui guide le peuple vers le orogrès' – Dict. Critique Litt., đã dẫn trên, trang 188

THU NHỚ

Đôi ta dù xa cách,
Hương xưa vẫn mặn nồng.
Từng giây em mòn mỏi,
Anh về thỏa nhớ mong.

Em chờ trong nắng ấm,
Hồn ta quện gió mây.
Nhẹ bay khung trời cũ,
Nơi ta tràn ngập ngây.

Chiều rơi, đôi tình nhân,
Bên nhau khẽ thì thầm.
Góc hồ thu lặng lẽ,
Ước hẹn tình trăm năm.

Anh muôn trùng thiên lý,
Còn ướp cánh hoa xưa.
Loài hoa hương dị thảo,
Nở hé ven rừng thơ.
Giữa mùa Thu trăng lạnh,
Nhưng nhớ nói sao vừa.

CHÚC ANH

NOSTALGIC AUTUMN

Although we are away from each other,
You, the scent of the past, I still adore.
I have been pining, every minute awaiting
Your return to satisfy my longing for.

I have hung around in the warm sun:
Our souls with the wind and clouds blend
Hovering under the familiar heavens
Where our delight used to extend.

When came the evening, the two lovers
Whispered each in the other's ear
In a quiet corner of the autumn lake
Vowing lifelong love in it to persevere.

Now that you are very far away
I still preserve the old petal, the feel
Of the rare fragrant flowers half-opened
On the forest fringe full of appeal
In the cold poetic moonlit mid-autumn...
– Such nostalgia, how to sufficiently reveal!

Translation by

THANH-THANH

HÀ NỘI BUỔI ĐẦU THỜI PHÁP THUỘC

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Tiếp theo)

KHU PHÍA ĐÔNG HỒ GƯƠM

Hồ Gươm nằm trong khu vực chuyên tiếp giữa Phố Hàng Khâm và khu phố phường. Khoảng 1880, nếu ai muốn đến bờ hồ, phải len lỏi trong những ngõ hẹp quanh co, những xóm nghèo chen chúc giữa chốn bùn lầy nước đọng. Từ năm 1884 Pháp đã có dự định lập một đường dạo chơi quanh hồ, nhưng đến tháng tư 1885 mới bắt đầu thực hiện việc đào đắp đường sá, giải tỏa các đền chùa, trung dung nhà đất của dân cư sống nơi đó.

Phần phía Đông, từ bờ đê đến Sông Hồng là vùng đất thấp, mỗi năm nước ngập suốt mấy tháng. Người ta lấp dần những ao, vũng, ruộng lúa nằm rải rác từ Phố Lò Sũ đến Phố Tràng Tiền. Nơi nào vừa đắp cạn, cao ráo thì nhà kiêu Âu mọc lên, chỉ vài năm sau biến thành khu phố mới khang trang, giữa môi trường trong lành của khí hậu ven sông.

Bốn công thự đầu tiên ra đời vào năm 1887: Tòa Đốc lý, Sở Kho bạc, Nhà Bưu điện, Tòa Thống sứ. Thoạt tiên người ta định xây các tòa nhà một tầng trên nền cao hai mét rưỡi. Sau đổi lại, nhà gồm hai tầng, trang bị mái hiên, lò sưởi, cửa kính... Cả bốn tòa nhà này đều xây theo họa đồ của Auguste-Henri Vildieu, người sau này phụ trách Sở Xây dựng Dân sự từ 1894 đến 1907 (Ông còn thiết kế các công trình khác như Trại Hiến binh, Sở Công chính, Tòa án, Phủ Toàn quyền, Nhà tù Hòa Lò). Sang năm sau (1888) khoảng đất lầy lội giữa các công thự ấy được sửa sang để lập Vườn hoa Paul Bert.

Trên Phố Balny (Trần Nguyên Hãn), Nhà buôn Lachal do ông Schiess thành lập tại Hải Phòng năm 1892 và tại Hà Nội năm 1896, bán đủ loại hàng hóa, từ khung sắt, tấm tôn dùng trong xây dựng đến thực phẩm, vải vóc, chăn mền, đồ gia dụng, nước hoa, rượu champagne, rượu vang...



Phủ Toàn Quyền.

Đi dọc Phố Francis Garnier (Đinh Tiên Hoàng) chúng ta còn thấy:

- Nhà máy điện xây năm 1894, bắt đầu hoạt động vào tháng 2 năm 1896, cung cấp điện một chiều, có điện áp là 120 volt.
- Thư viện Bình dân của Hội Tam Điểm, gần công vào Đền Ngọc Sơn, cùng với Café de Paris là những tòa nhà ven hồ về sau đều bị phá dỡ nhường chỗ cho công viên.
- Rạp chiếu phim Pathé, ở góc đường bên cạnh Đền Bà Kiệu.
- Hội Âm nhạc (dành cho người Pháp), do Bác sĩ Paul Gouzien thành lập ngày 01-04-1889. Trước kia trụ sở cũ đặt tại Trường Thi, trong Tòa nhà Đầu xảo 1887. Được hội viên hưởng ứng nồng nhiệt, hội ngày càng phát

triển, đòi hỏi một trụ sở khác thích hợp hơn. Năm 1894, ban quản trị quyết định cho xây dựng tòa nhà mới bên Hồ Hoàn Kiếm. Đến 1895 việc xây dựng hoàn tất. Đa số hội viên là phụ nữ, các nhà buôn, nhà công nghiệp, công chức... Về mùa đông các sinh hoạt văn hóa tổ chức thường xuyên vì lúc trời lạnh người Pháp thích dự dạ hội hơn đi dạo ngắm cảnh. Chương trình thay đổi đều đặn cho thêm phong phú: hòa nhạc, khiêu vũ, diễn kịch, hội thảo, ảo thuật... Các hội viên còn có phòng giải lao, hộp bàn, chơi bài, đánh cờ...

Trên Phố Henri Rivière (Ngô Quyền), đối diện Dinh Thống sứ là Khách sạn Métropole sang trọng, chứa 80 phòng, bên trong có cả rạp chiếu phim. Quán Grand Café của khách sạn nhìn ra Vườn hoa Con Cóc. Giữa vườn này có đài phun nước, xây năm 1901, gồm một bể tròn, có bốn con cóc phun vòi nước vào trụ vuông đứng ở trung tâm. Đây là một kiến trúc kết hợp Âu-Á vì chúng ta thấy bên cạnh hình tượng rồng phương Đông là những cột đèn Hi Lạp. Cạnh vườn hoa này, trên quảng trường chia đi nhiều ngã, hai địa chỉ đáng chú ý là Ngân hàng Đông Dương và Cầu lạc bộ Liên Hiệp của các thương gia Pháp. Ngược theo Phố Amiral Courbet (Lý Thái Tổ) về phía Nhà hát Lớn, phía bên trái chúng ta gặp Nhà thờ Tin Lành.

Gần bờ sông hơn, Phố Hàng Vôi nối dài Hàng Tre đến khu nhượng địa cũ. Đầu phố giáp Lò Sũ là Trường Công chính lập năm 1902. Bên cạnh là nhà máy nước đá của anh em Larue, hoạt động từ những năm 1890, sau dời đi vài trăm mét về phía Nam trên cùng phố. Đoạn cuối Hàng Vôi sau này mang tên Tông Đản là khu vực của Sở Thuế quan (Nhà đòan), nhưng trước đó, khoảng 1885, có cả trại lính Hải quân Pháp.

KHU PHÍA TÂY HỒ GUƠM

Khoảng 1900, trong khi bên phía Đông

của Hồ Guom các phố đã vạch xong, nhà cửa đã khang trang thì bên phía Tây, phần nữa đất đai còn bỏ hoang. Phía sau Nhà thờ Lớn và dọc theo Phố Tràng Thi đến Cửa Nam, còn nhiều ao nước to. Khi Phó Richaud (Quán Sứ) được phóng nối dài với Hàng Da, đi xuyên qua khu vực này thì các hồ ao biến mất dần, dân cư đông hẳn lên, thêm nhiều phố và ngõ: Phố Julien Blanc (Phủ Doãn), Ngõ Hội Vũ...

Nói chung, khu gần bờ hồ phát triển sớm hơn vì Pháp cần nơi tạo dựng các công thự, như dọc Phố Beauchamps (Lê Thái Tổ) và Jules Ferry (Hàng Trống), chúng ta thấy: Sở Trước bạ, Ngân hàng Đông Dương đầu tiên, Dinh Phó Toàn quyền, Sở Tài chính, Tòa Công sứ, Phòng bán đấu giá, Bót Cảnh sát...



Nhà Thờ Lớn

Hội Truyền giáo được hưởng một khu đất rộng xung quanh Nhà thờ Lớn, trên đó có Tòa Giám mục, Đại chủng viện, trường học... Việc xây dựng Nhà thờ Lớn trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm: Cuối năm 1872, theo yêu cầu của nhà cầm quyền Việt Nam, Giám mục Puginier từ Kẻ Sở đến Hà Nội giúp giải quyết vụ vi phạm lãnh thổ và kinh doanh trái phép của Jean Dupuis. Sau khi F. Garnier đánh chiếm Hà Nội (1873), một số gia đình Công giáo đến lánh nạn xung quanh ngôi nhà thờ bằng gỗ, xây theo kiến trúc truyền thống Việt Nam, trong khu vực gần Chùa Báo

Thiên. Giám mục Puginier cư trú trong ngôi nhà tranh bên cạnh nhà thờ gỗ ấy. Khoảng 1876, Linh mục Landais cho xây ngôi nhà gạch đầu tiên của Hội Truyền giáo, được xem là một trong những kiến trúc phương Tây xưa nhất Hà Nội. (Giám mục Puginier mất trong ngôi nhà này ngày 25-04-1892).

Năm 1883, lúc Hà Nội thất thủ lần thứ hai, số giáo dân tăng lên, họp thành xóm đạo sau những lũy tre, trong khu vực đối diện Trường Thi. Vào giai đoạn này quân Cờ Đen vào tới Hà Nội, giáo dân kháng cự được những đợt tấn công, nhưng ngôi nhà thờ gỗ không tránh khỏi bị thiêu hủy vào đêm 15-05-1883. Sau cái chết của H. Rivière, khí thế của quân Cờ Đen rất mạnh, họ tiến thoái ngang dọc trong Hà Nội, khu vực xứ đạo có nguy cơ bị đánh phá. Giám mục cùng các giáo dân lánh nạn trong khu nhượng địa. Cho đến lúc viện quân Pháp vào Hà Nội (tháng 6-1883), tình hình tạm ổn định nên Giám mục mới trở lại khu giáo xứ. Ông quyết định thay thế nhà thờ gỗ đã điều tàn bằng một đại giáo đường nên ngỏ ý với Công sứ Bonnal muốn dùng Chùa Báo Thiên nằm trong khu vực này để xây dựng. Viên Công sứ trình bày sự việc với Tổng đốc Nguyễn Hữu Độ. Tổng đốc vẫn giữ mối giao hảo với Giám mục, dàn xếp thủ tục để có cơ phá dỡ chùa, chùa đang trong tình trạng hư hỏng sắp đổ nát.

Công trình xây dựng Nhà thờ Lớn bắt đầu vào năm 1884. Ngân sách do từ mười ngàn vé xổ số, mỗi vé trị giá một đồng bạc. Đức giám mục tự mình làm kiến trúc sư và nhà thầu, tự mình kiểm tra phẩm chất gạch và ngói đúc tại các lò nung dành riêng cho nhà thờ. Tiền dâng cúng và đợt xổ số thứ hai trị giá sáu ngàn đồng đã đẩy mạnh việc hoàn tất. Thánh lễ đầu tiên cử hành hôm trước ngày lễ Noel năm 1887, nhưng mọi xây dựng thực sự kết thúc vào năm sau (1888).

Trên phần đất có Nha Phủ doãn lúc xưa

(Phủ doãn là chức quan cai quản kinh thành Thăng Long trước ngày nhà Nguyễn dời đô vào Huế), năm 1896 các nữ tu Pháp thuộc dòng Thánh Phaolô lập một bệnh xá, với sự cộng tác của các y sĩ ở Nhà thương Đồn Thủy. Đến 1904 chính quyền Pháp trưng dụng, khuếch trương thành Nhà thương Bản xứ, sang năm 1906 đổi thành Nhà thương Bảo hộ.

KHU PHÍA NAM HỒ GƯƠM

Nếu từ lâu khu vực phía Bắc của Hồ Gươm là nơi sầm uất đô hội, thì khu vực phía Nam, ngoại trừ những đền chùa và vài xây dựng đáng kể như Trường Thi, Trường Tiên, vẫn còn nhiều làng quê mộc mạc nằm rải rác giữa đồng ruộng, ao hồ.

Lúc Pháp vừa chiếm xong Hà Nội, tháng 6 năm 1883, để đề phòng nghĩa quân Việt tấn công, Tướng Bouet lập vòng đai bảo vệ phía Nam, chạy song song với Phố Thợ Nhuộm sau này, bắt đầu từ lũy bán nguyệt Cửa Nam, đi ngang công sự đường cái quan (Giữa tứ giác: Phan Bội Châu-Lý Thường Kiệt-Quán Sứ-Trần Hưng Đạo) và công sự Đường Huế (Ngã tư Bà Triệu - Nguyễn Du) đến tận khu Đồn Thủy. Mỗi công sự là một lô-cốt bằng đá gạch trám xi-măng, chứa một tiểu đội lính thủy và sáu lính pháo.

Năm 1885 hãng thầu xây dựng Chavary & Savelon đã có mặt trên Phố Thợ Nhuộm, gồm nhà của giám đốc, các gian nhà phụ và cơ xưởng. Hãng này thực hiện một số công trình như Nhà tù Hỏa Lò, Nhà ga Phủ Lạng Thương, Cảng Hải Phòng.

Từ năm 1888 trở đi, "Khu phố Tây" bắt đầu thành hình sau khi chính quyền cho lấp đầy nhiều hồ ao và giải tỏa xóm làng nằm rải rác từ Tràng Thi - Tràng Tiền đến vùng quanh Hồ Thiên Quang, trải dài qua khu nhượng địa cũ. Trên đất vừa san bằng, xuất hiện các đại lộ thênh thang giữa hai hàng cây xanh mới trồng trên vỉa hè để che bóng mát.



Ô Cầu Dền

Các ngôi nhà lầu tráng lệ, nhiều cửa rộng, thoáng đãng, có cả thửa vườn bao quanh, hoặc những nhà phụ như chuồng ngựa, nhà để xe, nhà ở của gia nhân. Đây là văn phòng của các công sở hoặc tư thất của các công chức cao cấp. Sau mấy thập niên xây dựng, "kiến trúc thuộc địa" trong khu vực này còn lưu lại hằng trăm biệt thự ít nhiều có giá trị nghệ thuật ảnh hưởng đến cảnh trí Hà Nội ngày nay. Con đường trục cổ xưa là Phố Đồng Khánh nối dài tới Đường Huế (Phố Hàng Bài và Phố Huế), có đường tàu điện hoàn tất vào cuối năm 1906, chạy thẳng xuống Ô Cầu Dền đi đến Chợ Mơ.

Ga Hàng Cỏ, khánh thành năm 1902, nằm ở đầu Phố Gambetta (Trần Hưng Đạo), chiếm hết đoạn dài 1200 m trên đường cái quan (Phố Hàng Lọng). Đây là nơi xuất phát đường sắt đi Trung Việt, Hải Phòng, Lạng Sơn, Lào Cai, Vân Nam... Năm 1910, trung bình mỗi ngày có từ 2000 đến 4000 hành khách, trong đó 95% là người bản xứ.

Từ nhà ga, đi dọc phố Gambetta, không xa mấy về bên phải chúng ta gặp Trụ sở Hội Tam Điểm, tòa nhà xứng đáng được chọn đặt tại đây vì theo lời đồn đại vào thời ấy rằng hầu hết công chức Pháp ở Đông Dương là hội viên của Tam Điểm. Cùng mặt phố chúng ta đến khu Đấu xảo, hiện diện từ 1901 trên một vùng đất rộng (Cuộc đấu xảo diễn ra năm 1902). Tòa nhà chính xây trên nền cao, mặt tiền rộng đến trăm mét, với hàng cột hai bên cửa chính. Nhà gồm hai tầng. Trần nhà dưới nóc vòm ở trung tâm được trang trí bằng các họa phẩm của Vollet. Sau khi cuộc đấu xảo bế mạc (1903), tòa nhà dùng làm Bảo

tàng Thương mại và Kỹ nghệ, rồi sau đó làm Bảo tàng Canh nông và Thương mại. Các sản phẩm của Đông Dương được trưng bày theo từng đề tài, từ nguyên liệu đến phẩm vật bày bán trên thị trường. Cũng có những lớp dạy nghề ngắn hạn, hướng dẫn bện nón, làm nón cối, bàn chải, chổi quét đường, phên, chiếu... hoặc khởi xướng những cải tiến trong ngành dệt vải, lụa. Suốt bốn mươi năm là nơi diễn ra nhiều hội chợ thương mại và kỹ nghệ. Một phần của tòa nhà dùng làm Bảo tàng của Viện Viễn Đông Bác cổ, đến 1908 mới chuyển về về Dinh Toàn quyền ở Rue de France (đầu Phố Tràng Tiền). Lùi về quá khứ, trước khi xây Tòa nhà Đấu xảo, trên miếng đất ấy người ta đã lập Trường đua (Sân quần ngựa), dời từ khu Cột Cờ về đây. Cảnh khán đài là nơi cân nài ngựa và nơi đánh cuộc. Các cuộc đua được tổ chức vào ngày chủ nhật trong suốt sáu tháng thời tiết ấm áp. Năm 1899, khi nhường đất lại để xây Nhà Đấu xảo, Trường đua lại dời lần nữa về Thôn Vĩnh Phúc gần Hồ Tây.



Nhà Đấu Xảo

Từ trong Nhà Đấu xảo nhìn ra, trên Quảng trường Richaud chúng ta thấy bên phải là Công ty Hỏa xa Đông Dương và Vân Nam. Theo Phố Richaud (Quán Sứ) rồi quẹo tay phải sang Phố Carreau (Lý Thường Kiệt), chúng ta đi ngang Tòa án và bên cạnh là Nhà tù Hỏa Lò. Đến Ngã tư Jauréguiberry (Quang Trung), nếu rẽ tay phải: giữa hai Phố Carreau

và Thọ Nhuộm ta thấy Trường Puginier thuộc dòng tu La San. Nếu rẽ trái : khu vực giữa Phố Rollandes và Carreau, sẽ gặp Tu viện cũng là Trường học Sainte Marie của các nữ tu dòng Thánh Phaolô.

Phía đối diện, trên cùng Phố Jauréguiberry: Trường Bách nghệ, mở lớp đào tạo hoặc tu nghiệp cho các ngành trong kỹ nghệ (Rèn, tiện, sửa máy, nghề điện, nghề mộc...) hay mỹ thuật (Sơn mài, thêu, chạm trổ, điêu khắc...). Nếu tiếp bước trên Phố Carreau, đến Phố Đồng Khánh (Hàng Bài). Rẽ tay trái chúng ta gặp Trường Paul Bert, sau này đổi thành Trường nữ sinh Đồng Khánh, xây trên nền cũ của ngôi chợ "sườn sắt mái tôn" đã ở đây từ cuối thế kỷ 19. Rẽ sang phải: Trại lính khổ xanh, nằm giữa những thửa vườn xinh xắn của bãi đất rộng rào kín, nơi đó gần 500 người có thể cùng thao diễn. Tiến thẳng theo Phố Carreau, trước khi đến Phố Henri Rivière, bên trái ta thấy Thư viện của Viện Viễn Đông Bác cổ, đặt tại đây từ 1905, một trong những thư viện quan trọng nhất chuyên về nghiên cứu Đông phương. Nếu vẫn theo Phố Đồng Khánh đi về hướng Nam, đến Phố Doudard de Lagrée (Hàng Long), ta gặp Trường Hậu bổ, thành lập năm 1903, đào tạo, bổ túc kiến thức cho các quan lại người Việt. Một kiến trúc đáng kể khác xuất hiện trên cùng phố mãi sau này, 1934, là Nhà thờ Hàng Long.

Sau Thế chiến I, khu phố Tây càng phát triển về khu vực nằm từ Hồ Thiên Quang đến Nhà thương Đồn Thủy. Bệnh viện Nhân khoa, mà người dân quen gọi là "Nhà thương đau mắt", nằm trên Phố Résident Miribel (Trần Nhân Tông), hoạt động từ 1919. Trường Mỹ thuật, xây năm 1925, ở góc Phố



Trường Albert Sarraut

Bovet (Yết Kiêu) và Reinach (Trần Quốc Toàn), nơi đào tạo nhiều danh họa. Nhà máy rượu Fontaine khai trương lúc vùng này hãy còn là ngoại ô xa xôi hẻo lánh, năm 1898, nằm trên phố đi ngang Nghĩa địa Tây (Route du Cimetière, nay là Phố Nguyễn Công Trứ).

Đến khoảng 1930, khu vực nối tiếp được mở mang, phủ rộng từ Hồ Bảy Mẫu đến lò mổ ven Sông Hồng, phía Nam xuống đến Đê Bình Lao, mà Pháp bồi đắp làm Đường số 202 và 222, nay là các Đường Đại Cồ Việt và Trần Khát Chân. Vùng này còn vài di tích lịch sử quý báu như Đền thờ Hai Bà, Chùa Đê Thích (Chùa Vua).



Toà An

Đi theo Đường Huế, đoạn gần đến Ô Cầu Dền, rẽ tay phải, qua Phố Général Constant (Đoàn Trần Nghiệp), chúng ta đến Nhà máy diêm, xây xong năm 1892, trên nền cũ của Đền Nam giao, nơi hàng năm các vua từ đời Lý đến đời Lê đến cúng tế, tạ ơn trời đất. Xa hơn về phía Đông, đến Phố Armand Rousseau

(Lò Đúc), hướng về Ô Đông Mác, rẽ tay trái vào Phố Baronna (nay là Phố Yersin) chúng ta đến trước Viện Pasteur, xây năm 1927 trên nền đất xưa của Thôn Cẩm Hội.

KHU THÀNH CŨ

Ngay sau khi chiếm đóng tòa thành (1883) Pháp đã nhanh chóng biến nơi này thành các cơ quan quân sự đầu não của họ. Công khổ của triều đình trở thành bệnh viện. Điện Kinh Thiên trở thành công sự phòng thủ, ít lâu sau thành Sở Chỉ huy Pháo binh. Pháp dùng Cột Cờ làm trạm truyền tin bằng đèn: ngọn đèn dầu đặt trước gương phản xạ, ánh sáng truyền đi những tín hiệu Morse nhờ có tấm chắn lúc che lúc mở. Bằng phương tiện đó, Kỳ đài Hà Nội và Bắc Ninh, cách 30 km đường chim bay, liên lạc trực tiếp với nhau cho đến 1885 mới được thay thế bằng máy điện tín.

Từ 1894 đến 1897, Pháp san bằng tường thành và lấp kín những hào nước, lấy đất trồng mở các đại lộ: Brière de l'Isle (Hùng Vương), Carnot (Phan Đình Phùng), Henri d'Orléans (Phùng Hưng), Félix Faure (Trần Phú). Chỉ riêng Cửa Chính Bắc được giữ làm kỷ niệm, có đường đi dưới mái vòm, nhưng bị bịt kín về phía Phố Carnot. Bên ngoài tường còn in dấu đạn sau khi Henri Rivière tấn công vào ngày 25-04-1882.

Phố Victor Hugo (Hoàng Diệu), chạy dọc bên hành cung cũ, ngăn chia thành hai khu vực: Bên phía Đông, Pháp gọi chung là Citadelle, gồm các trại lính bộ binh thuộc địa, pháo binh, lính tập; kho vũ khí, đạn dược; các Sở Quân nhu, Công binh, Truyền tin; Tòa án quân sự; Quân lao; bãi huấn luyện; cự xá sỹ quan... Mặc dầu không còn bờ lũy dây chắc như thành trì đời nhà Nguyễn, nhưng hầu hết các cơ quan quân sự này đều có rào sắt hoặc tường gạch bao quanh, có lỗ châu mai để phòng thủ.

Bên phía Tây còn nhiều đất bỏ trống. Đến đầu thập niên 1920, ngoài các dinh thự hành chính và công ích, đất còn lại được chia lô bán đấu giá cho tư nhân xây nhà theo kiểu

mẫu đã được chính quyền quy định. Đây là "khu phố Tây thứ hai", tập trung nhiều biệt thự sang trọng và nhiều con đường rợp bóng cây xanh.

Nếu vào thành bằng Phố Général Bichot (Phố Cửa Đông), bên tay phải chúng ta thấy các trại của Bộ binh, bên tay trái là bãi tập của Pháo binh. Gần công song sắt có treo một cái chuông vừa đẹp vừa ngân tiếng nghe êm tai, đúc từ đời Lê tại Phủ Thái Bình. Dưới gian nhà kho, bày những khẩu đại bác do Hoàng đế Napoléon III tặng cho Vua Tự Đức, và mấy khẩu khác do Triều đình chế tạo từ đời Gia Long.

Tiến xa hơn, chúng ta đến khu vực hoàng cung thuở trước. Pháp xây Sở Chỉ huy Pháo binh thay chỗ cho Điện Kinh Thiên đã bị phá hủy, chỉ còn lại những bậc thang, hai bên chạm rồng đá. Đuan Môn nhìn về phía Cột Cờ, gồm năm cửa lớn, nhưng ba cửa đã bị bít lại. Về đẹp cổ kính bị xóa mất do những thêm thắt như mái hiên, cửa sổ...

Phố Carnot (Phan Đình Phùng) là giới hạn phía Bắc của cổ thành, ghi dấu hào lũy đã biến mất, nhường chỗ cho những biệt thự duyên dáng thấp thoáng trong hoa viên, những hàng cây sấu thẳng tắp trên vỉa hè rộng rãi. Ngoài di tích Cửa Chính Bắc đã nói trên đây, năm 1932 thêm một công trình đáng kể là Nhà thờ Cửa Bắc, kiến trúc theo phong cách Á Âu.

Phố Brière de l'Isle (Hùng Vương) là biên giới phía Tây tòa thành cũ, trông ra các Lặng Khán Xuân, Ngọc Hà, Thanh Bảo, gần kề Vườn Bách Thảo sum suê và Phủ Toàn quyền tráng lệ. Đối diện với Bách Thảo, nơi phía Tây thành nội, xưa kia trên Gò Khán Sơn các vua quan ngồi xem duyệt binh mỗi độ xuân về, nhưng nay gò ấy đã bị bạt phẳng chỉ còn lại bãi đất trống phía trước Trường Trung học Albert Sarraeu. Ngôi trường danh tiếng nhất Đông Dương, xây từ năm 1914 đến 1919, có cả khu nội trú và các sân vận động. Công chính ngôi trường nằm trên Phố République (Hoàng Văn Thụ), là con đường trước Phủ Toàn quyền nhìn thẳng ra, và từ

chỗ này ta nhìn thấy một đài kỷ niệm đồ sộ mang tên "La France" đứng chắn giữa ngã tư cắt ngang Đường Van Vollenhoven (Nguyễn Cảnh Chân). Tượng Marianne ngự trên ngai cao, tiêu biểu cho Cộng hòa Pháp. Ba phụ nữ của các xứ Bắc Kỳ, Nam Kỳ và Cao Miên, đứng dưới bệ ngược nhìn lên, mang đến những sản vật của Thuộc địa. Phía trước, một người lính tập cầm súng, đứng gác với dáng điệu thông thả. Kèm hai bên, hai phụ nữ A đông bơi giữa sóng nước, tượng trưng cho hai dòng sông lớn của Đông Dương: một bên, Sông Cửu Long theo sau rắn thần Naga 5 đầu, bên kia, Sông Hồng đuôi theo con rồng đang lượn và con rùa đội kinh.

Trong khu vực Võ Miếu đời Nguyễn, ở góc Tây Nam tòa thành, nhà binh Pháp lập trại nuôi ngựa, sau dẹp bỏ, xây lên Trường Nữ Trung học, mặt tiền quay ra Phố Félix Faure (Trần Phú).



Trường Nữ Trung Học

Một lối khác để vào khu thành cũ là Phố Puginier (Đường Điện Biên Phủ). Không như các đường phố khác trong thành, chạy song song hoặc vuông góc với nhau, đại lộ này cắt chéo từ Cửa Nam đến cổng chính Vườn Bách thảo. Chúng ta lần lượt gặp Cột Cờ, các bậc thềm nơi chân tháp là khán đài để xem đua ngựa, cuộc đua đầu tiên diễn ra ngày 15-07-1886. Sân quần ngựa nằm trên bãi đất phía trước Đoàn Môn. Đối diện với Cột Cờ về phía tay trái là bãi cỏ rộng trên ấy còn vũng nước to, đấy là dấu vết hồ tắm voi đời xưa,

sau được lấp đất xây Vườn hoa Robin, chính giữa có đài kỷ niệm binh sĩ Pháp chết trận đệ nhất thế chiến: Tượng hai người lính Pháp đứng trên bệ cao. Phía trước, người nông phu vác cây bên cậu bé cuội trâu. Phía sau, ba người thợ gặt và gánh lúa. Kèm hai bên, thợ thủ công ngồi chăm chú làm việc: một bên, thợ chạm đồng, bên kia, thợ khắc gỗ. Người Hà Nội gọi nơi này là Vườn hoa Canh Nông. Tiếp bước, chúng ta đến Ngã tư Van Vollenhoven (Chu Văn An), phía tay trái, trên vùng ao hồ cũ và kho thuốc súng của Pháp đã bị dẹp bỏ, chúng ta thấy Trường đua xe đạp, còn được gọi là "Chảo đua xe đạp". Đường vòng ngoài nghiêng và cao dành cho xe đạp chạy thi, đường trong trồng cỏ dành cho đua chạy bộ. Chính giữa cũng trồng cỏ nhưng sâu khoảng hai mét, dành làm sân đấu quần vợt hoặc sân biểu diễn các bộ môn khác, khi cần có thể biến thành bể nước.

Quay sang tay phải ta thấy khoảng đất trống mênh mông, đến khoảng 1925 mọc lên Sở Tài chính, tòa nhà bốn tầng xây theo "phong cách Đông Dương". Phóng tầm mắt xa hơn, ta thấy bóng dáng màu trắng của Phủ Toàn quyền nổi bật trên nền xanh của vùng cây cao. Đến cuối Phố Puginier chúng ta dừng chân trước cổng Vườn Bách Thảo và trạm gác của Phủ Toàn quyền, một cổng chào xây kiên cố, ở xa trông giống một khai hoàn môn. Khoảng không gian này là Cửa Chính Tây của Thành Hà Nội, được sửa sang thành Bùn binh Puginier hay Quảng trường Tròn (sau này Quảng trường Ba Đình). Ở phía sau Kho thuốc súng và cũng là phía Nam của Vườn Bách Thảo, chúng ta đến Chùa Một Cột, thuộc Làng Thanh Bảo, nhà cửa của dân làng tập trung ở đầu Phố Sơn Tây. Từ Làng Ngọc Hà, băng qua Hữu Tiệp đến Đại Yên, là những nơi trồng hoa nổi tiếng đã bao đời.

(Còn tiếp)

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
(Paris)

NHỚ MẸ

Mẹ yêu ơi, nhà mình nay vắng vẻ
Dáng trầm ngâm ba ít nói, biếng cười
Giàn khô qua, giàn thiên lý kém tươi
Đàn gà vịt không ồn như thuở trước

Mặt trời lên, mái tranh còn sương ướt
Trưa không còn vắng tiếng hát ru em
Bóng chiều buông, gió lạnh thổi qua rèm
Hình ảnh mẹ làm sao con quên được?

Ngày cuối tuần, chẳng ai chờ ai rước
Nồi chè khoai, ôi mận chín không còn
Ôi, không ai thêm sớt đến con...
Lau nước mắt, sớt chia niềm hoan hỉ

Đêm chong đèn, ai khâu từng mối chỉ
Áo mới may cho con mặc ngày Xuân?
Lửa riu riu ai sên cháo mút gừng?
Ai luộc bánh trong bếp hồng lửa đỏ?

Trước nhà mình hoa Tết đua nhau nở
Thuở ngày xưa, mẹ cài áo hoa mai
Hay ép vào trang sách đóa hoa lái
Làm quà tặng Xuân, thuở còn đi học

Làm vợ ba, mẹ gánh gồng cực nhọc
Bởi ba là lính trận ở miền xa...
Chăm sóc con, phụng dưỡng cha mẹ già
Lòng mẹ đẹp, ấm hồng như nắng sớm

Ba trở về, các con vừa khôn lớn
Chốn tuổi vàng, sao mẹ vội ra đi?
Gia đình mình, ôi còn có vui chi
Sân thêm lạnh, bếp bùng đều quanh vắng!

Lễ Vu Lan áo con cài bông trắng
Áo bạn bè cài rực rỡ hoa hồng
Màu trắng đây, màu tang tóc cõi lòng
Kể từ mẹ vào thiên thu vạn cổ!

DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN

RU EM KHẮP NẸO QUAN HÀ

Lãng lác đường xa...

Thôi em đừng hẹn!

Dấu chân xưa giờ đã xanh rêu...

Thương em từ xé bóng chiều...

Từ đêm trăng lạnh liu riu giọt buồn.

Thôi đừng hẹn...

Ta mong em đừng hẹn!

Trời buông khuâng cây cỏ cũng miên man...

Xa em mấy độ trăng tàn.

Mấy mùa lá rụng võ vàng đáng thu.

Ru em ngủ một đời ru em mãi...

Điệu lý thương hoài nghe ngai ngái nỗi đau.

Ru em rơi rụng trái sầu.

Roi vành trăng khuyết dưới cầu ngán ngo...

Em có nhớ!muôn trùng xa có nhớ???

Đời hoang vu...mây nước cũng bơ vơ...

Ru em mấy lượt trăng mờ.

Mấy trời hiu quạnh lơ thơ nắng chiều.

Bến xưa giờ đã hoang liêu...

Mặt mừng hư ảo vi lô ngút ngàn.

Đâu rồi một chiếc đò ngang?

Cuối trời cô nhận gọi đàn trong sương...

Em còn vấn!Em còn vương!

Giọt tình rơi xuống dặm đường ngàn xa...

Ru em khắp nẻo quan hà.

Trăng thu một mảnh ngân nga bên trời.

Ru em điệp khúc à...ơi...

THIÊN ĐỨC

(Illinois)

Em Là Mùa Thu

Thơ:
Châu Kiều Oanh

Phổ nhạc:
Huy Lâm

© 2001

Tango ♩ = 108 [Pizz ...]

The musical score is written in treble clef with a key signature of three sharps (F#, C#, G#) and a 2/4 time signature. It begins with a tempo marking of 'Tango' and a metronome marking of '♩ = 108'. The piano part includes several 'Pizz...' (pizzicato) markings. The vocal line starts with the word 'Tên' (Name) above the first staff. The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the vocal notes. The score includes various musical notations such as slurs, ties, and triplets. The lyrics are: 'em là nước mùa thu Ngày tháng nhẹ trôi với hững hờ Nắng quện lá vàng rơi từng cánh Bâng khuâng sầu đợi, hỡi Thu mơ! Mắt em làn sóng biếc hồ thu Thu của yêu thương của đợi chờ Tâm tình ấp ủ mùa thu ấy Để rồi si dại vọng Thu mơ Hiu hiu mùa thu đến Gieo hương sầu vấn'.

Tên

em là nước mùa thu Ngày tháng nhẹ trôi với hững
hờ Nắng quện lá vàng rơi từng cánh Bâng
khuâng sầu đợi, hỡi Thu mơ! Mắt em làn sóng biếc hồ
thu Thu của yêu thương của đợi chờ
Tâm tình ấp ủ mùa thu ấy Để rồi si
dại vọng Thu mơ Hiu hiu mùa thu đến Gieo hương sầu vấn

vương Lênh đênh thuyền không bến Mênh mang chiều khói sương Cho lòng người đắm —

say Cho hồn mình ngất ngây Chờ mong mùa thu tới Rừng thu lá thu rơi Tóc

— Tên rơi Tên em anh gọi suốt mùa thu — Yêu

đương say đắm thắm đôi bờ — Thời gian dòng đời trôi trôi

mãi — Mong ước chỉ là một giấc mơ — Không gian như

láng đọng mây trôi — Xe chỉ — tư vương luống u hoài —

— Hàng liễu bên hồ buồn soi bóng — Tà áo em

vòn lá thu bay — em nước mùa thu Mắt

em sóng mùa thu Tóc em là dòng suốt thu mơ —

LOTUS

On the day when the lotus bloomed, alas, my mind was straying,
and I knew it not. My basket was empty and the flower remained unheeded.

Only now and again a sadness fell upon me, and I started up from my
dream and felt a sweet trace of a strange fragrance in the south wind.

That vague sweetness made my heart ache with longing and it seemed to
me that it was the eager breath of the summer seeking for its completion.

I knew not then that it was so near, that it was mine, and that this
perfect sweetness had blossomed in the depth of my own heart.

Rabindranath Tagore
(1861 – 1941)



HOA SEN

*Vào ngày sen nở, chao ôi, tâm hồn tôi bỗng bồi hồi lang thang,
Tôi đâu có biết rõ ràng. Lãng hoa trống rỗng, hoa vương chốn nào.*

*Giờ đây lại thấy buồn sao, giạt mình tỉnh mộng, xiết bao ngỡ ngàng
Thấy mùi hương lạ dịu dàng, ướp trong làn gió phương Nam thổi về.*

*Hương thơm thoang thoảng đê mê làm lòng tôi chợt tái tê mơ màng
Tuởng chừng mùa hạ mặn nồng, thở hơi tha thiết cầu mong vẹn phần.*

*Tôi nào ngờ thấy quá gần, hương ngào ngạt tỏa ngát thắm trong tôi,
Hương hoa toàn hảo tuyệt vời nở ra trong đáy lòng tôi thơm lừng.*

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(chuyển ngữ)

CÔNG VIÊN CÁC THI SĨ

Nguyễn Mây Thu

Khi ra khỏi métro Porte d'Auteuil, chung quanh một quảng trường rất lớn kề bên có sân đua ngựa Auteuil và sân vận động Roland Garros, nơi các tay quần vợt nổi tiếng quốc tế thường tới tham dự để tranh giải hằng năm. Người dân Paris hay một số du khách có thể ghé bước vào Công Viên Các Thi Sĩ (Jardin des Poètes), tiếp giáp với công viên còn có một nhà kính (Jardin des Serres d'Auteuil) chuyên trồng các loại cây nhiệt đới ở các nước trên thế giới.



Toàn cảnh Công viên Thi Sĩ gần sân chơi trẻ em

Tọa lạc ở quận 16 Paris, với một diện tích rộng khoảng 13.400 m², từ một khu vườn đã có vào thế kỷ 18, công viên này được thành lập ngày 15-05-1954, do nhà thơ Pascal Bonetti khởi xướng, ông cũng là Chủ tịch danh dự của Hội Những Thi Sĩ Pháp (Président d'honneur de la Société des Poètes Français). Hội Những Thi Sĩ Pháp là một hiệp hội được thành lập bởi José Maria de Heredia, Sully Prudhomme và Léon Dierx vào năm 1902, nhân dịp kỷ niệm 100 năm

sinh của nhà đại thi văn hào Victor Hugo.

Nhìn một cách tổng quát khi bước vào công viên, gồm nhiều sân cỏ tròn trên ấy trồng nhiều cây thông, cây cổ thụ cao lớn, nằm rải rác xen kẽ ở các lối đi dọc theo sân cỏ, dựng lên những tấm bảng bằng đá hình dáng khác nhau được chạm khắc tinh vi những vần thơ ca ngợi hoa cảnh thiên nhiên, lời hay ý đẹp của những thi sĩ nổi tiếng hay không nổi tiếng, phần lớn đại diện cho nền văn học Pháp: Victor Hugo, Arthur Rimbaud, Jean de la Fontaine, Paul Verlaine, François Villon...

Mỗi tấm bảng đá khắc vần thơ của một thi sĩ đều ghi rõ năm sinh, năm mất cạnh bên trồng một vài loại hoa xinh đẹp trang điểm thêm màu sắc cho công viên. Ngay cửa ra vào tấm bảng của **Pascal Bonetti** nằm kề **Marthe Claire Fleury**, đi thêm vài bước tấm bảng của **Tristan Corbière**, **Maurice Fombeure** và **André Chénier**, tiếp theo là tấm bảng của **François de Malherbe**, rồi cứ đi dọc đường bên phải sẽ gặp tượng bán thân của **Jean Moréas**, bên trái đối diện Jean Moréas là **Evariste D. de Parny**, lúc này những cánh hoa móng tay hồng, trắng, tím, đỏ, cam thi nhau khoe sắc. Cùng phía bên trái có **Gabriel d'Annunzio**, **Léon Dierx**, **Paul Valéry**, nhiều hoa hồng đang nở rộ trông thật đẹp mắt. Đến đây gặp một ngã ba nếu đi theo đường thẳng nhìn về phía đại lộ sẽ thấy tấm bảng của **Jean Racine** bên trái dưới cây thông bá hương, tiếp theo ở giữa một bụi trúc là **Maurice du Plessys** rồi **Henri de Regnier** cạnh bên cây cổ thụ già trăm tuổi, **Raoul Ponchon** ở phía đối diện, cách đó khoảng năm mét có **Maurice Rostand**, cuối vườn chia làm hai ngã rẽ một phía đi về nhà kính, một phía đi vào công viên nơi trồng nhiều hoa hồng tuân tự những tấm bảng của **Francis Jammes**, **Charles Baudelaire**, **Jacques Dyssord**, **Charles Péguy**, **Jacques Carton**.

Dưới những bụi cây um tùm tấm bảng của **Tristan Derème** đã bị hao mòn lỗ chỗ nhiều

chữ không còn nhìn rõ, đối diện là **Gaston**



Toàn cảnh công viên với tượng bán thân của Victor Hugo.

Bourgeois, nơi đây trồng nhiều thứ hoa cúc trắng, hồng nhung đỏ tím đậm nhạt và hoa khuy vàng rung rinh trước gió, cạnh đó đã thấy tấm bảng của **Vincent Muselli**. Vòng quanh sân cỏ tròn hai bên lối đi, dưới cây thông già rợp bóng mát đặt sẵn hai ba ghế ngồi cho khách thưởng ngoạn nghỉ chân, đa số một vài người lớn tuổi cầm theo quyển sách trên tay để vui hưởng không khí "thơ thân" đó, cùng nhìn về phía bên phải của lối đi là **André Lebois**, **L'Abbé Jacques Delille** và **Charles Viltrac**. Bên trái tấm bảng của **André Stirling** cận kề cây phong cao lớn, một tượng bán thân của thi sĩ người Nga **Alexandre Pouchkine** do nhà điêu khắc Y. Orekhov thực hiện, được thành phố Moscôu dâng tặng cho thành phố Paris vào năm 1999. Tấm bảng của **Gérard de Nerval** thật ngộ nghĩnh có người đã vẽ lên đó hình một trái tim bằng phấn trắng, đi thêm vài bước sẽ gặp nhiều tấm bảng tụ họp lại với **Théodore de Banville**, **Renée Vivien**, **Victor Segalen** được điem trang bằng những cánh hoa tường vi màu hồng nhạt, phía tay mặt sân cỏ tròn có **Pierre Corneille**, **Georges Duhamel**, **Albert Samain**, rồi cứ thế như đi lạc vào mê hồn trận, bên phải tượng bán thân của **Théophile de Gautier**, bên trái **Nicolas Boileau**, bên phải **Hélène Seguin**, bên trái **Edmond Haraucourt**, **Patrice de La Tour**

Du Pin, khi kề nhau như **Frédéric Mistral**, **Edmond Rostand**, **Rosemonde Gérard**, lúc đứng riêng lẻ như **Alphonse de Lamartine**.

Ở khoảng rộng chia làm nhiều ngã có một kiosque nhỏ kê bên để một trụ nước phong tên, vào mùa hè nắng khát du khách có thể lấy nước tiêu dùng, gần đó lại có sân cát cho trẻ em với các trò chơi xích đu, cầu tuột. Nhìn qua dưới góc cây phong to lớn tượng bán thân của **Victor Hugo** như đang cúi đầu suy nghĩ và dưới chân cây thông bá hương nhiều tầng đá chồng chất lên nhau có **Jean de la Fontaine**, tiếp đó là **Arthur Rimbaud** cạnh bên cây *tilleul* cành lá xum xuê đang mùa trở bông thơm ngát. Phía tay mặt ở khoảng giữa ngã ba, ngã tư đó lại thấy tấm bảng của **Tristan Klingsor**, **Marie Noël**, **Sully Prudhomme**, bên trái **Stéphane Mallarmé**, tiếp theo bên phải là **Jules Romain**. Tấm bảng đề thơ của **Alfred de Musset** cách đó không xa, rất đơn sơ không trồng hoa nhiều sắc màu nên cỏ dại mọc um tùm chen với những rêu xanh. Ở đây nếu nhìn vào giữa sân cỏ sẽ gặp bức tượng điêu khắc một người đàn bà khỏa thân nằm nghiêng gối tay tựa lên mộ trụ chạm hình thi sĩ kiêm nhậphê bình nghệ thuật **Joachim Gasquet** do một nhóm nghệ sĩ dâng tặng để tưởng niệm.



Bảng đề thơ của Arthur Rimbaud

Sau lưng của tượng này lại thấy một giàn hoa dành cho các loại cây leo quần quít rất lớn vừa đủ chiều cao của một người đứng vào mang hình dáng chiếc lồng chim, từng viên gạch nổi dài như trong sân vườn nhà ai đó,

trồng nhiều thứ hoa nhất là hoa hồng, dưới một bụi cây đầy gai phát hiện tấm bảng của **François Coppée**. **Paul Verlaine** được xếp



Tác phẩm điêu khắc tưởng niệm Joachim Gasquet

cận kề với **Agrippa d'Aubigné**, nhìn về bên phải là **Ernest Fleury**, **Lucie Delarue Madrus** với những cánh hoa màu hồng cam sáng rực dưới ánh mặt trời. Đến đây có thể xem như đi hết một vòng tròn sân cỏ, chỗ tiếp giáp gần cửa ra vào khoảnh đất hình tam giác nhô ra như mũi tàu, với đủ các loại kỳ hoa dị thảo trông thật đẹp mắt nhiều tấm bảng nằm kề nhau: **Louis Mandin**, **Jean Cocteau**, **Jean-Claude Diamant-Berger**, **Jean Froissard**, **Emile Blémond**, **François Mauriac**, **Jean Loisy**, và khuất trong bụi cây tấm bảng của **François Villon** thật nhỏ nhoi đơn lẻ. Giữa sân cỏ lại có thêm bức tượng trắng mang hình ảnh một người chẵn cừ, gần đó **Louise Labé**, bên trái cuối lối đi gần ngã ba dưới chân cây thông bá hương tuần tự với **Leconte de Lisle**, **Marceline Desbordes-Valmore**, **José Maria de Heredia**. Trở lại nơi có tượng bán thân của Alexandre Pouchkine nếu đi tiếp khoảng mười thước bên trái tấm bảng của Ernest Fleury, đối diện là **Louis Guillaume** sẽ thấy tấm bảng của **Guillaume Apollinaire**

trồng vài hoa thạch thảo nổi tiếng với bài "L'adieu", đi tiếp sẽ gặp **Maurice Carême**, **Léon Vérane**, và nếu lấy điểm chuẩn ở ngã tư nơi có kiosque, trụ nước phong tên, tượng bán thân của Victor Hugo con đường trước mặt cong cong dẫn đến cửa ra vào bên trái sẽ thấy tấm bảng của **Louis Aragon**, **Paul Jean Toulet**, **Alan Seeger**, bên phải **André Foulon de Vault**, **Jean Richepin** cùng hướng này có **Francis Carco** và **Sabine Sicaud**, hai tấm bảng kề nhau giữa bụi cây rất giản dị đơn sơ...

Sau khi đã ghé vào công viên các thi sĩ, du khách không thể nào quên không lạc bước vào khu vực nhà kính (Jardin des Serres d'Auteuil) rộng khoảng bảy héc ta. Năm 1761, vua Louis XV đã có ý định cho xây cất một khu vườn trang trí bằng những nhà kính và những bồn chứa lớn dùng để trồng hoa, về sau công trình này do kiến trúc sư Jean Camille Formigé thực hiện phải mất ba năm mới hoàn thành (1895-1898). Các loại cây trồng trong nhà kính có nhiệt độ, khung cảnh thích hợp



Bảng đề thơ của Sully Prudhomme và André Berry

với môi trường và xuất xứ của nó được chia ra nhiều khu vực: khu trồng dưa, khu trồng các thứ cây ở Nouvelle-Calédonie, khu trồng các thứ cây ở miền nhiệt đới... Công vào chính thức thường đóng kín (du khách đi vào khu

nhà kính bằng lối ra vào của công viên các thi sĩ) với nhiều mộc lan, tre, trúc, mẫu đơn, bạch quả, nhiều kỳ hoa dị thảo đem đến từ các nước Nhật, Mỹ, Trung quốc...

Người dân Paris hay du khách đến đây phần đông là những người đã sống xa quê hương, nên nhất là khi bước vào khu nhà kính trồng các thứ cây thường dùng miền nhiệt đới với không khí nóng và ẩm, lòng bỗng dưng



Bảng đề thơ Jean Froissard

mênh mang buồn vui khó tả, ngậm ngùi vì quê hương ở quá xa để luôn luôn tưởng nhớ, rồi trầm trồ xuýt xoa như vừa tìm lại được chút kỷ niệm trân quý, với ba trái mãng cầu xiêm to bằng nắm tay người lớn đang đeo dính trên cành, vài trái đu đủ xanh mượt đong đưa, không to lớn bằng nguyên thủy như ở quê hương xứ sở nhưng cứ nhìn ngắm những dứa, chuối, mía, ôi, xoài, đu đủ, khế... để vừa ước mơ vừa... nhịn thêm! Mùi hương của rau tần dầy lá vò nát trong tay thơm tho làm nhớ những bữa cơm với bát canh mẹ nấu khi xưa bây giờ không còn nữa, cứ chậm rãi bước đi, chỗ này diếp cá, ngò, lá lốt, gừng, riềng, ớt, xả... nơi kia quế, tiêu, bạc hà, khoai môn, khoai lang, khoai tím, đậu bắp, đậu phộng, khổ qua... Chính giữa nhà kính lại có hồ nuôi cá, trồng được, sen, súng, thêm lồng chim rất

lớn nuôi đủ loại chim yến, hắc ô, chim bạc má, chim cu gáy, két xanh của Australie... Các thứ hoa miền nhiệt đới cũng chen nhau khoe màu sắc như hoa trang, trang nguyên, dâm bụt, huỳnh anh, lan hoàng hậu, phật vũ, móng bò...

Một khoảnh đất nhỏ nhưng vừa đủ để nhìn thấy hết hình dáng quê nhà, mắt không khỏi rung rung dòng lệ khi nhớ đến câu thơ của **Lucie Delarue- Madrus (1874-1945)**, ghi trong công viên các thi sĩ: "*L'odeur de mon pays était dans une pomme...*" (Mùi hương của quê tôi nằm trong trái táo...), nhớ đến **Sabine Sicaud (1913-1928)**, nói về quê hương mình, ngôi nhà kiểu Pháp với những dòng suối chảy quanh co bên những bóng cây xanh:

*Vert non pas anglais, vert plus doux
Qu'ont les pelouses de chez nous.
Couchant lilas, baignés de roux
Volets s'ouvrant dans le feuillage
(Không phải màu xanh đậm, xanh rất dịu
Là màu xanh thâm cỏ của quê ta.
Hoàng hôn tím hoa cà, tắm trong màu đỏ
Những khung cửa sổ mở trong cành lá).*



Bảng đề thơ Paul Verlaine và Agrippa d'Aubigné

Những vần thơ khắc trên đá của **Pascal Bonetti (1888-1975)** như mời mọc và từ đó dẫn dắt du khách thích thú tìm đọc hết vần thơ này đến vần thơ khác:

*C'est l'heure faste où le couchant
Met son point d'orgue sous les arbres
Comme pour exalter le chant
Qu'ici l'on grave sur les marbres.
Respire sus ces tertres verts
Le lyrique encens de la terre...
(Là thời gian huy hoàng buổi hoàng hôn
Đặt nốt ngân dài đó dưới hàng cây
Như để tôn vinh một bài hát
Nơi đây ta khắc lên đá cẩm thạch
Thờ trên các gò xanh
Nhựa hương trữ tình của đất...)*



Bảng đề thơ của Pascal Bonetti và Marhe Fleury

Francis Carco (1886-1958)

*Je me souviens de la bohème
De mes amours de ce temps là
Ô mes amours, j'ai trop de peine
Quand refleurissent les lilas
(Tôi còn nhớ mãi đời sống giang hồ
Của tình yêu tôi, của thời gian qua,
Ôi tình yêu tôi có nhiều đau khổ
Khi cành lilas thêm lần nở hoa)*

Marceline Desbordes-Valmore (1786-1859)

*J'ai voulu ce matin te rapporter des roses,
Mais j'en avais tant pris dans mes ceintures closes
Que les noeuds trop serrés n'ont pu les contenir...
Respires-en sur moi l'odorant souvenir.
(Sáng nay đem cho anh những đóa hồng*

*Em đã giữ nhiều cài trong thắt lưng
Nút buộc chặt quá nên không thể đựng...
Hít vào em đi mùi thơm kỷ niệm.)*

Jean Moréas (1856-1910)

*Rompant soudain le deuil de ces jours pluvieux,
Sur les grands marronniers qui perdent leur couronne,
Sur l'eau, sur le tardif parterre et dans mes yeux
Tu verses ta douceur pâle soleil d'automne.
(Đột nhiên phá vỡ đám tang cho những ngày mưa,
Trên cây hạt dẻ mất đi phần tán lá
Trên mặt nước, trên bồn hoa nở muộn màng
và trong mắt tôi, em đổ xuống nét dịu dàng
khung trời thu nhuộm nắng vàng phai pha)*



Tượng bán thân và bảng đề thơ Jean Moréas

Marie Noël (1883-1967)

*J'ai vécu sans le savoir
Comme l'herbe pousse...
Le matin, le jour, le soir
Tournaient sur la mousse
(Tôi sống không hay biết gì
Như loài cỏ dại mọc ngay bên đường...
Sáng, trưa, chiều, tối, cỏ đơm,
Xoay vùn trên đám rêu buồn ngẩn ngơ)*

Alfred de Musset (1810-1857)

*Mes chers amis quand je mourrai
Plantez un saule au cimetière
J'aime son feuillage éploré
La pâleur m'en est douce et chère
Et son ombre sera légère
A la terre où je dormirai
(Bạn bè tôi ơi khi nào tôi chết
Hãy trồng cây liễu ngay trong nghĩa trang
Tôi yêu cành lá hay khóc suốt suốt
Nét xanh xao là ngọt ngào thân thuộc
Và bóng nó sẽ êm dịu nhẹ nhàng
Ở vùng đất nơi tôi đến ngủ yên)
Bảng đề thơ Guillaume Apollinaire bên cụm
hoa thạch thảo.*

Guillaume Apollinaire (1880-1918)

*J'ai cueilli ce brin de bruyère
L'automne est morte souviens-t'en
Nous ne nous verrons plus sur terre
Odeur du temps brin de bruyère
Et souviens-toi que je t'attends
(Ta hái cành hoa thạch thảo
Nhớ không mùa thu chết rồi
Không còn thấy nhau trên đời
Thời gian bay hương thạch thảo
Nhớ cho rằng ta mong đợi)*



*Bảng đề thơ Guillaume Apollinaire bên cụm
hoa thạch thảo.*

Alan Seeger (1888-1916)

*I have a rendez-vous with Death,
At some disputed barricade
When spring comes back with rusling shade...
(Tôi có một điểm hẹn với tử thần*

*Trên vài chướng ngại chiến đấu ác liệt
Khi mùa xuân về với bóng rung rung...)*

Duy nhất trong công viên này, Alan Seeger, thi sĩ người Mỹ sinh tại New York, sống tại Pháp, chết cho nước Pháp trong trận chiến ở làng Belloy-en-Santerre (Somme) lúc đó chỉ mới 28 tuổi.

Có khoảng gần trăm tấm bảng đá được lưu dấu nơi đây, mỗi thi sĩ một vài câu thơ tiêu biểu và càng tìm đọc những vần thơ, càng choáng ngợp bởi vườn thơ có muôn màu muôn sắc, chỉ là lời thơ trong bi hài kịch, của **Pierre Corneille (1606-1684)**:

*Et je dirai que je vous aime
Seigneur, si je savais ce que c'est que d'aimer
(Psyché - acte III - scène II)
(Và tôi sẽ nói rằng tôi yêu Ngài
Thưa Ngài, nếu tôi biết rằng yêu là thế nào)
(Tâm hồn - hồi III - cảnh II)*

Hay câu nói nhiều ý nghĩa của **Louis Mandin (1872-1944)**: "*La vie est douce à caresser seulement lorsqu'elle repose*" (Cuộc sống ngọt ngào để vuốt ve chỉ khi nào nó nghỉ ngơi) ..

Nhưng khi rời khỏi nơi đây, sẽ không thể không chạnh lòng mến tiếc mỗi khi nhớ tới những tâm hồn thơ đầy nhiệt huyết, giàu lòng dũng cảm, đã đem hết cuộc đời để tận hiến cho nhân loại được an hưởng hòa bình, ấm no, hạnh phúc như Alan Seeger, Jean-Claude Diamant-Berger... Vinh danh những người đã chết cho tổ quốc, **Charles Péguy (1873-1914)** cũng đã hy sinh trong trận chiến ở Villeroy ngày 5-9-1914:

*Heureux ceux qui sont morts dans une juste guerre
Heureux les épis mûrs et les blés moissonnés
(Phúc cho những ai chết trong chiến tranh chính đáng
Phúc cho những bông lúa chín và những lúa mì đã gặt)...*

Nguyễn Mây Thu

(Paris, 08 Août 2011)

Xứ Truồi Quê Hương Tôi

ĐẶNG NGUYỄN

Từ thuở ấu thơ, ngày ngày tắm mát, bơi lội trên dòng sông nước trong xanh, tên gọi là sông Truồi. Trong tâm hồn non trẻ của tôi, dòng sông thật hiền hòa, thơ mộng. Dòng nước êm xuôi dịu dàng chảy dài theo đôi bờ tre xanh, chạy dài tận cuối chân trời. Tôi đã yêu dòng nước đó. Tôi đã yêu dòng sông đó. Tôi đã yêu cái bến có cô gái giặt áo bên sông. Nhiều khi từ bên này bờ bơi qua bên kia bờ chỉ để nhìn mặt cô gái ngồi giặt áo trên phiến đá xanh, dưới bóng cây vông đồng râm mát, nhìn xong lại bơi trở về. Bơi hoài không biết mệt. Cái bến sao mà đáng yêu, cái bờ sông sao mà đáng yêu đến thế. Quê hương đó, dòng sông đó, vào trong máu, trong xương, trong hồn từ thuở nào. Có những buổi chiều đứng nhìn lên ngọn núi cao xanh, mây phủ. Ngọn núi như một cái ấn trời ban cho quê hương. Ngọn núi âm u, huyền bí, trên đó đầy thú dữ, cạp beo mà tâm hồn non dại trẻ thơ tưởng chừng như không bao giờ dám đến đó. Cho đến tận bây giờ, khi đã xa quê hương ngàn vạn dặm, cách nửa vòng trái đất, hình ảnh sông núi đó không bao giờ phai nhạt.

Xứ Truồi với sông Truồi, núi Truồi, quê hương tôi đó. Từ nhỏ đã thuộc lòng câu ca dao:

Núi Truồi ai đắp mà cao

Sông Gianh ai bơi ai đào mà sâu.

Núi cao thì do trời đắp rồi. Còn sông sâu thì cái nghĩa sâu này là chỉ sự phân ly, chia cắt đất nước thời Trịnh Nguyễn phân

tranh. Người dân xứ Truồi thuở đó đã đau cái đau của chia cắt phân ly dân tộc mà hát lên câu này. Không ngờ ngày sau lịch sử lại tái diễn một lần nữa vào sông Bến Hải, tuy ngày nay không còn, nhưng vết thương chia cắt trong lòng người vẫn chưa lành, dân tộc phân ly khắp bốn phương trời, chưa hết.



Sông Truồi và xa xa là núi Truồi

Truồi không phải tên làng, tên xã, tên huyện, mà là một địa danh khá nổi tiếng phía nam Huế. Tỉnh từ Cầu Truồi trên quốc lộ 1 đến Huế là 27 cây số. Bao gồm hai xã Lộc An và Lộc Điền chạy dọc theo hai bên bờ sông Truồi (sông Hưng Bình). Xã Lộc An ở bờ bắc gồm các làng Nam Phổ Hạ, Nam Phổ Càn, Phước Mỹ, Lại Thế Hạ, Xuân Lai, Bàn Môn, Phú Môn. Xã Lộc Điền ở bờ nam với các làng Lương Điền Thượng, Lương Điền Hạ, Tế Xuân, Đồng Di, Sư Lỗ Đông... và một xã Tân Lập trên thượng nguồn sông Truồi. Chính phủ sa của sông Truồi đã bồi đắp tạo dựng nên vùng đất phì nhiêu, ruộng vườn xanh tốt, cây lành trái ngọt và phong thủy hữu tình với những câu ca dao :

Xứ Truồi ngọt mít thơm dâu

Anh đi làm rể ở lâu không về.

Hãy :

Xứ Truồi ruộng cả đồng sâu

Muốn ăn cơm trắng làm dâu xứ Truồi.

Ngày xưa, nhu cầu giải khát của dân gian chỉ đơn giản là bát nước chè xanh. Ngay cả thời tôi còn nhỏ, đi khắp kinh thành Huế, đường nào cũng có quán nước chè (khác với nước trà, nước trà dùng búp nụ non, còn nước chè dùng lá già, nấu lúc còn tươi). Với cái ầm nước nấu sôi, khách qua đường uống bằng một cái bát lớn (như tô canh). Uống vào là toát mồ hôi hột, rất đã khát. Do đó mà chè Truồi rất nổi tiếng. Ngày nay do tiến bộ kỹ thuật, bát nước chè xanh đậm tình dân tộc đã nhường bước cho nước ngọt coca...

Ngoài chè Truồi, dâu Truồi cũng nổi tiếng không kém. Trái dâu Truồi được gọi là dâu tiên, vỏ mỏng, mùi thơm thanh tao, nhất là vào dịp Tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch) dâu Truồi vừa điểm son (một lớp nhựa đỏ tươm ra ngoài vỏ trái dâu như môi son con gái), đó là lúc trái dâu chín ngon nhất. Một thứ đặc sản không thể quên được của xứ Truồi là bánh bột lọc, làm từ tinh bột củ sắn (khoai mì). Đi xe đò đến Cầu Truồi hoặc đi xe lửa đến ga Truồi hành khách sẽ nghe tiếng rao vang bánh bột lọc, khách sẽ không nhịn được thèm mà phải mua. Người Huế nào xa quê hương mà không thèm bánh bột lọc. Ăn để nhớ mà thôi. Ngày nay làng Xuân Lai ở cạnh sát cầu Truồi là nơi sản xuất bột lọc nổi tiếng, cung cấp hàng cho

Huế và cả các nơi khác. Lần theo sử sách thì không hiểu địa danh Truồi từ đâu ra. Đại Nam Nhất Thống Chí Triều Nguyễn có ghi tên núi Truồi là núi Ân, là ngọn núi cao nhất kinh kỳ, sông Truồi là sông Su Lỗ, nhưng các cụ xưa thường gọi là sông Hưng Bình, và vùng Truồi được gọi là vùng núi Ân sông Hưng.



Cầu Truồi



Thác Đỗ Quyên trên núi Bạch Mã

Về dân cư thì gốc tích người Việt đến đây là theo bước chân lịch sử của Huyện Trần Công Chúa. Đất Thừa Thiên thuộc Châu Ô. Theo gia phả giòng họ Nguyễn (Nam Phổ Càn), tổ tiên xuất phát từ Thanh Hóa, làm quan tri phủ đời hậu Lê, đã theo chúa Nguyễn Hoàng vào Nam, sau đó từ quan đi khai hoang lập ấp. Như vậy vùng đất này đã được khai khẩn trên bảy trăm năm. Lại có sự liên hệ tên của các làng vùng cận Huế với Truồi. Như gần Huế thì có làng Nam Phổ Thượng, còn Truồi thì có làng Nam Phổ Hạ rồi Nam Phổ

Cần (Nam Phổ Cần còn được gọi là làng Truồi).Hay Lại Thế Thượng- Lại Thế Hạ; Sur Lồ- Sur Lồ Đông...

Dù địa danh Truồi không biết xuất phát từ đâu, nhưng nó đã đi vào lịch sử.Người Pháp khi làm cầu cũng đặt tên cầu Truồi, rồi ga Truồi, chợ Truồi...và ngày nay có thêm Đập Truồi, Hồ Truồi.

Dãy Trường Sơn chạy dài bắc- nam đến núi Truồi thì cao dần lên và một nhánh rẽ ra biển làm thành rặng núi Bạch Mã. Như trường thành che chở cho xứ Truồi. Tương truyền con ngựa bạch của chúa Nguyễn Ánh khi đến đây thì kiệt sức mà chết,nên khi lên ngôi, vua Gia Long đặt tên núi là Bạch Mã.Núi cao 1444m, trên đỉnh bốn mùa cây cỏ xanh tươi, có hồ nước trong xanh,từ hồ này , nước chảy xuống thành thác Đổ Quyên rất được du khách yêu thích.Theo lịch sử thì núi Bạch Mã đã được một kỹ sư người Pháp tên Girard khám phá từ năm 1916, biến đỉnh núi thành khu nghỉ mát sang trọng, gồm nhiều lâu đài biệt thự, có cả dinh của vua Bảo Đại.Tôi đã có dịp lên đây một lần nhờ tham gia trại hè của Khu Công Chánh Trung Nguyên Trung Phần thời chính phủ Ngô Đình Diệm. Sau này bị chiến tranh tàn phá chưa được phục hồi nguyên vẹn.

Hồi nhỏ, cứ buổi sang nhìn lên núi Bạch Mã, nếu thấy một vệt trắng dài như giải lụa vắt giữa mái rừng xanh(do thác Đổ Quyên) thì biết hôm đó thời tiết tốt, hôm nào nhìn không thấy vệt trắng là thời tiết xấu, sắp mưa bão.

Xứ Truồi nếu đứng nhìn về phương nam thì trước mặt là Bạch Mã, phía tây là núi Truồi cùng dãy Trường Sơn như một trường thành che chắn, sau lưng là kinh thành Huế, bên phải là phá Tam Giang- Cầu Hai với đầm

Thủy Tú là nơi phong thủy hữu tình,nhiều long mạch rồng châu hổ phục.Chính sự hấp dẫn của xứ Truồi mà nhiều vị danh gia vọng tộc đã từ đất thần kinh về đây lập nghiệp như cụ Ngô Đình Khôi, cụ Ứng Dự, cụ Tham Đồng, cụ Quán Huyền v,v...nhưng tiếc thay vì thời thế chiến tranh tàn phá hết, ngày nay đã không còn.



Cầu Truồi

Thời cụ trào hán học cũng có nhiều bậc danh nho, cho đến trước 1945 vẫn còn lưu lại nhiều cụ nghề (bậc tiến sĩ nho học)danh tiếng như các cụ Nghè Hai, Nghè Hiệu, Nghè Phùng,Nghè Biên, Nghè Huấn, Nghè Hương, Nghè Phan...

Thời chiến tranh cận đại cũng có nhiều nhân vật nổi tiếng kể cả hai phía Quốc Gia và Cộng Sản.

Nếu xem sông Hương như một người chị thì sông Truồi như một cô em gái, nên xứ Truồi cung cấp cho Huế nhiều thứ.Núi Truồi có nhiều gỗ quý như gỗ, kiền kiền, lim, trầm hương...Núi Truồi có nhiều thú quý như cọp, voi, tê giác, gấu, nai...Sông Truồi có nhiều tôm cá quý, như cá hanh:

Ngồi buồn xe chỉ mong manh

Đổi câu được con cá hanh nguồn Truồi.

Càng đi xa càng nhớ quê nhà, vùng đất nhiều tình cảm thiết tha với những câu hò, điệu hát:

*Ngó lên Độn Vàng dạ chàng bát ngát
Ngó về Bàu Bạc ruột nát gan khô
Trăm năm chàng không bỏ nghĩa thiếp mô
Thiếp chớ ưu sầu vào dạ mà héo khô gan vàng.*

Núi thì được gọi là Độn (Động) như Độn Truồi, Độn Bông, Độn Tranh, Độn Trọc, Độn Lãng. Nụ cười nhất là câu hát :

*Tổ cha hòn Độn Cây Giang
Không cho tau chộ (thấy) cái làng Cầu Hai.*



Trúc Lâm Bạch Mã nhìn từ xa

Bởi vì dãy núi Bạch Mã chạy sát ra tới biển mà hòn núi cuối cùng sát Quốc Lộ 1 tên là Độn Cây Giang gần cách Truồi với Cầu Hai ngày nay là huyện lỵ Phú Lộc. Ngày nay sông Truồi không còn được như trước nữa. Do đập Truồi ngăn nước trên thượng nguồn ảnh hưởng nhiều đến hạ lưu. Tôm cá không còn nhiều. Nhiều chất thải làm cho nước sông không còn được tinh khiết như xưa. Điều thu hút nhiều du khách đến Truồi là do Hồ Truồi và Thiền Viện Trúc Lâm Bạch Mã. Đập Truồi cao 50m ngăn thượng nguồn sông Truồi từ thác Khe Dài cũ, tạo nên một lòng hồ chứa tới trên 60 triệu mét khối nước. Nước được dẫn qua một kênh đào dài hàng chục cây số để

cung cấp nước cho các đồng ruộng phía nam Huế. Công trình này tạo dáng dấp cho một phong cảnh tuyệt đẹp, bởi nước dâng lên biển các ngọn núi thành đảo, nước bao quanh mênh mông. Cảnh đẹp phối hợp giữa trời, mây, sông, núi, hồ, thác, khe, suối... tạo cảm hứng cho một vị thiền sư đến đây xây dựng nên một công trình Phật Giáo đồ sộ hiếm có: Thiền Viện Trúc Lâm Bạch Mã. Thiền Viện được xây trên đỉnh núi Linh Sơn, chung quanh bao bọc bởi Hồ Truồi. Đi lên Thiền Viện phải qua đò máy. Từ bến lên đến Chánh Điện phải bước lên 172 bậc cấp. Từ sân chính nhìn bao quát một tổng diện tích trên 2 hecta gồm các đền đài chính như: Chánh Điện, Tổ Đường, Phương Trượng, Tăng Đường, Thiền Đường, Trà Đường, Lầu Chuông, Tháp Xá Lợi, Ni Viện... Xa xa bên hòn đảo đối diện là một tượng Phật cao. Vào những ngày nắng ráo, nhất là mùa hè, khách thập phương đến viếng tấp nập. Là một địa điểm du lịch cho khách từ Huế về hoặc Đà Nẵng ra.

Những người con xa xứ mong một ngày về thăm lại quê hương.



Hồ Truồi

Austin, TX Hè 2011

Đăng Nguyên

(Hình ảnh và tài liệu tham khảo từ Net Cổ Đô).

XIN CHO TÔI ĐƯỢC SỐNG

Nguyễn Lân

Toàn thở dài. Nhìn ánh mắt người bác sĩ, chàng biết mình không còn được bao lâu nữa. Dù sao chàng vẫn gắng gượng:

- Bác sĩ làm sao cho tôi sống thêm một tháng nữa?

Bác sĩ tránh nhìn bệnh nhân. Ông nói bằng giọng:

- Anh đừng nghĩ ngợi gì. Cố để đầu óc thoải mái.

Làm sao thoải mái trong những giờ phút này?! Toàn còn nhiều việc phải làm, nhiều điều phải tính toán, phải nghĩ đến. Chàng có những hai người đàn bà yêu thương chàng tha thiết. Một người vợ trước, một người vợ sau. Nhưng vợ sau cũng là vợ trước! Kiều Mị, hai lần cưới. Cuộc đời sao nó rắc rối, éo le! Kiều Mị và Yên Hạc đã biết nhau nhưng chưa bao giờ giáp mặt cho lúc này, giờ phút lâm chung của người họ dấu yêu, họ tranh chấp! Ông Tạo sao khắc nghiệt, tàn nhẫn!

Cơn đau dấy lên làm Toàn quằn quại. Bác sĩ chích thêm một mũi morphine cho chàng. Mười phút sau, ông toan bước ra khỏi phòng bệnh nhân. Nhưng bàn tay Toàn đã nắm chặt lấy cổ tay ông. Toàn nói trong hơi thở yếu ớt:

- Bác sĩ cố kéo dài mạng sống của tôi thêm một tháng nữa& Tôi van bác sĩ đấy!

Vừa lúc nắm cửa xoay nhẹ, Yên Hạc lộ đầu vào. Bác sĩ Chân vội đứng dậy, tiến thẳng ra cửa. Yên Hạc hỏi qua hơi thở:

- Còn được bao lâu nữa, thưa bác sĩ?

Chân ái ngại nhìn người đàn bà:

- Vài hôm nữa thôi! Vi trùng lan rộng trong cơ thể, máu nhiễm trùng rồi! Bà lo mọi việc đi thì vừa!

- Anh ấy muốn gọi vợ tới. Yên Hạc buột miệng.

Bác sĩ Chân trở mắt, nhìn người đàn bà. Ông tự hỏi người thiếu phụ đứng trước mặt là ai mà lo cho bệnh nhân quá vậy. Từ ngày Toàn nhập viện đến hôm nay, gần ba tuần lễ rồi, Chân vẫn tưởng Yên Hạc là vợ bệnh nhân. Nào có thấy ai tới chăm sóc cho Toàn đâu, ngoài nàng. Cũng chính nàng đưa bệnh nhân tới đây khi Toàn đang hôn mê. Chuyện rắc rối thật! Thảo nào Toàn cầu mong sống thêm một thời gian nữa. Quả thật anh chàng đa đoan và đào hoa!

Yên Hạc nhào tới cạnh giường bệnh. Nàng âu yếm nắm cánh tay gầy xanh xao, đau lòng nhìn vào khuôn mặt hốc hác tiêu tụy của Toàn, khẽ gọi:

- Anh Toàn! Anh tỉnh chứ?

- Anh vẫn tỉnh, em ạ! Toàn mở mắt nhìn.

Chàng thấy thương người đàn bà này quá. Yên Hạc đã lo lắng nhiều cho Toàn từ khi chàng mắc bạo bệnh. Những ngày làm chemotherapy. Những ngày làm radiation. Đưa đón đến bác sĩ gia đình, đến bác sĩ chuyên nghiệp. Lo thuốc men. Mỗi mình nàng. Mà Toàn đã chia tay với Yên Hạc hơn ba năm nay. Chàng thấy bất nhẫn với người đàn bà đã cả hơn mười năm chung sống!

- Thật không có em, anh không biết ra sao?! Em phải lo thêm những gì nữa nào? Anh muốn nằm cạnh anh chị Khương. Em làm được chứ?

- Xong rồi, anh ạ! Anh sẽ nằm kê bên hai người thân yêu đó. Ngay dưới tàn cây

phượng vĩ giờ này hoa đương nở rộ. Chỗ ấy khoảng khoát, gió lồng lộng thổi, và... xa tụi Ba Tàu. Nghĩa là không có những bia mộ xanh đỏ rục rở xốn mắt. Em nhớ, xưa kia, anh đã nói vậy với em.

- Cảm ơn em! Anh đã hình dung ra nơi chốn ấy. Toàn muốn nhắm mắt lại để nghĩ tới cái nghĩa trang đó, nơi an nghỉ vĩnh viễn của chàng.

Yên Hạc rướn mình gần bệnh nhân:

- Em có một điều muốn xin với anh. Một ước vọng của em. Anh cho phép em nhé!

- Em cứ nói.

- Em đã mua đất ngay cạnh anh. Anh đừng la em!

Toàn cay đắng:

- Đó là quyền của em. Anh rất cảm động mãi mãi có em kề bên.

- Em thật mừng vì anh đã bằng lòng!

Toàn không muốn nói gì thêm. Chàng mệt lả người và cơn đau lại trở dậy. Nghĩ đến vợ, chàng thấy náo lòng. Kiều Mị, người vợ hai lần cưới, lần nào cũng lén lút! Nàng từ Bỉ sang Mỹ cũng gần ba năm. Nhưng nàng chưa rành tiếng Mỹ, chưa biết lái xe. Ba năm trời Toàn lo hết mọi việc. Toàn chỉ muốn vợ ở nhà, không ganh đua với chồng trong cuộc sống tất bật nơi đây, luôn luôn trong vòng tay che chở của chàng. Toàn muốn Kiều Mị hiện tại không phải là Kiều Mị của mười lăm năm trước. Toàn hài lòng vì nàng đã thay đổi, yên phận, biết nghe lời chồng. Nhưng nàng không giúp đỡ gì được cho chồng. Nàng vẫn còn bỡ ngỡ với cuộc sống mới. Nàng vẫn chưa đi đâu một mình được. Nàng không biết lái xe. Toàn không bao giờ muốn vợ mình lái

xe. Việc gì chàng cũng giành hết. Nàng chỉ lo cơm nước thôi. Theo Toàn, người đàn bà nào cũng vậy, hề biết nhiều sẽ lấn lướt chồng.

Nghĩ tới Yên Hạc, Toàn phiền lòng hơn. Nàng chỉ muốn giữ chặt lấy Toàn. Nàng yêu chàng lắm, nhưng yêu mà không chiều, không bao giờ thuận theo ý Toàn. Cứ như vậy suốt thời gian chung sống. Bực mình, Toàn sang Bỉ chơi và gặp lại Kiều Mị. Đã lâu quá mới gặp lại vợ cũ, dễ cũng đã hơn mười mấy năm trời. Toàn gặp nàng khi cả hai còn trẻ, mới ngoài đôi mươi. Trong đám mê vội vã, họ lấy nhau. Đám cưới không bà con thân thuộc, chỉ có một ông cha làm lễ. Rồi ra toà thị sảnh tại Bruxelles ký giấy hôn thú. Gần mười lăm năm chung chạ. Một ngày kia, Kiều Mị ra đi. Nàng để lại bức thư tạ tình là nàng không thể làm vợ chàng lâu hơn nữa vì nàng đã mang thai với một người đàn ông Bỉ! Thế rồi, Toàn gặp Yên Hạc trong một dạ tiệc. Yên Hạc từ Mỹ sang thăm em gái. Toàn đưa Yên Hạc thăm những danh lam thắng cảnh ở Bruxelles, Toàn lái xe sang tuốt tận Paris để Yên Hạc thưởng ngoạn cái đẹp của kinh đô ánh sáng. Họ gắn bó với nhau tại thành phố nổi tiếng trên thế giới này.

Ngày Yên Hạc rời Paris, cũng là ngày Toàn đeo chiếc nhẫn đính hôn vào tay nàng.

Ba tháng sau, Toàn thu xếp qua Mỹ. Còn có gì để thương tiếc Bruxelles nữa đâu?!

Đám cưới của Toàn và Yên Hạc thật rầm rộ tại một nhà hàng Việt Nam lớn nhất, sang trọng nhất quận Cam, Dragon Restaurant. Bạn bè, bà con của Yên Hạc hơn ba trăm người tham dự. Ai cũng mừng Yên Hạc gặp được người chồng tốt, điển trai, học thức, sẵn tiền bạc. Toàn mua một căn nhà thơ mộng tại Long Beach, gần biển. Miếng đất thật lớn, gần 10,000

square feet, tha hồ trông đủ loại hồng như Yên Hạc từng mong.

Ngày, tháng, năm qua đi & dần dần Toàn cảm thấy chàng bị trói buộc. Yên Hạc không còn là thiếu phụ dưng của những ngày mới sống. Nàng thành thạo, khôn ngoan, sắp xếp cuộc sống qui củ. Nhưng biết bao nhiêu điều Toàn muốn mà Yên Hạc chối từ. Những ao ước của chàng cũng chẳng có gì quá tầm tay. Chẳng hạn Toàn muốn xây một khu vườn theo kiểu Nhật sau nhà, nàng bác bỏ. Yên Hạc cho là phí phạm, không cần thiết. Toàn là một nhà vật lý nổi tiếng bên Bỉ. Chính phủ Mỹ mời sang và trọng dụng chàng. Tiền vẫn vào đều đều. Yên Hạc thuyết phục chồng mua thêm hai căn nhà nữa tại Quận Cam cho thuê. Toàn lại là người thích tự sửa chữa nhà cửa. Đó là thú vui của chàng từ khi còn ít tuổi. Tiền để ra tiền. Với Yên Hạc, những tháng năm chung sống thật diệu kỳ. Với Toàn, những ngày đó là những ngày bó buộc, làm theo bản phận, làm theo lý trí. Riết rồi, nhiều bữa ở sờ ra, Toàn không muốn về nhà nữa!

Những ngày nghỉ nhàm chán quá! Chàng muốn đi chỗ khác. Nhưng chàng không thích tới những nơi xa lạ. Thế là chàng quay về Bỉ. Thế rồi chàng gặp lại Kiều Mị! Hơn mười năm trời, Kiều Mị già đi trông thấy. Nhưng nàng nhũn nhặn hơn, thuần thực hơn. Nàng đã đoạn tuyệt với anh chàng Bỉ. Đứa con gái sống với cha nó. Nàng rảnh tay. Kiều Mị đang cần một người hùng bảo bọc. Toàn đang cần một bàn tay dịu dàng âu yếm.

“Tình xưa, nghĩa cũ khôn hàn”. Họ ngã vào vòng tay nhau. Toàn quyết định xa Yên Hạc.

Trở lại Mỹ, Toàn nói với vợ: “Anh muốn được yên tĩnh một mình. Anh lấy lại một căn nhà cho thuê để ở. Nhà mình đang chung sống là của em. Còn một căn nữa,

khi hết hợp đồng với người thuê, mình sẽ bán đi, chia đôi. Bao nhiêu tiền ở trong ngân hàng, anh để lại cho em”.

Yên Hạc như tự trên trời rơi xuống, ngơ ngác nhìn chồng. Nàng không tin ở đôi tai mình. Nhưng vẻ mặt của Toàn nghiêm trọng quá, nàng biết chàng nói thật, nàng xuống nước năn nỉ: “Anh ở lại với em!”

Toàn quay đi, cố giữ bình tĩnh: “Để cho anh đi!”

Một tuần lễ sau. Toàn rời nhà. Thỉnh thoảng chàng vẫn về thăm vợ, vẫn mời nàng đi ăn tối, vẫn cắt cỏ dùm nàng. Toàn không nữ dút tình cùng Yên Hạc. Nhưng Toàn phải dành nhiều thời giờ để sửa soạn tổ ấm với Kiều Mị. Kiều Mị bán nhà bên Bỉ, mang tiền sang Mỹ, cùng Toàn mua một trang trại rộng lớn ở San Diego. Toàn vẫn kín tiếng với mọi người. Những người thân quen, bạn bè đều tưởng Toàn sống cù ky một mình, không thích ai quấy rầy, không muốn bận tâm đương đầu với người vợ thực tế Yên Hạc. Ai cũng trọng đời sống riêng tư của chàng. Không ai hỏi han, dòm ngó.

Yên Hạc nhớ chồng lắm. Nàng đến ngôi nhà Toàn ở. Nhà vắng lặng. Toàn đi vắng. Yên Hạc tra chìa khóa vào ổ & Ôi thôi! Một ổ khóa mới. Toàn đã đổi khóa. Chàng không muốn cho Yên Hạc tự do lúc nào muốn đến thì đến. Nàng không còn là chủ căn nhà này nữa! Sao chàng nữ hành xử như vậy?! Yên Hạc ứa nước mắt!

“Ném lao thì phải theo lao”, Đã chót dấu diêm thì phải dối quanh cho trọn! Có người thấy Toàn sóng vai với một nữ dười đàn bà ngoài phố, mách Yên Hạc. Một bữa chàng về thăm, Yên Hạc vặn hỏi chàng về “người đàn bà”. Toàn chỉ lắc đầu, buông thõng: “Bậy quá!”

Từ ngày ấy Toàn cẩn thận hơn, tránh đi song đôi với Kiều Mị những chỗ đông cư dân Việt. Toàn bán căn nhà đang ở tại Quận Cam. Mua một căn mới tại San

Diego, gần khu trang trại. Tổ ấm của hai vợ chồng xa hẳn những người Việt. Toàn chỉ thấy an tâm khi quanh chàng là dân bản xứ - những người Mỹ trắng lịch sự, ít tò mò về đời sống riêng tư của những người khác. Nhưng Toàn vẫn không cảm thấy thư thái, hạnh phúc như chàng tưởng. Toàn ân hận. Toàn thấy tâm hồn bị dằn vặt, ray rứt. Chàng cố gắng chăm chút Kiều Mị. Những tưởng sự hiện diện của Kiều Mị sẽ khóa lấp những đờn đau đành đoạn với Yên Hạc. Nhưng không!

Những lúc vợ kê bên, vui với hình bóng, với sự ân cần của nàng, Toàn thấy hạnh phúc. Nhưng những khi một mình, nhất là mỗi ngày lái xe từ sở về, khuôn mặt đăm lẹ của Yên Hạc lại hiện rõ, lại luẩn quẩn trong đầu Toàn. Chàng lại cay đắng, lại khổ sở. Toàn biết Yên Hạc vẫn chờ đợi. Yên Hạc không hề biết chàng đã âm thầm trở lại với người vợ cũ, đã dứt tình cùng nàng! Bạn bè của cả hai chỉ biết chàng bỏ nhà ra đi, họ tưởng Toàn âm thầm sống một mình. Ai cũng nghĩ vậy. Có phải vì bề ngoài của Toàn nghiêm trang quá? Có phải vì lối xã giao của Toàn lịch sự, đứng đắn, đang hoàng quá? Có phải sự tin tưởng của Yên Hạc đã làm mọi người hòa theo? Chẳng ai hiểu Toàn!

Toàn biết chàng cũng giống nhiều đàn ông khác, cũng cần một bóng dáng đàn bà thuần thực bên cạnh. Có ai bỏ vợ để sống lủi thủi một mình? Họ chẳng vài anh bất thường! Toàn là người bình thường. Toàn là người giàu tình cảm. Toàn là người có lương tâm. Nhưng Toàn là người thích che giấu, chàng không muốn ai nhìn thấy con người đích thực của mình. Chàng đã thành công. Cũng như chàng đã thành công trong xã hội. Cũng như chàng đã thành công chinh phục trái tim phụ nữ, dù chỉ có hai người, Kiều Mị và Yên Hạc, cứ từ người nọ chạy tới người kia, quay đi quay lại! Toàn không phóng tầm mắt tới những người đàn bà khác

mà chàng chưa chắc chắn. Ít nhiều gì, Toàn vẫn là người nhát nhúa. Toàn chưa dám tiến xa đến một người đàn bà thứ ba dù đôi khi vài bóng hồng bất chợt tới làm chàng ngất ngây rung động.

Nhưng giờ phút này, những ngày cuối cùng của cuộc đời! Toàn thấy chua xót quá! Chàng muốn sống thêm một thời gian nữa, không phải cho riêng mình mà cho hai người đàn bà đang thương yêu lo lắng cho chàng. Nhưng Trời không cho! Có bao giờ Toàn nghĩ tới Đấng Tối Cao đâu?! Toàn chỉ tin ở khoa học. Trời, Phật đối với Toàn là xa vời, giả tưởng! Lúc này Toàn mới thấy sợ sự nhiệm màu của Đất Trời! Chàng đang bị trừng phạt vì sự dối trá, vì đã làm khổ hai người đàn bà. Toàn không muốn vậy. Tại sao chàng hành xử như thế? Vì sợ tai tiếng hay vì muốn giữ cả hai người đàn bà? Vì Toàn yêu cả hai? Không, chàng chỉ muốn họ lo lắng, phụng sự chàng thôi! Chàng yêu chính mình thì đúng hơn. Vô tình chàng đã làm cả hai khốn khổ vì chàng. Kiều Mị bỏ con, bán nhà sang đây với Toàn dù không hiểu tiếng bản xứ! Yên Hạc suốt đời thương yêu chàng dù bị Toàn ruồng rẫy. Nhưng nàng vẫn hi vọng Toàn trở lại với mình một ngày nào. Chàng không thể sống mãi một mình được. Lấy ai săn sóc? Thì đây, khi biết bị ung thu phổi, Toàn đã về với Yên Hạc nhiều hơn. Nàng là người duy nhất lo được cho chàng khi đau yếu. Toàn vẫn là của Yên Hạc.

- Yên Hạc! Anh nhờ em việc này...
- Anh muốn gì, em cũng làm hết! Nói đi anh!
- Em báo cho Kiều Mị biết những ngày cuối cùng của anh để nàng biết anh ở đâu mà vào cho kịp.

Yên hạc tưởng như trời sập. Người vợ trước của chàng cũng ở Mỹ ư? Ghìm những giọt lệ đờn đau, Yên Hạc gắng hỏi:

- Kiều Mị ở đây ư? Cô ấy sang từ lúc nào?

- Hơn ba năm nay. Anh đã làm hôn thú với người ta. Em tha lỗi cho anh!

Toàn nhắm mắt, thều thào yếu ớt.

Yên hạc ghé gần. Nàng chỉ muốn bóp cổ Toàn ngay lúc này. Vừa thương xót, vừa giận hờn. Nhưng khuôn mặt xanh xám hốc hác của Toàn nhắc nhở nàng chàng không còn bao ngày nữa, Yên Hạc thở dài:

- Anh nói số điện thoại. Em sẽ gọi cô ta.

Trời ơi! Toàn vẫn chưa phải là của nàng. Thì ra, hơn ba năm nay Toàn đã trở lại với Kiều Mị. Yên Hạc không hay biết. Vậy mà cứ vài tháng Toàn vẫn về nhà rủ Yên Hạc đi ăn cơm tối. Quá quái thật! Thảo nào, đã lâu. Có người mách nàng, Yên hạc đâu có tin. Nàng thần thánh hóa chồng quá! Nhưng nghĩ cho cùng, tội nghiệp Toàn! Chắc chắn anh lo lắng, sầu bi, ân hận mà sinh bệnh. Yên Hạc vẫn tin Toàn yêu thương mình. Hơn năm nay, từ ngày lâm trọng bệnh, Toàn trở lại với Yên Hạc luôn luôn. Chàng cần sự giúp đỡ của nàng và nàng được gần chàng. Thôi thế cũng đủ!

Yên Hạc điện thoại cho Kiều Mị. Cô nàng hết hoảng vì ba tuần lễ rồi không biết chồng ở đâu, trở bệnh ra sao?! Kiều Mị nhờ anh hàng xóm người Mỹ đưa đến bệnh viện Roman Catholic Hospital.

Lần đầu tiên hai người đàn bà gặp nhau. Lần đầu tiên hai kẻ tình địch biết mặt nhau trước người đàn ông họ thương yêu đang hấp hối. Kiều Mị hấp tấp tới giường bệnh, nắm chặt tay chồng:

- Em đây! Toàn!

Toàn mở mắt nhìn vợ. Tội quá! Mới xa chồng chưa đầy một tháng mà nàng gầy rộc đi trông thấy. Toàn thật là người có lỗi. Cơn đau lại tới vật vã chàng. Đớn đau cả tinh thần lẫn thể xác. Trần ai! Thượng Đế sao không cho Toàn biết quyền năng của Người từ trước. Sự trừng phạt ghê khiếp quá! Toàn đang bị trả nghiệp ngay trước mắt hai người vợ, hai người cúc cung tận tụy vì chàng. Họ

nào có tội tình gì? Toàn co rút người, quần quai...

Yên Hạc vội rung chuông gọi y tá đến. Chất á phiện lại được đưa vào cơ thể sắp tắt của bệnh nhân. Mỗi ngày liều lượng mỗi tăng để giảm cơn đau xé phổi! Như có hàng ngàn lưỡi gươm thọc xoáy vào ngực Toàn. Nửa giờ sau, Toàn cảm thấy bớt đau. Chàng vẫy tay để cả hai người tới bên giường:

- Hai em đã biết tên nhau. Hãy thương anh, quên đi những xích mích. Hãy vì anh, nắm tay nhau để lo hậu sự cho anh. Anh mong hai em sau này sẽ là đôi bạn chân tình. Yên Hạc đã mua đất. Kiều Mị dựng bia mộ cho anh. Đám tang, anh không muốn ai ngoài hai em và những bác sỹ đang lo cho anh giây phút này.

Toàn đưa đôi bàn tay gầy guộc cho hai vợ. Cả hai kẻ cận bên Toàn trong ngần lệ. Họ chỉ biết gật đầu tuân lệnh người đang đứng bên bờ sinh tử. Những kinh địch, gờm khiếp nhau tạm thời tan biến.

Toàn vẫy Kiều Mị xát gần hơn:

- Kiều Mị! Sau tang chay, anh muốn em trở lại Bỉ.

Rồi, vận hết sức, Toàn đồng dục: “Cho anh xin lỗi!”

Toàn chìm vào hôn mê trong tiếng nấc nghẹn của hai người đàn bà &

Mình sẽ là người vĩnh viễn nằm cạnh chàng, chàng là của riêng mình - Yên Hạc mừng thầm trong nước mắt.

Thế là thêm một lần nữa mình mất chàng - Kiều Mị thổn thức trong tâm tưởng.

Tiếng còi hụ của xe cứu thương chở ai tới bệnh viện như xé nát tâm hồn của hai người đã chót yêu thương chung một gã đàn ông!

Viết xong tại Virginia 8/8/2011

NGUYỄN LÂN

“Những Tiếng Bom Nổ Giữa Thời Bình”

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Trần Khải Thanh Thủy:
"Người cầm bút mà không được viết thì không khác gì bị bức tử cả. Chính vì lý do đó mà tôi mới chọn cách đi tị nạn như thế này để được tiếp tục cầm bút."

oo0oo

Trong những tháng vừa qua, người Việt ở trong và ngoài nước đều lưu tâm đến tình hình sôi động ở Biển Đông trước sự gây hấn ngang ngược của Trung Quốc. Nhưng vào cuối tháng Sáu, một tin lớn và quan trọng không kém gì tin Hoàng Sa và Trường Sa. Đó là việc Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy bất ngờ được trả tự do và rời Việt Nam sang tị nạn chính trị tại Hoa Kỳ.

Sau hơn ba tuần lễ đặt chân đến đất Mỹ, Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy đã đến Hoa Thịnh Đốn vào giữa tháng 7 vừa qua. Đây là lần đầu tiên tôi được trực tiếp họp mặt với bà. Trước đây khi bà còn ở Việt Nam, tôi tiếp xúc với bà qua Paltalk hoặc Skype. Bà cho biết mục đích của chuyến đi đến thủ đô Hoa Kỳ này là để tiếp xúc xã giao và cảm ơn các nhà lập pháp và một số viên chức Bộ Ngoại Giao đã sốt sắng giúp cho bà sang tị nạn tại Mỹ. Đồng thời trong dịp này bà tiếp tục vận động cho tự do và nhân quyền tại Việt Nam. Bà nói bà ra nước ngoài là để tự do viết sách báo và vận động cho



Hình (NQK):
Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy.

một nước Việt Nam đa nguyên đa đảng, có tự do dân chủ chứ không phải để hưởng thụ nền văn minh của thế giới. Theo bà, hiện nay Việt Nam đang bị Trung Quốc dồn vào đường cùng và đang cần đến sự bao che của Hoa Kỳ. Vì vậy đây là cơ hội để Hoa Kỳ áp lực Việt Nam về vấn đề nhân quyền và dân chủ.

Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy sinh năm 1960 tại Hà Nội. Bà tốt

nghiệp Đại Học Sư Phạm vào năm 1982.

Trong thời gian còn là sinh viên bà đã viết báo và sách. Mặc dù cộng tác tích cực với nhiều báo ở trung ương và địa phương trong nhiều năm, nhưng sau khi ra trường bà không có được một công việc nào liên quan đến báo chí và truyền thông vì những bài viết của bà có tính cách phê phán chế độ và phơi bày những xấu xa của xã hội Việt Nam đương thời. Hậu quả là bà bị đẩy đi dạy học trong 11 năm ở miền núi Hòa Bình, Hà Tây, một nơi xa xôi hẻo lánh, "một tiếng gà gáy cả hai nước đều nghe". Vào năm 1993, bà bỏ hẳn nghề dạy và chuyên về viết báo. Bà không làm lâu được với báo nào vì tính thẳng thắn của bà không có chỗ đứng trong một chế độ dối trá. Bà bị treo bút sáu tháng ở Báo Cựu Chiến Binh vì nhân dịp Ngày Thương Binh Liệt Sĩ 27-7-1994 bà viết

một số bài bên vực các “Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng” bị chế độ quên lãng. Ít lâu sau bà Trần Khải Thanh Thủy ở hẳn nhà để tập trung vào việc sáng tác văn học.

Thân phụ của bà là Ông Trần Khải Tuấn, một cựu đảng viên kỳ cựu của Đảng CSVN với 38 tuổi đảng. Sau khi tốt nghiệp trường Sĩ Quan Lục Quân Trần Quốc Tuấn, Ông Trần Khải Tuấn được điều động về Cục Quân Giới. Ít lâu sau ông xin ra khỏi quân đội và trở thành chuyên viên của Bộ Công Nghiệp. Sau cùng ông là cán bộ giảng dạy tại Trường Đại Học Hàng Hải và là người đầu tiên viết sách về luật đường biển cho sinh viên học. Ông đam mê chủ nghĩa Cộng Sản đến nỗi ghép tên của những anh hùng của Xô Viết vào tên của các con. May mắn đến cuối đời ông đã kịp thấy sự thật. Trước khi qua đời vì “suy dinh dưỡng” nặng, trong hoàn cảnh nghèo khổ của gia đình ông và của cả nước vào năm 1985, ông đã nhất quyết nộp đơn xin ra khỏi đảng mặc dù bạn bè can ngăn vì tương lai của các con ông. Trước khi nằm xuống, ông đã trối trăng với các con: “Bố ra đi hận vì mình chưa làm gì cho mẹ và các con, chỉ u mê ảo tưởng, làm lạc về một chủ nghĩa mơ hồ, vì một lý tưởng bội phản. Hi vọng các con không để bị đầu độc như vậy.”

Thân mẫu của Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy là Bà Lê Thị Thanh Phong, một cựu công nhân của Viện Thiết Kế Thủy Lợi. Sau 39 năm làm việc, Bà Phong đã về hưu vào năm 1992 và hiện đang sinh sống tại Việt Nam.

Kinh nghiệm của cha mình và thực tế ở ngoài đời đã khiến Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy trở thành một cây bút phản kháng đối với chế độ Hà Nội. Bà đã phê phán nặng nề chế độ này trong nhiều bài tiểu luận dưới nhiều bút hiệu khác nhau.

Một số tác phẩm của Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy đã xuất bản gồm có:

1. Thơ Đố: 1989, nhà xuất bản Văn Hoá

Dân Tộc.

2. 1001 Chuyện Lừa Đối (phóng sự): 1998, nhà xuất bản Thanh Niên.
3. Ngôi Nhà Của Gấu: 1998, nhà xuất bản Kim Đồng.
4. Vợ Chồng Như Thốt Vời Dao (truyện vui): 2000, nhà xuất bản Thanh Niên.
5. Sông Không Đến, Bến Không Vào: 2000, nhà xuất bản Kim Đồng.
6. Làm Chị: 2001, nhà xuất bản Kim Đồng.
7. Băm Sáu Cái Nón Nường: 2002, nhà xuất bản Văn Hoá Dân Tộc.
8. Từ Trong Cổ Tích (truyện Ký): 2003, nhà xuất bản Kim đồng.
9. Lưu Hương Ký (bình chú): 2004, nhà xuất bản Thanh Niên.
10. Khát Sống (truyện ký): 2004, nhà xuất bản Kim Đồng.
11. Âm Thầm (thơ): 2004, Hội Liên Hiệp Nghệ Thuật Hà Nội.
12. Biết Yêu Từ Thuở Còn Thơ (phóng sự): 2005, nhà xuất bản Hội Nhà Văn.
13. Song Hỉ Lâm Môn (truyện vui): 2005, nhà xuất bản Hà Nội.
14. Khúc Khích Xuân Hương: 2005, nhà xuất bản văn hoá Dân Tộc.
15. Tôn Thất Bách - Y Đức một đời: 2006, nhà xuất bản Kim Đồng.

Một số sáng tác của Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy với tên thật đã được phổ biến ở nước ngoài:

1. Chết Ngoài Kế Hoạch (truyện vui).
2. Báo Về (truyện vui).
3. 1001 Truyện Trong Con Sốt Giá (phóng sự).
4. Cơm Vua Lộc Nước (phóng sự).
5. Nhật Ký Ngục Tù (nhiều kỳ - tản văn).
6. Tự Sự Về Lai Lịch Một Bài Thơ (tản văn).
7. Văn Minh Thành Phố (truyện vui).
8. Đường Xa Nghĩ Nổi Sau Đây Mà Kinh (phóng sự).
9. Hang Đá (Tản văn).
10. Đồi Điều Cảm Nhận (tản văn).
11. Đối Thoại Cùng Sông (tản văn)

12. Hoan Hô Công An Đẳng Ta Vồ Éch.
13. Ôi Công An Nhục Mấy Cho Vừa.
14. Bình Quân Đại Láo.
15. Đẳng Buông Vạt Váy Tôi Ra.
16. Thư Cảm Ơn.
17. Tiếng Rao Đêm Hà Nội (phóng sự).
18. Hồi Ưc Buồn (truyện ngắn).
19. Kỷ Niệm Hay Tưởng Liệm?
20. Tượng Đài Mà Biết Nói Năng ?
21. Chuyện Thường Ngày Ở Đồn (I, II).
22. Đêm Chong Đèn Ngồi Hóng Chuyện.
23. Trò Chuyện Cùng Anh Lưu Ngọc Bang (I, II).
24. Lương Y Hà Nội Bây Giờ.
25. Nhà Văn Việt Nam Và Sự Hội Nhập.
26. Chính Trị Và Chiếc Giường.
27. Cú Điện Thoại "Oan Nghiệt".

Truyện ngắn “Chết Ngoài Kế Hoạch” được Nhà văn Vũ Thư Hiên giới thiệu là một truyện tiêu biểu cho ngòi bút trào lộng của Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy. Khẩu hiệu “Nhân dân làm chủ, đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý” chỉ là cái bánh vẽ trong xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Trên thực tế, người dân chỉ là một thứ tôi tớ đi ăn xin đối với các cơ quan công quyền tham nhũng và thối nát như được mô tả qua thủ tục xin an táng người chết trong truyện.

Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy viết rất nhiều về chế độ cộng sản mà người dân ở trong nước còn gọi là chế độ “tư bản man rợ” vì bà sanh ra và lớn lên trong môi trường khủng khiếp đó. Gia đình nội ngoại và cá nhân bà là những nạn nhân của cộng sản. Tuy nhiên, bà cũng dành một số thời giờ để viết về những đề tài khác, như gia đình và tình yêu. Ba truyện ngắn “Cơ Chế Tình Yêu”, “Vợ Chồng Như ...Thốt Với Dao” và “Kiếp Sau ...” là một vài thí dụ. Với lối hành văn dí dỏm, nhẹ nhàng và một nội dung lãng mạn, Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy làm cho độc giả dễ theo dõi cốt chuyện một cách thích thú. Sau đây là một vài câu thơ trích trong bài phóng sự “Biết

Yêu Từ Thuở ... Còn Thơ”. Ai bảo tác giả không ướt át dù sống trong hoàn cảnh khô khan?

*Họ cưới em rồi tôi cưới ai
Làm sao bớt lạnh những đêm dài
Những mùa đông đến lòng tê tái
Những buổi thu về sống lẻ loi.*

Và một đoạn trong “Kiếp Sau ...”

“Tối đến, xong mọi việc, chị nằm dài nhàn tản như con mèo lười nằm sưởi nắng chờ anh bước từ phòng làm việc sang ... Anh xoay tay ôm chầm lấy chị, thế là hòa, bao sự giận hờn, mầm phân rẽ bị xóa sạch trong vũ điệu của gối chăn...”

Trong các truyện, bà hay thường chêm những câu thơ một khéo léo vào giữa phần văn xuôi để làm cho sự mô tả thêm phần linh động. Thí dụ như trong truyện “Kiếp Sau ...” Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy tả cảnh vợ chồng giận hờn nhau:

*“Kiếp sau nếu được làm người, tôi chỉ xin được thành đàn bà mặc váy, đeo yếm ngồi nhà giữ con cho sướng. Thế là sinh sự, sự sinh, chị dám dứt khóc, còn anh giữ vững thói quen quan điểm lập trường của mình:
‘Lòng ta ta đã chắc rồi, dù ai khóc đứng, khóc ngồi, mặc ai ...’*

Cả đêm, anh quay mặt vào tường, gối đầu lên tiếng khóc, tiếng than của vợ, ngủ một giấc ngon lành.”

Vào cuối năm 2004, bài thơ “Gửi Nguyễn Du” của Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy mô tả xã hội Việt Nam sau 18 năm đổi mới đã khiến bà bị kết án là “kẻ phủ nhận trắng trợn mọi thành tựu kinh tế văn hoá xã hội, chính trị của nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam”. Danh hiệu này do chính Ông Nguyễn Khoa Điềm, Trưởng Ban Văn Hoá Tư Tưởng của Đảng CSVN sáng tạo và gán ghép cho Bà.

Gửi Nguyễn Du

.....

*Đời nay bất hạnh vẫn như xưa
Đấu ba thế kỷ đã trôi vào
Ba trăm năm chẵn trong trời đất
Thiên hạ bao người vẫn khóc ông.*

*Đời như sông nước ngày khô khát
Cá lớn cày mình nuốt cá con
Dân đen như cá nằm trên thớt
Thân rùa bao đời phận đá đeo.*

*Vẫn kiếp phong trần lấm gieo neo
Vẫn quân ưng khuyến lũ hôi tanh
Cùng loài hổ báo giờ nanh vuốt
Và phường gian ác hại dân lành.*

.....

Cũng vào thời điểm này, công an phụ trách văn hóa phản động (PA-25) của nhà nước CSVN đã ra lệnh thu hồi 2,000 cuốn sách "Song Hỉ Lâm Môn" (nhà xuất bản Hà Nội, 2004) đã phát hành với giấy phép của nhà nước. Rất nhiều bài của bà đã được phổ biến trên các mạng Đàn Chim Việt, Vietnam Review (trước 7/2010), Vietnam News Network, v.v. đã làm cho Cục PA-25 để ý và nghi ngờ.

Cuốn sách "Song Hỉ Lâm môn" (2005) là tập truyện vui thứ ba của tác giả đã được xuất bản trong nước, sau hai cuốn "Truyện Vui Trong Cuộc Đời" (Nhà Xuất Bản Thanh Niên, 2002) và "Vợ Chồng Như Thớt Với Dao" (nhà xuất bản Lao Động, 2003). Kể từ thời điểm này Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy bắt đầu bị công an theo dõi. Tuy nhiên bà tiếp tục viết và xuất bản sách ở nước ngoài. Sau cuốn "Viết Từ Trong Hang Đá, Nhỏ Lệ Cùng Dân", bà cho xuất bản hai cuốn sách mới "Hồ Chí Minh Nhân Vật Trăm Tên, Nghìn Mặt" và "Nghĩ Cùng Thế

Sự". Theo Nhà phê bình văn học Hà Trung Kiên, hai cuốn sách mới này mới thực là "song hỉ lâm môn – hai niềm vui ùa vào một cửa" của Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy. Văn thơ của Trần Khải Thanh Thủy là loại văn thơ đấu tranh cho lẽ phải dù bà bị kim kẹp trong một chế độ độc tài toàn trị. Trong bài thơ mộc mạc sau đây, bà mượn lời thú tội của một công an để tố cáo nhà nước đàn áp những người bất đồng chính kiến.

Gửi Mẹ

(Lời thú tội của một công an Việt Nam)

*Mẹ ơi để con ra trong tù khổ
Mẹ đâu hay đảng dẫn dắt con đi
Không cho con kiêu hãnh làm người
Phải làm thú, theo đuôi mẹ ạ.*

*Đảng hành hạ các nhà dân chủ
Bắt chúng con canh gác mỗi ngày
Tội của họ chỉ là lời nói thẳng
Dám đứng lên để phản đối bạo quyền.*

*Bao dân oan bị mất nhà, cướp đất
Vạ vật nơi cầu cống, vườn hoa
Đảng cày đồng, xua chúng con vào
Bắt bớ cả bà già, con trẻ.*

*Bao bài học ngày xưa mẹ dạy
Chỉ làm con giằng xé lương tâm
Không theo đảng, không hoàn thành nhiệm vụ
Không có cơm ăn, áo mặc hàng ngày.*

.....

Trần Khải Thanh Thủy
Viện Châm cứu Trung ương 26-3-2008

Kể từ 2005, Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy chuyển sang viết cho các báo hải ngoại dưới nhiều bút hiệu khác nhau như Nguyễn Thái Hoàng, Võ Quế Dương, Nguyễn Nại Nương, Nguyễn Thái Bình,

Nguyễn thị Hiền, Nguyễn Ái Dân, Nguyễn Quý Dân, Trần thị Thanh Hằng, Mai Xuân Thường, Phạm Xuân Mai v.v. Vào năm 2006, vì bị một dân oan phản bội tổ quốc, các bài báo và bút hiệu bị bại lộ, bà bị giam giữ và đấu tố trước đám đông. Bà và cả gia đình nội ngoại liên tục bị công an đội lốt du đảng phá phách và đe dọa.

Tuy nhiên bà vẫn tiếp tục viết bài và phổ biến trên mạng toàn cầu, tham dự các cuộc thảo luận trên Paltalk, trả lời các cuộc phỏng vấn của các cơ quan truyền thông ở hải ngoại. Một lần một đám đông xông vào nhà bà đập phá và hành hung cả vợ lẫn chồng. Sau đó bà dọn về sống với mẹ ở Hà Nội và tiếp tục viết bài chỉ trích chế độ CSVN. Vào năm 2007, Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy bị tù 9 tháng với tội danh “tuyên truyền chống nhà nước”. Vào ngày 2/5/2010 bà lại bị tòa kết án 42 tháng tù vì tội “cố ý gây thương tích”. Dư luận cho rằng công an đã dàn dựng biển cô này để bắt giam Bà. Các hình ảnh dùng làm bằng chứng đều là thứ ngụy tạo. Cho tới ngày dời Việt Nam, bà chỉ mới thụ án 21 tháng tại nhà tù Lam Sơn ở Thanh Hóa. Nhà cầm quyền Hà Nội đã quyết định tha bổng cho bà khi họ cho bà ra khỏi nhà tù.

Trong thời gian Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy bị giam trong tù đợt đầu vào năm 2007, bà đã cho phát hành cuốn “Viết Từ Hang Đá, Nhỏ Lệ Cùng Dân” tại Hoa Kỳ. Đây là một tuyển tập do Cội Nguồn xuất bản gồm 50 bài thuộc nhiều thể loại khác nhau như truyện ngắn, tiểu luận, phóng sự, tùy bút, và thơ. Phần lớn những bài này chưa bao giờ được phổ biến. Nói chung truyện ngắn và tùy bút là hai thể loại quen thuộc của Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy. Về nội dung tuyển tập “Viết Từ Hang Đá, Nhỏ Lệ Cùng Dân” có thể chia ra làm ba phần theo ý kiến của Nhà văn Đỗ Tiến Đức:

- (1) Thơ văn.
- (2) Cáo trạng tội ác của CSVN.

(3) Sự thật về ông Hồ Chí Minh.

Dù ở trong nước như cá nằm trên thớt, Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy vẫn dám viết dám nói một cách mạnh bạo. Quả thật bà là một người can trường. Một tờ báo ngoại quốc đã gọi bà là một Aung San Suu Kyi của Việt Nam. Nhưng bà thất vọng vì thái độ cam chịu số phận của đa số người dân ở trong nước. Trong bài “Hang Đá” Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy đã phải thốt lên rằng “Nếu coi tự do và nhân cách là thước đo chiều cao của mỗi người, thì dân tộc Việt Nam hiện tại hẳn là dân tộc có tỷ lệ lùn nhất thế giới. Chỉ những người liều chết thoát khỏi ngôi nhà định mệnh xã hội chủ nghĩa bóng đêm đầy ma quái, mới có nổi chiều cao đích thực của mình...” Có những lúc thất vọng bà than: “Ồi Việt Nam – xứ sở mù lòa.” Bà nói ở thế kỷ 21, 80% dân Việt còn chưa được thấy ánh sáng của thế giới bên ngoài nhờ tài bùng bít thông tin của CSVN.

Ngược lại, nhà văn Trần Khải Thanh Thủy hết lời ca ngợi ba triệu người Việt ở nước ngoài. Trong bài “trò chuyện cùng anh Lưu Ngọc Bang”, bà nói: “Chính 3 triệu đồng bào ở hải ngoại làm nên phép nhiệm màu của Việt Nam hôm nay, khiến lưỡi dao của đảng cùn, họng súng của đảng cong, công số 8 của đảng lỏng, thậm chí còn phải cắt bớt đi. Vì thế muốn ‘chu di tam tộc’ em cũng khó, bởi vì em bây giờ như cây tìm thấy lá, như cá tìm được vây, như sông tìm được nước. Đảng chặt vây này, em mọc vây khác, đảng chặn nguồn này, em chảy nguồn khác... Ba triệu đồng bào Việt Nam là 3 triệu chiếc vây quanh em, 3 triệu giọt nước mưa tắm mát sông em, 3 triệu chiếc lá giúp cây đời mãi mãi xanh tươi. Làm sao đảng chặt hết 3 triệu vây, chặn đứng dòng chảy của em, đốn hết 3 triệu chiếc lá được?”

Ba triệu người Việt ở hải ngoại có xứng đáng với lời khen ngợi của Nhà văn Trần

Khải Thanh Thủy hay không là một vấn đề cần phải xét lại. Đa số chúng ta là những người trầm lặng. Quá trầm lặng đến nỗi trở thành vô cảm với số phận khốn nạn của dân tộc.

Một trong những bài thơ đẹp nhất của Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy là bài “Thay Lời Tiễn Biệt”. Trong bài này bà đã gói ghém những lời trăng trối khi biết mình đang ở trong hoàn cảnh vô cùng nguy hiểm sau khi bị một kẻ phản bội tố giác những bài viết dưới những bút hiệu khác nhau của bà vào năm 2006.

Thay Lời Tiễn Biệt

*Nếu tôi chết xin ghi trên huyết mộ
Đây là người yêu nước thương dân
Dùng cán bút làm đòn xoay chế độ
Đưa nhân dân ra khỏi kiếp bần hàn.*

*Tuổi 40 khi lẽ đời đã tỏ
Thì cùm gông, xiềng xích xá kẻ gi
Theo gương bậc tiền bối tôi đi
Vá lại mảnh trời xanh tổ quốc.*

*Vạch mặt lũ đê hèn, quân bán nước
Nhân danh Đảng, tổ quốc lộng hành
Chúng cấu kết, chúng ăn chia
Còn chúng nó dân ta còn phải khổ.*

*Nếu tôi chết xin nuôi bầy con nhỏ
Chúng đáng thương nào có tội tình gì
Khi mẹ chúng đứng lên đòi sự sống
Cho giống nòi và cả chúng mai sau.
Nếu tôi chết...
(Hà Nội, 4-9-2006)*

Được hỏi về cảm tưởng khi đặt chân đến Hoa Kỳ, bà nói rằng bà rất hồi hộp, vui mừng và cảm động. Từ địa ngục được lên thiên đàng quá nhanh chóng nên nhiều lúc bà không tin đó là sự thật, vẫn mơ màng như còn đang bị giam giữ ở trong nhà tù.

Trong những dịp bà gặp cộng đồng Việt Nam ở California, trong hội trường không còn một chỗ trống. Có những lúc bà có cảm giác là bà không làm chủ được đôi chân của mình. Ở Việt Nam ít người nhiều ma. Dân chủ ở Việt Nam là dân chủ miệng lưỡi. Người dân ở trong nước nói rằng “con đường xa nhất là từ miệng đảng đến bàn tay”. Cũng theo Bà, ở Hoa Kỳ đi đâu bà cũng thấy tự do dân chủ được thực thi ngay trong đời sống hàng ngày.

Bà Trần Khải Thanh Thủy cho biết bà cộng tác với Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng (Việt Tân) từ 2005. Cũng trong thời gian này, bà đã hoạt động bênh vực cho dân oan bị chiếm nhà chiếm đất. Bà chính thức trở thành đảng viên Việt Tân vào năm 2007. Cùng đến Mỹ với bà là người con gái thứ hai Đỗ Trần An Khuê, 13 tuổi. Mặc dù bà có người con gái lớn Đỗ Thủy Tiên đang học tại Pháp, nhưng bà đã chọn Hoa Kỳ để tị nạn vì ở quốc gia này có đồng người Việt Nam và con gái của bà có thể từ Pháp sang Mỹ đoàn tụ với gia đình. Ông Đỗ Bá Tân, chồng Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy, hiện còn ở Việt Nam. Ông đang có một án treo 2 năm và 47 tháng thử thách vì liên lụy đến hoạt động của vợ. Ông chưa muốn sang Mỹ vì vấn đề ngôn ngữ và để cho bà đi trước cho nhanh chóng. Theo bà thời gian ở tù là thời gian phí phạm vì không làm được gì cả. Bà và gia đình dự trù sẽ định cư tại San Francisco, California. Trong thời gian tới đây, Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy dự định viết ba cuốn sách:

- Hỏa Lò: Cửa Sinh Tử của Những Kiếp Buồn.
- Đòi Tù.
- Chưa có nhan đề nhưng sẽ là phần II của “Đêm Giữa Ban Ngày”, bà sẽ viết về Việt Nam trong giai đoạn 1993-2011.

Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy đã khởi sự viết cuốn “Hỏa Lò: Cửa Sinh Tử của

Những Kiếp Buồn” từ cuối 2008. Một số đoạn đầu tiên đã được phổ biến ở nước ngoài. Cuốn “Đời Tù” sẽ viết về kinh nghiệm bản thân của bà khi bị giam trong trại tù Cộng Sản. Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy nói với một phóng viên của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ như sau: “Chế độ nhà tù tại Việt Nam phải thay đổi tận gốc rễ, như việc giam 70, 80 người trong một phòng chật hẹp, mỗi phạm nhân chỉ được 60 cm, cả 70 người mới có được một hố xí chung, điều kiện ăn ở hết sức mất vệ sinh... Người đi tiên phong bao giờ cũng gặp kiếp nạn, nhưng kiếp nạn tôi gặp phải có lẽ là duy nhất ở Việt Nam. Chưa ai bị khủng bố như tôi. Họ ném bom phân 14 lần vào nhà tôi, rồi dựng chuyện đánh vỡ đầu tôi mà không có một chút sơ cứu nào. Suốt mấy tháng trời họ cắt thuốc của tôi trong trại giam Hòa Lò đến mức tôi bị ngất lên ngất xuống 8 lần vì tiểu đường lên cao. Tôi còn bị đánh đập trong tù. Không những quân giáo sai phạm nhân đánh tôi, mà chính bản thân điều tra viên Nguyễn Hùng Tuấn cũng đánh tôi.”

Cuốn thứ ba “Đêm Giữa Ban Ngày – Phần II” (nhan đề tạm do người viết đặt) sẽ nói lên mặt trái của xã hội Việt Nam. Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy cho rằng những tác phẩm này sẽ như “những tiếng bom nổ giữa thời bình”.

Trong một cuộc phỏng vấn cũng của Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ, Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy đã nói rằng “Tôi chọn cách đi tị nạn như thế này để được tiếp tục cầm bút... Tôi vẫn tiếp tục giữ ngọn lửa tranh đấu, niềm đam mê viết, và tôi sẽ viết như khi còn ở trong nước... Đam mê của tôi từ bé là cầm bút. Nhà văn muốn được tỏa sáng phải sống hết mình, phải mài mòn mình ra mà viết. Tôi hy vọng những tháng ngày ở Mỹ, cùng với lòng biết ơn đối với nước Mỹ không những đã cứu thoát tôi ra khỏi tù mà còn cứu mạng hai mẹ con tôi nữa, tôi sẽ có sự cộng hưởng

sức mạnh tinh thần để thể hiện tác phẩm đầy đặn hơn...”

“Tôi là người cầm bút. Trong tôi không chỉ là một ngọn lửa nhỏ mà là cả một hỏa diệm sơn. Sự hiểu biết của tôi về mặt trái trong xã hội Việt Nam cũng rất nhiều. Với nỗi bức xúc của tôi trước những cái khổ của bản thân cũng như của dân tộc Việt Nam, tôi nghĩ tôi sẽ làm được nhiều hơn những gì những người đi trước không làm được. Trọng tài công minh nhất là thời gian.”

“Theo tôi, không nên cứ đấu tranh là phải đi tị nạn ở nước ngoài vì khi ra nước ngoài sẽ tắt lửa lòng rất nhanh, sẽ không có lợi cho phong trào. Phải đấu tranh trực tiếp, trực diện ngay trên mảnh đất đầy chông gai, khói lửa đấy thì tiếng nói mới vang cao hơn. Nhưng trường hợp của tôi là ngoại lệ. Nếu họ không bức tử tôi bằng cách cấm tôi cầm bút trong trại suốt thời gian giam cầm, thì tôi đã chọn con đường ở lại Việt Nam. Họ tước đoạt mọi quyền tự do, mọi niềm tin lẽ sống của tôi. Hết tôi cầm cây bút lên là y như rằng tất cả kéo đến giằng bút, thu giấy của tôi. Đối với người cầm bút mà không được viết thì không khác gì bị bức tử cả. Chính vì lý do đó mà tôi mới chọn cách đi tị nạn như thế này để được tiếp tục cầm bút.”

Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy đã nhận được nhiều giải thưởng văn học như sau:

- Tranh vui– nụ cười dự thi báo Tiền Phong 1983.
- Truyện vui báo Văn nghệ (1982 - 1983).
- Giải Đặc Biệt Quốc Hận 2006 của Phong Trào Hiến Chương 2000. Nguyễn Thái Hoàng (Hà Nội)(lần 1).
- Giải Đặc Biệt Quốc Hận 2006 của Phong Trào Hiến Chương 2000. Nguyễn Thái Hoàng (Hà Nội):(lần 2).
- Giải Ba Đồng Hạng Giải Quốc Hận 2006 của Phong Trào Hiến Chương 2000. Trần thị Thanh Hằng (Hà Nội).

- Giải “Thơ Văn - Lý Luận & Hành Động Cách Mạng” của Phong Trào Hiến Chương 2000.
- Giải Nhất Đồng Hạng Giải “Hiệu Ứng Cánh Bướm & Cách Mạng Việt Nam” tức Giải Xuân Đình Hội 2007 của Phong Trào Hiến Chương 2000.

Ngoài ra Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy còn nhận được hai giải nhân quyền:

- Giải thưởng Hellman/Hammett năm 2007 cho các nhà văn bị hành hạ của Human Rights Watch (Winner of the 2007 prestigious Hellman/Hammett prize for persecuted writers)
- Giải Thưởng Nhân Quyền Việt Nam 2009. Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy, từng là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nội và là Hội viên Danh dự của Hội Văn bút Quốc tế Anh.

Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy viết rất nhiều. Tuy mới đọc được một số bài, nhưng tôi tin rằng bà được nhiều độc giả ngưỡng mộ qua lối viết giản dị, khúc chiết, với nội dung tinh tế, sắc sảo. Đặc biệt những truyện vui, cười ra nước mắt, của bà có sức hấp dẫn lạ lùng. Đọc vài hàng chữ đầu là đủ để bị lôi cuốn vào cả cuốn sách dày. Bà là một nhà văn can trường. Những tác phẩm của bà là những chứng cứ hùng hồn góp phần tạo nên sức mạnh để thay đổi thời cuộc. Xin thân ái chào mừng Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy đã đến Hoa Kỳ và chúc bà thành công trên mảnh đất hứa mới.

NGUYỄN QUỐC KHẢI
(Virginia 30-07-2011)



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

**591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TẠI NẠN LƯU THÔNG**

**Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454**



Nghệ Sĩ Ưu Tú Buồn Hay Vui?

VĂN QUANG

(Trả lời độc giả)

Hỏi: Thưa ông, tôi thường không chú ý đến những chuyện thuộc loại “ca múa nhạc ở VN”. Nhưng tôi vừa nghe bạn bè nói rằng ở VN muốn có giải thưởng hoặc muốn được phong một cái danh hiệu như “nghệ sĩ ưu tú” phải làm đơn xin. Vậy xin ai, ai có quyền cho? Ông có thể nói rõ hơn vấn đề này được không? Nhân hỏi chuyện này, nếu không làm mất thì giờ, ông có thể cho biết về tình trạng nhạc Việt ở VN hiện nay ra sao mà những người ở nước ngoài như gia đình tôi không thích nghe. Cảm ơn ông.

(Trần Tuấn Vinh - North Sydney)

VĂN QUANG TRẢ LỜI:

Thưa bạn, câu chuyện về danh hiệu nghệ sĩ ưu tú (NSUT), nghệ sĩ nhân dân (NSND) và chuyện XIN CHO là một thứ “chuyện dài nhân dân tự vận” dường như không có hồi kết. Bạn ít chú ý đến chuyện ca múa nhạc ở VN nên bạn không quan tâm, nay nghe bạn bè nói mới... hết hồn, phải không? Trong tuần này lại um xùm về chuyện tạm gọi là văn nghệ này. Thật ra chuyện “nghệ sĩ ưu tú” tôi đã đề cập đến từ 6 năm trước trong loạt bài *Lầm Cầm Sài Gòn* số 124 ngày 19-9-2005. Tôi xin nhắc lại một đoạn mở đầu về cái sự “lầm cầm thật” của tôi. *Lầm cầm thật* chứ không phải *lầm cầm để móc lò*. Đoạn ấy tôi đã viết:

“Chuyện “ưu tú” của nghệ sĩ

Nói đến chuyện lầm cầm Sài Gòn, nhìn đi nhìn lại, trong phạm vi bài này, chính tôi mới là anh lầm cầm. Bởi từ ngày tôi biết Việt Nam có “thứ hạng nghệ sĩ”, có giấy chứng nhận hẳn hoi, thí dụ như hạng nhất là “nghệ sĩ nhân dân”, hạng nhì là “nghệ sĩ ưu tú”, hạng ba là nghệ sĩ xuất sắc, hạng tư là những nghệ sĩ đã từng công hiến cho “2 cuộc kháng chiến”... Tôi cứ ngây thơ tin rằng những “nghệ sĩ ưu tú” là những người được nhà nước phong tặng vì “chiến công” nào đó, vì thành tích hoạt động văn hoá nghệ thuật “nhiệt tình, hăng hái”, và... nói chung là vì rất nhiều thứ “tốt” nên mới được vinh dự nhận danh hiệu này. Tức là thứ không cần xin mà được.

Tôi nhớ cách đây không lâu, đã có một nhà báo “phỏng vấn” tôi một câu khá oái oăm:

- Anh có biết một “nghệ sĩ ưu tú” ở VN phải đạt được những tiêu chuẩn nào không?

Tôi “ơ hờ” ngay:

- Nếu muốn biết thì phải hỏi những nghệ sĩ ưu tú đó mới biết chứ tôi làm sao biết được. Có ai phổ biến bao giờ đâu!

Và vị phóng viên này, chẳng biết ngây thơ thật hay ngây thơ cụ, lại phang ngay một câu:

- Vậy anh có biết những nhà văn ưu tú nào với những tác phẩm nào?

Cái này thì tôi biết rõ, bèn phây phây trả lời ngay:

- Làm cóc gì có nhà văn ưu tú. Ông có “dồn mặt tử thần” với tôi không đấy?

Lại bị hỏi:

- Thế tại sao không có nhà văn ưu tú, mà lại có nhà giáo ưu tú?

ĐẠI VIỆT PHỤC HƯNG!

Tuyên cáo ngỏ cùng thiên hạ biết
Biển Đông nào phải ao tù Chệt?!
Chủ quyền lãnh hải đã phân chia,
Luật lệ biên cương đã ký kết
Đường, Tống, Nguyên, Thanh cũng bại vong
Lý, Trần, Lê, Nguyễn từng oanh liệt
Toàn dân đoàn kết hội Diên Hồng
Vạn đại dương cao cờ Đại Việt
6/20/2011

HỒ CÔNG TÂM

Tôi phát câu:

- Ông đi mà hỏi những người làm ra “các nhà ưu tú”, chứ sao lại hỏi tôi?

Sau này tôi mới biết là ông phóng viên không có ý “dồn mặt” với tôi, ông không biết thật. Có lẽ nhiều bạn ở nước ngoài, mà ngay cả ở VN này rất nhiều người cũng không biết những điều này. Ông ấy có phóng vấn tôi cũng là chuyện bình thường. Tôi đã định mang câu hỏi này đi hỏi một nhà đạo diễn ưu tú mà tôi quen biết. Nhưng cứ ngần ngại mãi vì có thể ông ấy lại tưởng tôi hỏi xỏ ông ta thì phiền, nên đành im. Bởi đã có một vài người đã bị những người bạn mình châm chọc vì cái danh hiệu này đến nỗi anh ta “nổi sùng” ra mặt.

Đền chuyện ông nhạc sĩ Phú Quang “bức xúc”

Có lẽ nhưng bạn bè của bạn Vinh mới đọc trên báo mạng tại VN (VNExpress ngày 28-7-2011) nên mới bàn về chuyện này. Đó là chuyện ông nhạc sĩ Phú Quang vừa tung lên công luận những “bức xúc” của ông vì ông không tin vào những giải thưởng, bởi việc xét giải chỉ là cảm tính. Chỉ vì nhiều người vận động quá nên ông mới quyết định làm hồ sơ gửi hội nhạc sĩ xin xét duyệt. Ông nói: “Lần sau, không bao giờ có việc tôi làm hồ sơ xin giải nữa. Đây là lần làm lỡ duy nhất và cuối cùng”. Theo ông thì việc ông bị loại chỉ là chuyện “bình thường ở huyện” nhưng trong cái rủi có cái may, vì nhờ sự bị loại ấy, ông không phải “đứng cạnh một người ăn cắp”. Phú Quang cho biết trong số những người được đề cử có tên nhạc sĩ Lê Lan - người có bài hát ca ngợi Hồ Chí Minh nhưng giai điệu lấy từ ca khúc ca ngợi sư trưởng Sapaep (Liên Xô cũ). Ông nói tiếp: “Tôi nhớ hồi đó đại diện Liên Xô đã chất vấn: “Tại sao lấy bài hát của chúng tôi để ca ngợi lãnh tụ của anh?”. Việc đưa một nhạc sĩ như vậy vào danh sách Giải thưởng Nhà nước là sự sỉ nhục dân tộc, điều đó với tôi lớn hơn nhiều so với việc mình bị gạt tên”.

Đã có 11 nhạc sĩ đã đứng ra khiếu kiện về việc đề cử giải thưởng nhà nước, nhưng Phú Quang thì không, ông nói: “Tôi không bao giờ kiện đầu gối mình. Giá trị thật mới là quan trọng. Giải thưởng tiếng là của Nhà nước nhưng việc đánh giá chỉ là do một nhóm người.”

Con rể Phú Quang - tay violin Bùi Công Duy, có đến bốn giải nhất quốc tế, từng được mời làm giám khảo cuộc thi âm nhạc lớn của thế giới, nhưng cũng bị gạt khỏi danh sách xét

NSUT lần này. Theo Phú Quang, đây thêm một lần nữa cho thấy sự thiếu công bằng vì “xưa Ái Vân chỉ được giải thưởng của một tỉnh lẻ ở Đức về đã được phong NSUT ngay”.

Lời tuyên bố của nhạc sĩ Phú Quang đã được rất nhiều độc giả ở VN đồng tình. Tôi chỉ nêu hai ý kiến:

1- “Ủng hộ ý kiến bác Phú Quang

Các giải thưởng nghệ thuật ngày nay đang ngày càng mất uy tín, đặc biệt là những giải thưởng trong lĩnh vực âm nhạc nói riêng. Nhạc sĩ Phú Quang, xét về những đóng góp cho âm nhạc nước nhà thì hoàn toàn xứng đáng với giải thưởng cấp nhà nước, thậm chí còn xứng đáng hơn nhiều một loạt những cái tên nhạc sĩ có trong danh sách đề cử kia, thế mà không hiểu hội đồng xét giải nghĩ gì mà lại loại bác ấy ra để đưa những người kia vào? Giờ thì tôi thấy giải thưởng này quả thật chả có giá trị hay uy tín gì cả. Chúc bác Phú Quang luôn mạnh khỏe và yêu đời. Những khán giả biết nghe nhạc luôn yêu mến và ủng hộ bác.” (yan)

2- “Làm nghệ thuật sao lại phải xin – cho

Sao lại phải xin - xét - tặng? Các nghệ sỹ chân chính một đời hết mình vì nghệ thuật thì được nhân dân, khán thính giả kính trọng còn cao quý và lưu danh đời đời hơn cái gọi là xin - xét - tặng danh hiệu NSND của cái bộ văn hoá gì đó? (Phan Trọng Huy)

ĐỪNG XIN thì không cần ai CHO

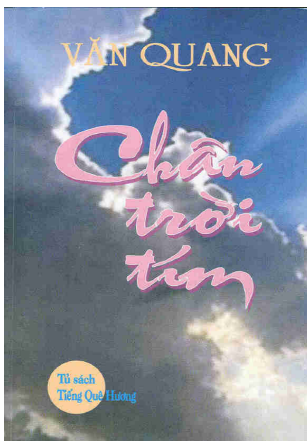
Tôi thấy ý kiến này của bạn Huy có phần đúng. Nhưng xét về một mặt khác thì ta cần phải thấy một sự thật đằng sau. Nếu ông nhạc

sĩ Phú Quang không tự làm đơn xin thì đâu cần đến ai cho. Ông cứ nằm đó mà chờ hoặc không cần thi cử vừa uống ba xi để vừa cười ruồi xem cái hội đồng xét duyệt ấy làm ăn ra sao. Thiếu gì nhạc sĩ nổi danh – ít nhất là ở VN thôi – và các “đại danh ca”, làm hàng đồng nhạc, có làm đơn xin đâu. Ông Phú Quang đổ tội cho gia đình và người thân “xúi dại” nên mới làm đơn xin. Ông thiếu lập trường dứt khoát, thiếu tự tin. Lỗi tại ông trước. Ngay từ năm 2005 đã um xùm về chuyện này rồi. Hai trong số nhiều nghệ sĩ ở Sài Gòn đã thẳng thắn bác bỏ mọi lời “động viên” khuyến khích, nhất định không làm đơn xin. Đó là ca sĩ Cẩm Vân và Ánh Tuyết.

Đã ba, bốn lần ca sĩ Cẩm Vân được đề nghị hãy làm thủ tục nhận danh hiệu nghệ sĩ ưu tú, nhưng cũng từng ấy lần Cẩm Vân đều từ chối. Chị cho biết:

“Thứ nhất, chị không thể ép buộc con người nghệ sĩ trong chị phải làm “Bản tóm tắt thành tích - Đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân và Nghệ sĩ ưu tú” mà với chị chẳng khác nào một “lá đơn” "kê công" để "xin" danh hiệu, mặc dù nhiều lần chị đã được mời đến, được trao tận tay mẫu tóm tắt thành tích này, được "động viên" là hãy làm gương cho những ca sĩ trẻ...

Thứ hai, Cẩm Vân đặt câu hỏi: Tại sao khi người nghệ sĩ sung sức nhất, cống hiến được nhiều nhất thì không thấy phong tặng, đợi đến lúc tuổi đời, tuổi nghề đều đã cao rồi mới xét tặng? Cho nên, những nghệ sĩ như chị khi nhận danh hiệu như vậy tránh sao được ý nghĩ



là mình thực tế đã "hết thời"? Cẩm Vân cũng nói, chị xin lỗi các đồng nghiệp đã được phong tặng, nhưng cá nhân chị không cảm thấy vinh dự khi phải qua các thủ tục "xin" mới được xét tặng như vậy.

Nỗi khổ tâm không ai biết

- Ca sĩ Ánh Tuyết quả quyết rằng, không vì bất cứ danh hiệu nào mà buộc mình phải "xin" như vậy. Chị thẳng thắn giải bày: "Quản lý văn hoá là một quá trình xuyên suốt, nếu cơ quan quản lý không nắm bắt, đánh giá được ai, nghệ sĩ nào đã cống hiến ra sao để phong tặng đúng lúc thì thử hỏi chức năng của cơ quan quản lý là gì? Còn việc tự mình làm đề nghị xét tặng ư? Chưa lúc nào tôi nghĩ mình sẽ làm, bởi tôi quan niệm rằng cống hiến không phải là việc để kể lể. Còn cơ quan nhà nước phải cần bản tự đề nghị của chúng tôi để xét tặng thì chẳng khác nào cơ quan nhà nước chưa tin những người nghệ sĩ như chúng tôi?".

Ca sĩ Ánh Tuyết tiết lộ thêm: "Các nghệ sĩ đã được phong tặng danh hiệu như NSUT Văn Thành, NSUT Thành Lộc, NSUT Ngọc Giàu... phát biểu trước công luận gần đây cho thấy sự bất mãn về "lá đơn" "xin" danh hiệu và cả những phiền hà rắc rối trong khi làm thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu của nghệ sĩ. Ánh Tuyết cũng khẳng định: chị biết nhiều nghệ sĩ đã được phong tặng không phải không tự ái với "lá đơn" đề nghị xét tặng đó, nhưng vì những lý do "tế nhị" của cuộc sống họ đã không muốn phản ứng mà thôi.

Đến lúc đó, một anh sống ở Sài Gòn bao nhiêu năm như tôi mới hiểu được tại sao có

những nghệ sĩ hãnh diện vì cái danh mà cũng có những nghệ sĩ lại cho đó là một lời chê diễu. Họ giãy nảy lên khi nghe ai đùng chạm đến nỗi đau của mình.

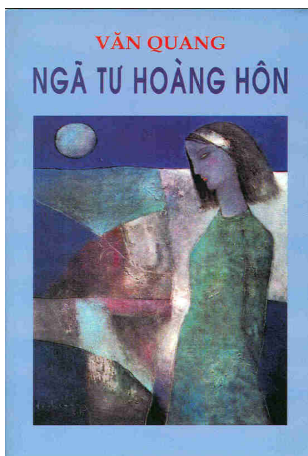
Thôi, không nên buồn nữa ông ạ

Là người hoạt động chuyên nghiệp lâu năm trong làng ca nhạc sĩ ở VN, chẳng lẽ nhạc sĩ Phú Quang không biết tới những "tiếng tăm eo xèo" trong việc này? Sao không lấy tấm gương từ 6 năm trước của hai nữ ca sĩ soi qua để thấy bóng mình?

Bây giờ ông "bức xúc" thì có người cho rằng ông bất mãn nên mới nói ra những điều này. Giả thử như ông được "duyet" liệu ông có "bức xúc" không? Tuy nhiên, dù sao tiếng nói của ông Phú Quang lúc này không phải là thừa. Từ nay về sau chắc sẽ nhiều nghệ sĩ học hỏi được kinh nghiệm của ông Phú Quang. May ra mấy cái vụ xét duyệt vớ vẩn này

không còn xảy ra nữa. Nghĩ cho cùng, xin xét duyệt để có tí danh hiệu ưu tú cho... oai hơn những anh chẳng có tí danh hiệu còm nào cũng chẳng hơn được ai, chẳng làm được gì trong cái thời buổi bão giá này. Cứ như ông bây giờ mà lại nhận. Bởi người ta nói mỗi khi anh có một danh hiệu hay một giải thưởng nào là anh sẽ có ngay năm bảy kẻ thù.

Còn chuyện ca múa nhạc bạn Vinh hỏi xin để kỳ khác tôi sẽ bàn cùng bạn đọc.



Văn Quang

- Sài Gòn 31-7-2011

Ngày mưa trên thành phố

Thanh Trang

Chậm vừa, rộn ràng



Đường im vắng trong ngày mưa trên thành phố buồn ! Đường im



vắng em về qua gót chân bước dòn Mùa Thu đến bên trời xa Lòng hoang



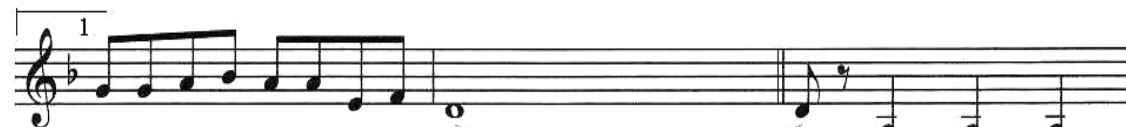
vắng bao ngày qua Chiều mưa xuống trên cỏ hoa thêm buồn thiết tha ! Đường im



vắng trong mù sương xóa tên phố phường ! Ngày Thu xám trên hàng cây xác xơ cuối



đường Về ngang phố, em còn đây Còn hơi ấm trong vòng tay Chiều mưa



rơi đường loang đầu chân bóng in dấu giày ! Đường về quanh



vắng mình em dưới mưa nổi riêng sâu lắng !

Đường chiều lạnh giá vắng anh chốn xa nhớ thêm ngày
qua ! Đèn đường mờ sáng rộng con phố
hoang Gió đêm lạnh căm ! Lông gợn buồn tênh Làn mưa phát phới rơi rơi triền
miên Đường im rơi đường loang dấu chân bóng in dấu giày ! Chiều mưa
rơi lòng như cánh chim lạc trong gió bay !

Ngày Mưa Trên Thành Phố

Thanh Trang

Đường im vắng trong ngày mưa trên thành phố buồn
Đường im vắng em về qua gót chân bước dồn
Mùa Thu đến bên trời xa
Lông hoang vắng bao ngày qua
Chiều mưa xuống trên cỏ hoa thêm buồn thiết tha

Đường im vắng trong mù sương xóa tên phố phường
Ngày Thu xám trên hàng cây xác xơ cuối đường
Về ngang phố em còn đây
Còn hơi ấm trong vòng tay
Chiều mưa rơi đường loang dấu chân bóng in dấu giày
Đường về quanh vắng mình em dưới mưa
nổi riêng sầu lắng

Đường chiều lạnh giá vắng anh chốn xa
nhớ thêm ngày qua
Đèn đường mờ sáng rộng con phố hoang
gió đêm lạnh căm
Lông gợn buồn tênh làn mưa phát phới
rơi rơi triền miên
Đường im vắng trong mù sương xóa tên phố phường
Ngày Thu xám trên hàng cây xác xơ cuối đường
Về ngang phố em còn đây
Còn hơi ấm trong vòng tay
Chiều mưa rơi đường loang dấu chân bóng in dấu giày
Chiều mưa rơi lòng như cánh chim lạc trong gió bay

Về bài hát “Ngày mưa trên thành phố”

Đất Cali thường chỉ có mưa từ bão mùa đầu đó ngoài khơi đổ bộ vào; còn như mưa gió theo kiểu định kỳ khả dĩ có thể ghi được lên lịch hàng năm để thiên hạ còn biết đường mà rờ thì coi như chuyện đó không có! Thịnh thoảng cũng có một màn mưa theo kiểu “du kích”; mưa hồi nào trong đêm mình không hay vì đã bảo là “du kích” cho nên không có sấm chớp ì ầm gì hết, sáng nhìn ra sân thấy còn những vạt nước đọng, cỏ trước vườn sau cũng lấp lánh ánh nước, và mặt đường trải nhựa đen chưa khô ráo nên trông càng đen. Thì mới biết là trong đêm quả có mưa!

Tuần trước đây trong chương trình trên Đài VOA tôi có đưa bài “Mưa đêm” của Huyền Linh vào chương trình. Có cả bài “Cô hàng cà-phê” của Canh Thân do Ngọc Bảo hát nữa. Tôi thu trọn vẹn cả hai bài –vì trong chương trình chỉ trích đoạn - để những lúc lái xe đi thăm mấy đứa cháu thì có cái nghe, giải trí.



Một buổi như thế, trên đường về, nghe đi nghe lại bài “Mưa đêm” của Huyền Linh, nhà tôi ngồi bên cạnh nói là mưa đêm ở cái xứ này không nên thơ như bên nhà với những

ngõ hẻm sâu hút, chỗ sáng chỗ tối, hoặc ở ngoài những con đường lớn với những hàng me hai bên mặt đường vừa giao nhau vừa trùm lầy luôn cả những ngọn đèn đường cho nên những đêm mưa trông lên thấy những vùng ánh sáng xanh tươi như màu ngọc bích. Tôi nói ấy là Sài Gòn hay Hà Nội của thời xa xưa rồi. Bây giờ thì họa chăng chỉ có Huế mới còn những cảnh đó. Đang chuyện trò thì tự nhiên trong đầu tôi hiện lên câu “*Đường im vắng trong ngày mưa trên thành phố buồn*”, nhớ lại hình ảnh những ngày mưa ở Đà Lạt khi xưa! Câu đó kèm theo nét nhạc cứ thế tiếp tục lớn vồn trong đầu cho đến khi về tới nhà.

Vào đến nhà, cứ thế ngồi ngay vào ghế bên cái P.C., mở “software” để ghi ký âm ra; chừng hơn một tiếng sau, chỉnh lui chỉnh tới một vài đoạn giai điệu, và thế là hoàn tất phần nhạc. Trưa hôm sau thì xong phần lời; ngồi vào đàn, soạn cái hòa âm, đàn và ghi ghi âm tổng cộng 6 “tracks”. Bản đàn thì có rồi; chỉ còn chờ người hát, và bài này là dành cho giọng nữ!

Chỉ có điều là bài hát viết xong rồi thì cái mình hình dung ra từ trí tưởng tượng nó lại “ám” luôn vào người từ lúc nào không hay, cho nên suốt một hai ngày kế tiếp, nhìn cây cỏ nơi sân trước vườn sau cứ một mực đỉnh ninh là khỏi cần tưới tiếc gì cho chúng vì đã có trận mưa vào một ngày nào đây nó đã đáo qua trong tuần. Cho đến một lúc chợt như có ai tắt cái “contact” trong đầu, cắt đứt mạch nối giữa mộng và thực thì bấy giờ mới hốt hải đi mở các vòi “sprinklers” ra tưới cỏ tưới hoa trước khi chúng chẳng có ăn nhậu gì với bài hát mà khi không lại phải héo oan!

Thanh Trang

Nam Cali, cuối Thu 2009

ANH TÔI

(Tiếp theo Cỏ Thơm 55)

Ỗ Nguyễn

Lúc xưa, anh có một cô em gái là tôi, đang tuổi thanh xuân, mà hễ có anh bạn thân nào hiền lành tử tế coi được được một chút, chẳng cần giàu sang, bằng cấp anh đều muốn tôi làm bạn với họ. Anh tôi rất tâm lý, anh đâu muốn tôi quen biết những người không đúng đắn. Bởi vậy sau này ông xã tôi chính là người bạn thân thiết của anh mà lúc xưa anh đã giới thiệu chúng tôi với nhau. Lúc anh chưa lập gia đình và còn đóng ở Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù Vũng Tàu, tôi ra thăm căn cứ của anh vài lần vào những dịp Tiểu Đoàn Dù có liên hoan. Một lần anh đã giới thiệu tôi lên đơn ca để giúp vui cho chương trình văn nghệ trước bao cặp mắt trẻ của các anh sĩ quan nhảy dù nhìn tôi chăm chú. Anh thì lúc nào cũng muốn lãng xê tôi mà không cần biết tài cán cũng như ngoại hình của cô em gái mình ra sao. Chắc cũng muốn hãnh diện chút chút. Hôm đó tôi ca bài: "Hoa Xoan Bên Thềm Cũ" của Tuấn Khanh:



Di ảnh Cố Đại Úy
Nguyễn Trọng Kỳ

*Khi nắng nhẹ vương trên lưng đời,
Xa vắng miền quê bao năm rồi
Về gặp em ngậy thơ duyên dáng
Hôm xưa tiễn anh nơi cuối làng ...*

Tôi thích bài hát này vì nó phản ảnh những mối tình mộc mạc của các chàng chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà và những người em gái hậu phương. Tuổi trẻ của tôi cũng đã từng đắm chìm trong mơ mộng và băng khuâng nên những bài ca trữ tình như vậy là tôi thường nghe ngao suốt ngày. Cho nên khi được anh đề nghị là tôi trở tài liền, có điều chưa quen hát trước đám đông, khiến tôi cũng hơi lúng túng. Tuy nhiên khi được các anh khen ngợi, tôi cũng cảm thấy vui vui làm sao vì lúc đó mình còn độc thân và chưa có bồ tèo.

Giờ đây nhớ đến anh, mắt tôi cay cay. Tôi lại khóc, nước mắt tôi đang rơi để thương về người anh yêu quý thuở nào. Hồi người anh trai thương yêu, tại sao anh em mình lại xa nhau mãi thế! Nhiều lần gặp anh, thấy anh buồn. Anh im

lặng thực lâu như cố kìm hãm niềm cảm xúc dâng trào. Anh rất

lo sợ trong những cuộc hành quân khi phải nhảy vào vùng địch. Anh cho biết mỗi lần bị đẩy ra khỏi lòng máy bay để nhảy xuống đất, tìm anh thót lại, anh chỉ còn biết cầu Trời, khẩn Phật. Anh nói, "*Dù mở còn hy vọng sống sót để chiến đấu, dù không mở thì chắc chắn cuộc đời làm lính như các anh khó mà*

an toàn", Anh đã từng chứng kiến bao đồng đội bị tử vong khi nhảy xuống vùng địch. Người thì bị bắn gục trước khi dù mở. Người chết kẹt cứng trên cây. Người bị bắn sẽ chết ngay sát cạnh bên anh. Người chết banh thây. Anh kể nhiều khi không muốn chiến đấu vì chẳng hiểu tại sao tự đứng mình lại giết người một cách vô lý, giết người cùng nòi giống như mình, cùng máu đỏ da vàng như mình, đúng là giết người vô tội nếu anh không từng được chứng kiến các bạn đồng đội gục ngã trước mũi súng của đối phương. Anh tâm sự nhiều lần là cuộc đời lính tráng của anh, nay đây mai đó, bom đạn đâu có từ một ai, sống chết là lẽ thường. Anh thương bố mẹ quá mà chẳng có cơ hội để được ở gần bên. Anh có mặc cảm anh là người con bất hiếu. Chưa lúc nào tôi thấy anh buồn và lo âu như thế. Anh kể, có lần anh nhảy dù xuống vùng Đồng Tháp, gặp phải một trận cuồng phong và cánh dù của anh bị căng gió, cuốn đi mãnh liệt, từ thửa ruộng này sang thửa ruộng khác, da thịt trên toàn thân như bị cắt nát, anh đau đớn đến nỗi chỉ muốn tìm con dao đeo bên mình để tự sát. May mắn thay, đúng lúc này cánh dù của anh bị chặn đứng lại bởi một mô đất cao, nên anh đã may mắn thoát chết. Sau này theo lời chị dâu tôi kể lại là mỗi lần anh ra trận hụt chết là mỗi lần chị dâu tôi xảy thai. Anh tôi mong có con lắm nên khi nghe chị kể bị xảy thai mấy lần làm anh buồn không ít.

Ngay từ khi anh nhập ngũ, hằng đêm bố mẹ tôi mất ăn mất ngủ, thao thức vì lo lắng cho anh. Những nắm mồ còn xanh cỏ tại nghĩa trang Quân Đội Hạnh Thông Tây, Gò Vấp như là dấu hiệu không lành báo trước cho những ai có con trai dự phần vào cuộc chiến này. Tôi đã từng đi thăm mộ nhiều người bạn

thân của anh tôi tại nghĩa trang này, trong đó có anh Tình, bạn học từ hồi Trung Học và sau là bạn cùng khóa Thủ Đức với anh tôi và một người bạn thân khác ở Hội Quyền Anh là anh Tuý. Các anh đã về yên nghỉ tại đây từ khi nghĩa trang này mới lập ra. Những tấm mộ bia còn mới tinh, lộng hình kính và ghi rõ ngày sanh, ngày tử. Tuổi đời chưa quá 25. Tuổi thanh niên với bao ước hẹn đang chờ, mach sống căng phồng trên vóc dáng oai phong. Giở đây họ đã nằm vĩnh viễn trong lòng đất mẹ. Họ không hẹn nhau mà cuối cùng đều qui tụ về đây. Họ đã ra đi để chúng ta được sống an bình.

Thế rồi việc gì phải đến cũng đã đến... Vào một sớm mai, khi mặt trời vừa ló qua hàng cây đầu ngõ, một quân nhân trong binh phục nhảy dù, trang nghiêm đến gõ cửa nhà bố mẹ tôi. Bố sững sờ ... Mẹ sợ sệt. Một phong thư? Bố trợn trừng mắt khi người lính vừa đưa một hung tin ngắn gọn: "*Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù rất đau đón báo tin cùng Ông Bà là Trung Úy Nguyễn Trọng Kỳ đã hy sinh tại mặt trận Đồng Xoài và thi thể sẽ được đưa về Sài Gòn trong nay mai*". Bố ngã quỵ ngay xuống sàn gạch gần như ngất xỉu. Mẹ nói không thành tiếng. Ôi! còn cái đau đón nào hơn cái đau đón này? Có phải đây là sự thực hay người lính nào đó đã đưa thư lầm nhà? Bố phều phào đọc hung tin một lần nữa. Tên tuổi người con trai trưởng của bố còn rành rành in trên trang giấy - Trung Úy Nguyễn-Trọng-Kỳ, tiểu đoàn 7 Nhảy Dù. Làm gì có tới hai người trùng tên, trùng họ cùng trong một tiểu đoàn? Bố khóc. Tôi thấy rõ ràng Bố tôi quặn quai, lịm khốc não ruột. Mẹ co rúm người, hốt hốt lê lại gần bên bố, nghẹn ngào nức nở... Tội nghiệp anh tôi! Ổn nghĩa sinh thành hai vai còn mang

nặng. Nợ núi sông đã phải đền bồi. Hỡi ơi, người chị dâu non trẻ của tôi bỗng dưng trở thành góa bụa. Người vợ mà anh tôi thương yêu vô vàn chưa kịp tâm sự cùng chồng về đứa con trai đầu lòng mà hai người mong đợi. Chiếc bào thai mà chị đang cưu mang vừa tròn 3 tháng. Rồi đây đứa trẻ thơ sẽ chẳng bao giờ thấy được mặt cha.

Anh chị tôi thường ao ước sanh một đứa con trai kháu khỉnh và đồng ý đặt tên cho nó là Nguyễn Trọng Kỳ-Hùng. Từ hồi lấy nhau, lúc nào chị cũng muốn mọi người gọi chị là Kỳ Hồng, tên của chị và tên anh tôi luôn luôn đi đôi với nhau, cho nên khi đặt tên cho đứa con trai đầu lòng sau này là ý chị muốn giữ lại một hình ảnh đời đời của anh tôi. Tôi biết chị yêu anh tôi từ những ngày còn đi học và mối tình này như còn mãi mãi... cho dù cuộc đời dâu bể vẫn nghiệt ngã cuốn theo...

Ngày tháng qua mau, cháu Kỳ-Hùng năm nay đã qua tuổi trưởng thành. Cháu sinh vào năm Tỵ - 1965. Khi anh tôi tử trận mọi người mới phát hiện ra một điều kỳ lạ. Anh sinh vào năm Dần, theo tử vi thì anh cao số, (đàn ông tuổi dân thường là sát vợ, đàn bà sát chồng) nhưng chung quanh anh đã có bốn người thân, sinh vào năm Tỵ... Bố mẹ tôi, vợ anh, cô Tâm, và cuối cùng là thằng cháu Kỳ-Hùng cũng sinh vào năm Tỵ nên dù cảm tình con cọt, cố vùng vẫy thế nào anh cũng không thoát khỏi 5 con rắn đã quấn chặt lấy anh. Và anh bị tử trận cũng đúng vào năm Tỵ. Câu chuyện về tuổi tác của gia đình tôi nghe ra khó tin nhưng lại là sự thật 100%. Lúc anh còn sống, mỗi lần anh đi tác chiến bị chết hụt là mỗi lần chị dâu tôi xẩy thai. Lần này thai nghén an toàn thì anh thiệt mạng.

Sau này nghe chị dâu tôi kể lại, anh có linh tính điều không hay nên đã đưa vợ về thăm bố mẹ tôi mấy ngày trước khi tham chiến trận Đồng Xoài. Bố mẹ tôi đâu có ngờ đó là lần cuối cùng thấy mặt con trai.

Từ khi được thông báo tin anh tử trận, ngày nào gia đình tôi, chị dâu tôi cùng bà con họ hàng, bạn hữu đều có mặt tại Nghĩa Trang Quân Đội từ 7 giờ sáng tinh sương cho tới tối mịt để đợi họ đem xác anh về. Xung quanh chúng tôi có rất nhiều người đứng ngóng đợi tin tức của người thân. Mỗi lần nghe tiếng máy bay trực thăng rả rả đáp xuống nghĩa trang là mỗi lần ai nấy đều hồi hộp, lăn xả chạy tới để mong gặp mặt người thân của mình. Những xác tử sĩ đem về từ hậu cứ hầu hết là của các sĩ quan và binh sĩ thuộc Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù. Có những xác đã sinh chương, xông lên mùi hôi thối dưới ánh nắng oi ả của trưa hè, có xác không còn nguyên vẹn. Xác nào cũng bị phủ đầy một lớp bụi tro xám xịt. Các loại côn trùng, kiến, bọ hung, rán mối, sâu bọ rúc ríc bò ra, bò vào từ lỗ mũi, lỗ tai, từ miệng của những xác chết này, trông thực gớm ghê, trông thực rùng mình và thương tâm. Tôi có cảm giác đó không phải là những thân xác người ta mà là những khúc cây vô tri, vô giác nằm bất động. Tôi không dám nghĩ đến anh tôi trong lúc này. Một hơi gió xen vào sau gáy khiến tôi rùng mình ớn lạnh. Tôi tự hỏi, con người ta khi còn mang thân xác giả tạo này, còn tham lam, còn tranh dành, ghen ghét, hận thù, những khi nằm xuống thì ai cũng như ai, tướng tá hay binh nhì, giàu có hay nghèo hèn gì đều cũng vậy thôi, thân thể cũng rã rời, thối nát như nhau.

Sang ngày hôm sau, trong lúc chúng tôi đang thất vọng và định ra về vì trời đã gần tối,

nghe rằng không còn chuyến trực thăng nào chở xác quân nhân về nữa, thì đột nhiên từ xa một chiếc trực thăng xuất hiện và từ từ đáp xuống bãi đất trống của nghĩa trang. Chính chiếc trực thăng này đã thực sự mang người thân của chúng tôi về. Đã có tới hai ngày sau mới đem được xác anh tôi về đây nhưng nét mặt anh trông vẫn còn tươi tắn, bình thản. Quân phục anh mặc còn nguyên nếp không một vết nhơ, ngoại trừ vết máu đỏ đậm màu loang bên phía ngực trái. Ôi, máu của anh tôi đã đổ. Máu của không biết bao nhiêu chiến sĩ dù cũng đã tưới trên mảnh đất quê hương đang còn sôi bỏng vì chinh chiến hận thù. Anh tôi đã từng yêu màu đỏ của chiếc mũ mang biểu tượng kiêu hùng, dũng cảm của người chiến sĩ dù gan dạ chai lì. Và giờ đây chính màu máu oan khiên đã đưa anh tôi về miền miên viễn. Anh Kỳ ơi, anh có hạnh diện với trọng trách được giao phó? Anh sống thực anh hùng và chết đi trong danh dự phải không anh? Chiếc khăn tay mà chị dâu tôi là ủi cho anh khi ra đi hãy còn gấp nếp nằm gọn trong túi quần trayeri. Chị tháo chiếc nhẫn cưới mà chị đã đeo cho anh ngày nào ra khỏi ngón tay đeo nhẫn và gói gọn vào chiếc khăn tay này. Chị vừa khóc vừa rên xiết, ai oán đến nỗi nùng: "*Anh Kỳ ơi, sao anh lại bỏ em, bỏ con chúng ta. Biết đến bao giờ em mới lại thấy anh, con mới lại thấy anh? Trời ơi, sao ông lại ác nghiệt quá đáng - Chúng tôi đang thương yêu nhau không thể xa rời, tại sao ông nỡ chia cắt, đoạn tình chúng tôi?"* Chị dâu tôi kể lể đủ điều. Chị khóc cho chị và khóc cho đứa con trai yêu quý của hai người mới vừa thành hình được ba tháng.

Ôi chiến tranh! Sao mi tàn ác đến thế. Mi đã làm cho bao gia đình tan nát đau thương. Mi đã cướp mất người con trai thương mến

của bố mẹ ta, người anh thân yêu của các em, người chồng trân quý của người vợ trẻ, người cha của đứa trẻ thơ còn trong bụng mẹ. Những đau đớn này làm sao thay thế? Trời Phật có phép lạ nào mà cứu được mạng sống của anh tôi? Ai có thể làm cho anh trở lại để báo hiếu bố mẹ tôi. Hỡi ơi! Người trai đất Việt hy sinh vì cảnh tượng tàn! Có ai cùng trong cảnh ngộ này mới thấy xót xa cho người chị dâu thương mến của tôi. Đoạn trường ai có qua cầu mới hay! Chị dâu tôi vật vờ, lăn lộn ôm lấy quan tài của chồng, bắt chấp những lời phân ưu, trao tặng Anh Dũng Bội Tinh và truy thăng Đại Úy của một Sĩ Quan đại diện cho Tướng Dư Quốc Đống. Chị gào khóc đến khản tiếng: "*Tôi không cần các ông uỷ lạo chồng tôi. Bây giờ còn thằng cấp bậc cho chồng tôi làm gì? Anh Dũng Bội Tinh mà chi? Các ông ở nhà ăn uống cho no, cho mập, bắt chồng tôi ra trận để chịu chết tang thương như thế này. Các ông đã hả lòng hả dạ chưa? Hãy trả lại sự sống cho chồng tôi. Tôi không cần huy chương tưởng lức gì hết! Anh Kỳ ơi, giấy ban khen và huy chương này có làm cho anh sống lại được không? Hãy trở lại với em và con của chúng ta. Đừng nhận lãnh những huy chương này anh ơi!"* Bà chị dâu tôi cú thế mà gào thét và kể lể thực là thảm thiết. Tôi khâm phục bà ấy đã dám thốt ra những lời nói táo bạo như thế. Sự đau đớn tột cùng đã khiến chị không thể bình tĩnh để kiểm chế lời nói của mình. Mọi người có mặt lúc đó không còn chú ý tới vị sĩ quan đại diện của tướng Dư Quốc Đống mà chỉ thấy sót xa cho bà chị dâu của tôi. Mấy đứa bạn thân của tôi, như con Mai, con Nghĩa khóc từ cổng nghĩa trang khóc vào. Tụi nó sụt mướt kể lể đủ điều, khiến bà chị dâu tôi

lại đem lòng nghi hoặc, tưởng tụi nó là bồ bịch gì với ông anh tôi chẳng? Như-Mai là đứa bạn thân tình nhất của gia đình tôi từ hồi ngoài Bắc. Không ai có thể hiểu rõ tình cảnh này của chị dâu tôi bằng nó. Chồng của Mai bị tử trận ở cấp bậc Trung Úy lúc Mai mới độ 18, 20. Phải chăng trong giây phút đau thương này, Như-Mai mới là người có thể chia sẻ sự mất mát lớn lao của bà chị dâu tôi mà thôi. Ngay lúc đó, anh Huy, một anh bạn thân của anh tôi cùng là sĩ quan Nhảy Dù thuộc tiểu Đoàn 7, đã may mắn sống sót trong trận Đồng Xoài. Anh thuật lại đã chiến đấu sát bên anh Kỳ. Khi anh tôi bị một "*viên đạn oan khiên*" từ đâu bắn tới xuyên từ sau lưng ra trước ngực, máu ra quá nhiều, nhưng không thể tải thương ngay được vì lúc đó trận đánh còn đang tiếp diễn. Anh tôi đã đuối sức không thể đi được nữa. Anh Huy cố cõng anh ra khỏi trận địa nhưng anh tôi ôm ngực, nhả nhỏ bảo: "*Chắc tao không qua khỏi đâu, hãy để tao ở lại một gốc cây nào gần đây rồi lo chạy đi kẻo chết hết cả bọn với nhau,*" và anh Huy đành phải thi hành đúng lời trăng trối của anh tôi. Lúc chưa đựng độ, hai người còn ngồi bên nhau chuyện trò thâu đêm, bàn tính Thú Bẫy trở về Sài Gòn ăn nhậu và du hí với vợ con hoặc đi phòng trà ca nhạc cho thoải chí. Thực là vô thường! Thấy đó rồi mất đó! Anh Huy, hai mắt đỏ hoe, ôm lấy quan tài của anh tôi, kể lể: "*Kỳ ơi, mây thực là anh hùng. Mây đã không cho tao cứu mây. Mây đã hy sinh để tao được sống. Kỳ ơi, thế là mây bỏ tao, bỏ bạn bè, bỏ đồng đội ngang sông vậy sao? Mây còn nợ bọn tao nhiều lắm. Mây đã hứa những gì với tao Kỳ ơi! Tao mất mây thực sao?"* Anh kể lể thật nhiều, tiếng anh

khàn đi lẫn trong làn gió chiều hiu lạnh của nghĩa trang...

Theo chiến tích lịch sử sau này thì trận chiến Đồng Xoài là một mặt trận hiếm có trong 20 năm chiến tranh Việt Nam, khi lực lượng du kích Việt Cộng đã được tổ chức tới cấp sư đoàn, tấn công và chiến đấu với các đơn vị ưu tú của Việt-Nam Cộng Hoà. Đây cũng là lần đầu tiên mà quân số tổn thất cả hai bên tương đương. Thông thường trong suốt cuộc chiến tại VN nhất là khi giao tranh với lực lượng Nhảy Dù, cộng quân phải tổn thất ít nhất 3 lần so với phía chiến sĩ Việt Nam.

Trận chiến Đồng Xoài thực ra đã bắt đầu từ ngày 9 tháng 6, 1965. Các lực lượng tham chiến của quân lực Việt Nam Cộng Hòa gồm nhiều binh chủng đã anh dũng chiến đấu quyết liệt với quân lính VC dòn dã hơn hai ngày liền. Sang tới ngày 11 tháng 6, Tiểu Đoàn 52 Biệt Động Quân do Đại Úy Hoàng Thọ Nhu, Tiểu Đoàn Trưởng chỉ huy, bị tổn thất nặng nên được lệnh lui về bố trí tại quận Đôn Luân để tiểu đoàn 7 Nhảy Dù của anh tôi được trực thăng vận thả xuống ngay buổi sáng hôm đó thay thế, tiến lên truy kích địch về phía Thuận Lợi. Cùng ngày, toàn bộ TD 7 Nhảy Dù đã được thả xuống để tham chiến.

Đại Tá Lê Văn Phát, Lữ Đoàn Trưởng, Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù tại Sài Gòn trước tháng 4 năm 1975, hiện cư ngụ tại Orange County, California là một nhân chứng trong trận chiến Đồng Xoài. Đại Tá cho biết ... Khi TD7ND tiến gần đến sân bay đồn điền Thuận Lợi khoảng 200m, các đơn vị tiền sát báo cáo có một số VC lẩn khuất trước mặt và tần số âm thoại liên lạc bị khuấy rối; theo kinh nghiệm chiến trường, Đại Úy Lê Văn Phát lúc đó là ĐĐT/ĐĐ74-TĐ7ND, dự đoán chắc

chấn sẽ có đánh lớn vì cộng quân nghi binh để dẫn dụ quân ta vào trận thế của chúng nên đã đề nghị với TĐT là Đại Úy Nhâm xin pháo binh và gunship yểm trợ nhưng Đại Úy Nhâm không đồng ý bắn pháo binh vì sợ bắn vào nhà dân ở chung quanh. Chiến tranh mà Đại Úy Nhâm còn sợ hư hại nhà cửa của dân. Nếu Đại Úy Nhâm còn sống sót thì ông sẽ nghĩ sao về những sinh mạng của gần 700 sĩ quan và binh sĩ dưới quyền ông bị thương vong. Họ đã hy sinh một cách oan uổng.

Theo tài liệu thâm thập thì đơn vị của Đại Úy Nhâm phải đương đầu với một biển người là 2 trung đoàn bộ binh cộng sản - Q762 & Q763. Cho nên không những anh Kỳ tôi bị thiệt mạng mà hầu như gần 2/3 quân số của Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù đã bị tiêu diệt nhanh chóng trong trận Đồng Xoài này. Trong đó có Đại Úy Nhâm, Tiểu Đoàn Trưởng, Đại Úy Trương Điền - ĐĐT/ĐĐ72, Đại Úy Vũ Văn Hải, biệt danh Hải già- ĐĐT/ĐĐ73, Đại Úy Nguyễn Văn An, Trưởng Ban 3, là những sĩ quan cấp úy của tiểu đoàn 7 đã bị tử thương sau hai ngày đụng độ với địch quân. Chỉ có Đại Úy Lê Văn Phát, Thiếu Úy Đoàn Phương Hải, Chuẩn Úy Tân, một số Hạ Sĩ Quan và một số binh sĩ của Tiểu Đoàn Dù là những người còn sống sót. Theo Thiếu Úy Đoàn Phương Hải thì Đại Úy Vũ Văn Hải, tức Hải Già, đã từng chiến đấu oanh liệt dọc ngang trong nhiều cuộc chiến từ Thượng Lào qua tiền đồn Beatrice ở Điện Biên Phủ trước đây, để rồi cuối cùng anh phải hy sinh trong trận Đồng Xoài oan nghiệt này. Thông thường khi phải đi tiếp viện cho bất cứ đơn vị nào, Tiểu Đoàn Dù phải được Không Quân và Pháo Binh tiên phong yểm trợ nhưng trong mặt trận Đồng Xoài này, không hiểu vô tình

hay cố ý mà các cố vấn quân sự Mỹ không cho không quân yểm trợ và tại sao vị chỉ huy không kêu xin tiếp viện, nên khi Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù được lệnh tiếp viện để giải cứu cho một đơn vị BĐQ, đã chọc thẳng vào tuyến địch, nào ngờ Việt Cộng đã bày binh bố trận cản mặt từ trên các cao điểm, từ trên các bồn chứa nước, trên nóc nhà thờ nã đạn tới tấp xuống tiểu đoàn 7 Nhảy Dù đang lọt vào ổ phục kích, ở ngay tầm tác xạ của chúng, nên bị tiêu diệt một cách dễ dàng. Quân sĩ và sĩ quan chỉ huy từ trên xuống dưới đều bị bắn tỉa không còn một mạng, ngoại trừ toán quân đến sau như đại đội 74 do Đại Úy Lê Văn Phát chỉ huy đã tìm ra nguyên nhân cuộc thảm bại nên thoát hiểm. Được biết anh Kỳ tôi lúc đó là ĐĐT/ĐĐ71 đã tiên phong chiếm vùng đồi cao mong tiến đánh úp xuống vùng thung lũng, nhưng phía địch quá đông và đã củng cố vị trí phòng thủ của chúng từ lâu nên anh tôi và quân sĩ dưới quyền anh đều bị bắn tỉa hết. Chính Đại Úy Phát đã tìm được xác anh tôi nằm ở một gốc cây bên sườn đồi. Thi thể còn tươi tốt như người nằm ngủ (nằm chết như mơ). Chúng tỏ anh cũng mới tắt thở chưa lâu. Giá chi nếu được tiếp cứu ngay lúc đó, có thể anh tôi không thiệt mạng? Ấu cũng là định mệnh như anh vẫn thường nói.

Căn cứ vào tài liệu ghi nhận về Trận Đồng Xoài tháng 6 năm 1965 của Đại Úy Võ Trung Tín, Tiểu Đoàn Truyền Tin Sư Đoàn Nhảy Dù thì nguyên nhân bất thường đưa đến việc thất trận tại Đồng Xoài, có thể do nhiều biến động chính trị tại Sài Gòn. Các cấp chỉ huy quân sự đ đã để lộ nhiều sơ hở cũng như nhận được tin tức tình báo sai lầm về quân số, hay vũ khí của 2 trung đoàn chủ lực Cộng Sản, do đó Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù đã bị tràn ngập

bởi biển người của địch quân với trang bị đầy đủ vũ khí tối tân thời bấy giờ. Hơn nữa, Đại Úy Nguyễn Văn Nhâm lúc ấy mới vừa nhận chức Tiểu Đoàn Trưởng thay thế Thiếu Tá Ngô Xuân Nghị được 7 ngày, chắc chắn là chưa đủ kinh nghiệm chỉ huy một Tiểu Đoàn, nên đã có quyết định sai lầm khi cho tiểu đoàn tiếp tục tiến quân mặc dầu đã có lời yêu cầu can ngăn của ĐĐ/ĐĐ73 và 3 vị sĩ quan cố vấn Mỹ - Đại Úy Toptoy, Trung Úy Denspy và Trung Sĩ Nhất Taglery. Trong đó lại có nhiều yếu tố chiến thuật không thuận lợi cho đơn vị như trời tối, thời tiết xấu, ở ngay tầm đạn pháo binh của địch, không có phi pháo yểm trợ, không có quân trừ bị... và nhất là đã có dấu hiệu cho thấy địch quân xuất hiện rất đông. Chiến tranh thì luôn luôn là như vậy đó, thường là bất công và oan nghiệt khôn lường!

Xin được ghi lại một đoạn văn của Thiếu Úy Đoàn Phương Hải trong cuốn Góc Biển Chân Trời, đã nói lên sự vô tư và vô trách nhiệm của cấp lãnh đạo đối với Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù trong trận chiến Đồng Xoài ngày 12 tháng 6 năm 1965: "*Người lính Nhảy Dù chỉ còn khoảng rừng cao su ở giữa để vùng vẫy, để đánh trả những đợt xung phong dẫm máu của địch. Chúng tôi, những quân nhân nhà nghề ở sát ngay tuyến đầu đã báo cáo rất rõ là không còn dân trong đồn điền, là địch đang tập trung hơn cả trung đoàn, mà tại sao vẫn không cho phi pháo yểm trợ. Rõ ràng là cấp chỉ huy cao cấp ngu xuẩn đang muốn giết chúng tôi, đang muốn để 2 trung đoàn địch tiêu diệt những người lính Nhảy Dù trong tuyệt lộ. Nhìn địch di chuyển khơi khơi ngoài tầm súng cá nhân mà không biết làm sao. Giờ này mà chúng tôi có phi pháo yểm trợ*

như các trận đánh khác thì chúng tôi đã làm cỏ cả trung đoàn địch!

Chiến tranh có những cái kỳ cục đầy uất ức, biết mình sắp chết mà cũng đành nhắm mắt xuôi tay trước những quyết định của các cấp chỉ huy vô tài bất tưởng.

Trong cơn cấp kỳ nguy hiểm như trường hợp của chúng tôi hiện tại, chúng tôi có quyền nghi và ngờ vực rửa như thế."

Lúc này là gần 5 giờ chiều. Mặt trời dường như muốn tránh né để khỏi phải chứng kiến cảnh chia lìa, tang tóc của người chị dâu tôi nên không còn le lói nữa. Từng chiếc lá vàng lẻ loi cuộn tròn lăn theo gió. Đâu đó tiếng chim lẻ bạn ai oán kêu than. Những nắm mồ mới xây còn nguyên màu đất đỏ. Những chiếc khăn xô còn quần lệch lạc ngang vàng trán đứa trẻ thơ. Người thiếu phụ xụi xụi, đứa bé o oe. Bà ta vạch vú cho con bú. Đau sót quá! Tôi chột liên tưởng tới bà chị dâu của tôi với đứa con sắp chào đời. Lòng tôi đau buốt như dao cắt. Tôi bịn rịn ôm lấy chị và đi ra xe.

Lác đác trong nghĩa trang còn vài bà mẹ, dăm ba goá phụ chưa muốn rời nơi đây, họ vẫn còn muốn ôm ghì lấy những người con, người chồng thân yêu của mình, dù rằng giờ đây họ chỉ là những xác thân vô tri, vô giác chưa được tẩm niệm.

Văng vẳng đâu đây tiếng hát Thái Thanh nức nở điệp khúc chia xa của Phạm Đình Chương: "*Nắm mắt, ôi sao nửa hồn héo thương đau. Ôi sao ngàn trùng cách xa nhau. Ôi ta còn hẹn nhau kiếp nào ...*" Cứ thế, tôi để cho nước mắt tuôn trào!

Bố mẹ tôi có 3 người con trai. Thăng em Đạt bị tử thương vì bom Pháp năm 1948 khi gia đình chúng tôi tản cư về Hàm

Rồng, Thanh Hoá, được gọi là Chiến Khu Tư thời đó, đã một lần làm gia đình tôi mất mát quá nhiều. Giờ đây đến lượt anh trai lớn của tôi hy sinh vì đất nước chiến tranh, lại làm cho bố mẹ đau đớn đến bao giờ. Bố quá đau buồn mà lâm trọng bệnh và đúng một năm sau vào tháng 5, 1966 bố tôi qua đời. Trong 2 năm gia đình tôi mất đi hai người thân.

Chị dâu tôi sau này bước thêm một bước nữa và sinh được 3 cháu, hai trai một gái. Số chị cũng vất vả long đong nên người chồng sau của chị cũng bị đẩy ả vào trại tù Cộng Sản miền Bắc có tới hơn 10 năm (1975-1985). Lúc được thả về anh vẫn còn như tù bị giam lỏng suốt gần 10 năm trước khi được đi định cư tại Mỹ quốc.

Cháu Nguyễn Trọng Kỳ-Hùng, đứa con trai mong đợi độc nhất của anh tôi, sau đó đã may mắn có một người cha dù không sinh đẻ ra cháu nhưng đã chăm lo dạy dỗ cháu nên người và hết dạ thương yêu cháu như chính con ruột của mình. Hiện nay cháu đã có gia thất và đang sinh sống tại Florida. Cháu đã có phúc hơn bố Kỳ của cháu. Giờ thì cháu đã có được một cuộc sống an bình trên mảnh đất tự do, không giặc già, không chiến tranh.

Dù đã qua bao nhiêu vật đổi sao rời, mỗi khi nghiêng xuống cái dĩ vãng xa xăm của đời mình, tôi lại âm thầm thương cảm đến người anh vắn số của mình, rồi ký ức hiện về và quay cuồng trong tôi, khiến tôi không khỏi bồi hồi xúc động khi nghĩ đến những tuổi đời mười tám, đôi mươi, lóp lóp đã ra đi trong số đó có anh tôi, để chúng ta được sống an lành cho đến ngày hôm nay.

Những vết thương rớm máu ngày nào như con hằn in trong tâm khảm của hàng 700 gia đình tử sĩ Trận Đồng Xoài. Quân sử VNCH

vẫn mãi mãi ghi ơn những Thiên Thần Mũ Đỏ TĐ7-QLVNCH.

Cuộc chiến khốc liệt kéo dài hàng 20 năm, đã để lại những vết thương như không bao giờ lành cho những người còn lại. Chiến tranh đã chia cắt những cuộc tình non yếu chưa kịp nói với nhau một câu thề. Biết bao nhiêu cuộc đời dang dở, bao trẻ thơ mất hẳn tình cha. Ở nhiều người, thời gian luôn luôn là một liều thuốc lãng quên để sớm bước vào vườn quên lãng. Nhưng với riêng tôi, thời gian hình như vô hiệu. Ký ức vẫn chợt hiện về, chập chờn như sương khói... Tôi có người yêu... Chết trận Đồng Xoài... Nằm chết như mơ...(TCS)

Bây giờ sống nơi đất khách quê người, cái băng giá của mùa Đông như đã bao lần trở lại... Tuyết vẫn rơi ... thắm trong không gian lạnh lẽo, như bao trùm cả một vùng đồi núi đìu hiu ... Gió vẫn rít từng cơn qua vườn cây trụi lá, như thể cùng len vào hồn để chia sẻ những nỗi buồn da diết cùng tôi ...

Đời người ... biết đã bao lần bụi đường làm cay lòng mắt !

Ý-Nguyễn

Maryland - April 2011

****Xin ghi nhận những chia sẻ thăm kín của chị H.T.T.H. Xin chân thành cảm ơn Đại Tá Lê-Văn-Phát, Thiếu Tá Nguyễn Trung Nhan, Thiếu Úy Đoàn-Phư-ơng-Hải, tác giả cuốn Góc Biển Chân Trời; Đại Úy Võ Trung Tín TĐ Truyền Tin Sư Đoàn Dù, những cựu Sĩ Quan Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù đã cho biết nhiều chi tiết về trận Đồng Xoài để Ý-Nguyễn hoàn thành trang hồi ký này.****

Khi Rời Bệnh Viện

Nhà thương yên lặng như tờ
Cuối tuần thăm viếng ngu-ngơ đầu hè.
Hành lang sáng rực, vắng hoe
Thiếu người phục-vụ xun-xoe nhiệt-tinh.

Giã-từ dây-dợ cùng mình
Nhớ cô y-tá rất xinh hôm vào.
Bãi xe lá chạy lao-xao
Chiều nay xuất-viện cũng nao-nao lòng.

Nguyễn-Phú-Long

Chiều thứ bảy June 11-2011.

GÁI HOANG (*)

Họa
Bum nguyệt qua sông hẹn đá vàng
Mê chàng nên phải vượt dòng sang
Vén xiêm chạy đuổi câu tình loạn
Cời yếm thả trôi mảnh áo tàng
Đã quyết lìa qua vùng nước đục
Cũng đành nhận lấy cuộc chơi hoang
Tội gì giam hãm cho gầy guộc
Kín cổng không ai đến ngõ ngang

Lý Hiểu

VA 05/2011

(*)Họa thơ "Ngắm Trăng" của nhà thơ
Phượng Liên.

Chuyện Đời (1)

Cần cần, kiem kiem chẳng hơn ai
Phát phát, phơ phơ vẫn đủ sai !
Ái ái, ân ân rồi cũng chán
Hờn hờn, giận giận mất niềm vui
Danh danh, lợi lợi người mong muốn
Nghĩa nghĩa, nhân nhân kẻ dạy đời
Khóc khóc, cười cười vì thế cuộc
Lo lo, nghĩ nghĩ lúc nào nguôi !!!

Vũ Lang

(California)

VẪN LÀ MÙA THU

Vẫn còn đây một góc trời
Vẫn nhìn lá rụng, đường đời vẫn đi
Vẫn vào mùa của vu quy
Vẫn là duyên nợ tới kỳ uyên ương
Vẫn nẻo đường lấm tơ vương
Vẫn thơm đôi má, vẫn hường đôi môi
Vẫn tìm những bước sóng đôi
Vẫn màu hoa cúc thắm tươi trong lòng
Vẫn đêm nao, nhỏ giọt hồng
Vẫn ngày vàng rực cánh đồng sang thu
Vẫn hồn, vẫn xác phiêu du
Vẫn như đang giữa vi vu gió ngàn
Vẫn không gian, vẫn thời gian
Vẫn đêm vắng vạc ngập tràn ánh trăng
Vẫn màn sương chẳng chiếu chần
Vẫn thu sau hạ khi xuân qua rồi.

Phan Khâm

Maryland, Thu 2011

Từ Đạo Em Đi

Thơ: Uyên Phương Minh Nguyệt

Nhạc: Tạ Bình

Chậm, diễn tả 

Từ đạo em đi phố bồng buồn. Tương tư chiều



vắng nhớ người thương. Xót xa đời lẻ chim chao



cánh. Hiu quạnh hiên nhà tuyết phủ vương.



Em đi xao động cả phương trời. Ngày lại ngày



qua mộng ước rơi. Cảnh liêu rã vai che nôi



nhớ. vi vu gió tấu khúc đơn côi.

Minh Nguyệt - Tạ Bình - All Rights Reserved.



Em hồi giờ này em ở đâu. Anh nhìn phố



vắng chạnh lòng sầu. Nhớ em cây cỏ thềm thì



gọi. Hoa lá thở than xót nỗi đau.



Cố nhân ơi hồi cố nhân ơi. đã mấy Đông



qua vắng bóng người. Lối mộng đường xưa sương phủ



ngập. Từng ngày anh đếm giọt chơi vơi. Từ



vơi. Từng ngày anh đếm... giọt chơi vơi...

Minh Nguyệt - Tạ Bình - All Rights Reserved.

4/2011

TIẾNG VIỆT HAY

PHAN THANH BÌNH

Sau ngày đại-nạn 30 tháng 4 năm 1957, số người Việt bỏ nước ra đi ngày càng đông. Người Việt ra nước ngoài lo học sinh-ngữ nơi quốc-gia họ được bao dung để sớm hội-nhập với người bản xứ. Tại xứ Mỹ, người lớn tuổi sau một thời-gian, ngôn-ngữ Việt hết thuần-túy khi giao tiếp, chuyện trò.

Có người hỏi bà già trên sáu mươi về công-việc của con cháu. Bà mỉm cười nói ngay:

- Chúng nó có **“dóp”** (job) tốt lắm, làm **“phun thai”** (full time) đấy.

- Thế các cháu có đưa bà đi chơi, hay đi thăm bạn-bè không?

- **“Xóm thái”** (sometimes)

Các cháu quấy rầy, bà la: **“xe đạp”** (shut up), bực mình mắng-mở cũng **“tu-pit”** (stupid). Điều gì bà không quan-tâm bà đáp:

- Tôi không có **“khe”** (care). Chẳng hiểu sao khi bà nói như vậy, các ông nghe lại tùm-tủm cười.

Bà thường cho mọi người biết về vợ chồng bà:

- Bây giờ chúng tôi già cả rồi, làm gì cũng làm **“tủ-ghế-dơ”** (together). Vợ chồng luôn **“tìm ốc”** (team work).

Sau 36 năm số người Việt tị-nạn lớn tuổi lần-lượt ra đi **“an-nghĩ”** mang theo một số tiếng Việt phong-phú, chẳng lưu-lại được bao nhiêu nơi con-cháu. Con cháu nói tiếng Việt lơ-lơ như người ngoại quốc nói tiếng Việt.

Người Việt ở tuổi ngoài 40 cũng không chú ý bao nhiêu về tiếng Việt. Với tinh-thần vọng-ngoại vẫn còn lưu trữ trong dòng máu một dân-tộc đã từng làm nô-lệ ngoại bang, sách tiếng Việt chẳng thêm đọc, đọc tiếng Anh Mỹ cho ra vẻ trí-thức.

Một số nơi đã mở trường dạy tiếng Việt cho trẻ em với chủ-đích **“gìn-giữ văn-hóa dân-tộc”**. **“Độc thông viết thạo”** là tốt rồi, mong chi biết được cái **“hay”** của tiếng Việt.

Chuyện Kiều **“hay”** ở nhiều phương-diện nên đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nay lại có thêm bài **Truyện Kiều Qua Âm-Nhạc** của Đỗ-Bình viết trên **Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm**. Mời quý vị đọc một đoạn để thưởng-thức cái **“hay”** mà tác-giả nói đến.

“Thơ và nhạc là hai nghệ-thuật riêng-biệt nhưng rất khăng-khít nhau làm say-đắm lòng người. Thơ là nghệ-thuật của “lời”, nhạc là nghệ-thuật của “âm-thanh”. Thơ phổ nhạc là nghệ-thuật đem thêm âm-hòa với âm thanh sẵn có trong thơ, hoặc thay đổi âm-thanh của thơ chuyển thể thành những nốt nhạc để hát.

Trong 3254 câu thơ Kiều, Những thanh bằng trắc tạo những nốt trầm-bổng cao độ chỉ là “nhạc thơ” có sẵn chứa trong câu thơ. Trong khi “thơ trong nhạc” hay còn gọi là “tính nhạc” gồm những hình-tượng, ngôn-ngữ được ngắt nhịp theo tiết-tấu riêng để diễn-tả

giai-điều toàn bài chuyên-chở tứ thơ. Trong thi-tập **Đoạn Trường Tân Thanh** gồm khá nhiều câu, chữ, chứa sẵn nhạc thơ tạo nên những tiết-tấu, ngắt nhịp, xuống câu. Ví dụ:

Nhịp 4 gồm hai từ:

“Mỗi người/ một vẻ/ mười phân/ vẹn mười”

Hay những câu nhịp 2 gồm 3 từ:

“Làn thu thủy/ nét xuân sơn”

Nhịp 2 gồm bốn từ:

“Hoa ghen thua thắm/ liễu hờn kém xanh”. v.v.

Hay quá! Hay quá!

Nhận ra cái **“hay”** không dễ. Mấy ai nhận được cái **“hay”** trong tiếng Việt. Nhiều người Việt chuộng tiếng Anh, tiếng Pháp hơn tiếng Việt. Nhiều người cho tiếng Trung-Hoa phong-phú hơn tiếng Việt.

Hơn 45 năm về trước, tại Việt-Nam, tôi được mời vào ban giảng-huấn khóa Tu-Nghiệp Giáo Chức các trường Tin-Lành. Trong ban giảng-huấn có một Cô người Úc đang học tiếng Việt. Tôi khuyến-khích Cô nên học tiếng Việt, không phải vì nhu-cầu giao-tiếp với người Việt, mà là tiếng Việt là tiếng hay nhất thế-giới trong ngôn-ngữ loài người. Cô trở mắt ngạc-nhiên, cho tôi là kẻ hợm mình và tự-ái dân-tộc quá cao. Sau khi nghe tôi dẫn-giải, thế nào chỉ có tiếng Việt mới phát âm và viết đúng giọng gà gáy sáng: **Ồ, ó, o, ò**, và cách nói lái trong tiếng Việt như: **“Kia mấy cây mía, có vài cái vò”**. Nói lái hai con **“sò, cóc”** thành hai con khác **“sóc, cò”**. Có thể nói lái hai chữ trong câu như: **“Con đường bác đi bi-đát quá”**. Cô giáo-sư người Úc trở mắt. gật đầu chấp nhận tiếng Việt **“hay”** thật.

SỐ 56

Tôi tin chắc trên thế-giới này, không có một ngôn-ngữ nào khác có thể dùng cách **“chơi chữ”** để làm một bài thơ theo cách sau đây. Bài thơ **Trông Chông** mà người ta cho là của Vua Tự-Đức.

Gương tà nguyệt xế đã ngoài song,

Hắt-héo trông ai quá rất trông.

Thương bấy thiết-tha lòng héo liễu,

Nhớ thay vàng-võ má phai hồng.

Vương sâu xiết kể chi nguôi Bắc,

Ý tử thêm buồn và chạnh Đông.

Chàng hỏi biết ai chẳng bội bực?

Loan hàng viết thảo tả tình chung!

Bài thơ này có thể đọc 6 cách:

1/ Đọc như thường từ trên xuống dưới.

2/ Đọc ngược từ dưới lên trên, từ phải qua trái.

3/ Đọc xuôi từ trên xuống dưới, nhưng mỗi câu bỏ bớt hai chữ đầu.

4/ Đọc xuôi từ trên xuống dưới, mỗi câu bỏ bớt hai chữ cuối.

5/ Đọc ngược từ dưới đọc lên, từ phải sang trái, bỏ bớt hai chữ đầu mỗi câu.

6/ Đọc ngược từ dưới đọc lên, từ phải sang trái, bỏ bớt hai chữ cuối mỗi câu.

Trong các sách tôi viết, tôi **“chơi chữ”** hơi nhiều vì tiếng Việt đối với tôi quá **“hay”**.

Có một quyển sách quá **“hay”**. Nhân-loại có 6,500 thứ tiếng thì sách này đã được dịch ra 2,233 thứ tiếng. Quyển sách này quá **“hay”** vì là kỳ-điều, phi-thường, vượt quá sự hiểu-biết của con người. Là cuốn sách có tiêu-chuẩn đạo-đức cao hơn hết; là cuốn sách nói về khởi-nguyên và kết-thức thế-giới này; là cuốn sách giải-bày Đức Chúa Trời một cách chính-xác; là cuốn sách nói lên hết

ý-muốn của Đức Chúa Trời đối với loài người; là cuốn sách minh-định lịch-sử và tiến-trình của con người. Đó là cuốn **Kinh-Thánh** (Bible). Qua Kinh-Thánh nhân-loại có thể biết đường-lối Đức Chúa Trời mà tuân theo, hầu hưởng được tất cả các phước-hạnh mà Đức Chúa Trời dành cho loài người. Là cuốn sách lên án tất cả những ai quyết-định từ-khước đường-lối Đức Chúa Trời. Là cuốn sách bày-tỏ hậu-quả khủng-khiếp cơn thanh-nộ của Đức Chúa Trời đối những kẻ bất tuân. Là cuốn sách được định danh là **LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI**. “*Cả Kinh-Thánh đều bởi Đức Chúa Trời soi-dẫn, có ích cho sự dạy-dỗ, bẻ-trách, sửa-trị, dạy người trong sự công-chính, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn- vẹn và sắm-sẵn để làm mọi việc lành*” (II Ti-mô-thê 3:16).

Kinh-Thánh chẳng những “**hay**” mà còn có quyền-năng. “*Vì lời của Đức Chúa Trời là lời sống và linh-nghiệm*” (Hê-bơ-rơ 4:13).

Tôi đã viết 35 cuốn **Bài Học Kinh-Thánh**. Quý vị muốn thưởng-thức một chút “**hay**” của Kinh-Thánh, xin viết thư cho tôi biết, tôi sẽ gửi tặng quý vị một cuốn.

Tôi tin chắc trong trong lịch-sử nhân-loại, từ xưa đến nay và mãi về sau, chẳng có một ai có thể ví-sánh như Chúa Jêsus. Quý vị đừng vội cho tôi là hợm mình và tự ái niềm tin quá cao. Đây nhé:

Chúa Jêsus được xưng như vậy: “*Ngài sẽ được xưng là Đấng Lạc-Lùng, là Đấng Mưu-Luận, là Đức Chúa Trời Quyền-Năng, là Cha Đời-Đời, là Chúa Bình-An*” (Ê-sai 9:5).

Chúa Jêsus quá “**hay**”. Tôi đã viết 9 cuốn sách **Jêsus - Cứu Chúa Tôi**. Mỗi cuốn dày trên dưới 300 trang và đang viết cuốn thứ 10.

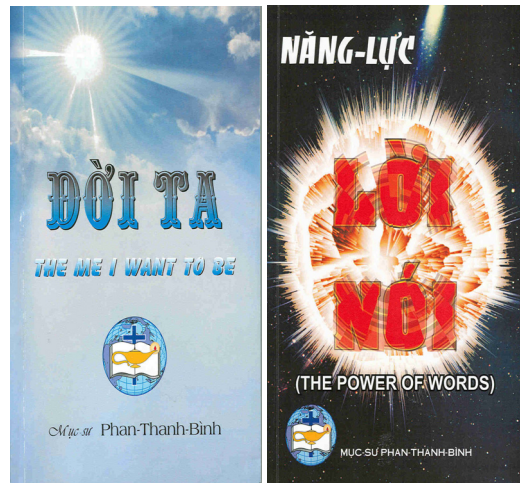
Kinh-Thánh “**hay**” vì là **LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI**. Chúa Jêsus “**hay**” vì “*danh Ngài xưng là LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI*” (Khải-huyền 19:13).

Quý vị muốn thưởng-thức một chút “**hay**” nơi Chúa Jêsus, xin quý vị viết thư cho tôi biết, tôi sẽ gửi đến quý vị một cuốn.

Mong quý vị đọc và bình tâm suy-xét nhận-định rồi quý vị đồng ý “**hay**” với tôi hay không cũng chưa muộn.

Mục-sư Phan-thanh-Bình.

(619. 444-1106)



Sách của

Mục sư **PHAN THANH BÌNH**

660S Third Street

El Cajon, CA 92019

ĐT (619) 444-1106

TÌNH YÊU CHÂN THẬT

Duy An Đông

Giữa mùa Hè, các cổng trường đóng kín, sinh viên học sinh phần đông về quê thăm gia đình. Một số sinh sống ở thị thành cũng nhân cơ hội theo bạn về quê thăm chơi và hưởng cái không khí tốt lành nơi đồng ruộng. Những tà áo trắng tung bay trên các con đường phố vắng bóng. Trong khi đó, một nữ sinh viên xuất hiện, đang đẩy chiếc xe lăn, đưa chàng sĩ quan trẻ tuổi vào nơi Văn phòng cơ quan quản trị để xin lãnh lương cho người bạn trai mình. Đây là mùa Hè năm 1967.

Tôi xót thương chàng Sĩ quan trẻ tuổi và cũng thương cô nàng sinh viên xinh đẹp này nữa. Duy Khánh và Ngọc Lan cùng học Đại Học Văn Khoa Saigon. Duy Khánh lên năm thứ 3, thì Ngọc Lan vào học năm thứ nhất. Họ quen biết và thương nhau khi còn là học sinh ở Trung Học, nên khi lên Đại Học, học chung trong một trường, lại càng thuận lợi trao đổi tình cảm và ngày càng gắn bó nhiều hơn. Trong khi đó, cuộc chiến Việt Nam căng thẳng, mức độ yên tĩnh nâng cao. Duy Khánh có lệnh trình diện nhập ngũ để học tại Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ngọc Lan khóc nức nở, nàng trách sao ông Trời không thương xót nàng, để cho nàng quá đau khổ, làm vỡ mộng mà nàng đã ấp ủ từ lâu. Nàng đã từng nói với chàng, “khi ra Trường anh xin về dạy tại trường tỉnh nhà của mình nha. Trâu ta ăn cỏ đồng ta... và hai năm sau nữa em ra Trường thì cũng kế hoạch tương tự, chúng ta dạy cùng ngôi trường xưa và sống bên nhau cùng vui với những học sinh trong tâm hồn trong trắng đầy thơ mộng giống mình hồi ấy anh nhé”!

Một giờ tư tưởng đang nghĩ về tương lai tươi đẹp, chẳng có gì vướng bận trong cái thời sinh viên đầy mơ mộng, nồng ấm và yêu đương. Họ luôn nghĩ về tương lai đẹp và tưởng tượng những gì sẽ được hưởng sau khi ra trường và khi làm đám cưới.

Cứ mỗi cuối tuần Duy Khánh đến thăm Ngọc Lan, họ luôn nhắc chuyện tương lai, rủ rùi, rủ rùi cả ngày và xây đi quần lại cũng là dệt bức thảm đẹp cho họ sau này. Đùng một cái chàng báo cho nàng biết rằng chàng có lệnh trình diện nhập ngũ. Nàng lạnh người, bao nhiêu ý nghĩ không hay tới với nàng: chàng sẽ chết khi ra trận, chàng sẽ bị thương khi giao chiến, chàng sẽ bị bắt làm tù binh... Cái nào nàng cũng khổ cả. Trước khi lên đường trình diện để ăn cơm lính, hai người gặp nhau, “chỉ còn đêm nay, ngày mai anh lên đường”, họ tâm sự nói hết nỗi lòng và hứa mãi mãi bên nhau... Ngọc Lan cầu trời phò hộ cho chàng may mắn trong đời quân ngũ và chờ ba năm sau nàng ra trường thì làm đám cưới. Khi ở Quân Trường Thủ Đức, giai đoạn 1, ba tháng đầu coi như cấm cung, cuối tuần túc trực sẵn sàng trong bộ quân phục tác chiến. Chỉ có khoá đàn anh, qua giai đoạn 2 đã gắn Alpha thì được mặc áo quần đẹp, (ka ki vàng), đầu đội “cát kết”, chân mang giày thấp cổ, “láng kóng” được đi phép về thăm nhà mỗi cuối tuần và chiều chủ nhật trở về Trường để ngày mai ra thao trường tiếp tục sứ mạng của người thanh niên thời chiến. Trong giai đoạn 1, Duy Khánh được Ngọc Lan đến trường thăm chàng hằng tuần. Lần đầu tiên nàng đến cổng trường báo cáo nơi đây, nàng đến thăm “chồng”. Tuy chưa phải là chồng vợ chính thức, nhưng cô nàng báo như vậy có nhiều ý; thứ nhất để tránh sự theo dõi chọc ghẹo

của những anh chàng khác, vì mình gái đã có chồng. Thứ hai nữa là người ta có thể gọi ưu tiên hơn. Cái ý thứ ba là tình giữa cô nàng với Khánh càng đậm đà hơn. Và thứ tư là không cho cô nào loạng quạng chiếm đoạt Khánh. Vì hồi ấy có cái phong trào: “Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân”.

Một số anh chàng cô đơn chốn quân trường, buồn tẻ mà gặp những cô nàng xinh đẹp chỉ biết thoáng qua ở ngoài đời, nay giả vờ lên thăm bạn, nhưng anh đã đi phép. Sự nhớ, hỏi thăm chàng. Đương khát nước giữa trưa hè mà có kẻ cho, còn kèm đá lạnh mát mẻ, thì quả là cơ hội ngàn vàng, làm lơ không đành. Thế là từ chỗ quen biết sơ ngoài đời, bây giờ là tình bạn càng ngày càng khắng khít. Quả như cá mắc câu hay vào lưới khó bề gỡ rối.

Xin trở lại chuyện Duy Khánh và Ngọc Lan. Chuông reng từ văn phòng Tiểu Đoàn, một sinh viên trực bắt máy: “Allo Văn phòng Đại đội X tôi nghe: Đây là Văn phòng Tiểu đoàn G: Vợ của sinh viên sĩ quan Nguyễn Duy Khánh đến thăm, báo cho anh ta biết ra nhận vợ vào. Được tin Duy Khánh mừng quýnh lên, Duy Khánh cũng tự hỏi: “Ai là vợ, một người nào gọi lầm tên mình chẳng? Ngọc Lan... chưa phải là vợ, tại sao... Chàng mừng rỡ, nhưng vẫn thắc mắc.

Vui mừng mà dè dặt vì e ngại có những cô bạn chỉ mới quen biết sơ sơ, nhưng cũng muốn làm bạn với những anh chàng quân trường cô đơn, chưa có bóng hồng nào để ấp ủ. Chàng nghi ngờ rồi dè dặt. Gần đến cổng trường chàng để ý nhìn xem người mình quen biết, nhiều cô nàng quá, cô đi thăm bồ, cô đi thăm chồng, cô đi tìm...

Chàng trừng con mắt tìm kiếm Ngọc Lan, nhưng nhìn hoài chẳng thấy, bởi vì Ngọc Lan cũng không cho Duy Khánh thấy nàng dễ dàng để cho chàng có sự hồi hộp mong chờ. Thứ nữa là cũng để theo dõi có

ả nào tìm kiếm chàng như chính nàng đã nghe nhiều cô bạn kể chuyện:

“Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân”.

Ngọc Lan để ý từ cử chỉ của Duy Khánh, từ bước đi, từ cặp mắt, từ cái liếc nhìn. Nhìn hoài không thấy, chàng vào văn phòng Trực tại cổng trường mà hỏi rõ người thăm. Ở đây người ta cho biết “vợ anh cô Ngọc Lan đến thăm”. Vừa mới đó, có lẽ cô đi toilet chẳng? Anh chờ chút xíu.

Ngay lúc đó Ngọc Lan thấy “thương hại” Duy Khánh thật thà không có vấn đề gì nên nàng xuất hiện. Y phục nàng mặc bình thường giống như lúc hai người từng ưa thích mỗi khi đi dạo chung với nhau ở mỗi cuối tuần ở Sài Gòn trước đây. Duy Khánh mừng quýnh lên, chàng nắm chặt cánh tay Ngọc Lan và diu lách đi trong đám đông các cô đang chờ đợi người thân hay người tình của mình. Ngọc Lan sung sướng đi theo trong vòng tay của người tình. Khi vào khỏi cổng trường, chàng hỏi :

- Sao em để lý do đi thăm chồng, nhà trường bảo anh có vợ đến thăm. Anh mừng là có người thăm, nhưng rồi lại hỏi vợ nào? Có thể họ gọi lầm tên chẳng, nếu vậy thì quê lắm! Ngọc Lan nói rõ thâm ý của mình. Sau khi nghe Ngọc Lan nói, chàng càng yêu nàng hơn. Chàng bảo:

- Em ác thật, làm anh một phen hồi hộp.

- Anh hồi hộp nhưng có cái hứng thú sau cùng thì cũng là điều tốt chứ có sao đâu, chỉ có sợ hồi hộp rồi không có cái gì tới với mình, mới là đáng tội nghiệp. Nếu đi thăm anh lần đầu tiên này mà có người nào đó “phổng tay trên” thì chắc là em nhường...

-Em nói chi lạ rứa, ngoài em ra anh có quen biết với ai đâu mà “phổng tay trên”?

-Có chứ, có những cô nàng muốn “tìm chồng giữa chốn ba quân”, họ đến đây tìm những anh chàng cô đơn chốn quân trường. Nàng kể lại những gì nàng nghe từ người bạn cho Duy Khánh nghe...

LUÂN HỒI

Bánh xe chuyển nhịp luân hồi
Từ tôi kiếp trước sang tôi kiếp này ?
Mất tình Em vẫn thơ ngây,
Sát na chuyển hóa đời ngày ngộ sinh.
Mai về một cõi Vô Minh
Đem theo cả một gánh tình đời ta.
Gánh tình với bấy, còn ba
Bàn tay gõ nhịp xênh ca ngậm ngùi.

Tôi về, tôi chỉ mình tôi
Ngẩn ngơ tìm dấu chân người tiễn đưa.
Em về con mắt tình xưa
Nửa mơ hồn thực, nửa ngờ chiêm bao.

HOÀNG SONG LIÊM

(Virginia)

-Chính vì lý do đó, sợ anh mắc lưới, em lên sớm để giữ anh hay sao ?

-Không phải để giữ anh, trước hết là dò la anh đó chứ. Anh ra đâu có nhìn thấy em. Em đứng trái phía kia để quan sát, xem có một người nào đó tìm kiếm anh không. Thấy anh em mừng, nhìn anh sớn sát, không biết tìm kiếm em hay ai, thấy cũng vui vui và tội nghiệp nên em mới xuất hiện sớm đó chứ bộ .

- Duy Khánh béo yêu và bảo: Không ngờ em cũng lại quá trời thế. Chứng tỏ anh quá thiệt thà phải không em? Còn em thì...

- Thì sao nữa, ý nghĩ như thế nào, hành động như vậy để làm gì. Tại sao có những việc làm ấy, em đã cung khai hết với anh rồi. Chỉ vì yêu anh, sợ mất anh, nói

huých toẹt ra rồi, như vậy có thiệt thà hơn anh không ?

- Ừ, bởi vậy anh chỉ biết yêu em thôi, đời anh giao trọn cho em đó. Em sẽ là người vợ số một của anh, em là người mẹ đáng yêu quý của hai con chúng ta sau này. Minh sinh hai đứa thôi em nhé? Để em đỡ vất vả, sinh nhiều khổ lắm.

Duy Khánh và Ngọc Lan song hành qua các ngã đường trong quân trường để vào Câu Lạc Bộ Diệm Song dùng nước và ngồi nói chuyện. Trên đường đi chàng gặp một sinh viên đàn anh, Duy Khanh biết bản phận mình, nên chàng chào sinh viên đàn anh một cách nghiêm túc, chàng cũng được chào lại và tiếp tục đi bình thường. Trong khi đó, một sinh viên bạn vì say sưa nói chuyện với người bạn gái, anh không chào sinh viên đàn anh khi đi ngược chiều. Lập tức anh bị phạt hít đất trước người tình vào thăm. Ngọc Lan thấy vậy mới hỏi Duy Khánh. Chàng giải thích cho nàng rõ là ở đây khi vào quân trường, có một thời kỳ huấn nhục, người ta tập cho mình những sự nhọc nhằn, bực bội, có những điều phi lý, nhưng mà phải tuân lệnh một cách tuyệt đối. Ở đây mình có thấy khổ và biết tuân lệnh, thì sau ra đơn vị mình mới hiểu nỗi khó khăn của người lính, tập cho lính tuân lệnh và chỉ huy được họ. Duy Khánh đưa Ngọc Lan vào Câu Lạc Bộ Diệm Song, một trong những Câu Lạc Bộ lớn của Trường Bộ Binh Thủ Đức, nhưng từng cặp từng cặp ngồi đây ập cả. Hai người tìm một chỗ tạm ngồi uống nước nói chuyện. Một lát sau họ đưa nhau ra ngồi một ghế đá dọc lề đường dưới hàng cây cao tỏa nhánh che ánh nắng, có những ngọn gió lùa qua mát mẻ hơn ngồi trong Câu Lạc Bộ nhiều .

Nơi đây thảnh thơi có đôi ba người qua lại trên con đường nên hai người tâm sự cũng dễ dàng hơn, họ thì thầm với nhau về chuyện tương lai. Tuy là trong quân ngũ nhưng chàng cũng đưa ra dự tính sau khi ra

trường và kế hoạch thời hậu chiến tranh. Họ vạch ra con đường đầy sáng sủa, như là một bức tranh tuyệt đẹp trước mắt hai người. Thế rồi hàng tuần nàng đi thăm chàng. Giai đoạn 2, chàng được gắn Alpha và đi phép như đàn anh trước đây về Sài Gòn đưa nàng đi đây đó. Rất hạnh phúc và bao người thèm khát cảnh trai tài gái sắc này.

Còn mấy tháng nữa, Ngọc Lan sẽ ra Trường. Duy Khánh đã lên Trung Úy. Bạn bè ăn khao mừng Ngọc Lan sẽ là cô giáo xinh đẹp, đồng thời ăn khao Duy Khánh "rửa lon" được đặc cách thăng cấp Trung Úy nhân chiến công hiển hách nơi chiến trường.

Ngọc Lan dự kiến ra trường sẽ xin về dạy tại Trường Trung Học tỉnh nhà như dự kiến ban đầu và mong rằng sau này Duy Khánh giải ngũ rồi cũng cùng ngành với nàng, ở cùng địa phương của mình, để vợ chồng gần gũi bên nhau. Họ chuẩn bị đám cưới sau khi Ngọc Lan ra trường. Nhưng Trời chẳng chiều lòng người, Duy Khánh bị thương nặng khi ra trận và cuối cùng mất đi hai chân, một sĩ quan trẻ tuổi đành ngồi trên chiếc xe lăn để cho tình nhân đưa đi đây đó giải sầu nhân kỳ nàng nghỉ hè. Còn 6 tháng nữa nàng ra Trường. Nhiều lần nàng định bỏ học để lo chăm sóc cho chàng, nhưng nhiều người bàn, nếu thương chàng phải gắng ở bước cuối cùng, lấy được bằng cấp sau này đi dạy thì mới nuôi chàng được chớ, đâu để gì uống nước lã mà sống được.

Từ trong văn phòng nhìn ra phía trụ cờ, thấy có một nữ sinh xinh đẹp đang đẩy chiếc xe lăn, ngồi trên xe là một chàng trai thương phế binh. Tôi biết anh chàng này vào lãnh lương. Lúc này lương bổng của binh sĩ ở những đơn vị lớn thì có Phát hướng viên các đơn vị về nhận trực tiếp nơi thủ quỹ rồi về đơn vị họ phát lại cho binh sĩ. Còn những quân nhân lẻ tẻ, như trường hợp của Duy Khánh là thủ quỹ kiêm nhiệm phụ trách tại đây. Hôm ấy cũng đông

binh sĩ đến nhận lương, nhưng trường hợp này tôi nói với vị sĩ quan thủ quỹ ưu tiên và anh em cảm phiền nhường để thủ quỹ giải quyết cho anh thương phế binh này trước. Thế là những binh sĩ giang ra, chiếc xe lăn đẩy vào, tôi nhìn chàng Trung úy, tuổi trẻ và rất đẹp trai, rồi nhìn cô nàng đẩy chiếc xe lăn, tôi mới hỏi:

- Trung úy là gì của cô. Cô ta đáp:
- Chồng tôi.

Tôi quá ư cảm động cho cả hai người. Tôi hỏi thăm tiếp viên Sĩ quan:

- Trung úy bị thương ở đâu và bao lâu rồi?
- Ở mặt trận Hạ Lào và đã 4 tháng rồi.
- Xin chia buồn cùng Trung úy và cũng xin chung vui cùng Trung úy nữa. Vui vì Trung Úy cũng còn được sống với người thân. Thôi thì mình tin nơi số mệnh...

Tôi nói để an ủi người bị nạn chứ thật lòng thì làm sao mà vui được. Tôi hỏi thăm tiếp cô nàng, mới biết cô là sinh viên Văn Khoa Sài Gòn và còn một mùa học cuối cùng là ra Trường. Tôi khuyên cô tiếp tục học để ra Trường thì mới làm nên mọi việc. Cô thương anh thì phải nghĩ đường dài mà nghe lời bà con khuyên nhủ.

Tôi nói để an ủi người bị nạn chứ thật lòng thì làm sao mà vui được. Tôi hỏi thăm tiếp cô nàng, mới biết cô là sinh viên Văn Khoa Sài Gòn và còn một mùa học cuối cùng là ra Trường. Tôi khuyên cô tiếp tục học để ra Trường thì mới làm nên mọi việc. Cô thương anh thì phải nghĩ đường dài mà nghe lời bà con khuyên nhủ.

Sau này tôi được biết cô ta tiếp tục học và ra trường sau mùa học năm ấy. Tốt nghiệp rồi cô xin về Tỉnh nhà, dạy tại một trường gần để tiện chăm sóc cho chồng bị cụt hai chân vì non nước. Trước sự hy sinh cao cả một người phụ nữ có tinh thần đáng quý ấy ai cũng thương và giúp đỡ.

Duy Khánh và Ngọc Lan chưa có lễ hỏi, chưa đám cưới. Duy Khánh cũng thấy đời mình chẳng còn gì nữa, chàng chẳng thể sống cho nàng có hạnh phúc. Chàng nghĩ mình thương một người mà để người ta không hạnh phúc là có tội lỗi. Chàng nghĩ nàng tội tình gì mà phải hy sinh đời mình một cách vô lý. Thà rằng để một mình chàng chịu chớ sao lại bắt nàng cũng phải chịu lây. Vì vậy nhiều lần chàng khuyên

nàng nên đi lấy chồng, một hôm Duy Khánh bảo nhỏ Ngọc Lan:

- Em ngồi gần anh, để anh nói nhỏ với em chuyện này.

Chàng giải thích:

- Em à! Chúng ta thương nhau sâu thẳm chân tình, em hy sinh nhiều vì anh, cái tinh thần cao cả ấy không ai phủ nhận được. Anh với em mới là người hiểu được chiều sâu và sự chân thật này. Nhưng, em à! Đòi anh coi như bỏ đi, anh đã suy nghĩ kỹ và chấp nhận số phận của mình, anh muốn em phải buông anh ra, anh phải lánh em, để em xây dựng cuộc đời của em cho tương lai lâu dài. Có thể hôm nay chúng ta gặp nhau nói chuyện lần cuối. Lần sau em đến anh không tiếp thì cũng đừng ngạc nhiên. Anh phải hy sinh cho em là điều đúng đắn nhất, hợp với lương tâm nhất.

- Khánh ơi! Anh nói chi mà kỳ cục vậy, em thương anh chân thật mà. Em không bao giờ nghĩ gì về tương lai nữa cả. Em chỉ biết còn anh bên em là điều mong ước lâu rồi. Không ai có thể thay thế được anh trong đời em.

- Nhưng mà em à! Anh không còn chân thật nữa.

- Anh nói gì? Tại sao anh không chân thật với em?

- Anh chân giả đây! Anh đi còn chống thêm hai cây nạng nữa kia mà!

- Thì có sao đâu, hai quả tim chân thật là đủ rồi.

- Đó là lý thuyết, trong thực tế không phải thế. Bây giờ em chưa thấy vấn đề, em còn thương anh đậm đà là vậy, nhưng trong tương lai có những cái em cần phải có như mái ấm gia đình, con cái, rồi muốn làm bà mẹ, bà nội, bà ngoại nữa chứ. Không thấy trước, đến khi tuổi đời chồng chất, muốn làm lại không còn kịp nữa.

- Em không cần con, chỉ muốn sống bên anh là đủ rồi.

- Em à, nhưng mà anh giờ... không đủ...

- Em đâu cần, đôi chân giả cũng được kia mà

- Không phải đôi chân giả .

- Chớ cái gì?

- Cái mà tạo hóa dành cho phái nam để cho người khác phái và làm cho loài người phát triển đã bị chiến tranh cướp mất rồi...

- Hãy! Anh nói cái gì? Em không hiểu?

- Anh nói thật tình để em hiểu. Chàng kê miệng vào tai nói nhỏ với Ngọc Lan:

- Một viên đạn xuyên qua, con “chi..” của anh bay mất rồi. Đòi anh coi như tàn phế hoàn toàn. Anh không nở để em bị thiệt thòi”.

- Thì có sao đâu, có gì quan trọng?

- Không phải đơn giản như vậy đâu em. Sau này em sẽ thấy quan trọng !

- Em quyết chung thủy với anh dù cho có tiếng vào tiếng ra của thiên hạ cũng mặc kệ .

- Không được, em nên nghe lời anh. Yêu em, anh phải tạo cho em có hạnh phúc.

Ngọc Lan khóc nức nở. Ngày tiếp, đến thăm chàng, bị từ chối. Khánh cho người ra phân giải để cho Ngọc Lan hiểu nỗi khổ tâm của Duy Khánh đành chấm dứt cuộc tiếp xúc để cho Ngọc Lan lo xây dựng cuộc đời của nàng. Nàng cố nặn nỉ cho tiếp xúc lần cuối cùng nhưng cũng bị từ chối Ngọc Lan đành ra về trong bao nỗi mến thương và đau buồn. Trong khi đó, Duy Khánh cho tin bung ra ngoài xã hội là chính chàng đã không cho Ngọc Lan thăm viếng để cho nàng dứt khoát tư tưởng mà lập gia đình riêng cho đời nàng. Chàng không ích kỷ, hy sinh cho một người đàn bà có tinh thần cao thượng trong tình yêu....

Ngọc Lan buồn rầu, nhiều bạn bè chia xẻ và phân giải sự hy sinh của Khánh là đúng vì tình yêu giữa hai người mới chỉ là hứa hẹn, chưa bỏ lễ, chưa chính thức là chồng vợ, nên Khánh xử sự như vậy là đúng, là cao cả và Lan nên nghe lời Khánh mà có chồng, lo cho tương lai của mình. Trong số này có một chàng đồng nghiệp

với Ngọc Lan là Văn Hiền cũng quan tâm và khâm phục về sự việc của hai người. Một hôm Văn Hiền trao đổi với Ngọc Lan trong một tinh thần bè bạn đầy thông cảm. Văn Hiền nói :

- Nếu có ai đó thương hoàn cảnh và khâm phục cái tinh thần cao quý của Lan về tình yêu mà người ta yêu Lan thì Lan nghĩ thế nào?

- Em nghĩ chắc không có ai đâu. Và em cũng không thể quên hình ảnh của Khánh được.

- Em à, thời gian giúp chúng ta quên đi những gì không hợp lý, rồi em sẽ thấy! Bây giờ anh khuyên em hãy nhìn vào thực tế của cuộc sống.

Thời gian trôi qua, cuộc sống hàng ngày giúp cho Ngọc Lan nhận định mọi việc đều phải thực tế, và nàng đã từng bước quay về với thực tại, không còn sống trong ảo mộng nữa. Văn Hiền và Ngọc Lan cũng gặp nhau thường ngày ở một mái trường, tuy đứng riêng bực giảng. Họ tâm sự bình thường, mỗi người đều giữ gìn ý tứ. Một hôm Văn Hiền nhắc lại chuyên góp ý của mình ngày xưa. Chàng bảo:

- Ngọc Lan em à !

- Gì anh?

- Chuyện anh nói với em ngày xưa?

Ngọc Lan hiểu nhưng giả vờ bảo :

- Là chuyện gì em có nhớ gì đâu? Thực ra trong lòng cô đã thầm thương Văn Hiền, nhưng còn giữ kè. Ngược lại Văn Hiền cũng quý mến Ngọc Lan, đã yêu nàng nhưng cũng chưa bật mí.

-Trời ơi, chuyện quan trọng mà em không để ý. Cái chuyện lập gia đình ấy?

- Có ma nào ư em đâu mà lập?

- Tại em không để ý! Anh muốn làm mai cho em đây nè? Bây giờ em đưa ra cái tiêu chuẩn để anh dễ chọn lựa cho em. Nhưng cũng đừng đưa ra những cái quá khó, anh chịu thua, hoá ra mình bất tài.

-Em đâu có gì khác thường với người ta đâu, chỉ cần người ấy thương em thật tình, chung thủy, sống đơn giản, ăn nói dễ thương, tương đối “sạch nước cần”, và... không được lăng nhăng... được chưa?

- Hơi khó đó, anh chỉ giới thiệu rồi sau đó em tìm hiểu, chứ anh làm sao bảo đảm được nhiều điều quá vậy. Chỉ có anh bảo đảm anh cho em thì được thôi à !

- Với anh thì những điều kiện ấy thế nào?

- Với anh thì bảo đảm 100% ! Nhưng mà em đâu có quan tâm đến anh, anh chỉ có thiếu cái tiêu chuẩn không đẹp trai hơn ai.

-Anh không đẹp trai hơn ai, như vậy là anh cũng có đẹp trai rồi đó chứ?

-À, nhưng mà phân biệt cái đẹp khó lắm em ơi! Trong xã hội em thường nghe có người bảo cô này đẹp thế mà sao lại lấy anh chàng này không xứng; rồi có kẻ bảo anh chàng này đẹp trai thế kia mà đi lấy một cô xấu hoắc như vậy chẳng hạn... Cho nên đẹp hay xấu tùy theo cái nhận xét, cái nhìn của người đối diện. Chẳng hạn như anh, em nhìn thế nào với sự nhận xét của em?

-Anh hãy, khó nói quá! Khen đẹp anh bảo rằng... nịnh, nói không đẹp thì anh buồn. Thực tế thì anh cũng vào loại các cô đáng quan tâm đó chứ? Theo anh tự xét thì có được bao nhiêu người quan tâm đến anh?

-Làm sao anh biết được. Anh muốn có một người tương xứng bỏ trên đầu trên cổ, nhưng không thấy ai để ý. Giờ anh muốn nhờ em đề ý giùm nhé... mai mỗi đi... nếu có cô nào quan tâm, báo cho biết để anh bỏ bụng mừng.

-Anh nhờ thì em chịu khó làm, nếu được có thưởng gì cho em không?

- Có chứ em.

- Thường gì?

- Em ưng thưởng gì thì anh chiều theo liền.

- Nghe dễ thương thiệt, Chắc chắn chứ?

- Chắc mà ! Còn nếu anh làm mai cho em mà thành thì em có thưởng cho anh không?

- Cũng giống anh vậy, muốn gì em chiều.

- Vậy thì anh phải tích cực, nỗ lực rút ngắn thời gian để chóng được lãnh thưởng..

- Anh ưng thưởng gì?

Văn Hiền nhìn thẳng vào đôi mắt Ngọc Lan rồi mỉm cười:

- Cái ưng của anh dễ chịu lắm, khỏi lo.

Nhưng anh muốn việc mình làm phải thành công để được thưởng. Chắc chắn người ta sẽ hỏi về em. Để khỏi lúng túng trước những câu hỏi này, em cảm phiền cho anh mượn đỡ ... “nửa cái mình” của em thời gian ngắn, để anh hiểu biết về em tường tận trước khi giới thiệu người bạn trai khác biết một cách rõ ràng về em? Em có đồng ý không? Thực tình mà nói, anh tìm hiểu em lâu rồi, nhưng khó nói qua, nay được gợi ý, anh thi hành ngay.

Ngọc Lan nghe cái đề nghị kỳ lạ này, xưa nay chưa có. Nàng thấy hay hay, ngẫm và cười thầm. Biết đây anh chàng bắt đầu mở mối giây tơ để trói chặt rồi đây và cô nàng cũng nhanh trí, muốn có sự đối đáp của mình cũng mới lạ chẳng thua kém gì. Nàng bảo :

- Anh Hiền à! Em chưa bao giờ nghe một người nào đề nghị kỳ quái như anh vậy. Em hỏi anh, nếu vậy thì em có thể mượn anh để tìm hiểu trước khi giới thiệu bạn gái của em cho anh không?

- Được chứ em, có vậy mới công bình chứ. Nhưng mà em nè! Chỉ mượn “nửa cái” thôi nhé. Anh cũng cụ thể luôn cái nội quy là khi anh cho em mượn, thì anh thuộc quyền của em, và khi em cho anh mượn, em là thuộc quyền của anh. Cụ thể, cuối tuần này em bảo đi Đà Nẵng là anh phải thi hành liền. Khi khác em thuộc quyền anh, anh bảo tuần tới mình đi chơi ở Quy Nhơn thì em phải nghe theo anh, nhá.

Cả hai cùng cười, họ nghĩ tại sao lại có cái phát biểu bất ngờ đầy dễ thương thế này. Ngọc Lan đưa mắt nhìn Văn Hiền trong tư thế khác ngày thường và hỏi :

- Tại sao hôm nay anh có cái trao đổi bất ngờ khác mọi ngày quá vậy. Mình gặp nhau hằng ngày, trao đổi nhau nhiều vấn

đề, nhưng mục nào ra mục này, có dám đùa giỡn gì đâu. Hôm nay anh có cái vừa thật vừa đùa bất ngờ, làm em hơi lúng túng. Có lẽ là mình gần gũi nhau trong công việc, hiểu nhau, thấm sâu rồi mà mình không biết, giờ này đã chín mùi, nó bộc phát bất thần cái ý tuyệt diệu tự nhiên ấy?

- Đúng vậy, anh hiểu em nhiều, quan tâm lâu rồi, nhưng đâu dám nói, bây giờ nhờ hé mở đúng cái đề tài đang chờ đợi...

Quá rõ, nhưng Ngọc Lan làm như mình tối dạ, hỏi tiếp:

- Như vậy bây giờ ai cho mượn trước?

- Thôi thì anh đàn ông con trai, xung phong cho em mượn trước. Em đặt Anh thuộc quyền em, chịu chưa?

- Cho mượn bao lâu?

- Vài tuần.

- Nếu mượn luôn có được không?

- Trời... Nếu vậy thì cho nhau luôn cho rồi chứ mượn làm gì như vậy, em phải bận mang đi trả mất thời giờ.

Sự đối đáp tự nhiên, bất ngờ từ đáy lòng giữa hai người.. Ngẫm thương nhau lâu rồi và đã đậm, nay mới có dịp bật mí... Hai người nhìn nhau cười, đôi môi trao đổi, những cánh tay ôm bó chặt đầy thông cảm. Văn Hiền quý trọng mỗi tình đầu của Ngọc Lan đối với Duy Khánh và Ngọc Lan cũng quý trọng cái sự hiểu biết cao cả của Văn Hiền đã dành bao tình cảm cho nàng trong khi nàng có sự đau buồn ở thời kỳ đầu của người con gái.

Sau khi Ngọc Lan và Văn Hiền thành hôn rồi, hai người bàn chuyện tới thăm Duy Khánh và tìm cách giúp đỡ chàng, nhưng Ngọc Lan lại một lần nữa không vui vì Duy Khánh đã đổi chỗ ở mà không để lại địa chỉ mới cho người chủ nhà rõ. Hai vợ chồng Ngọc Lan và Văn Hiền ra về mang theo một nỗi lòng trĩu nặng, tội nghiệp và cảm thương cho một người trai vì đất nước mà đã trở thành phế binh, hy sinh cả cuộc đời mình cho Tổ Quốc./.

Duy An Đông (California)

GIẤC THU

Bỗng nhiên anh thấy buồn ghê gớm
Một giấc chiêm bao lạnh cả người.
Em gọi anh về trong nước mắt.
Giữa chiều hiu quạnh lá thu rơi.

Có thể mà anh không ngủ được.
Thương em chỉ biết thở dài thôi.
Quê hương; Anh biết em từng khóc.
Chờ đợi bao năm, khổ lắm rồi.

Mệt mỏi anh lo: có một ngày.
Lạnh lòng em thả lá thu bay.
Và anh như cánh rừng trơ trọi.
Tan giấc anh về, em chẳng hay.

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ

(6/2011)

ĐI GIỮA RỪNG THU

Anh chẳng vui gì đi giữa rừng thu.
Muôn sắc úa giữa sương mù hấp hối
Rồi mai một mùa đông về gió thổi
Rừng trơ xương, nhúc nhối cả thân cành
Em như lá vàng rất đẹp giữa đời anh
Anh lại sợ gió vàng bay trắng tóc
Người gánh củi giữa rừng khuya bật khóc.
Nóng lòng thương hạt thóc rụng trên đồng
Anh chẳng vui gì đi giữa rừng phong.
Nhớ thuốc khai quang, lá vàng không kịp
Rừng thu của ai tuy buồn mà đẹp
Rừng thu quê mình gió quét cả màu xanh.

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ

(6/2011)

BÊN NÀY BÊN KIA

bên kia
một dòng sông
trôi xanh đời
mênh mông
một người chờ
nghiêng bóng
bấp bênh vào chân không

bên này
một người trông
những lời không bẻ cạnh
chưa ai nói bao giờ
để viết vào ngu ngơ
cho đầy trang số mệnh
cả hai

ngồi nghe nhau
mà vẫn chưa bắt đầu
như hai dòng nước mặn
khơi vơi những bất ngờ
buồn – vui
theo chiều xuống
vẫn xuống tới vô chừng

XUÂN BÍCH

HÌNH ẢNH HỌP MẶT TẠI TÒA SOẠN CỔ THƠM 6/29/2011



Kiều Nga, Ý Nguyễn, Kim Phụng, Tâm Hảo, Thái Phượng, Cung Lan, Thúy Hiền, Phong Thu.



Đồng ca Hề Về của Nhạc sĩ Hùng Lân. Hàng thấp: Thúy Hiền, Kim Phụng, Kiều Nga, Minh Trân, Như Hương, Ý Nguyễn, Thái Phượng, Loan Phượng, Hồng Thủy, Tâm Đạt, Phong Thu, Tâm Hảo, Ngọc Dung. Hàng cao: Hoàng Dung, Kiều Thu, Trúc Mai.



Hoàng Quý Nam, Phạm Trọng Lệ, Huy Lãm, Phan Khâm, Ngô Tăng Giao, Nguyễn Quốc Khải,
Vũ Anh Thanh.



Ngọc Dung, Tâm Đạt, Hồng Thủy, Trúc Mai, Kiều Thu, Thái Phượng, Nguyễn, Như Hương.



Ngọc Dung & Thái Phượng song ca *Nắng Chiều* của Nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn.



Ỡ Nguyễn, Phong Thu, Huy Lãm, Minh Châu, Kim Phụng,
Thái Phượng, Phạm Trọng Lệ.

Hồng Thủy, Loan Phượng.



Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Thái Phượng, Bạch Mai.



Phạm Văn Tuấn, Phạm Luân, Kiều Thu, Trúc Mai, Minh Trần.



Hoàng Dung, Kiều Nga, Hoàng Cung Fa, Đèo Văn Sách.



Tập duyệt đồng ca Sài Gòn Nhớ Mưa Thương cho buổi giới thiệu sách của Phong Thu.

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

Đọc lại truyện Kiều

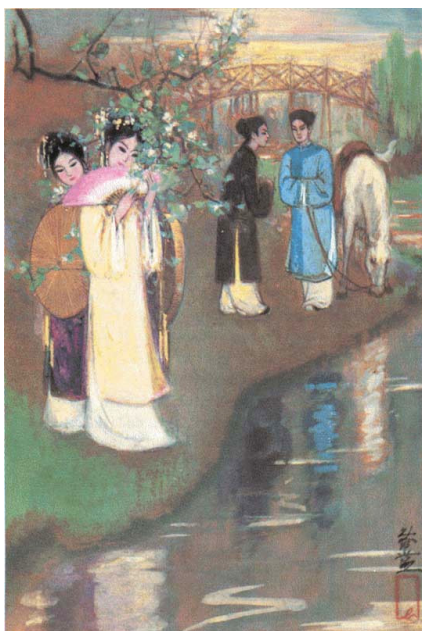
Ý Nghĩa Tự Do Trong Đoạn Trường Tân Thanh

Phạm Trọng Lê

Trường Tân Thanh, cũng như kịch tác gia Shakespeare mượn tạm cốt truyện xưa để viết nên một số những kịch phẩm La Mã bất hủ.

Hơn sáu chục năm nay Truyện Kiều được dẫn giải và bình luận rất nhiều. Ngày xưa phe Phạm Quỳnh bênh Kiều nói rằng: “Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn, tiếng ta còn thì nước ta còn.” Phe Ngô Đức Kế dựa trên luân lý cho truyện Kiều là một “dâm thư.” Người ta thường nói: “Đàn ông chớ kể Phan Trần; đàn bà chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều.” Nay đọc lại truyện Kiều để xem tác giả quan niệm thế nào là “tự do” theo quan niệm nhân bản; hệ thống tín ngưỡng của xã hội Kiều (Khổng, Phật, Lão) ảnh hưởng đến đời Kiều thế nào, và Nguyễn Du mượn Đoạn Trường Tân Thanh để bày tỏ thế nào là ý nghĩa tự do của con người về ba khía cạnh: cá nhân, nghệ thuật và xã hội.

Cũng xin dè dặt: việc phê phán tác giả qua cốt truyện chỉ có giá trị tương đối, vì Nguyễn Du mượn tạm cốt truyện Tàu của Thanh Tâm Tài Nhân để viết nên Đoạn



Trường hết, chúng tôi đồng ý phần nào với Văn Hạc Lê Văn Hòe rằng “Truyện Kiều giá trị không ở tư tưởng đạo đức, luân lý hay triết lý, cũng không ở cốt truyện, hay cách bố cục kết cấu, tình tiết. Cái giá trị tuyệt đối của Truyện Kiều là ở văn chương...” Chúng tôi muốn chứng minh rằng qua những nhân vật chính như Kiều, Từ Hải, Kim, Thúc, v.v... Nguyễn Du hàm ẩn một quan niệm về tự do rằng: con người đầy đủ phải là con người biết rung động chân thành, có lý trí, biết hòa hợp với thiên nhiên, ghét nổi bất công trong xã hội, nghĩa là một con người nghệ thuật và tự do.

A. Quan niệm của Nguyễn Du về Tự do

Nguyễn Du viết Đoạn Trường Tân Thanh (ĐTTT) để chứng minh thuyết Tài Mệnh Tương Đố bằng cuộc đời Thúy Kiều? Để khuyên người đời giữ thiện tâm? Để

gửi gắm tâm sự của một «hàng thần»? Đây cũng là lập luận của một số nhà phê bình từ trước đến nay. Đoạn mở đầu và đoạn cuối của Truyện Kiều khiến ai đọc cũng tin là chủ đích của Nguyễn Du là để chứng minh thuyết Tài Mệnh Tương Đố :

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau...*

*Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh tao mới được phần thanh tao.*

Phạm Quý Thích (1760-1825) cùng thời với Nguyễn Du (1765-1820) trong bài “Tổng vịnh Truyện Kiều” viết rằng:

*Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế gian.*

Chu Mạnh Trinh (1862-1905) cũng viết:
*Cung oán nỉ non đàn bạc mệnh,
Duyên may dun dùi lưới Tiên Đường.*

Bùi Kỷ, trong bài Truy điệu Tiên Điền năm 1927 cho biết một phần tâm sự Nguyễn Du:

*Gặp cơn Lê thị suy vi,
Kinh thành muốn lở, thăng tri muốn voi.*

...
*Giang hồ lãng miếu một thân,
Đặt dân bồng hóa hàng thần lạ thay!
Há chẳng biết cao bay xa chạy,
Cái công danh là bấy trên đời,
Song le con tạo trên người,
Buộc nhau chỉ một chữ thời mà đau.*

...
*Muốn động đến cừu toàn linh thánh,
Hỏi bao giờ tài mệnh không ghen.*

Theo thiên ý, khi viết ĐTTT, Nguyễn Du rất khéo léo: ngài không chỉ có ý chứng minh thuyết Tài Mệnh Tương Đố, mà cũng không viết ĐTTT chỉ với mục đích đem Kiều ra làm gương cho đời như những nhà phê bình đứng trên bình diện luân lý đã nhận xét. Nguyễn Du dường như có một

tâm sự mâu thuẫn: một mặt thì không nỡ đả phá những hệ thống sẵn có của một xã hội Khổng, Phật, Lão ở Việt Nam vào cuối thế kỷ 19. Nhưng ngài muốn ẩn tàng một ý niệm tự do của con người trong một thời đại mà những lễ nghi, tôn giáo, chính trị đang thay đổi. Cũng cần biết là cuối thế 18 đầu thế kỷ 19 là một giai-đoạn có nhiều biến chuyển về khoa học có ảnh hưởng đến những quan niệm về triết lý, thần quyền và quân quyền. Nguyễn Du vốn là người lịch duyệt, từng đi sứ sang Tàu, chắc hẳn biết những phát triển về khoa học và triết lý chẳng những trong thời đại ngài mà cả những thời đại trước.

Xin lược qua: ngay từ thời Phục Hưng (từ thế kỷ 14 đến cuối thế kỷ 16), quan niệm cho rằng trái đất là trung tâm vũ trụ (Ptolemaic system) không còn được chấp nhận nữa. Sau đó có những khám phá về hàng hải như năm 1512 Magellan đi vòng quanh trái đất; năm 1543 nhà thiên văn học Copernicus chứng tỏ rằng mặt trời, chứ không phải là trái đất, là trung tâm hành tinh hệ; Galileo chế ra viễn-vọng-kính năm 1609; Newton khám phá ra luật hấp dẫn vào thế kỷ 17; Lavoisier (1743-1797) hệ thống hóa môn phân tích định lượng hoá học. Về mặt chính trị thì Rousseau viết cuốn Xã Ước (Du Contrat Social) năm 1762 chủ trương dân quyền, chống lại quan niệm vương quyền của Hobbes (tác giả cuốn Leviathan) viết năm 1651, cho rằng con người ở trạng thái tiền xã hội rất man dã và vị kỷ nên tự nguyện chuyển nhượng những quyền thiên nhiên (natural rights) của mình cho một vị vua để đổi lại được hoà bình và an ninh. John Locke, triết gia người Anh, cũng nói rằng con người ở trạng thái tự nhiên khi chưa có xã hội thì đã có luật thiên nhiên (natural law) trong đó con người có quyền sống, tự do và có tài sản (Second Treatise on Government, 1688). Năm 1776 Thomas Jefferson khi viết

ý này trong bản Tuyên ngôn Độc lập Hoa-Kỳ, trong đoạn đầu, có nói rằng:

«... Mọi người sinh ra đều bình đẳng, rằng con người được Thượng Đế ban cho quyền bất khả nhượng là quyền sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc, rằng để thực hiện và bảo đảm những quyền này con người mới thành lập ra chính phủ và cho chính phủ những quyền chính đáng đặt trên sự thoả thuận của người dân...rằng bất cứ khi nào một hình thức chính phủ trở nên huỷ hoại đối với những cứu cánh trên thì người dân có quyền thay đổi hay huỷ bỏ chính phủ đó và thiết lập một chính phủ khác đặt trên nền tảng những nguyên tắc sao cho có thể đem lại cho dân an ninh và hạnh phúc.»
(Xem Declaration of Independence)

Tóm lại, con người ngay từ thời Phục Hưng đã bắt đầu nghi ngờ về thuyết tiền định khi thấy thiên văn tạo vật cũng thay đổi chứ không hoàn toàn bất biến. (Trong ĐTTT Kim Trọng cũng an ủi Kiều rằng «Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.») Con người với tư tưởng của Locke, Rousseau và Jefferson, không còn tin tưởng vào quân quyền nữa. Trong văn chương con người đã trở thành chủ điểm. Những nhà văn lãng mạn bắt đầu mô tả con người với những dục tình mãnh liệt. Khi Nguyễn Du còn trẻ, chắc ngài đã biết những thành quả của Nguyễn Huệ cũng sự xâm nhập của nước ngoài vào Việt Nam. Khi vua Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789 (cũng là năm cách mạng Pháp bùng nổ) thì Nguyễn Du đã 24 tuổi. Theo sử gia Trần Trọng Kim thì người ngoại quốc đã đến Việt Nam ngay từ đầu thế kỷ 17. Năm 1614 đời chúa Sãi có người Bồ Đào Nha tên Jean de La Croix đến lập lò đúc súng tại Thuận Hoá, năm 1637 người Hoà Lan được chúa Trịnh cho phép mở

cửa hàng buôn bán ở Phố Hiến thuộc Hưng Yên đông đến «1,000 nóc nhà, làm thành ra chỗ vui vẻ lắm », cho nên tục ngữ bấy giờ có câu rằng:« Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì phố Hiến. » (Việt Nam Sử Lược, quyền nhì, trang 96).

B. Nếu chấp nhận giả thuyết rằng

Nguyễn Du cũng am hiểu không nhiều thì ít những biến đổi của thời đại ông, và ông có suy nghĩ, diễn đạt vào những nhân vật trong truyện Kiều một ý-niệm tự do nhân bản rằng con người đầy đủ là con người biết rung động, có lý trí, có tín ngưỡng; lòng thành có thể động đến quỷ thần («*Kiều rằng những đấng tài hoa/Thác là thể phách còn là tinh anh* »); yêu tự do, ghét bắt công («*Anh hùng tiếng đã gọi rằng/Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha... Phong trần mài một lưỡi gươm/Những phùng giá áo túi cơm xá gì.*») v.v.. thì có thể tóm tắt ý niệm tự do của ngài vào khía cạnh: tự do cá nhân, tự do nghệ thuật và tự do xã hội.

Ngay từ đầu Truyện Kiều, Nguyễn Du đã viết: «*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*» Điều đó chứng tỏ kinh nghiệm sống của tác giả cũng có phần nào ảnh hưởng đến truyện Kiều. Trong bài «*Tế Thập Loại Chúng Sinh*» ngài cũng nói «*Đau đớn thay phận đàn bà.*» Ngài ắt hẳn thấy số phận của người đàn bà nói riêng, hay số phận của người nghệ sĩ nói chung, trong một xã hội đầy khuôn mẫu gò bó. Mà vượt ra khỏi những khuôn mẫu đó là một đòi hỏi của tự do cá nhân. Nếu không chấp nhận tiền đề này thì khó có thể hiểu tại sao Nguyễn Du tạo cho nhân vật Kiều vượt ra ngoài khuôn mẫu đạo đức của một xã hội Khổng, Mạnh. Trong một xã hội phong kiến, với những khắt khe của đạo đức, Kiều đã được theo học như nam giới, thi hoạ cầm kỳ, để có thể đối ẩm với nam giới. Kiều lại còn tự ý gán bó với người yêu đang khi cha mẹ đi vắng, lên sang nhà trai

tình tự (« *Săm sẫm băng lối vườn khuya một mình...Vi hoa nên phải đánh đường tìm hoa/Bây giờ tỏ mặt đôi ta /Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao.* ») Hơn nữa, khi đã đi lấy Mã Giám Sinh, Kiều còn dám nhờ cha lo dùm chuyện Kim Trọng (« *Lạy thôi nàng lại rên duyên/Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.* »)

Nhưng nếu nhân vật Kiều biểu tượng cho tự do cá nhân thì cái tự do này cũng đi đôi với lý trí. Hãy xem như khi Kim Trọng có ý lời lẽ, Kiều đã biết ngưng lại :

*Đã cho vào bạc bố kinh.
Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu,
Ra tuồng trên bực trong dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi.*

....

*Vội chi ép liễu hoa nài,
Còn thân còn một đến rồi có khi.*

Quyết định thứ hai của Kiều, theo thiên ý, là một quyết định tự do, ấy là khi Kim Kiều tái hợp, Kiều xin đổi tình vợ chồng ra tình bạn bè. Nếu cho rằng một hành động tự do là một hành động mà người hành xử không bị cưỡng chế, ở trong một hoàn cảnh thuận lợi, và biết rõ về hậu quả về hành động của mình thì khi quyết định như vậy, Kiều đã hành động như một con người tự do, có lý trí, ngược lại sự năn nỉ của Kim và sự khuyến dụ của gia đình. Mà tự do cá nhân chẳng qua là căn bản của tự do nghệ thuật. Trong Truyện Kiều không thiếu những cảnh đáng bị «kiểm duyệt.» Thí dụ như cảnh Tú Bà dạy Kiều cách tiếp khách:

Nghề chơi cũng lắm công phu.

Hay cảnh Kiều tắm:

*Buồng the gặp buổi thông dong,
Thang lan rủ bức trướng hồng tằm hoa.
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một toà thiên nhiên.*

Trong cái tình huống ấy, Thúc sinh như một nghệ sĩ tài hoa, làm một bài thơ vịnh

cảnh Kiều tắm: “*Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường,*” và được khen là “*Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu*” Nếu Thúy Kiều và tài sắc của nàng biểu tượng cho một tự do cá nhân thì đó cũng là đối tượng của người nghệ sĩ. “*Văn sĩ, giai nhân,*” Chu Mạnh Trinh, trong “*Bài Tựa Truyện Kiều,*” đã bảo là “*cùng kiếp hoa nghiêm nặng nợ,*” và nhận là “*ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu*” (bản dịch của Đoàn Quỳ). Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân trong bài tựa Truyện Kiều cũng viết rằng: *Thúy Kiều khóc Đạm Tiên, Tố Như Tử làm truyện Thúy Kiều, việc tuy khác nhau mà lòng thì là một; người đời sau thương người đời nay; người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông luy của bọn tài tử khắp trong gấm trời và suốt cả xưa và nay vậy.*” (bài Tựa Truyện Kiều của Tiên Phong Mộng Liên Đường Chủ nhân làm tháng hai niên hiệu Minh Mệnh, in lại trong Truyện Thúy Kiều, do Bùi Kỷ và Trần trọng Kim hiệu đính (Sài Gòn: Tân Việt, 1968) in lần thứ tám, tr. XLVIII.

Khía cạnh thứ ba của tự do là khía cạnh xã hội. Qua nhân vật Từ Hải, Nguyễn Du dường như hé cho ta thấy một xã hội bất công, và một nghi vấn về tính cách hợp pháp của một chế độ quân chủ chuyên chế. Theo truyện Tàu thì Từ là một tướng giặc, nhưng suốt trong truyện không thấy Nguyễn Du tả Từ như một tướng giặc, mà là một nghệ sĩ, “*gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.*” Từ cách ăn nói, đến cử chỉ và diện mạo của Từ, và lời thưa gửi lễ phép của Kiều, Từ là một người khí phách:

*Lại đây xem mặt cho gần,
Phỏng tin được một vài phần hay không.
Thưa rằng lượng cả bao dung,
Tấn dương được thấy mây rồng có phen.*

Tính cách “*đế vương*” của Từ Hải được diễn tả qua những chiến công hiển hách của nhân vật này:

*Thờ cơ trúc chẻ ngói tan,
Bình uy từ đấy sấm vang trong ngoài.
Triều đình riêng một góc trời,
Gồm hai vắn võ rạch đôi sơn hà,
Đòi cơn gió quét mưa sa
Huyện thành đập đổ năm toà cõi nam.*

Từ không phải là hạng võ dũng vô mưu.
Khi Hồ Tôn Hiến dụ hàng, Từ đã nghi ngờ:
*Một tay gậy dựng cơ đồ
Bấy lâu bề Sở sông Ngô tung hoành,
Bỏ thân về với triều đình,
Hàng thần lơ láo phận mình ra đâu!
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
Vào luôn ra cúi công hầu mà chi!
Sao bằng riêng một biên thủy,
Sức này đã dễ làm gì được nhau.*

Thật là khẩu khí của một người làm chúa một biên thủy, chẳng phải là lời một tên giặc! Ngay khi đã yên rồi mà dư âm còn âm ỉ: “*Sóng yên Phúc Kiến lừa tàn Triết Giang.*” Nếu không phải là người ham muốn tự do chắc không thể chấp nhận để cho nhân vật Từ nói lên những lời bằng những từ ngữ dành cho bậc vua chúa.

Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, Nguyễn Du rất khéo: ngài tôn trọng cốt truyện để Từ phải chết. Dầu chết mà phi phách vẫn phi thường:

*Khí thiêng khi đã về thần,
Nhon nonh còn đứng chôn chân giữa vòng.*

Nguyễn Du không thể để Từ thắng triều đình nhà Minh (tuy đã tả là “gồm hai vắn võ rạch đôi sơn hà”) vì như vậy là đảo lộn trật tự xã hội trong đó trật tự quân thần chỉ là một hình ảnh của trật tự thiên nhiên và vũ trụ theo như quan niệm quân chủ xưa. (E.M.W. Tillyard, *The Elizabethan World Picture*, 1943). Cũng như Shakespeare, Nguyễn Du không tán thành sự nổi loạn. Ngài chỉ hé mở cho ta thấy một nghi vấn về tính cách hợp pháp của một nền quân chủ

chuyên chế. Trong một xứ rộng lớn như Trung Hoa, dầu nhà vua được tả là “*Rằng ơn thánh để dồi dào/Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu*” mà những mục nát, bắt công đầy rẫy (“*Có ba trăm lạng việc này mới xuôi*”); buồn người về làm ca nương, con quan Lại bộ thượng thư mà trong nhà nuôi bọn tôi tớ giao cho cả việc bắt cóc người về hành hạ. Một xã hội được tả là “*Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng*” mà một vị tướng giặc như Từ Hải có thể “*Năm năm hùng cứ một phương hải tần*” và có thể sai hai đạo quân đi bắt người về để trả ân oán “*Đạo ra Vô Tích đạo vào Lâm Truy*” thật dễ dàng thì đủ hiểu uy-quyền của trung ương lỏng lẻo đến mức nào!

C. Tóm lại, nếu câu nói của Buffon đọc trước hàn lâm viện Pháp năm 1753, rằng “qua văn phong ta có thể biết chính người viết vậy,” (*Le style, c'est l'homme même*) có phần nào đúng thì ta có thể kết luận là khi viết ĐTTT, Nguyễn Du không chỉ muốn chứng minh thuyết Tài Mệnh Tương Đố hay dùng gương Kiêu để người đời soi chung mà thôi. Viết Truyện Kiêu, phải chăng Nguyễn Du đã sử dụng nhiều khía cạnh khác nhau của nhiều nhân vật khác nhau để hé mở cho độc giả thấy một ý niệm tự do. Với tâm hồn nghệ sĩ, với kinh nghiệm của một người đi và sống nhiều, thấy cảnh nước loạn dân dân khổ--từ khi chia đôi Nam Bắc với Trịnh-Nguyễn phân tranh đến hết thời Nguyễn Huệ tới thời Gia Long, Việt Nam luôn luôn có chiến tranh, hoặc trong nước hoặc chinh phạt nước ngoài--ngài ắt hiểu những lẽ biến chuyển của tạo hoá và chính trị đương thời nên đã cho ta thấy ba khía cạnh chính của một ý niệm tự do nhân bản: ấy là tự do cá nhân, tự do nghệ thuật và tự do xã hội.

(Viết xong tại Fairfax, Virginia 1979; sửa lại 5/30/11--PTL)

ĐƯỜNG NÀO LÊN THIÊN THAI

ĐỒ PHÚ

Trong cuộc đời có nhiều chuyện hay biến cố thay đổi, biến động từ từ hoặc bất ngờ xảy ra mà mình không hay hoặc không ngờ tới được. Cách đây vài tuần lễ, vợ chồng tôi đi dự đám cưới con anh chị Minh ở vùng Ontario, tiểu bang Ca Li. Anh chị Minh năn nỉ chúng tôi qua dự đám cưới và nhân thể qua thăm vùng anh chị ở cho biết, cháu Thanh là con trai chót lấy vợ. Vùng anh chị ở nằm gần tiểu bang Nevada, chỉ khoảng 4 giờ lái xe là tới Las Vegas, nơi hoa lệ đầy sông bãi nổi tiếng thế giới và thường xuyên có nhiều buổi trình diễn văn nghệ hay của giới điện ảnh và truyền thông Hoa kỳ. Chúng tôi dành 1 tuần đi ăn cưới và đi chơi vùng Los Angeles, nếu có thì giờ sẽ qua thăm thủ phủ cờ bạc Las Vegas. Anh Minh nói sẽ nghỉ 1 tuần lễ lo đám cưới và đưa chúng tôi đi chơi bằng xe hơi. Sau ngày cưới của cháu Thanh, vợ chồng Minh rủ chúng tôi đi Los Angeles chơi, ăn những món ăn Việt như bánh xèo Vân, phở Việt, phở Nguyễn Huệ hay ăn tối bò bầy món. Từ nhà anh chị lên Los chỉ chừng hai giờ lái xe. Vùng Ontario chẳng có gì đáng xem cho du khách, chỉ cần lái xe lướt qua 20 phút là hết khu phố xá. Vừa lên xe, Minh nói trên đường đi cho anh ghé qua nhà thờ St. George thăm ông Sáu đưa vài món ăn anh chị để dành cho ông vì hôm qua ông ta bận không tới dự đám cưới được. Minh kể vùng anh chị ở rất ít người Á Châu, người Việt thì lại càng ít, anh chị ở đây cả chục năm mà không có người bạn Việt nào ngoài ông Sáu. Nhờ công việc làm bận rộn và con cái đông nên anh chị ít thì giờ rảnh rỗi dành cho bạn bè.

Vào đến nhà thờ chúng tôi thấy một ông già khỏe mạnh, tóc hai màu, muối nhiều hơn

tiêu, bước ra chào đón vợ chồng Minh, Minh nói với tôi: đây là ông Sáu mà tôi vừa nói chuyện với anh chị. Ông Sáu nhìn tôi sững lại, cả tôi cũng vậy, tôi không ngờ, ông Sáu mà Minh nói lại là Thụ, phải Hoàng Thụ, một anh nhà báo, một nhà văn, một nhà thơ, một họa sĩ tài tử, anh đã một thời là biểu tượng của đa tài, đa tình đào hoa chiếu mạng, chúng tôi thường đùa anh là con người của mọi nhà văn nghệ, được mọi người nể chuộng, ca ngợi, nơi nào có các cô gái trẻ đẹp đam mê văn nghệ, mơ mộng nghệ sĩ là có anh. Vào những năm 1967-1975, cuộc chiến ở miền Nam đi vào thời kỳ khốc liệt, Cộng Sản gia tăng khủng bố và đánh phá miền Nam và nhiều tỉnh thành gần Sài Gòn. Anh là một quân nhân, với cấp bậc trung úy, được bổ nhiệm làm ký giả, nên anh có mặt ở nhiều nơi. Anh được đi nhiều, thấy tận mắt, tai nghe tận mạch nhiều chuyện thời sự, biến chuyển, cộng với khiếu ăn nói khéo léo, dáng vẻ đẹp trai, anh được nhiều người ưa thích quý mến. Tôi thường nói bạn Thụ ra đời trên nhung lụa, bạn được hưởng hầu hết mọi thứ mà trời phật đã ban cho con người, đẹp trai ư bạn có, học hành khá ư bạn có, con nhà giàu ư bạn cũng có. Tính bạn lại hòa nhã nên bạn đáng được hưởng lộc trời ban cho. Tôi còn nhớ một lần anh kê cho tôi nghe câu chuyện tình đầy tính yêu đương, lãng mạn của anh. Đó là dịp Tết Mậu Thân 1968 khi Cộng Sản đã vi phạm và lợi dụng những ngày nghỉ Tết, do chính chúng yêu cầu, của quân dân miền Nam, sua quân tràn vào các tỉnh nhằm xâm chiếm miền Nam, hầu hết các tỉnh đều đẩy lui được VC ra khỏi thành phố. Ngoại trừ Huế, VC chiếm giữ được 23 ngày, chúng đã giết và làm mất tích trên 6.000 thường dân, 23 ngôi mộ tập thể đã được tìm thấy ở nhiều nơi ở Huế. VC đã dùng gần nửa triệu quân và khoảng 100.000

du kích để tổng công kích miền Nam nhưng họ đã hoàn toàn thất bại.

Lúc đó Thụ đang ở Huế, anh ra Quân Đoàn I hai tuần trước Tết để viết phóng sự ngày xuân của anh em binh sĩ miền hỏa tuyến. Ngày 31 tháng 1 năm 1968, lúc hay tin VC đang tràn vào Huế, anh nhớ tới cô Bảo Quỳnh, nữ sinh Đồng Khánh bạn gái anh mới quen. Anh lái xe Jeep đến đường Hồ Thành kịp lúc ba mẹ con đang luống cuống tìm đường chạy. Anh mời họ lên xe, Bảo Quỳnh không còn e ngại như gặp anh lần đầu, giục mẹ và em lên xe, anh đưa cả ba người tới Mang Cá phía sau trại của quân đội Mỹ, nhờ vào tấm thẻ báo chí Mỹ Việt anh có thể ra vào các cơ sở quân dân sự Mỹ gặp 1 số bạn ký gia anh quen biết. Sau khi gửi được ba mẹ con Bảo Quỳnh vào nơi tạm an toàn, anh đi theo nhóm ký gia Việt và ngoại quốc để thu thập tin tức. Quân đội Mỹ và Việt đã bắt đầu phản công và cuộc chiến thật dữ dội, đến 23 ngày sau mới tiêu diệt được hết các ổ kháng cự của cộng quân. Trong thời gian bận đi lấy tin tức, viết bài gửi về Sài Gòn, anh không quên hàng ngày đến thăm và tiếp tế thức ăn cùng vật dụng cần thiết cho mẹ con Bảo Quỳnh. Thụ nói lần đầu thấy Bảo Quỳnh trong đoàn học sinh, sinh viên đi ủy lạo anh em binh sĩ TQLC, anh đã bị hình bóng của người em gái hậu phương này hút hồn. Quỳnh có nét đẹp thủy mị, dịu dàng, bẽn lẽn, kín đáo nhưng rất quyến rũ, da cô trắng hồng, mịn màng, mắt tròn đen lánh, ngây thơ dịu hiền, má có đôi lún đồng tiền nhỏ với nụ cười hết sức duyên dáng, tóc sõa sau lưng, đôi bàn tay thon thả, nhỏ nhắn. Vừa nhìn thấy Bảo Quỳnh là tôi cảm thấy tìm được người trong mộng của mình từ thửa nào. Nếu được yêu thì đây mới là người tôi yêu thực lòng. Thụ nói tôi không dám phát biểu điều gì, và tôi nghĩ Bảo Quỳnh cũng nghĩ như tôi, như sau này nàng có dịp kể lại. Sau biến cố Mậu Thân, Thụ trở về Sài Gòn anh cố quên Bảo Quỳnh nhưng

mối liên lạc giữa anh và Quỳnh càng ngày càng thấm thiết và thắt chặt thêm qua thư từ. Nhiều lần Quỳnh đòi vào Sài Gòn thăm anh nhưng anh gạt đi và cố gắng giữ một mối tình bạn đẹp. Đầu năm 1970, Thụ ra Huế công tác, đến thăm Bảo Quỳnh, vừa gặp anh, Quỳnh đã ôm anh rồi sau đó nắm chặt tay anh như không thể rời ra được nữa. Quỳnh đã thổ lộ mối tình nồng nhiệt của cô đối với Thụ. Cho đến lúc ôm chặt Bảo Quỳnh trong tay, anh mới thú với Quỳnh là anh đã có vợ và 1 con trai 8 tuổi. Nhưng anh nói người vợ của anh do cha mẹ sắp xếp cho anh lúc anh 18 tuổi, anh không có được tình yêu như yêu thương đối với Bảo Quỳnh mà anh chỉ có cảm giác tình nghĩa đối vợ con mà thôi. Bảo Quỳnh nói em yêu tôi và hỏi tôi có cách nào lấy nhau được không? Tôi trả lời có thể khi hai con tim đã hòa nhịp. Tôi sẽ xin ly dị vợ. Thế rồi chúng tôi yêu nhau không rời nhau suốt 3 tháng tôi công tác ở Huế. Yêu em như yêu lần đầu, không biết ai viết câu đó mà sao nó đúng với tôi đến thế. Khi Bảo Quỳnh trong vòng tay âu yếm của tôi, tôi hầu như quên hết tất cả. Chỉ có một tình yêu với Bảo Quỳnh là duy nhất và như bất tận. Mẹ và em Bảo Quỳnh cũng nhìn tôi với con mắt ngậm cảm thông, chấp nhận mối tình của hai đứa tôi, có thể là vẫn chưa biết chuyện tôi đã có vợ.

Ngày vui nào rồi cũng hết, đến ngày tôi trở lại Sài Gòn, Quỳnh chia tay tôi trong nước mắt, tôi hứa tôi sẽ nói với gia đình và vợ con giải quyết một mối tình không có tình yêu chỉ có nghĩa, không nên tồn tại, nó chỉ kéo dài cuộc sống nhạt nhẽo mà thôi. Thụ nói rằng anh quên kể cho tôi hay một yếu tố quan trọng là gia đình anh và Bảo Quỳnh đều là người công giáo. Công giáo cấm ly dị, chắc anh biết. Anh sẽ nói chuyện với cha Tuyên, một người bạn của gia đình nhờ giúp đỡ, tìm cho anh một giải pháp ly dị nào đó như một ngoại lệ của tòa thánh.

Khi đối diện với vợ, Thụ cho hay anh không thể nào nói lên được điều anh muốn nói. Vợ anh cũng khá xinh đẹp, đâu có xấu xa gì, tính tình cũng dịu dàng, lễ phép, biết cách cư xử với mọi người nên được cả nhà và họ hàng anh yêu mến. Nàng đâu có lỗi gì để anh nêu lên vấn đề ly dị sau gần mười năm chung sống, nàng là người biết và đã hy sinh nhiều cho chồng con, rồi còn thằng con ngoan của anh nữa. Nói làm sao đây. Anh đến gặp cha Tuyên, anh mới nói chuyện sơ qua về vấn đề vợ chồng ly hôn một cách tổng quát, anh chưa kể đến trường hợp của anh, cha đã khẳng định ly hôn là vấn nạn bất khả thi. Sau nhiều ngày tháng buồn phiền ưu tư không tìm được lối thoát cho vấn đề ly hôn. Thụ nói anh đã viết cho Bảo Quỳnh một lá thư dài với lý lẽ thêm sàu bi để cho Quỳnh dễ tin hơn như kể rằng cha Tuyên đã không cho anh ly dị vợ anh và cả gia đình anh đều phản đối, vì vậy anh không thể làm những điều sai trái với luân thường đạo lý của gia đình và những điều ngăn cấm của giáo hội.

Sự sụp đổ của miền Nam tự do đưa đẩy Thụ và gia đình di tản sang Hoa Kỳ. Gặp lại Thụ, và nhìn anh già đi nhanh hơn trí tưởng tượng của tôi, tôi hỏi tường lại những ngày đầu tôi gặp Lê Hoàng Thụ trong một buổi tiếp tân của Hội Việt Phi mà tôi làm phó Chủ Tịch, anh là một thanh niên khỏe mạnh, đẹp trai, đáng đáp cõi mở, yêu đời, nói tiếng Anh lưu loát. Tôi cảm thấy nói chuyện với anh thật dễ dàng, dễ trở nên thân mật, khi tôi ngỏ ý mời anh vào Hội, anh hoan hỉ nhận lời. Từ đó chúng tôi thường gặp nhau trung bình một tháng một lần, trong các buổi hội họp, tiếp tân hay đi họp bạn. Anh là người có quá nhiều ưu điểm, đẹp trai, con nhà giàu có, ăn nói lưu loát mà lại chững chạc, đứng đắn, anh có vẻ cẩn thận, làm gì cũng phải hoàn hảo. Anh có vẻ như muốn việc gì đến với anh cũng phải toàn thiện, anh lúc nào cũng như đang vươn lên đi tìm những điều hay đẹp nhất của cuộc

đời. Từ ngày anh vào quân trường Thủ Đức, chúng tôi ít gặp nhau, chỉ một năm đôi lần, nhưng lần nào gặp anh, anh cũng có chuyện vui kể cho chúng tôi nghe, nhất là những chuyện tình như gió thoảng, mây bay, hay tình văn nghệ của anh. Bạn bè ai cũng khoái nghe anh kể chuyện, khen anh có tài sào nầu câu chuyện, thêm mắm muối gia vị cho chuyện thêm thi vị, hào hứng. Ngày anh chia tay với Bảo Quỳnh, tôi nhớ anh có mời tôi đi ăn tối ở nhà hàng La Cave, anh kể cho tôi nghe câu chuyện với đầy cảm xúc, đau đớn khi phải chia tay người yêu, suốt buổi tối hôm đó, anh nói liên tục và uống rượu vang cho đến khi say sị. Có lần Thụ nói chỉ có tôi là bạn mà anh thấy thoải mái nhất để tâm sự khi cần, anh nói anh không giấu tôi một điều gì, vì khi bộc lộ ra được điều thầm kín của mình, mình thấy tâm hồn sáng khoái, nhẹ nhàng.

Anh mời tôi và Minh buổi chiều sau khi đi Los về đến anh chơi, dùng cơm tối để hàn huyên sau nhiều năm mới có dịp gặp lại.

Tối hôm đó tôi và Minh trở lại nhà thờ thăm anh, ông sáu già Thụ. Thụ dẫn chúng tôi đi thăm nhà thờ, anh nói nhà thờ của anh là nhà thờ nhỏ, có một vị cha chánh sở lo việc thánh lễ, ông ở nhà riêng, phía sau nhà thờ độ 500 thước. Anh dẫn chúng tôi ra phía sau nhà thờ, lên lầu hai có một phòng khá rộng dành cho anh vừa làm phòng ngủ vừa làm phòng khách, bên cạnh có một cái bếp nhỏ và nhà cầu sạch sẽ. Anh lấy rượu vang và vài món ăn ra mời chúng tôi ăn nhâm nhi. Tôi hỏi tại sao anh lại trở thành thầy sáu, anh kể cuộc đời sao nhiều trở trêu đau buồn, nhiều năm sống trong cuộc chiến tàn khốc do CS hung bạo, khát máu mang lại, bên cạnh cái chết hàng ngày của nhiều đồng đội, của dân chúng, làm cho tâm hồn con người trở nên bình lặng, sống ngày nay chết ngày mai, những gì mình ham muốn đều có thể tan biến trong khoảnh khắc. Mặc dù anh được làm nhà báo, làm phóng viên, người lính cầm cây viết ít gặp

nguy hiểm nhưng anh vẫn phải nhìn và phải lần lóc bên cạnh cái chết của đồng đội mỗi ngày. Cuộc tình sội động của anh, anh cũng không giữ được, anh phải sống trong cuộc sống buồn tẻ và trong một nền nếp sống anh không thể đập vỡ nó được. Anh muốn một cuộc sống đích thực của anh, anh đã tìm thấy nó mà anh không có cách nào giữ nó được cho anh. Khoảng mười năm sau, sau khi cha mẹ anh mất, vợ anh bỏ anh, con anh vào Đại Học mỗi năm về thăm anh vài lần càng ngày càng như người xa lạ, anh không hề nói cho ai hay về câu chuyện Bảo Quỳnh của anh, anh không biết vợ con anh có biết chuyện đó hay không. Cuộc sống của anh ở hải ngoại đã buồn, hoàn cảnh gia đình anh lại làm cho nó tẻ nhạt thêm.

Thụ nói anh dành nhiều thì giờ cho hội đoàn và các công tác từ thiện. Anh muốn đóng góp tiếng nói đòi hỏi dân chủ và nhân quyền thực sự cho Việt Nam, sau hơn 30 năm rồi mà VN vẫn còn là một nước nghèo hèn, dân chúng vẫn còn bị CS áp bức, họ không có tiếng nói, chính quyền CS càng ngày càng lún sâu vào tham nhũng, cửa quyền, tạo ra muôn vàn tệ nạn như buôn lậu, như đẩy nhân công ra làm nô lệ nước ngoài, tệ nạn buôn người, bán phụ nữ càng ngày càng rộng lớn. Tệ nạn giàu nghèo quá chênh lệch, sự đối xử bất công, nạn dân oan mất nhà đất, ruộng vườn không được giúp đỡ cộng với sự lên lút nhưng đất đai, bờ biển cho Tàu Cộng làm cho tai họa mất nước cận kề. Nhiều nhà tri thức kiên trì lên tiếng đòi hỏi dân chủ, nhân quyền cho dân như Bs Nguyễn Đan Quế, LM Nguyễn Văn Lý, thầy Thích Quảng Độ, Ls Lê thị Công Nhân, Ls Nguyễn Văn Đài... thì bị CS cầm tù, sách nhiễu. Sự sáo trộn tâm tư lớn nhất của Thụ là khi anh vào thăm một cô nhi viện ở Brazil, nhóm của anh được một soeur phó Giám Đốc ra đón tiếp, chào mừng. Thụ nhận ra ngay vị nữ tu đó chính là Bảo Quỳnh,

sau 30 năm soeur vẫn mang nét mặt đó, già dặn hơn xưa, vẫn đẹp nhưng nghiêm nghị, dẫn dôi hơn, Thụ nghĩ rằng soeur không nhận ra anh, vì anh già nhiều, thay đổi nhiều. Trong buổi tiếp tân, soeur có nhìn anh vài lần nhưng lạnh lùng quay mặt đi, Thụ không tìm được cơ hội thuận tiện nào để ngỏ vài lời thăm hỏi riêng tư. Ấn tượng về soeur Nichole làm cho anh đau nhói nơi tim. Anh cảm thấy anh là một kẻ có tội đã lợi dụng tình cảm của một người con gái mới lớn, mới biết yêu đưa họ vào lạc thú của tình yêu, khi biết rằng mình không thể lấy được họ anh vẫn tiến tới để đến sau cùng anh bỏ chạy mà không giám nhận lỗi và xin lỗi. Lời xin lỗi dù muộn màng vẫn là lời xin lỗi. Thụ kể rằng càng lớn, càng sống nhiều và những ngày sau này, anh càng thấy anh đã phạm nhiều lỗi lầm là làm cho cha mẹ buồn phiền, sầu não nhưng họ không bao giờ than vãn. Vợ anh dù anh không nói, chắc cũng biết hay linh cảm thấy điều gì do sự tẻ nhạt, hững hờ trong lối sống của anh, anh thấy mình thật có tội thì mọi việc đã quá trễ.

Anh tìm đến vùng này ở, để tìm quên, để sống sao cho mọi người không biết đến anh và anh cũng thanh thản với cuộc sống cho đến ngày cuối của cuộc đời. Sau đám cưới của con anh chị Minh, chúng tôi trở về nhà với tâm trạng buồn vui khó tả, buồn vì đã chứng kiến một viên ngọc quý của thời đại của chúng tôi đã rơi vào sai lầm, tội lỗi, chúng tôi vui vì đã gặp lại được người bạn xưa một thời thân quý dù nay đang ở vào hoàn cảnh khá khác thường. Nhưng điều mà chúng tôi vui là thấy Thụ biết mình có lỗi, nhận lỗi và lúc nào cũng xin tạ lỗi với đời, anh đang sống hữu ích cho xã hội qua vai trò ông Sáu đáng kính trọng của nhà thờ.

ĐỖ PHÚ
(Virginia)

Đạo Trời Của Nguyễn Du Trong TRUYỆN KIỀU

Phương Du Nguyễn Bá Hộ

Sau khi sáng tác xong quyển truyện Kim Vân Kiều, Nguyễn Du trao bản thảo với nhan đề Đoạn Trường Tân Thanh cho Tiến Sĩ Phạm Quý Thích để nhờ in. Cụ Phạm Quý Thích nhận in và đổi nhan đề là Kim Vân Kiều Tân Truyện để cho người đọc dễ hiểu hơn là nhan đề chữ Hán Đoạn Trường Tân Thanh. Vì vậy Truyện Kiều của Nguyễn Du có hai tên gọi: một là Kim Vân Kiều Tân Truyện gọi tắt là Truyện Kiều, hai là Đoạn Trường Tân Thanh.

Nhan đề nôm na Truyện Kiều dùng cho giới độc giả bình dân thường thức câu chuyện phong tình của một thiếu nữ trẻ, đẹp, đa tài, không làm gì nên tội mà phải chịu nhiều cảnh ngộ đau khổ.

Nhan đề Đoạn Trường Tân Thanh có tính cách triết lý dùng cho giới trí thức tìm hiểu tư tưởng mới (tân thanh) của tác giả về vấn đề đau khổ (đoạn trường), một đề tài rất khó giải thích nhất là về nguyên nhân.

Thông thường người ta giải thích một đề tài triết lý bằng văn xuôi nhưng Nguyễn Du lại trình bày bằng văn vần ở thể lục bát, một thể thơ giàu vần điệu, rất xuôi tai, lời hay ý đẹp làm lôi cuốn người đọc. Như thế Nguyễn Du quả là một thiên tài đáng để cho Cơ Quan Văn Hóa Quốc Tế (UNESCO) vinh danh Truyện Kiều là một di sản văn hóa của nhân loại.

Trong những buổi họp do Câu Lạc Bộ Văn Hóa Ba Lê tổ chức, tôi đã có dịp trình bày những nét đẹp về văn chương và tư tưởng của Nguyễn Du trong Truyện Kiều. Sau đây

tôi xin trình bày một cách ngắn gọn khía cạnh tín ngưỡng của Nguyễn Du trong tác phẩm nói trên. Chúng ta đều biết Nguyễn Du là một nhà nho rất hài hòa về phương diện đạo giáo. Cụ đã đề cao những nét tinh hoa của Lão giáo, Khổng giáo và Phật giáo qua lời nói của đạo cô Tam Hợp, sư Giác Duyên, Thúc Sinh, Kim Trọng và Thúy Kiều. Nhưng đối với Cụ về phương diện tâm linh tam giáo vẫn chưa đủ, cho nên cụ đã trình bày thêm một đạo giáo nữa, đó là đạo Trời.

Về quan niệm đạo Trời của Nguyễn Du, ta có hai nhận xét sau đây:

1) Nguyễn Du là thi hào Á đông duy nhất nói về Trời một cách kính cẩn, và về đạo Trời một cách rõ ràng và nghiêm chỉnh.

2) Những quan niệm về Trời và đạo Trời của Nguyễn Du trùng hợp với niềm tin của Ki-tô giáo.

Tôi xin chứng minh hai nhận xét này bằng những câu thơ trích trong truyện Kiều.

Quan niệm về Trời của Nguyễn Du

- Nguyễn Du tin Trời là đấng tạo hóa dựng nên mọi sự trong vũ trụ. Những danh từ chỉ về Trời như con Tạo, Hóa công, Hóa nhi, Trời xanh, Trời già, Trời cao thường được Cụ sử dụng rất nhiều lần trong tác phẩm:

Cũng liêu nhắm mắt đưa chân

Mà xem con Tạo xoay vần đến đâu

Hóa nhi nào có nữ lòng

Làm chi giấy tía vò hồng lấm nau

Phũ phàng chi mấy Hóa công

Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha

Hồng quân với khách hồng quân
Đã xoay đến thế còn vẫn chưa tha.

- Nguyễn Du tin Trời là đấng thần linh, quyền phép vô biên, điều khiển mọi sự trong vũ trụ. Để xác nhận niềm tin này, Cụ đã dùng hai lần cụm từ "muôn sự tại Trời":

*Cho hay **muôn sự tại Trời**
Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta...*

*Ngẫm hay **muôn sự tại Trời**
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao*

Những quan niệm trên về Trời của Nguyễn Du đều trùng hợp với niềm tin của Ki-tô giáo. Thật vậy, ngay trong phần mở đầu của kinh Tin Kính (Credo) ta thấy: “*Tôi tin kính Đức Chúa Trời là Cha quyền phép vô cùng, dựng nên trời đất, muôn vật hữu hình và vô hình v.v.*”.

Đạo Công giáo tin Chúa quan phòng mọi sự trong vũ trụ. Nguyễn Du cũng tin như thế, coi Trời giống như người thợ nặn điều khiển bàn quay không lồ là vũ trụ:

*Cũng liềm nhắm mắt đưa chân
Mà xem con Tạo xoay vẫn đến đâu*

Chúa Ki-tô đã từng nói rằng mọi sự đều được Chúa đề ý tới, ngay như sợi tóc trên đầu chúng ta cũng vậy. Nguyễn Du cũng có niềm tin tương tự:

*Biết thân chạy chẳng khỏi Trời
Cũng liềm má phẩn cho rồi ngày xuân*

Nói về quyền phép vô biên của Trời, Nguyễn Du cũng như các nông dân Việt Nam tin Trời điều khiển mưa gió (Lạy Trời mưa xuống lấy nước tôi uống...) Trong ngày vui mừng sự đoàn tụ của gia đình Thúy Kiều, Kim Trọng nói:

*Trời còn để có hôm nay
Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời*

Thánh kinh cho chúng ta biết phép lạ Chúa Ki-tô điều khiển gió bão trên biển hồ Galilé. Cùng đi với các môn đệ trên một chiếc thuyền đánh cá, bỗng dung gió to sóng lớn, thuyền đầy nước sắp bị chìm. Để trấn an các môn đệ, Chúa đương ngủ, tỉnh dậy, ra đầu thuyền hô to kêu gió ngưng thổi và biển ngưng nổi sóng. Ngay sau đó, gió im biển lặng, thuyền từ từ trôi.

- Trong truyện Kiều, ta thấy sự sống chết của con người cũng do Trời định. Thật thế Thúy Kiều ở nhà Tú Bà đã cầm dao tự vẫn nhưng không chết nổi và thần mộng đã bảo cho nàng rằng:

*Số còn nặng nghiệp má đào
Người đâu muốn thác Trời nào đã cho*

Thúy Kiều gieo mình xuống sông Tiền Đường, bị chết, xác nổi phình lên, trôi theo dòng nước. Sau đó sư Giác Duyên vớt xác nàng lên và thấy nàng được sống lại. Như vậy sự sống và sự phục sinh của Thúy Kiều, theo Nguyễn Du là do Trời định. Niềm tin này trùng hợp với lời của Chúa Ki-tô nói khi làm phép lạ cho ông Lazare được sống lại sau khi đã chết được bốn ngày: “*Ta là sự sống, ta là phục sinh (Je suis la vie, je suis la résurrection)*”, nghĩa là sự sống, sự phục sinh của loài người đều thuộc về quyền phép của Ta. Do lời nói này Chúa Ki-tô cho ta biết là xác loài người đến ngày tận thế sẽ được Chúa cho sống lại để chịu sự phán xét chung.

Quan niệm về đạo Trời của Nguyễn Du

Theo Nguyễn Du đạo Trời là ta phải làm điều lành, tránh điều ác vì làm điều lành thì được Thiên Chúa thưởng phúc và tránh làm điều ác để khỏi phải bị Thiên Chúa giáng họa:
Sự rằng: phúc họa đạo Trời

Cội nguồn cũng bởi lòng người mà ra

Đạo Trời báo phục chín ghê

Khéo thay một mẽ tóm về đầy nôi

Sự thưởng phạt của Trời rất công minh:

Trời kia đã bắt làm người có thân

Bất phong trần phải phong trần

Cho thanh cao mới được phần thanh cao

Có đâu thiên vị người nào

Quan niệm về sự thưởng phạt trong đạo Trời của Nguyễn Du trùng hợp với niềm tin của Ki-tô giáo. Trong kinh Tin Kính có câu: “*Tôi tin Chúa Ki-tô ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết, tôi tin phép tha tội v.v...*”.

Nếu đạo Công giáo dạy ta hai điều chính là thờ phượng Đức Chúa Trời và thương yêu tha nhân như mình ta vậy thì trong truyện Kiều ta cũng thấy Nguyễn Du đề cao hai việc làm chính này. Thật vậy Thúy Kiều đã hai lần đến trước Thiên đài (bàn thờ Trời), lập ở trong nhà để cầu xin và cảm ơn Trời.

Lần thứ nhất, khi Thúc Sinh về quê thăm Hoạn Thư, Kiều ở nhà lo lắng cho cuộc hành trình của chàng, liền đến trước Thiên đài để cầu Trời:

Đêm khuya gió lọt song đào

Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời

Nén hương đến trước Thiên đài

Nổi lòng khẩn chúa cạm lời vân vân

Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời là chữ Tâm viết theo hán tự. Ngắm cảnh trăng sao như vậy, Thúy Kiều liền nhớ đến Thúc Sinh, vì Thúc Sinh tên thật là Thúc Kỳ Tâm.

Lần thứ hai, sau khi nghe Kim Trọng nhận lời đề nghị của mình là bằng lòng sống chung trong tình bè bạn, Thúy Kiều liền nghĩ đến việc tạ ơn Trời :

Nghe lời sửa áo cài trâm

Khấu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng

Cảm ơn Trời là bài kinh của các tín

hữu Công giáo đọc hằng ngày trước khi đi ngủ để tạ ơn Trời đã ban cho hồng ân sống qua một ngày tốt lành.

Ta nên nhớ rằng dưới thời quân chủ chuyên chế, người dân không được phép thờ Trời, thế mà Nguyễn Du dám đề cao việc thờ Trời của Thúy Kiều.

Về điều răn thương yêu nhau, Thúy Kiều đã thi hành một cách triệt để lời răn này nhất là nàng đã dám hy sinh thân xác theo lời Chúa Ki-tô dạy: “*Tình yêu cao đẹp nhất là sự hy sinh mạng sống cho người mình yêu*”. Thúy Kiều đã bán mình chuộc cha, hy sinh tâm thân ngà ngọc và tình yêu với Kim Trọng:

Thân còn chẳng tiếc tiếc gì đến duyên

Hai lần Thúy Kiều đã hy sinh mạng sống để tỏ lòng thương xót cha mẹ và Từ Hải:

Lỡ làng nước đục bụi trong

Trăm năm để lại tâm lòng từ đây

Thôi thì một thác cho rồi

Tâm lòng phó mặc trên trời dưới sông

Tình yêu cao đẹp này, ít khi được người đời thực hiện. Năm 1941, trước ngày lễ mừng Đức Mẹ, linh hồn và xác lên trời, linh mục người Ba Lan tên là Maximilien Kolbe trong một trại tù của Đức Quốc Xá, đã tình nguyện xin chết thay cho một tử tội vì người này có bốn đứa con thơ dại phải săn sóc. Đức Giáo Hoàng Jean Paul II đã làm lễ phong thánh cho linh mục này ngày 10 tháng 10 năm 1982.

Bên Việt Nam ta, dưới thời Lê Lợi khởi nghĩa chống quân Minh, ông Lê Lai đã liều mình cứu chúa, hy sinh xin chết thay cho ông Lê Lợi đang bị quân Minh tâm bắt.

Ngoài hai điều răn trên, Thúy Kiều đã tha thứ cho Hoạn Thư theo đúng lời răn của Chúa Ki-tô trong kinh Lạy Cha (Pater Noster): “*Xin Cha tha tội cho chúng con, như chúng con đã tha thứ cho những kẻ đã xúc phạm đến chúng con.*” Hơn nữa Thúy Kiều lại còn thực

thì lời Chúa Ki-tô giảng dạy trên núi về tám ơn phúc (huit béatitudes): “ Kê nào làm cho người hòa thuận, kiến tạo hòa bình, kê đó được ơn phúc vì được gọi là con Đức Chúa Trời.”. Thật vậy Thúy Kiều đã khuyên Từ Hải bỏ việc binh đao, nhận đề nghị chiêu phủ của triều đình:

*Ngẫm từ khởi việc binh đao
Đổng xương Vô định đã cao bằng đầu
Làm chi để tiếng về sau ?
Ngàn năm ai có khen đầu Hoàng Sào*

Qua bốn câu thơ này Thúy Kiều cho Từ Hải biết là từ trước tới nay chàng đã sử dụng việc binh đao gây ra bao nhiêu tang thương chết chóc. Đó là một hành vi tàn bạo không một đạo giáo hay tôn giáo nào cho phép làm.

Sau khi nghe lời khuyên của Thúy Kiều, Từ Hải cho là có lý nên đang ở thế công chàng liền quay sang thế hàng:

*Nghe lời nàng nói mặn mà,
Thế công, Từ mới đổi ra thế hàng*

Bản về cử chỉ thuận hàng triều đình của Từ Hải có người khen, có người chê tùy theo quan niệm về cuộc sống của mỗi người. Những người theo duy vật chủ nghĩa không tin có cuộc sống đời sau, chết là hết, thì chê việc làm của Từ Hải cho rằng chàng quá si mê sắc đẹp của Thúy Kiều nên bị thiệt mạng theo như ý hai câu thơ sau đây:

*Vũ vô kiểm tỏa năng lưu khách
Sắc bất ba đào dị nịch nhân*

Những người theo duy linh chủ nghĩa tin con người có hồn có xác, có cuộc sống vĩnh cửu đời sau thì khen Từ Hải là con người phục thiện, dám từ bỏ những quyền lợi sẵn có để tránh làm điều ác:

Nghênh ngang một cõi biên thù...

Năm năm hùng cứ một phương hải tân...

*Một tay gậy dựng cơ đồ,
Bấy lâu bề Sở sông Ngô tung hoành*

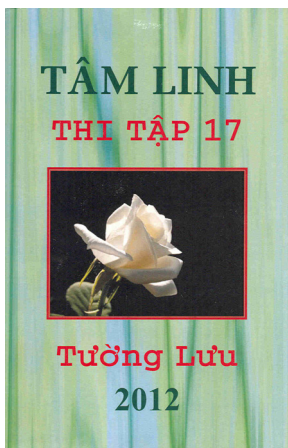
Và Từ Hải cũng biết rằng về hàng triều đình sẽ có nhiều bất trắc:

*Bỏ thân về với triều đình,
Hàng thần lơ láo phận mình ra đầu*

Như thế chứng tỏ Từ Hải vẫn sáng suốt không bị u mê trong việc quyết định hành động của mình.

Ước mong rằng những người nắm chính quyền trên trái đất này dám bắt chước Từ Hải từ bỏ những việc làm vô nhân đạo như lừa đảo, chém giết, bắt công, tham nhũng... để cho chiến tranh không còn tái diễn thì hòa bình, công lý mới được văn hồi đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

Phương Du Nguyễn Bá Hậu
(Paris)



Thi tập
TÂM LINH của **TƯỜNG LƯU**
722 Colony Ln.
HOUSTON, TX 77076-4108
ĐT (713) 697-9621

ĐỌC "SÀI GÒN MƯA VẪN RƠI" CỦA PHONG THU

Nguyễn Ngọc Bích

Cầm một cuốn sách mới, chúng ta có thể làm được gì? Hiển-nhiên, ta có thể đưa lên để xem cuốn sách có đẹp không, ngắm bìa trước, đọc bìa sau, ngửi mùi thơm của giấy mới và, trong trường-hợp một cuốn sách bìa cứng như tác-phẩm mới nhất của Phong Thu ra mắt hôm nay, ta còn có thể nâng niu để xem cuốn sách được chăm sóc như thế nào.

Phải nói, đây là sản-phẩm của một người yêu sách hay ít nhất cũng tự-trọng đủ để không bôi bác, nghĩa là cũng tôn-trọng luôn người đọc. Đọc vào trong các truyện, ta thấy Phong Thu săn sóc khá kỹ lời văn và mặc dầu chị là người miền Nam, sách hầu như có rất ít lỗi chính-tả hời ngẫ.

Tiếp-tục việc đong đo cuốn sách, ta thấy *Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* gồm 14 truyện mà theo nhà văn Song Nhị, viết trong Bạt, hầu hết xoay quanh một thành-phố quen thuộc của chúng ta, một thành-phố lớn, có lẽ lớn nhất, của Việt-nam, đó là Sài Gòn. Ta hãy nghe nhà văn Song Nhị nhận-định:

"Sài Gòn với người dân miền Nam là tiếng gọi thiêng liêng, thân thương như máu thịt dù đang ở bất cứ nơi nào trên trái đất. Không chỉ những người con của Sài Gòn sinh ra và lớn lên, nối tiếp dòng sinh mệnh từ bao đời của cha ông tiên tổ mà cả những người dân từ mọi miền đất nước, từ Quảng Trị đến

Cà Mau tới đó lưu cư, hít thở không khí an lành trong hơn hai mươi năm tồn tại của thể chế Miền Nam Tự Do, khi xa Sài Gòn cũng quận lòng thao thức, nhớ về nóm ruột của quê hương.

"Trong hơn 300 năm lịch sử từ Sài Côn, Bến Nghé đến Hòn Ngọc Viễn Đông, đã có biết bao nhiều những áng văn, thơ, nhạc viết về Sài Gòn, viết về những bước đi lớn mạnh, về những thăng trầm buồn vui của Sài Gòn theo vận nước."

Ngay trong chúng ta hôm nay, một người Bắc đặc như

Nguyễn Thị Ngọc Dung, ngoài *Phượng vẫn nở bên trời Hà Nội* vẫn phải có *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*. Tại sao? Tại vì Hà Nội là quê hương trong trí nhớ còn Sài Gòn là nơi Ngọc Dung đã lớn lên thực-sự, là cô gái dậy thì biết yêu, biết ghét, để dần dà bị dẫn vào hai cuộc tình lớn, với một nhà văn Việt và một nhà ngoại-giao Mỹ. Những cuộc tình này hiển-nhiên là hồi hộp hơn những ngày thơ ấu ở Hà Nội.

Trong một nghĩa nào đó, *Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi*, đối với người chưa đọc, có thể bị hiểu lầm là "lại" một cuốn sách hoài-niệm về một thời hoàng-kim đã mất. Song nghĩ như thế là không thể nào sai hơn được.

Những đề-tài thời-sự

Không! Đọc Phong Thu trong tập truyện này, ta có cảm-tưởng như ta đọc báo ngày hôm nay song câu chuyện được tả một cách tròn trịa, đầy đủ và nghệ-thuật hơn báo hàng ngày rất



nhiều vì báo hàng ngày, tự bản-chất của nó, vẫn có tính-cách mãnh mẽ, chỉ nhìn được từng khoanh của câu chuyện một, không thấy đầu đuôi ra ở đâu cả.

Để minh-hoạ điều tôi nói, ta hãy thử lấy một đoạn trong truyện “Cành hoa trước gió” xem sao:

“Mới đây nhất, hàng loạt luật sư và những trí thức ưu tú bất đồng chính kiến bị bắt bỏ tù vì lên tiếng đòi tự do, dân chủ. Và mấy tháng nay tin tức về một luật sư trẻ, tài năng, linh hoạt có tấm lòng yêu tổ quốc cũng đã bị bắt khẩn cấp và bị đẩy ra khỏi hoạt động của xã hội. Một luật sư khác vì bệnh vực cho nhà thờ Thái Bình ở ngoài Bắc cũng đã bị sách nhiễu và gán cho tội ngoại tình. Tôi đọc báo Việt Nam trên liên mạng, tôi thấy chính quyền Việt Nam mở cửa hé, rồi đóng cửa bắt tù làm nhiều người kẹt tay kẹt chân trong tù. Cai trị một quốc gia mà làm việc tùy hứng, tùy thời và tùy theo tình hình thế giới y hệt thời kỳ chiến tranh. Nhưng tệ nhất là những ai sống trong xã hội Việt Nam đều học mình trong một lớp vỏ dày cộm của loài ốc mượn hồn. Tôi đọc hàng trăm tờ báo Việt Nam, và thấy họ lên án những trí thức nghiên cứu, đọc và tham khảo tài liệu nước ngoài. Nổi bật nhất là vụ án luật sư Lê Đình. Ông là một luật sư du học tại Hoa Kỳ và Pháp. Ông mang những kiến thức Tây Âu vào để khai sáng nền luật pháp tối tăm của Việt Nam. Tại sao tham khảo những tư tưởng tiên bộ lại là phản động? Tại sao nhà cầm quyền CS Hà Nội mở cửa cho sinh viên đi du học lại ngồi xồm trên ốc họ để điều khiển?” (trang 282-283)

Một đoạn chừng hơn 10 dòng mà ta đã có thể liên-tưởng đến Luật-sư Lê Thị Công Nhân hay Nguyễn Văn Đài, rồi đến Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung, đến nhà thờ Thái Hà và người bị “gán cho tội ngoại tình” Cù Huy Hà Vũ mà phiên toà phúc-thẩm sẽ xảy ra thứ Ba

tới đây, ngày 2 tháng 8, 2011. Mà đây là một chuyện viết từ “những ngày cuối tháng 8 năm 2009” (trang 294), thành thử ta có thể nghĩ rằng Phong Thu có cả con mắt tiên-tri.

Phong Thu không giấu giếm là chị viết chuyện thời-sự. Đó là chuyện dân oan đi đòi đất như bà Cà-Na trong truyện “Dòng sông chết” (trang 222-234) hoặc chuyện đi lấy chồng Đại-Hàn như trường-hợp chị Thiện của thằng Tuấn (truyện “Tạm biệt chị yêu,” trang 267-278) mà kết-luận không bị đất như ta có thể tưởng, giải thích tại sao nhiều cô gái miền Tây lại “liều mình nhắm mắt đưa chân” đi vào con đường này.

Cũng vì Phong Thu muốn cho người đọc biết rõ là chị viết về Việt Nam của ngày hôm nay nên chị chỉ nguy-trang một cách rất sơ sài những tên người tên việc trong những vụ xi-căng-đan lớn ở quê nhà. Tỷ như vụ PMU18 thì chị gọi là PU18 và ông bộ-trưởng bê bối trong vụ này thì không cả đối họ, chỉ đổi tên thành một tên khá khôi hài, Đào Lo Chôm (truyện “Những vì sao lạc loài,” trang 261-272).

Một thế-giới phong phú

Thế-giới của Phong Thu là một thế-giới rất phong phú, rất đa dạng. Nếu có những chuyện mà rõ ràng là ký-ức của tác-giả, những kinh-nghiệm có thật trong đời của tác-giả, như truyện “Sài Gòn niềm nhớ không tên” (trang 235-254) mà ta có thể gọi được là “những ngày Tân Uyên” đi công-tác thu thập dân-ca miền Đông Nam-bộ cùng với đôi vợ chồng nhạc-sĩ Lưu Nhất Vũ (ở trong truyện được gọi là “ba má Hai”) thì lại cũng có nhiều chuyện mà rõ ràng tác-giả không thể có được chút kinh-nghiệm bản-thân nào, như kinh-nghiệm ở nhà tù CS. Đó là truyện “Những vì sao lạc loài” trong đó ông Chinh, một nhà báo đứng đắn, vì tố-cáo tham-những mà phải đi tù

rời rạc xương, chét ở trong đó. Tương-phản với tâm-tư đau buồn và vô vọng của ông thì lại là “thằng nhóc” Tài-Béo, nó rất khoái được ở tù vì ở trong tù thì có mái nhà che mưa che nắng, một ngày được hai bữa cơm, không phải lo bữa đói bữa no. Đến khi ra tù nó chẳng biết đi đâu vì đối với nó “Nhà! Nhà là cái gì? Nó làm gì có nhà. Nó chưa bao giờ hiểu căn nhà là tổ ấm hạnh phúc mà ngay cả con chim cũng phải đan lấy cái tổ trên những nhánh cây thật to, thật cao để tránh mưa nắng, sinh sống và tồn tại. Con chim cũng có một bầu trời tự do để ca hát, bay lượn. Còn ba má nó là con người nhưng chỉ biết cần chòi cất tạm bợ bằng giấy cạc-tông và mấy tấm nilông rách nát... Bởi ba má nó không một tấc đất cắm dùi nên phải cất chòi trong một nghĩa địa...” (trang 260). Sờ đi Tài-Béo ra tù không biết đi đâu là vì ba má nó đã quên nó lâu rồi, nó không cả chắc là họ còn sống hay còn sống mà lưu lạc đến nơi nào.

Ra tù, Tài-Béo, người miền Nam, chỉ có một lá thư mà nó không biết đọc của ông Chinh, người miền Bắc, để lại cho nó, dặn đó là phải đi tìm gia-đình ông để đưa vì khi sắp chét, ông Chinh có trần trôi lại như sau: “Nó thấy ông mờ mắt thì khóc thút thít. Cái miệng nó méo xệch một bên:

“ ‘Bố Chinh à! Bố đừng chét nghen. Bố có hứa khi ra tù sẽ dẫn con về quê bố. Hai bố con sẽ đi câu cá, bắt ếch, trồng rau để sống mờ...’

“Ông Chinh khó nhọc lắm mới dỗ dành được nó:

“ ‘Bố nhớ chớ. Đó là mơ ước cuối cùng của bố. Bố sẽ mang con về quê bố. Quê bố nghèo nhưng tình thương nhiều lắm. Con tin bố nhé!’ ” (trang 263)

Chỉ sau đó ít lâu, ông Chinh chét rồi Tài-Béo được thả ra. Truyện của Phong Thu nhiều khi kết thúc lơ lửng như thế, để cho trí tưởng-tượng của người đọc tha hồ tiếp nối.

Đó là một nét của tân-tiểu-thuyết, chứng tỏ ngòi bút của tác-giả đã già dặn đi rất nhiều.

Nghệ-thuật của Phong Thu

Gần đây, tôi có đọc một quyển sách dày cộm của Steven Moore, *The Novel, an alternative history* (“Tiểu-thuyết, một lịch-sử khác”), nói về nghệ-thuật tiểu-thuyết đã chuyển-biến ra sao từ thời thượng-cổ cho đến khoảng năm 1600. Không chỉ tiểu-thuyết phương Tây mà bắt đầu từ những gốc gác Ai-cập, Sumer, Akkad, Do-thái, Hy-La (như những truyện trong Thánh-kinh, từ Cựu-ước đến Tân-ước)... mà còn cả những truyện Ấn-độ, Ả-rập, trung-cổ thời-đại, tiểu-thuyết Trung-hoa, Nhật, Ba-tư v.v. Đã đành, một cuộc nghiên cứu sâu rộng như vậy thì có rất nhiều điều để nói, và tôi không thể nào kể được dù chỉ một phần lại cho Quý Vị nghe ở đây.

Tôi chỉ xin nói là: truyện hay tiểu-thuyết thì bắt đầu phải có một câu chuyện, một cốt truyện. Nhưng một cốt truyện tự nó thường rất khô khan và nghèo nàn, và có người đã cho rằng trong lịch-sử tiểu-thuyết ở trên thế-giới thường chỉ có chừng ba loại cốt truyện mà loại phổ-biến nhất là cái “những mối tình tay ba” (“the love triangles”). Thành thử đi từ một cốt truyện mà muốn cho nó hay cần đến nghệ-thuật: Nghệ-thuật kể, nghệ-thuật bố-cục hay còn gọi là sắp xếp các tình-tiết, nghệ-thuật tả tâm-tư nhân-vật, nghệ-thuật lời...

Áp-dụng vào trường-hợp truyện của Phong Thu, ta sẽ thấy mấy truyện như “Sài Gòn niềm nhớ không tên” (trang 241-260, Thương, Trí và Hằng) hay “Sài Gòn, một thuở hẹn hò” (trang 345-361, Thuý Vi, Trường và Lục Vi) và “Lỗi hẹn” (trang 317-329, Hân, Thuý và Nam) là những “love triangles” để lôi cuốn ta vào những cảm-xúc lãng mạn. Cái làm cho những truyện này không nhàm chán là ở bối-cảnh câu chuyện: Bối-cảnh truyện đầu là đạo, là chùa; bối-cảnh

truyện thứ hai là chuyện yêu nước, biểu tình chống Trung-quốc, trong đó có lòng tí ghen; bối-cảnh của truyện “Lỗi hẹn” là tình bạn và tình qua liên-mạng còn bối-cảnh của truyện “Người câu bóng trắng” (trang 331-344, Thiệt, Đông và Đào) là chuyện “bloggers,” làm báo và tình yêu không tính toán.

Nhưng đặc-sắc của ngòi bút Phong Thu là chị tạo được những nhân-vật sắc nét như ông Khải tương-phản với con ông, thằng Hoàng, hay David, một Việt-kiều về thăm nhà (trong truyện “Bác Khải,” trang 354-368) hay Thạch, một Việt-kiều, bên cạnh Báo, người em ở lại quê nhà, và Tinh, người bạn học cũ, đã đổi thay tính nết và nếp sống đến không nhận được ra (như trong truyện “Tiếng khóc trong đêm mưa,” trang 202-221). Một kỹ-thuật Phong Thu dùng là đem tương-phản hai mốc thời-gian, trước 1975 và ngày nay hay vài chục năm sau hoặc so kinh-nghiệm của người Việt hải-ngoại với người trong nước. Thời-gian, đó là cái bí đất trong câu chuyện một người hùng, anh Thạnh của Lê Châu, bạn dạy học ngày xưa của tác-giả, anh đi theo kháng-chiến do một tổ-chức hải-ngoại tổ-chức để rồi bị bắt, tuyên án 20 năm tù để đến ngày về thì “thân tàn ma dại,” chỉ còn chờ chết—không khác bao nhiêu chuyện của anh Nguyễn Văn Trại, mới chết gần đây trong tù (truyện “Cánh hoa trước gió,” trang 279-294). Còn rất nhiều truyện trong tập sách là chuyện người Việt về thăm nhà để chứng-kiến bao nhiêu chuyện bề dẫu.

Một cái tài-tình khác của Phong Thu là tái-tạo được rất khéo lời lẽ của trẻ con và những cách hành-xử của chúng, chứng tỏ chị

có một con mắt quan-sát rất kỹ khi còn làm nghề gõ đầu trẻ. Những nhân-vật như Cù-Còm, Tài-Béo, Lan-Sún hay Thằng Tuấn tuy chỉ xuất hiện trong có vài trang nhưng để lại trong người đọc một dư-vị khó quên.

Cũng trong tập truyện, Phong Thu dùng khá điều luyện nghệ-thuật “flashback” hay những cảnh nằm mơ làm cho những truyện của chị chuyển cảnh rất nhanh, không chán.

Thật ra còn những truyện khác trong tập truyện *Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* mà ta không có thời giờ đi vào và phân-tích. Nhưng tôi sẽ làm một chuyện hại độc-giả nếu tôi không dành cho Quý Vị cái hứng thú đi tìm ra những cái hay, cái đặc-sắc

khác trong cuốn sách ra mắt hôm nay của Phong Thu.

Đọc tại buổi ra mắt sách tại James Lee Community Center (Annandale, VA) Ngày 30/7/2011

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Muốn có tập truyện song ngữ Anh-Việt:

**“The Rain Still Falls In Saigon”
“Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi”**

Xin liên lạc với

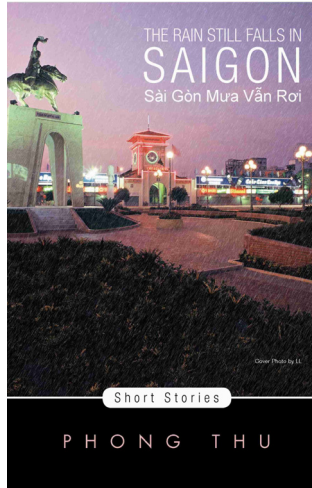
Tác giả Phong Thu

1011 Larch Ave.

Takoma Park, MD 20912

(301) 270-8691

<phongthu@mindspring.com>



TÁC PHẨM SONG-NGỮ “SÀI GÒN MƯA VẪN RƠI- THE RAIN STILL FALLS IN SAIGON”

Đã Được Giới Thiệu Tại Thủ Đô Washington D.C.

ĐẶC PHÁI VIÊN TẠP CHÍ CỔ THƠM

Trưa thứ Bảy, lúc 1:00 giờ, ngày 30 tháng 7 năm 2011, nắng hè rực rỡ. Tại Hội Trường James Lee, 2885 Community Center, Falls Church, VA 22042, Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm do nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung làm chủ nhiệm cùng với sự phối hợp nhiệt tình của đôi uyên ương MC ca sĩ Đào Văn Sách và Kim Phụng, đã tổ chức một buổi giới thiệu tuyên tập truyện ngắn song ngữ “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi-The Rain Still Falls in Saigon” của tác giả Phong Thu do nhà xuất bản Hoa Kỳ-Xlibris Coporation ấn hành.

Buổi ra mắt sách đã thu hút giới truyền thông, các văn thi hữu và đồng hương tham dự. Bên cộng đồng có ông Lê Minh Thiệp-Phó chủ tịch cộng đồng vùng thủ đô Washington D.C, MD, VA., bà Liên Hương- Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ. Bên truyền thông có sự hiện diện của ông Trương Đình Thăng, phóng viên đài VOA, ông bà Đào Hiếu Thảo-phóng viên đài Á Châu Tự Do, bà Bạch Mai và ông Nguyễn Phúc-giám đốc đài truyền hình Thủ Đô Washington D.C, MD, VA., bà Đoàn Hạnh Nhân, Hoàng Dung-đài truyền hình SBTN, bà Nam Anh và bà Lưu Lệ Ngọc và phu quân-

giám đốc đài VNDC, ông Nguyễn Văn Minh-chủ nhiệm tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong, bà Minh Nguyệt, chủ nhiệm tạp chí Hoài Hương. Ngoài ra còn có một học viên của đài SBTN cũng đã tham dự và săn tin. Văn thi hữu hiện diện trong buổi ra mắt sách gồm: Hoàng Song Liêm, Hà Bình Trung, Luân Tâm, Xuân Đức,



Cao Nguyên, Vi Khuê, Phan Khâm, Giáo Sư Nguyễn Quốc Khải, chủ biên Vietnamreview.com, Nguyễn Lân, Tiến Sĩ Nguyễn Nhã, Cung Thị Lan, nhà biên khảo Phạm Văn Tuấn, Ý Anh, Ý Nguyên và phu quân Phan Bá Luân Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Hoàng Trúc Ly, Bạch Mai, Tiến Sĩ Tạ Cự Hải, Hồng Thủy, Thương Việt Nhân, ông bà Hoài Thanh cựu chủ nhiệm tuần báo Đại Chúng, và cụ bà Tú Anh, ông Ngô Long-Hiệp Hội Thâm Mỹ, bà Mina Nguyễn, bà Linda L. Nguyễn Trần, bà Nguyễn Thị Thu nhóm QGNT, ông Đinh Quang Trung, bà Lê Mỹ, bà Lan Hương, ông Nguyễn Anh Minh, bà Đặng Ngọc Tú, Bà Đặng Vân Trang, Bà Lê Thị Ngọc, Bà Lê Minh Hà, bà Phạm Vân Loan, ông Nguyễn An Bang và bà Kim Cúc, và đông đảo đồng hương tham dự.

Hình thức buổi ra mắt sách rất trang trọng. Bên ngoài, tác giả đã trưng bày hai

poster bằng Anh Ngữ quảng cáo về cuốn sách. Bên cạnh đó là hình ảnh của Sài Gòn trước 1975 gồm có Dinh Độc Lập, nhà bảo tàng, chợ Bến Thành, nhà thờ Đức Bà, bến Bạch Đằng, nhiều cảnh sinh hoạt xinh đẹp và yên bình của Sài Gòn cách đây 36 năm. Tác giả cũng không quên sưu tầm những cảnh mua Sài Gòn trước năm 1975, và cảnh Sài Gòn ngày nay bị ngập nước nghiêm trọng gây sự khốn khổ cho dân Sài Gòn.

Trong hội trường sân khấu được trang trí bằng hoa, tre tươi và chiếu slide show về cảnh Sài Gòn. Điều đặc biệt hiếm thấy là quan khách mua sách rất nhiều. Có người mua một lượt 4, 5, 6 quyển đem về đọc và tặng bạn bè. Ngay khi sách vừa phát hành trên Amazon.com, Xlibris.com, Barnesandnoble.com, thì số lượt người đặt mua sách tăng lên rất nhanh. Được biết ngoài sách in, nhà xuất bản còn bán cả Ebook để độc giả có thể đọc sách bằng computer, cell phone ở bất cứ nơi đâu.

Mở đầu chương trình, MC Đào Văn Sách giới thiệu Ban Tổ Chức và người MC cộng tác với anh là nghệ sĩ Thái Phụng. Sau chào cờ Việt Mỹ, tiếp theo là bản hợp ca “Sài Gòn Nhớ Mưa Thương” của nhà thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung, do nhạc sĩ Nhật Bằng phổ nhạc. Bài hát này cũng là tựa đề của tác phẩm gây sôi động một thời của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Nhiều anh chị trong nhóm hợp ca đã chảy nước mắt khi nghe bài hát dễ thương cất cao trong hội trường “*Sài Gòn Nhớ Mưa Thương. Sài Gòn một thuở Trưng Vương học trò. Đời vui ca hát mộng mơ. Là mẹ đếm bước hẹn hò từng đôi...Sài Gòn vẫn đó anh ơi. Sài Gòn khuất bóng chân trời mờ sương. Sài Gòn còn đó quê hương. Sài Gòn Nhớ Mưa Thương muôn đời. Sài Gòn vẫn nắng mưa trong...lòng tôi.*” Sau đó, nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung chào mừng quan khách đã giới thiệu tác giả Phong Thu như sau: “...*Giọng văn và những câu*

chuyện Miền Nam của Phong Thu đặc biệt đã lôi cuốn tôi. Thường đêm chúng tôi gọi nhau nói chuyện cả đêm quên cả đi ngủ, say goodnight cả chục lần rồi lại tiếp tục tâm tình không dứt. Phong Thu là dân Nam cờ mắ m ruốc, còn tôi là Bắc cờ mắ m tôm di cư, quanh năm sống tại Sài Gòn. Vậy mà chúng tôi khám phá ra rằng chúng tôi mang theo nhiều hình ảnh kỷ niệm của tỉnh Bình Dương, Chợ Búng Lái Thiêu, với Chùa Sư Nữ, với nhà Lồng bên sông nước Đồng Nai, Thủ Dầu Một, vùng quê sinh trưởng của cô bé Phong Thu, mà tôi đã mấy lần cùng bạn học làm những chuyến đi chơi bằng xe đạp, và tôi đã viết lại những kỷ niệm hồn nhiên, trong sáng đó trong hai tập hồi ký....”

Chương trình ca nhạc xen kẽ bắt đầu với những khuôn mặt ca sĩ quen thuộc, tài danh, nhiệt tâm và yêu mến văn học nghệ thuật vùng thủ đô Washington D.C như Sĩ Tuấn, Như Hương, Sĩ Tường, Minh Trân, Loan Phụng, Kiều Nga, đôi uyên ương Đào Văn Sách và Kim Phụng, Bạch Mai, cháu Hoài Bích Na, Hoài Thanh, Ngọc Dung, Thái Phụng,

Nội dung những bài hát được trình bày xoay quanh chủ đề nhớ về Sài Gòn thân yêu sau 36 năm xa cách làm tất cả mọi người xúc động và xao xuyến.

Diễn giả chính của buổi ra mắt sách là giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, cựu Giám Đốc đài Á Châu Tự Do. Ông không chỉ là một Giáo Sư mà còn là một là báo, một dịch giả, một nhà ngoại giao tinh tế, một nhà bình luận gia sắc bén, một nhà biên khảo và một người hoạt động chính trị xã hội nổi tiếng khắp hải ngoại. Ông hy sinh thời giờ vàng ngọc của mình cho công cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ tại Việt Nam suốt 36 năm lưu vong. Ông là người nằm trong danh sách đen, bị chính quyền cộng sản không cấp visa cho về Việt Nam. Ông đã chấp

bút và phê bình 3 quyển sách của tác giả “*Cô Bé Bên Giàn Hoa Giấy Đỏ, Đoá Phù Dung*” và nay là quyển “*Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi*”. Bằng giọng nói mạch lạc, lời cuốn, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích phân tích và bình luận cẩn thận từng phần nội dung và nghệ thuật tập truyện gồm ba phần “**Những đề-tài thời-sự, Một thế-giới phong phú, và Nghệ-thuật của Phong Thu**”. Ông nói:

“...Không! Độc Phong Thu trong tập truyện này, ta có cảm-tưởng như ta đọc báo hàng ngày nay song câu chuyện được tả một cách tròn trịa, đầy đủ và nghệ-thuật hơn báo hàng ngày rất nhiều vì báo hàng ngày, tự bản-chất của nó, vẫn có tính-cách mảnh mun, chỉ nhìn được từng khoanh của câu chuyện một, không thấy đầu đuôi ra ở đâu cả....Một đoạn chừng hơn 10 dòng mà ta đã có thể liên-tưởng đến Luật-sư Lê Thị Công Nhân hay Nguyễn Văn Đài, rồi đến Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung, đến nhà thờ Thái Hà và người bị “gán cho tội ngoại tình” Cù Huy Hà Vũ mà phiên toà phúc-thẩm sẽ xảy ra thứ Ba tới đây, ngày 2 tháng 8, 2011. Mà đây là một chuyện viết từ “những ngày cuối tháng 8 năm 2009” (trang 294), thành thử ta có thể nghĩ rằng Phong Thu có cả con mắt tiên-tri.

Phong Thu không giấu giếm là chị viết chuyện thời-sự. Đó là chuyện dân oan đi đòi đất như bà Cà-Na trong truyện “*Dòng sông chết*” (trang 222-234) hoặc chuyện đi lấy chồng Đại-Hàn như trường-hợp chị Thiện của thằng Tuấn (truyện “*Tạm biệt chị yêu*,” trang 267-278) mà kết-luận không bị đất như ta có thể tưởng, giải thích tại sao nhiều cô gái miền Tây lại “liều mình nhắm mắt đưa chân” đi vào con đường này. Cũng vì Phong Thu muốn cho người đọc biết rõ là chị viết về Việt Nam của ngày hôm nay nên chị chỉ ngụy-trang một cách rất sơ sài những tên người tên việc trong những vụ xì-căng-đan lớn ở quê

nhà. Tỹ như vụ PMUI8 thì chị gọi là PUI8 và ông bộ-trưởng bê bối trong vụ này thì không cả đổi họ, chỉ đổi tên thành một tên khá khôi hài, Đào Lo Chôm (truyện “*Những vì sao lạc loài*,” trang 261-272)... Cũng trong tập truyện, Phong Thu dùng khá điều luyện nghệ-thuật “flashback” hay những cảnh nằm mơ làm cho những truyện của chị chuyển cảnh rất nhanh, không chán”.

Bài nhận định của Giáo Sư được khen ngợi là bài bình luận văn học sâu sắc, hay, và lời cuốn người nghe.

Tác giả Phong Thu chỉ xuất hiện trong vài phút nói lời tri ân Ban Tổ Chức và quan khách. Nhà thơ Luân Tâm đã sáng tác bốn câu thơ và nhờ họa sĩ Vũ Hối viết thư họa trên một tấm lụa rất đẹp. Ông đã thay mặt nhà thơ Vũ Hối tặng cho Phong Thu tấm lụa có viết bốn câu thơ sâu sắc như sau:

“*Sài Gòn Lệ đá còn rơi. Tha hương áo gấm rong chơi không đành. Đợi trời đập đất tinh anh. Tay tiên vẩy bút mộng lành Phong Thu.*”

Nhà thơ Phan Khâm thay mặt nhóm Cổ Thơm tặng Phong Thu bó hoa hồng với hai câu thơ:

*Hoa Hồng Cổ Thơm
Sài Gòn Mưa vẫn còn rơi
Vẫn còn làm kẻ cuộc đời trôi sông
Cổ Thơm xin tặng đoá hồng
Nơi đây xin giữ mặn nồng cho nhau.*

Nhà thơ Hồng Thủy tặng Phong Thu một bó hoa và nhắc lại những kỷ niệm lần đầu Phong Thu quen chị.

Ban tổ chức cũng chu đáo đãi quan khách một bữa tiệc trà với sự đóng góp của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, ca sĩ Đào Văn Sách và chị Kim Phụng nhà văn Hồng Thủy, nhà văn Cung Thị Lan.

Chương trình ra mắt sách kết thúc vào lúc 5:00 chiều cùng ngày.

HÌNH ẢNH BUỔI GIỚI THIỆU SÁCH

The Rain Still Falls In Saigon - Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi

của **Nhà văn Phong Thu**

Chiều Thứ Bảy 30 tháng 7 năm 2011 tại Hội Trường James Lee Community Center,
Falls Church, Virginia.

Hình ảnh: **Phạm Văn Tuấn, Phạm Bá, Việt Hằng.**



Phong Thu và hai người con tại bàn sách.



Phong Thu và Nữ sĩ Vi Khuê



Ngọc Dung, Bạch Mai, Phong Thu, Cung Thị Lan, Ý Nguyên, Ngọc Dung, PhongThu, Hoàng Trúc Ly.



Ngọc Dung ,Nữ sĩ vi Khuê, GS Nguyễn Ngọc Bích, Ngọc Dung, Phong Thu, Vân Loan, GS Nguyễn Nhã, GS Phạm Văn Tuấn.



Quý vị Lê Tấn Khải, Phong Thu, Cao Nguyên, Nguyễn Lân, Như Hương, Ngọc Thu, Sỹ Tuấn, Hà Bình Trung, Chử Nhất Anh, Ý Anh Đỗ Tràng Mỹ Hạnh.





Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, Học giả Nguyễn Ngọc Bích, Nhà văn Phong Thu.



Đồng ca Sài Gòn Nhớ Mưa Thương: Minh Trân, Ý Nguyên, Loan Phượng, Kim Phụng, Kiều Nga, Bạch Mai, Loan Phượng, Hồng Thủy, Như Hương, Cung Lan, Phong Thu, Ngọc Dung.



Nhà văn Hồng Thủy, NVPhong Thu, Nhà thơ Phan Khâm, NT Luân Tâm, Nghệ sĩ Đèo Văn Sách



Đèo Văn Sách



Kiều Nga, Sỹ Thành



Sĩ Tuấn



Như Hương



Minh Trân



Bạch Mai



Tam ca Anh Cho Em: Minh Trân, Thái Phượng Ngọc Dung.



Kim Phụng và Đèo Văn Sách.



Kiều Nga



Kim Phụng



Bích Na Hoài



Sỹ Tường



Phan Khâm và Loan Phượng



Hoài Thanh



Sỹ Tuấn, Thái Phượng.



Thái Phượng, Ngọc Dung, Loan Phượng, Ý Nguyên.

KỶ NIỆM MỘT NĂM

Buổi Hòa Nhạc “Ca Ngợi Tự Do – Ode to Freedom” – ngày 11 tháng 9, 2010

I. Lời Bat - người viết: Phan Anh Dũng

Chỉ còn vài tuần nữa là đúng một năm kể từ buổi hòa nhạc "Ca Ngợi Tự Do - Ode to Freedom" được long trọng trình diễn vào ngày 11 tháng 9 năm 2010, ở Alexandria, Virginia (ngoại ô của Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn) với sự cộng tác hiếm có của dàn nhạc giao hưởng nổi tiếng Kiev Symphony Orchestra & Chorus (KSOC) của nước Cộng Hòa Ukraine. Tôi nhớ lại những kỷ niệm êm đềm khó quên, “vui nhiều, buồn chẳng bao nhiêu”, khi cùng với Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa, phu nhân Ngọc Hà, một số bạn yêu nghệ thuật chung sức tổ chức và đã hết lòng chu toàn cho buổi hòa nhạc tạm gọi là “quy mô” này!



Hành trình để tạo dựng chương trình này bắt đầu từ buổi hội ngộ đầu tiên với anh chị Khoa-Hà vào tháng 7 năm 2009, khi Tâm Hào và tôi có dịp qua Quận Cam California tham dự buổi tổ chức ngày vinh danh và ra mắt sách "Kỷ Niệm về Nhạc Sĩ Anh Bằng". Anh Khoa đã rất thật tình và dễ mến cho chúng tôi biết những sinh hoạt gần đây của anh: từ buổi hòa nhạc rất công phu mang tựa đề "Lê Văn Khoa, Người Viết Lịch Sử Bằng Âm Nhạc" ở Long Beach Carpenter Center vào tháng 10 năm 2008, cho đến những chuyến viễn du qua Kiev, Ukraine để cùng KSOC thực hiện những CD Memories, Souvenir và Lullaby, gồm những bản nhạc do

anh sáng tác và hòa âm phối khí. Sau đó, tại Reflection Studio của Nhiếp Ảnh Gia Thái Đắc Nhã, anh Khoa cho biết một cơ hội hiếm có: KSOC sẽ đi lưu diễn tại miền Đông Hoa Kỳ vào mùa Thu 2010 và có thể sẽ đồng ý ghé Hoa Thịnh Đốn, nếu chúng ta muốn tổ chức một buổi hòa nhạc.

Mặc dù rất bận rộn với nhiều công việc bên California, anh Khoa đã không quản ngại bay qua miền Đông hai lần vào dịp Lễ Thanksgiving 2009 và Memorial 2010 để gặp gỡ, giải thích và khuyến khích việc tổ chức buổi hòa nhạc, theo những kinh nghiệm mà anh đã trải qua. Ngày 30 tháng 5, 2010 một ban tổ chức cho buổi hòa nhạc Ca Ngợi Tự Do được chính thức thành lập gồm có: *Phan Anh Dũng, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Nguyễn Đức Nam, Lê Thị Nhị, Hồng Thủy, Hoàng Đức Long, Jackie Bông Wright, Hoàng Dung, Hoàng Cung Fa, Đàm Xuân Linh, Phạm Dương Hiền, Nghiêm Thái Phương và Phạm Thái Ninh.*



Từ đó, Ban Tổ Chức (BTC) đã ráo riết tiếp xúc với các cơ quan truyền thông, báo chí, mạnh thường quân cũng như vận động để có sự góp mặt đặc biệt của một số quan khách Việt Nam cũng như Hoa Kỳ. Để đồng hương quanh vùng hiểu rõ chương trình hơn, BTC đã tham dự những buổi phỏng vấn trên Đài Truyền Hình SBTN-DC, THVN-HTĐ và viết những bài về Lê Văn Khoa và KSOC trên Cỏ Thơm, Kỳ Nguyên Mới, Sóng Thần, Trẻ Magazine ... Một ban hợp xướng, quy tụ được 30 ca sĩ tài tử quanh vùng, hết sức cố gắng tập luyện hai bài Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa và Ca Ngợi Tự Do để cùng hát với ban hợp xướng của KSOC.

Tôi còn nhớ rất rõ là tuần lễ cuối trước khi trình diễn, BTC vẫn tiếp tục cố gắng quảng cáo, xin thêm bảo trợ, bán vé và kêu gọi đồng hương đến tham dự. Ngoài ra, còn phải thống nhất mọi chi tiết về nghi thức và chu toàn những việc linh tinh nhưng không kém quan trọng như: thực hiện và in tờ chương trình, lo chỗ ăn ở cho KSOC, đưa đón ca sĩ từ xa đến, viết bài mở đầu cho chương trình, tiếp tân ở nơi trình diễn, hoa tặng cho nghệ sĩ v v

Một điều ít người biết là anh chị Khoa-Ngọc Hà cùng vài người bạn thân đã qua Hoa Thịnh Đốn trước một tuần để tham dự thêm vài phòng vẫn trên truyền thanh và truyền hình với sự góp mặt của nữ nhạc sĩ đàn bandura chuyên dáng của xứ Ukraine là Kateryna Myronyuk. Ngày sau phỏng vấn, bộ ba Khoa-Hà-Kateryna đã lặn lội lái xe 3 tiếng, qua những đường làng quanh co đến Lancaster, Pennsylvania để gặp KSOC dợt nhạc. Sau đó, Anh Lê Văn Khoa đã làm việc không ngừng, quên ăn, quên ngủ để điều chỉnh lại các tổng phổ! Đã vậy, máy laptop của anh lại bị trục trặc phải đem đi sửa! Buổi chiều trước ngày trình diễn, tôi ghé thăm anh Khoa thì thấy anh xanh xao, mệt mỏi sau năm ngày làm việc quá sức! Tôi mời anh ra ngoài cho thoải mái một chút, nhân tiện ghé tiệm lấy bộ quần áo tuxedo thuê cho nhạc trưởng và sau đó ghé nhà vợ chồng Hoàng Cung Fa-Hoàng Dung để tổng dợt với Ban Hợp Xướng và hai ca sĩ Bích Vân, Lê Hồng Quang.

Rồi ngày mong đợi 11 tháng 9, 2010 đã đến! Từ sáng sớm, một số người trong BTC đã có mặt ở địa điểm trình diễn: Rachel M. Schlesinger Concert Hall and Art Center của Northern Virginia Community College, Virginia. Người đặt bảng chỉ dẫn, người dán posters, người sắp xếp các bàn tiếp tân, bàn bán vé, bàn bán sách nhạc, CD và một số bàn cho KSOC bán đồ kỷ niệm (đem từ Ukraine qua để gây quỹ) ... Riêng tôi, thảo luận với nhân viên của trường về cách sắp xếp sân khấu, âm thanh và diễn tiến của chương trình. Gia đình của anh Khoa từ nhiều nơi ở Hoa Kỳ cũng đã có mặt,

trong đó hai con trai anh sẽ phụ chụp ảnh và thu hình video cùng với nhiếp ảnh gia Tự Tín, Trung Chi và các phóng viên của Đài SBTN-DC và THVN-HTĐ. Lo lắng nhất là khi biết KSOC khởi hành chậm trễ từ Lancaster nên buổi tổng dợt với ban hợp xướng và ca sĩ trễ hơn 2 tiếng! Do đó, một số bài chỉ phải tập lướt qua! Sau khi tổng dợt, mọi người rời chỗ trình diễn về khách sạn nghỉ ngơi, ăn uống và trở lại lúc 5:30 pm.

Thật là vui khi thấy toàn BTC đã có mặt đầy đủ và thật đông quan khách cùng đồng hương đến dự “đại hội”. Vài nhân viên cảnh sát tích cực điều khiển dãy xe nối đuôi nhau vào nhà đậu xe. Nhiều người đã đứng sấp hàng mua vé tại chỗ. Ban tiếp tân có thêm một số tình nguyện viên giúp xét vé, đưa tờ chương trình và chỉ dẫn vào chỗ ngồi. Cũng thấy một số đồng người Hoa Kỳ hiện diện - một điểm đặc biệt cho một chương trình do người Việt tổ chức ở vùng Thủ Đô! Sau khi nhìn thoáng qua mọi việc ở lobby, tôi mời anh Khoa vào hậu trường để “tinh thần được yên tĩnh một chút” trước giờ trình diễn!

Giờ khai mạc đã điểm. Tim tôi đập mạnh khi MC Đàm Xuân Linh cất tiếng mở đầu chào quan khách và 3 cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa mặc lễ phục đã trịnh trọng cầm 3 lá cờ Hoa Kỳ, Ukraine và Việt Nam từ trong hậu trường nhịp bước đều hùng dũng tiến ra giữa sân khấu. Tất cả khán giả đứng dậy, nghiêm trang, im lặng lắng nghe dàn giao hưởng thổi nhạc chào quốc kỳ. Tôi không cầm được nước mắt khi nghe tiếng nhạc hòa với tiếng hát thật đều của 30 người trong Ban Hợp Xướng vùng Hoa Thịnh Đốn: “Này công dân ơi quốc gia đến ngày giải phóng ...”. Chưa bao giờ tôi cảm thấy bài Quốc Ca VNCH hay và cảm động đến như vậy! Bài diễn văn mở đầu do 2 MC Đàm Xuân Linh (tiếng Anh) và Ngọc Hà (tiếng Việt) ngắn gọn và súc tích. Phần đầu của chương trình do KSOC trình diễn với nhiều bản nhạc Hoa Kỳ quen thuộc được tán thưởng nhiệt liệt. Sau giải lao, tôi nắm chặt tay anh Khoa trong hậu trường

và chúc anh thành công trong phần hai, trước khi anh bước ra sân khấu, lên bục nhạc trưởng để điều khiển. Mọi việc diễn biến tốt đẹp theo thứ tự định sẵn. Bản Ca Ngợi Tự Do, kết thúc chương trình với tiếng hát của 2 dàn hợp xướng Việt và Ukraine, đã chứng minh một điều: âm nhạc không có biên giới và âm thanh từ tiếng hát có lẽ không cần phải thật rõ lời mới diễn tả được tất cả những tình cảm và tâm sự mà Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa muốn trình bày. Đến gần đoạn kết thúc, Nhạc Trưởng Lê Văn Khoa cũng quá xúc động, “thấy choáng váng, các nhạc sĩ, ca sĩ chỉ còn mờ mờ trước mặt”! (theo lời anh kể sau buổi hòa nhạc). Mọi người đã đứng lên (standing ovation) vỗ tay một hồi lâu để tỏ lòng khen ngợi hai nhạc trưởng, dàn nhạc và ca nhạc sĩ của buổi hòa nhạc. (Nhiều chi tiết của buổi hòa nhạc được Nhiếp Ảnh Gia Thái Đắc Nhã ghi lại ở phần II kế tiếp).

BTC vui sướng và thờ phào nhẹ nhõm. Mọi người tươi cười chúc mừng nhau đã hoàn tất chương trình khá tốt đẹp về mọi phương diện (dĩ nhiên là không tránh khỏi nhiều thiếu sót và hiểu lầm với một chương trình “có tầm vóc”). Các nhân viên của Trường Âm Nhạc đã chứng tỏ khả năng và kinh nghiệm điều động của họ để cho các màn trong chương trình được trôi chảy nhịp nhàng.

Điều mà BTC vui nhất là đã đem lại chút hân diện cho Cộng Đồng người Việt ở vùng Hoa Thịnh Đốn và Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa, đã được Trời thương giúp “đứng vững”, sức khỏe và tinh thần, cho đến hết chương trình!



II. Ba Mươi Lăm Năm Sau - người viết: Thái Đắc Nhã

Chương trình nhạc “Ca Ngợi Tự Do” đêm 11-9-2010 tại Rachel M. Schlesinger Concert Hall and Art Center của Northern Virginia Community College, Virginia, là một chương trình rất qui mô, thực hiện lần đầu ở vùng Thủ Đô Hoa Kỳ. Chương trình này có ý nghĩa đặc biệt trong nhiều khía cạnh: Đánh dấu năm ly hương thứ 35 của người Việt lia quê để tìm tự do (30/4/1975), kỷ niệm biên cố 9/11 tức ngày 11 tháng Chín 2001, quân khủng bố tấn công vào World Trade Center ở New York, Ngũ Giác Đài ở D.C. mà trong đó có người Việt bị tử nạn. Còn một ý nghĩa nho nhỏ khác có lẽ không ai để ý là Lê Văn Khoa trở lại với sinh hoạt văn hóa nghệ thuật trong vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn sau ngót 35 năm xa cách. Từ năm 1975 ông đã bắt đầu với những cuộc triển lãm và chương trình nhạc nhỏ ở D.C., Virginia, Maryland, West Virginia, Delaware rồi lan qua Missouri đến California. Nay từ California, ông trở lại Washington D.C. với một chương trình khác, mang ý nghĩa đặc biệt hơn.

Cả nhân tôi đã theo dõi các sinh hoạt của ông Lê Văn Khoa từ rất nhiều năm và cảm thấy khó theo nổi vết chân ông. Mười giờ sáng Thứ Năm ngày 9-9-2010 Lê Văn Khoa, Ngọc Hà, Kateryna Myronyuk (nhạc sĩ bandura của Ukraine) và tôi từ Virginia lái xe ba tiếng đồng hồ lên Lancaster, Pennsylvania để gặp ban nhạc Kyiv Symphony Orchestra and Chorus, từ Ukraine sang. Máy bay từ Ukraine đáp xuống phi trường Philadelphia, hai xe bus lớn đón 100 ca nhạc sĩ Ukraine, một xe truck chở nhạc cụ đưa họ đến Lancaster. Vừa tới nơi, mọi người chuẩn bị tập dợt ngay với Lê Văn Khoa. Lê Văn Khoa chỉ có một tiếng đồng hồ để dợt mấy bài hòa tấu, bài hát của Ngọc Hà với ban hợp ca và ban nhạc, và hai bài bandura solo của Kateryna với ban nhạc. Ngôn ngữ bất đồng nên mọi chuyên ý đều phải qua trung gian Sergie

Golubnichiy, phụ tá nhạc trưởng của Kyiv Symphony Orchestra and Chorus.

Trên đường trở về Virginia, Lê Văn Khoa ghé Maryland để lấy laptop computer gửi sửa đem về để in nhạc. Vì kính tế dàn nhạc giảm nhạc sĩ, thì giờ và tài chánh không cho phép



Tham khảo một câu nhạc cello solo



Ngồi nghỉ một vừa đợt nhạc

thêu thêm nhiều nhạc sĩ địa phương, Lê Văn Khoa phải chỉnh lại nhạc và cần in ra cho nhạc sĩ. Ông làm việc cả ngày, cả đêm từ mấy ngày nay. Tối Thứ Sáu 10-9, Kyiv Symphony Orchestra trình diễn ở Lancaster, Pennsylvania, Lê Văn Khoa tập với ban hát cộng đồng ở Virginia.

Trưa Thứ Bảy 11-9, ngày trình diễn, xe bus đưa nhạc sĩ từ Lancaster xuống Northern Virginia Community College ở Alexandria, Virginia để dợt trên sân khấu. Định 1 giờ chiều dợt tới 3:30 cho toàn bộ chương trình. Nhưng vì có nhạc sĩ bị bệnh cần được săn sóc nên gần 2 giờ rưỡi dàn nhạc giao hưởng mới đến địa điểm. 3 giờ 30 mọi người phải ra khỏi khu vực hội trường. Chỉ có một tiếng đồng hồ để dợt cho buổi trình diễn nhạc 2 tiếng đồng hồ, không kể lời giới thiệu và nghi thức khai mạc.

Chương trình Ca Ngợi Tự Do được khai mạc bằng lễ chào ba quốc kỳ Ukraine, Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ. Ban hợp ca



Mặt tiền Rachel M. Schlesinger Concert Hall and Art Center trước giờ trình diễn



Khách ở bên trong chờ cửa phòng hòa nhạc mở

Ukraine, dưới quyền điều khiển của nhạc trưởng Sergie Golubnichiy trình diễn bằng hợp ca với dàn nhạc thật hay nhưng nhạc đượm nét buồn.

Kế đó, Lê Văn Khoa lên điều khiển Ban Đồng Ca Cộng Đồng Việt vùng Washington D. C. hát bài Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa và Deborah Miller đơn ca Quốc ca Hoa Kỳ. Lê Văn Khoa hòa phối hai bài quốc ca sau.

Nhiều người đã không cảm được nước mắt khi bài Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa được thổi lên.

Với sự nâng đỡ của thêm nhạc giao hưởng, một bài ca quen thuộc có một sắc thái khác, một sức sống mãnh liệt mà từ lâu người ta không nhận ra.

Nhạc trưởng Matthew McMurrin điều khiển Kyiv Symphony Orchestra and Chorus trình diễn phần Một của chương trình với những

bài nhạc ái quốc, nhạc phổ thông, dân ca Hoa Kỳ và Ukraine. Nhạc thật hay, thật linh động. Phần Một mở đầu bằng bài “America the



Beautiful” và kết thúc với bài “God Bless America”, được song ca hai giọng tenor và baritone với phần phụ họa của ban hợp ca và dàn nhạc giao hưởng, thật tuyệt.



Sau phút giải lao, Lê Văn Khoa điều khiển dàn nhạc trình diễn phần Hai của chương trình, gồm có các nhạc phẩm của ông viết. Bắt đầu bằng bài nhạc hòa tấu hành âm Một của đại tấu khúc Việt Nam 1975.



Bích Vân trong “Mơ Về Quê Tôi” và “Nhạc Chiều Năm Đó” của Lê Văn Khoa

Khán giả ở miền Đông chưa quen với Bích Vân nên vô cùng ngạc nhiên khi cô cất tiếng hát bài “Mơ Về Quê Tôi” của Lê Văn Khoa. Đây là một trong những bài hát rất khó của Lê Văn Khoa. Giọng mạnh mẽ của cô đã chinh phục khán giả và tạo niềm tin vào giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại.



Lê Hồng Quang đơn ca “Bình Minh Quê Hương” của Lê Văn Khoa

Cô Kateryna Myronyuk, nhạc sĩ Bandura từ Ukraine chinh phục khán giả dễ dàng với hai bài dân ca Việt là “Xe Chi Luồn Kim” và “Trống Cơm” do Lê Văn Khoa viết lại cho đàn Bandura và dàn nhạc giao hưởng.



Ngọc Hà rất tình cảm trong “The Last Time” của Lê Văn Khoa. Cô đảm nhiệm hai vai trò cùng lúc trong chương trình này: M. C. và ca sĩ đơn ca. M.C. chính là nhạc sĩ giáo sư Đàm Xuân Linh.

Vài chi tiết đặc biệt trong chương trình “Ca Ngợi Tự Do” này là có nhiều viên chức chính quyền Hoa Kỳ đến tham dự và vinh danh hai nhạc trưởng Lê Văn Khoa, Matthew McMurrin và Kyiv Symphony Orchestra and Chorus. Ngoài Thị Trường Alexandria, còn có Đại Sứ

của Ukraine là Ông Oleksandr Motsyk, trao plaque vinh danh của Sứ Quán Ukraine; hai cựu



Đại Sứ của Hoa Kỳ là Ông Wolfgang Lehmann và Ông Đại Sứ Larry Miller trao bằng vinh danh của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ và Bà Dương Nguyệt Ánh, Giám Đốc Kỹ Thuật của Bộ An Ninh Biên Giới và Hải Phận Hoa Kỳ, thay mặt Thị trưởng Margie Rice của Westminster, California trao bằng vinh danh cho hai nhạc trưởng Matthew McMurrin và Lê Văn Khoa.



Ông Thị trưởng Alexandria, Virginia là William D. Euille nghênh đón ban nhạc, vinh danh và trao hai bằng tuyên dương cho hai nhạc trưởng Matthew McMurrin và Lê Văn Khoa. Ông gọi Lê Văn Khoa là Đại Sứ Văn Hóa (Cultural Ambassador).

Chương trình được kết thúc bằng bài “Ca Ngợi Tự Do” của Lê Văn Khoa do hai ban hợp ca Việt và Ukraine cùng dàn nhạc giao hưởng Kyiv Symphony Orchestra, rất hào hùng.

Theo nhận xét của khán giả địa phương, đây là chương trình nhạc đầu tiên của người

Việt khởi sự và kết thúc đúng giờ, chương trình đầu tiên có khán giả đứng lên và vỗ tay rất lâu, chương trình linh động và hấp dẫn từ đầu đến cuối. Khán giả đầy chật thính đường và có đến gần 25 phần trăm là khách da trắng. Một chương trình đa văn hóa chưa từng có. Một chương trình nhạc ái quốc rất ý nhị. Một kết hợp tuyệt vời của nhạc Hoa Kỳ, Ukraine và Việt Nam. Một điểm son văn hóa cho Lê Văn Khoa



Larry Miller, cựu Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc đọc bản vinh danh trước khi trao cho Nhạc trưởng Matthew McMurrin và Nhạc trưởng kiêm Soạn nhạc gia Lê Văn Khoa.

và cho Ban Tổ Chức đêm nhạc “Ode to Freedom” mà những người để hết tâm huyết và làm việc không mệt mỏi là Phan Anh Dũng, Nguyễn Đức Nam và bà Jackie Bông Wright.

Tôi xin được nghiêng mình cảm phục.



Jackie BôngWright, Phan Anh Dũng, Nguyễn Đức Nam, Matthew McMurrin, Lê Văn Khoa

III. Lời Mở Đầu Buổi Hòa Nhạc

- người viết: Đàm Xuân Linh

Ladies and Gentlemen:

It has been 35 years since the first Vietnamese refugees began arriving in America after the fall of South Vietnam into the Communist hands.

We were happy and we felt overwhelmed by American generosity and all the opportunities that America offered.

The reason that we have with us today the musicians and singers from Ukraine is due mostly to one man, Mr Le Van Khoa, a Vietnamese composer.

Mr. Khoa had been to Ukraine to work with the Kyiv Symphony Orchestra and Chorus for the last 5 years. Together, they have successfully produced the CDs that he hopes would help bring Vietnamese music to Ukraine and other parts of the world.

In the past, as a part of the Soviet Union, Ukraine had had more than its share of sufferings. The so-called “HOLODOMOR,” or “artificial hunger,” was in fact a campaign of genocide in 1932-1933. It left around 10 million dead.

America, of course, has been the main force against evil influence in the world and the sacrifice of Americans has been truly enormous. Nine years ago exactly to the day, nearly 3,000 Americans lost their lives in this land of freedom, triggering a new war against global terrorism.

So, this concert is a commemoration of the 35 years of freedom that the Vietnamese Community enjoys in America; it is also a celebration for the independence the people of the Republic of Ukraine achieved, with the breakup of the Soviet Empire.

And finally, this concert is respectfully dedicated to the memory of the victims of the tragedy of September the 11th in 2001.

Thank you and May God Bless America.

Kính thưa Quý Vị,

Đã 35 năm qua kể từ khi người tị nạn Việt Nam bắt đầu đặt chân lên đất Hoa Kỳ. Chúng ta vui mừng đã may mắn đến được bến bờ tự do sau khi Việt Nam lọt vào tay Cộng Sản, và chúng ta biết ơn sự giúp đỡ của dân tộc Hoa Kỳ.

Buổi hòa nhạc chiều hôm nay có mặt một ban nhạc và ban hợp xướng của Thủ Đô Kyiv, nước Cộng Hòa Ukraine, là kết quả cuộc hành trình của Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa khi ông đi tìm một ban đại hòa tấu và một dàn hợp xướng quốc tế để thu âm những sáng tác của mình. Ông Lê Văn Khoa đã làm việc với ban đại hòa tấu và hợp xướng Kyiv Symphony Orchestra & Chorus trong 5 năm vừa qua để thu âm những đĩa CD của ông, với ước mong đem nhạc Việt đến Ukraine và toàn thế giới.

Cũng như Việt Nam, Ukraine đã trải qua những bất hạnh khi quốc gia này còn là một phần của Liên Bang Xô Viết. Biền cố đau lòng nhất là khi nhà độc tài Stalin tạo nên nạn đói vào những năm 1932-1933, gây nên cái chết cho khoảng 10 triệu người Ukraine.

Hoa Kỳ không trải qua những biền cố thế thảm như Việt Nam và Ukraine. Nhưng với vai trò đặc biệt là chống lại độc tài áp bức trên thế giới, sự góp phần hy sinh của dân chúng Hoa Kỳ trong lịch sử không phải là nhỏ. Đúng 9 năm trước, vào ngày 11 tháng 9, gần 3000 người dân Hoa Kỳ đã tử nạn ngay trên đất tự do này, mở đầu cho cuộc chiến tranh chống khủng bố toàn cầu.

Buổi hòa nhạc đặc biệt hôm nay có mục đích đánh dấu 35 năm ngày những người tị nạn Việt Nam đặt chân lên đất Mỹ và cũng là một chia sẻ với nỗi vui của người dân Ukraine, đã được độc lập khi đế quốc Liên Xô tan vỡ. Và cuối cùng, buổi trình diễn chiều nay xin được xem như để tưởng niệm những nạn nhân của biền cố 11 tháng 9 năm 2001.

Cám ơn Quý Vị, xin Thượng Đế phù hộ cho Hoa Kỳ và tất cả chúng ta.



MC Ngọc Hà & Đàm Xuân Linh



Phan Văn Thành, Phan Khâm, Tiêu Thu, Nguyễn Thị Ngọc Dung



Hoàng Long, Vinh, Thái Ninh, Thu, Lê Văn Khoa, Dương Nguyệt Ánh, Ngọc Hà, Bích Vân, Matthew McMurrin, Tâm Hào, Anh Dũng

IV. Vài Dòng Tâm Sự - người viết:

Lê Văn Khoa

Thân gửi các anh chị em trong Ban Tổ Chức và Ban Đồng Ca của chương trình “Ca Ngợi Tự Do”

Hôm nay, ba tuần lễ sau chương trình Ca Ngợi Tự Do, tôi tạm phục hồi sức khỏe nên viết đôi dòng tâm sự với anh chị em.

Trước hết tôi và nhà tôi xin được một lần nữa cảm ơn thiện chí và sự cố gắng vượt bực của anh chị em đã đóng góp cho chương trình hòa nhạc có tầm vóc quốc tế của chúng ta. Chương trình xong, chắc chắn có rất nhiều kỷ niệm buồn vui lẫn lộn mà anh chị em ai cũng nóng lòng gặp mặt để chia sẻ với nhau. Nhưng điều chắc chắn là ai nấy đều thấy gánh nặng đã trút xong. Sẽ có nhiều người thở một hơi dài nhẹ nhõm và thầm nghĩ bây giờ mình được trở lại trách nhiệm đối với gia đình; nhưng không khỏi có người ước được có thêm chương trình khác để thấy mình còn có gì để làm cho xã hội, cho Cộng đồng và cho cuộc sống cá nhân. Chúng tôi trước đây chưa được hân hạnh gặp rất nhiều anh chị em, nhưng nay chúng ta đã trở thành người thân.

Ngay từ lúc đầu, khi nghĩ đến chuyện làm chương trình “Ca Ngợi Tự Do” này, tôi có nói với anh Phan Anh Dũng là mình sẽ gặp nhiều khó khăn. Thực hiện chương trình lớn rất nhiều khâu, sẽ có nhiều vấp vấp mà rất khó học được kinh nghiệm và loại bỏ hết trở ngại, vì không chương trình nào giống chương trình nào! Tiết mục khác, nghệ sĩ trình diễn khác, nhân sự tổ chức khác, địa phương khác, tâm lý con người khác, chủ đích của mỗi người đối với chương trình đều khác nhau. Quả nhiên, điều trở ngại tôi có dự tính nhưng không ngờ sự việc lớn hơn tôi nghĩ nên những ngày cuối đã làm sức khỏe của tôi suy sụp nhiều! Trước khi bắt đầu chương trình tôi tưởng đã bỏ cuộc, nhưng vì danh dự chung, tôi phải cố gắng.

Tôi biết chắc chắn là mỗi người trong Ban Tổ Chức đều có những gánh nặng, những bói

rối, ưu tư, nhiều đêm không an giấc ngủ và khi thức dậy phải đối diện với những khó khăn thực sự, vì đây là một chương trình lớn lao mà Cộng đồng Việt Nam chưa từng thực hiện ở bất cứ nơi nào trên thế giới.

Người ta nói “làm lớn phải làm ráo”. “Lớn” ở đây không hẳn là chức lớn, mà là việc lớn. Việc lớn mà làm hết (làm ráo) thì phải tốn hơi sức đến chừng nào! Tôi cảm phục các anh chị em trong Ban Tổ Chức, thấy việc khó không né tránh; biết lỗ lỗ, không trốn chạy; cứ xông tới và gánh vác trách nhiệm chỉ vì muốn nêu cao danh dự cho người Việt hải ngoại. Tôi ca ngợi các anh chị em trong Ban Hợp Ca, cũng chính vì danh dự của người Việt mà hết lòng góp tiếng hát dù không có một chút lợi nhuận và danh tiếng cá nhân, có nhiều người đến từ Richmond, Maryland, có người đến từ Pennsylvania, và từ những nơi xa xôi hơn hết là bờ biển miền Tây Hoa Kỳ, từ San Francisco, và Santa Ana, California. Tôi cảm ơn các người tình nguyện đã phục vụ hết lòng cho mục đích chung. Tôi vô cùng biết ơn các mạnh thường quân, các cơ quan truyền thông đã tích cực hỗ trợ cho chương trình. Chính trên quan điểm này tôi nghĩ tất cả chúng ta đều nên có một chút kiêu hãnh và tự hào rằng chúng ta đã nói được tiếng nói nghệ thuật của người Việt sau 35 năm xa xứ, đồng thời tiến thêm một bước mới cho lịch sử âm nhạc Việt Nam, không do sự tài trợ của bất cứ chính phủ hay cơ quan đoàn thể nào, mà bằng khối tình của người yêu âm nhạc và yêu tự do, góp sức cho nhau.

Chúng ta đã lớn tiếng Ca Ngợi Tự Do từ Thủ Đô Hoa Kỳ, một quốc gia lớn mạnh nhất thế giới, đồng thời chia sẻ niềm đau với nạn nhân 9/11, trong khi có nhiều người cố tình quên đi thảm trạng ấy cũng như có người tìm cách xóa nhòa biến cố 30/4/1975 đau thương của dân tộc Việt.

Chúng ta đã hô vang “Việt Nam Muôn Năm” không phải chỉ bằng tiếng Việt mà bằng nhiều thứ tiếng đồng phát. Việc chưa từng có!

Anh chị em nghĩ thế nào khi thấy ngọn cờ vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa tưởng chừng không còn nữa, mà giờ đây đứng vững vàng đón nhận sự nghiêm chỉnh chào kính của người có các màu da, các chủng tộc khác nhau đến từ các nơi trên thế giới? Có bao giờ anh chị em chứng kiến cảnh một ban hợp ca hùng hồn hát lên bài Quốc Ca Việt Nam thân yêu với dàn nhạc danh tiếng thế giới? Từ những âm thanh quen thuộc tỏa ra bản sắc trang trọng, uy nghi, trong không khí hào hùng của hồn thiêng đất nước! Anh chị em có cảm thấy xúc động đến nghẹn lời, gần như hát không ra tiếng một bài ca quen thuộc từ thuở ấu thơ của mình?

Cá nhân tôi, tôi có cảm giác đó! Cảm ơn anh chị em, những người đã tạo cảm giác ấy cho tôi.

Thưa anh chị em, chúng ta là những người vô danh trong xã hội này, cũng là những người vô danh ngay trong cộng đồng người Việt chúng ta, nhưng nhờ đoàn kết mà chúng ta đã: *Cùng Nhau Làm Nên Lịch Sử* - dù chỉ trong hình thức khiêm nhường nhất mà một người Việt Nam có thể làm được cho quê hương mình. Tôi xin được chuyển lời của nhiều người sau khi biết được tầm vóc, thời gian tập dợt với ban nhạc và kết quả thu gặt được, họ nói đây là “Mission Impossible!”. Chúng ta đã chuyển Impossible thành Possible! Công lao của tất cả anh chị em!

Hôm nay, anh chị em họp nhau để chia ngọt sẻ bùi, rất tiếc chúng tôi ở xa không đến chung vui với anh chị em được, nhưng vẫn nghĩ đến anh chị em, tạm mượn dòng chữ này mong được hòa lòng với anh chị em. Cầu xin ơn trên luôn phù hộ và ban mọi phước lành cho anh chị em mãi mãi.

Hẹn ngày tái ngộ không xa.

Lê Văn Khoa và Ngọc Hà

KHI GIA ĐÌNH TÔI SUM HỢP

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Gia đình tôi định cư tại Virginia từ năm 1972, nghĩa là trước khi Cộng Sản Bắc Việt bức chiếm Sài Gòn, 30 tháng tư, năm 1975, trước khi làn sóng người Việt di cư ồ ạt tới nước Mỹ. Nhờ ông chồng là nhà ngoại giao Hoa Kỳ, nên chúng tôi may mắn không phải lâm vào cảnh vượt biên kinh hoàng, không phải sống dưới chế độ Việt Cộng bất nhân.

Hành trang của chúng tôi đem theo từ Sài Gòn, ngoài những kỷ vật quý báu của gia đình, có bộ *salon* mây, có tranh sơn dầu, sơn mài, đồ gốm, bát, đĩa, chén, muống, đĩa Việt Nam. Một thùng bánh tráng, bánh phở, bún, miến, tôi không quên bỏ vào mấy chai nước mắm Phan Thiết. Gia đình có ông chủ là người bản xứ, còn lại bà vợ và bốn đứa con “made in Việt Nam” thì làm sao bỏ được món phở, món chả giò và thiếu nước mắm? Cũng may, nước mắm không bị bể chai trên đường phiêu lưu xuất ngoại.

Món ăn dân tộc không thể thiếu trên bước đường xa quê. Nó là nguồn gốc giống nòi làm cho kẻ tha hương có cảm tưởng gần gũi nơi chôn nhau cắt rún và ấm lòng mỗi khi được thưởng thức hương vị quê nhà. Không gian, thời gian và hình ảnh kỷ niệm thường xuất hiện bồi hồi tâm trí mỗi khi làm, hay ăn một món dân tộc. Tuy nhiên tôi không nỡ lòng nào bắt ông chồng phải ăn món Việt mỗi ngày. Tôi vừa tập nấu món ăn bản xứ, vừa sáng chế món ăn Việt theo vật liệu mua được ngoài chợ Mỹ.

Tôi quên không kể, tôi đem theo cả một bịch hạt giống: ngò, tía tô, kinh giới, húng cây, húng quế, hẹ, hành. Tôi gieo hạt giống ngoài vườn liền nên có các gia vị này vài tháng sau, tạm đủ vị cho phở, chả giò, bún

chả, bún riêu, bánh tôm, bún bò xào... Ông chồng dễ tính, dễ nuôi và các con đang tuổi lớn, ăn uống thỏa thuê các thức ăn tôi nấu nên bữa cơm nào tôi cũng được chồng con cảm ơn rối rít, tít mù!

Trong những thùng đồ đạc được di chuyển từ Sài Gòn còn có cả mấy cái khuôn bánh tôm nên mới có đồ nghề làm món này. Sau này có người mách tôi dùng chảo *teflon* nhỏ nhất để đổ một cái bánh tôm lớn, chiên cho ròn. Khi ăn cắt bánh ra làm nhiều miếng nhỏ vừa miệng. Có thể đổ bánh trước, khi nào ăn cắt ra miếng nhỏ rồi bỏ lò cho nóng ròn lại. Ý kiến thật hay và làm cách này có thể đãi tiệc lớn cũng được.

Mới đặt chân tới Virginia, tôi rất ngạc nhiên, người Mỹ cũng rất thích ăn cua hấp với muối ớt thật cay. Họ có những *crab house* rất lớn chỉ bán cua hấp và bia. Vợ chồng con cái tôi ăn bằng thích. Tôi còn mua thêm cua hấp, bóc vỏ lấy thịt cua trộn trứng thả vào nước dùng gà, cà chua hộp, làm món bún riêu. Không có cua đồng, nấu như vậy cũng tạm ăn cho đỡ thèm. Về sau, tôi bắt chước một người bạn trộn thịt cua với thịt heo băm và trứng. Nước riêu của đậm đà đầy đủ chất bổ. Buổi trưa, phải lo ăn cho gia đình đông con, hay thết bạn bè, chỉ cần ăn một món đó và miếng bánh tráng miệng với ly nước trà hay cà-phê là đầy đủ, không phải nấu nướng nhiều món vất vả. Bây giờ, trong mùa rau muống, tía tô nhiều, tôi thường dùng cua hộp trắng thơm, thịt gà băm tinh khiết nấu riêu cua cho đỡ mệt cái thân già.

Hồi còn Ông Thiệu là Tổng Thống miền Nam, ở vùng Arlington, giáp ranh Thủ Đô

Hoa Thịnh Đốn, may mắn có một tiệm thực phẩm Việt Nam, tôi tìm được tạm đủ các gia vị, và vật liệu nấu món quê hương. Bởi vì vẫn có Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa và nhiều Việt kiều dạy tiếng Việt cho quân nhân và các nhân viên ngoại giao Hoa Kỳ có công tác, quân vụ tại miền Nam. Ngoài ra còn có nhiều sinh viên Việt Nam đi du học.

Tôi liên lạc được với vài người quen từ Sài Gòn nên thỉnh thoảng điện thoại, gặp gỡ họ, học hỏi kinh nghiệm sống, kinh nghiệm nấu ăn tại xứ người. Người Việt họp mặt thường đãi nhau ăn những món quê hương. Vài món Việt đầu tiên được sáng chế trên xứ người mà tôi được thưởng thức tại nhà thân hữu là món nem chua làm bằng *ham* ngâm dấm, đường, tỏi, được cuộn với bánh tráng và rau. *Ham* là thịt đùi heo ép, hun khói cho chín và để nguội bán ê hề ngoài chợ Mỹ.

Một món nữa là món nộm bì heo, trộn với *green beans* luộc, mè và nước mắm chanh ớt giả nộm rau rmuống cũng ngon đáo để. Chồng con tôi không thích ăn da heo nên tôi thay vào thịt heo nạc. Tuy nhiên, hai món này không được chiếu cố cho lắm trong gia đình tôi.

Một bà bạn học của chị tôi, có chồng phóng viên, nhiếp ảnh nhà báo Mỹ, nấu ăn giỏi nên ông nghiên món ăn quê vợ. Tôi học được cách làm giò chả, xay thịt heo với cái máy xay Moulinex, chứ không giã bằng chày. Nhất định là không tròn, không thơm vì không có lá chuối, không ngon được bằng giò chả Hàng Buồm, Hàng Giấy Hà Nội và Đường Hiền Vương Sài Gòn. Nhưng các con tôi hỗn hờ ngồi vào bàn, ăn tì tì món giò chả của bà mẹ làm. Đó cũng là món Việt Nam mà cháu nội, cháu ngoại nửa Việt, nửa Mỹ của tôi bây giờ thích nhất để ăn với cơm, chúng còn đòi tưới thêm nước mắm nữa. Chúng không chịu nói câu tiếng Việt nào nhưng tiếng “giò” thì nói rõ lắm!

Chồng con tôi cũng rất thích món bánh xèo tôi tráng, dù không có rau cần, rau cải non như ở tiệm bánh xèo Đường Đinh Công Tráng, Tân Định, Sài Gòn. Cũng may thực khách của tôi không “care” mấy thứ rau đó. Phải nói rằng bánh xèo làm ở nhà dầy hơn, không mỏng như tờ giấy vì hà tiện bột như ở tiệm và tôm, thịt cũng nhiều hơn nên ăn thật đã. Bánh xèo ngoài tiệm thường được độn toàn giá.

Nước mắm dấm ớt tỏi đường cũng làm cho món bánh xèo và chả giò thêm phần khoái khẩu. Không biết quý vị pha nước chấm thế nào, riêng tôi có cái công thức rất dễ nhớ: một mắm, một dấm, một đường, một nước, một nhánh tỏi. Khi ăn cho thêm ớt, tiêu tùy thích hay thêm vài giọt chanh tươi vào chén cho thêm vị thanh khiết hơn. Công thức này rất hợp khẩu vị tôi và chồng con. Khi trưởng thành, con trai, con gái tôi đã mang theo công thức pha nước mắm này khi ra ở riêng có vợ, có chồng. Đôi lần chúng hỏi tôi:

“Sao mẹ không sáng chế nước mắm pha này và cho vào chai bán như *salad dressing* của Mỹ?”

“Làm thương mại nhiều khê lắm. Bà mẹ của các con đây không có đầu óc làm ăn và cũng không muốn vất vả.”

Thực vậy, làm bà nội trợ cho một ông chồng ngoại giao và bốn đứa con đang tuổi ăn học ở đất Mỹ, lại không có người giúp việc cũng đủ mệt rồi. Sau này quả nhiên tôi thấy trong chợ Việt Nam có bán một thứ nước mắm dấm ớt, tôi mua về dùng thử, nhưng ô hô ai tai! Làm sao ngon được bằng *home made*?

Bà bạn của chị tôi, sau này mở nhà hàng ở George Town, cho tôi công thức pha bột làm bánh cuốn. Nhưng bà ta tráng bột trên miếng vải căng trên miệng nồi nước sôi. Lích kích quá, cái độ “muốn ăn thì lăn vào bếp” của tôi chưa siêu lắm, nên tôi đành bỏ qua. Thỉnh thoảng đến nhà hàng của bà bạn

mới được ăn món bánh cuốn nhân thịt nóng hổi vừa ăn vừa thổi đó. Nấu ăn cũng là một nghệ thuật và có bằng cấp hẳn hoi. Ở Nước Mỹ và các nước văn minh khác, các ông bà *chef* có bằng cấp nấu ăn được các chủ nhà hàng o bế như ông trời và trả lương rất hậu. Bây giờ, bánh cuốn nhân thịt hay không nhân (bánh ướt) được bán từng *pound*, từng khay tại khắp các chợ Việt Nam. Các bà nội trợ không phải mỗi gói, chồn chân đứng trắng, hơi nổi nước cũng hấp luôn cả mặt.

Thế rồi một hôm, đi *shopping* ở một *Department Store* lớn tại Tysons Shopping Center gần nhà, tôi thấy người ta quảng cáo và biểu diễn tráng trứng, đổ *pan cake* trên chảo *teflon* mới được bán ra thị trường. Được tráng không cần dầu hay bơ, cái trứng và *pan cake* thật mỏng, không bị xát và trơn tuột trên chảo. Tôi chợt nảy ý định thử tráng bánh cuốn với cái chảo này xem sao và tôi mua ngay một cái nhỏ nhất. Về nhà, tôi thực tập liền. Lúc đầu, cái thì dày, cái thì nát, cái thì cháy. Nhưng dần dần có kinh nghiệm, tráng bột đều tay, để lửa vừa nóng, bánh vừa mềm, vừa mỏng, vừa dai, thêm nhân thịt, hành, tiêu, nước chấm. Thế là có bánh cuốn ăn. Nhưng chồng con tôi lại thích ăn kiểu bánh ướt miền Nam cơ! Nên tôi thường tráng bánh cuốn không nhân, rồi bỏ thêm giò hay chả, giá trần, dưa leo và rau ngò. Các ngài ăn như điên và khi chưa kịp làm đã nhắc nhở đòi ăn món này. Tôi phải mua thêm một cái chảo nữa và múa cả hai tay mới kịp cho gia đình và khách ăn. Vâng, khi đã tráng bánh cuốn thành công, tôi cũng muốn khoe với bạn bè nên mỗi họ thưởng thức. Những thực khách khó tính nhất cũng cho đầu bếp Ngọc Dung số điểm trên trung bình.

Một món ăn Việt tôi chưa nhắc tới và chồng con tôi mê điên đảo nhất là món thịt bò nhúng dấm đặc biệt miền Nam. Thực ra tất cả những món tôi vừa kể đều do sự thèm thuồng của chính bà bếp nên chồng con bà mới được thưởng thức. Nếu bà không thích, không thèm,

chưa chắc chồng con đã biết, đã nhớ mà đòi ăn. Trước khi dời Sài Gòn, con cái tôi mới từ 7 đến 12 tuổi. Chúng tôi được đại gia đình có bà mẹ, có anh chị em và các cháu, đãi một bữa thịt bò bầy món tại Bar Ánh Hồng, Đường Nguyễn Minh Chiêu, Phú Nhuận. Tiệm rất bình dân, nhưng rộng lớn. Mấy chục bàn ăn được đặt ra cả ngoài sân gạch.

Trong bầy món thịt bò của Bar Ánh Hồng, tôi thích nhất món bò nhúng dấm. Tôi không được ai chỉ dẫn, không có sách dạy nấu ăn, nhưng ôn lại những vật liệu và gia vị trong món đó rồi nghĩ cách làm. Tôi không biết người ta dùng loại thịt bò nào, nhưng tôi đã chọn *flank steak*, loại được dùng làm thịt bò sào, hay thịt bò tái thì mềm và đậm đà nhất. Tôi để nguyên miếng lớn có bề ngang bằng gang tay và cố gắng thái ngang thớ thịt từng miếng thật mỏng, nhưng chẳng bao giờ mỏng được như ở tiệm. Tuy nhiên *flank steak* dù được thái dày, nhúng tái ăn cũng không dai.

Nước nhúng của tôi là dưa nghiền hộp được pha thêm nước dùng xương bò, dấm, muối và bỏ vào cái nồi nhỏ đặt trên bếp điện để bàn thay vì hỏa lò than dân tộc như ở Bar Ánh Hồng. Không có mắm nêm, không có xả tươi, xả khô thì đành chịu. Nước nhúng và nước chấm của tôi chỉ là nước mắm dấm trộn dưa xay nhuyễn, cũng như rau sống không có giá, chỉ có rau *salad*, dưa leo, cà-rôt bào, hành xanh chẻ, rau thơm, ngò, húng trong vườn, cũng tạm đủ. Ông chồng tôi chiều cố tất cả các thứ rau tôi bày trên bàn nhưng các con tôi chỉ ăn được rau riếp, cà-rôt, dưa leo mà thôi.

Tôi phải biểu diễn món thịt bò nhúng dấm cho chồng con tự làm lấy mà ăn. Thứ nhất, nhúng bánh tráng nhỏ vào tô nước ấm và trải bánh tráng lên đĩa. Thứ nhì, đặt các thứ rau thích ăn lên bánh tráng nhưng mỗi thứ một cọng thôi thì mới cuộn hết vào bánh tráng được. Thứ ba, dùng nĩa xiên hai ba miếng thịt và nhúng vào xoong nước nhúng

độ một phút cho thịt tái hồng hồng thôi, rồi trải thịt dài trên rau. Lúc này bánh tráng đã mềm và cuộn tròn rau thịt rất dễ và gọn gàng chấm nước mắm dấm bỏ miệng ăn ngon lành. Chỉ có cậu con lớn Nguyên Thủy, 12 tuổi có vẻ háu ăn và thành thạo, tự làm lấy ngay. Ông chồng tôi, và Trường Sơn 10 tuổi, Ngọc Hân 9, Thân Phong 8, lóng cọng vụng về. Cái cuốn nào cũng lòi rau, lòi thịt và rơi lá tã. Kết cục tôi phải luôn tay cuộn bánh cho các vị ấy ăn. Rồi còn cái nạn người này cầm nhầm xiên thịt của người kia, tranh nhau giỡn đùa chí chóc! Kết cuộc bữa đầu tiên làm bò nhúng dấm tôi ăn nhiều lắm được hai, ba cuốn. Nhìn chồng con hờn hờn ăn uống, tôi cũng đủ no rồi! Có lẽ đó cũng là cảm tưởng hể hả của các bà mẹ, bà vợ yêu chồng thương con mà thôi.

Mỗi lần làm thịt bò nhúng dấm tôi không khỏi liên tưởng tới tiệm thịt bò bầy món Bar Ánh Hồng Đường Nguyễn Minh Chiếu Phú Nhuận của Thành Phố Sài Gòn cũ. Góc đường Nguyễn Minh Chiếu và Trương Tấn Bửu là nơi tôi và mấy cô bạn áo trắng học trò, đón xe buýt đi học trường Trưng Vương lúc còn học nhờ Trường Gia Long. Tiếng chuông nhà thờ Phú Nhuận tại ngã ba Trương Tấn Bửu và Võ Tánh Phú Nhuận như còn vang vọng trong tiềm thức tôi. Cái ngõ nhỏ la đà khóm tre sau nhà thờ dẫn về cư xá Công Chức Chức Bạ, nơi gia đình tôi đã ở từ khi mới di cư từ Hà Nội vào Sài Gòn. Hình ảnh cha mẹ, bà nội, bà ngoại, bầy chị em đông đúc trong căn lầu hai tầng còn rõ rệt trong tâm trí tôi. Hương vị thuần túy Miền Nam thường đưa tôi về một thời đi vắng thân thương không bao giờ quên.

Thế rồi người Việt di cư ồ ạt tới Virginia sau ngày 30 tháng 4, 1975. Chợ Việt Nam, tiệm ăn Việt Nam và Trung Hoa mở cửa rần rần. Trong số người di cư từ Việt Nam cũng có rất nhiều người Hoa hay gốc Hoa. Các thứ rau, trái và gia vị cho món ăn Việt được

nhập cảng từ Thái Lan, Hồng Kông, Trung Hoa lục địa, không còn hiếm nữa. Việt kiều tìm thấy đủ gia vị cần thiết cho món ăn quê hương. Món bò nhúng dấm không còn thiếu mắm nêm, xả và giá sống nữa. Cà cuống cũng được bán cho thêm vị ăn bánh cuốn, bún thang của dân Bắc-cờ rau muống luộc. Tuy nhiên, gia đình chúng tôi vẫn dùng nước mắm dấm chấm bò nhúng dấm. Chúng tôi không chịu được cái mùi mắm tôm, mắm nêm trong nhà máy lạnh, máy nóng kín cửa. Cho đến một hôm đi dự một cái tiệc của người Mỹ, tôi được nếm vài món khai vị *appertizers* có vị mắm nêm mới lạ chứ! Tôi hỏi chủ nhà, thì được biết đó là *anchovy paste*, một thứ cá cơm muối mặn được xay nhuyễn và đóng hộp nhỏ. Trước lần làm bò nhúng dấm sau đó, tôi đi chợ Mỹ và tìm được *anhovy* hộp để nguyên con với dầu *olive*. Khi dùng, tôi trộn *anchovy* với dứa hộp và xay nhuyễn, thêm dấm, chanh, đường và nếm thử. Nước chấm *anchovy* không tanh, không nặng mùi, “có vẻ” tinh khiết, để chấm thịt bò nhúng dấm thì đậm đà tuyệt diệu. Chúng tôi cảm thấy yên trí thả giàn dùng nước chấm *anchovy* mới sáng chế. Thực khách của tôi bây giờ đã thành thạo cuộn bánh tráng với thịt bò nhúng dấm và các thứ rau sống, không cần tôi trợ giúp. Có lần tôi dùng chảo *teflon* thay thế nồi nước dấm và nghĩ mùi thịt bò ướp sả sẽ thơm lừng nhà cửa, ăn uống thú vị hơn. Nhưng thực khách háu ăn của tôi đều chê vì phải không muốn “vắt vả” lẫn tới lẫn lui miếng thịt trên chảo, trong khi nồi nước nhúng sôi làm việc nấu chín cho họ.

Thời điểm này tôi được bà con di cư nhắc nhở, tiệm bò bầy món ở Sài Gòn có cả món tôm nhúng dấm nữa. Ừ nhỉ, làm cả hai món bò và tôm, ăn thay đổi, ngon miệng hơn! Tôi hỏi kỹ kiến chồng con, thực khách của tôi đều nhao nhao lên, muốn thử ăn tôm nhúng nhưng thịt bò vẫn là món chính. Nghĩa là các vị muốn ăn cả hai thứ đấy!

Tôi đi chợ mua thứ tôm trung bình độ 25 con một *pound* (nửa ký), bóc vỏ, sẽ đôi theo sống lưng tôm tới gần đuôi thì “stop”, không sẽ hết đuôi tôm. Khi ăn, tôi lại biểu diễn cho chồng con, trải tôm dài theo cái cuốn với đủ các thứ rau muốn ăn. Mỗi cuốn chỉ cần một con tôm là đủ và cái cuốn thật gọn gàng, thanh cảnh. Chồng con tôi mê tôm nhúng dấm không kém món thịt bò.

Hơn một năm sau ngày một triệu dân miền Nam chạy trốn nạn Cộng Sản và di tản khắp hoàn cầu, chồng tôi có chức vụ tại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Brussels, Vương Quốc Bỉ. Chúng tôi có quyền đem tất cả đồ đạc, quần áo, sách vở, đồ dùng nhà bếp. Chúng tôi quen vài gia đình người Việt ở Brussels, ở Pháp nên đã hỏi được tình hình thức ăn Việt Nam ở Âu Châu. Tôi không phải đem theo một thứ thức ăn khô hay một chai nước mắm nào như khi rời Sài Gòn năm 1972. Tôi tìm được đầy đủ các vật liệu, gia vị và rau nấu, rau ăn sống cho thức ăn Việt Nam tại xứ Bỉ. Bỏn cũ sao lại, tôi lần lượt cho chồng con thưởng thức lại những món đã từng thực tập trên đất Mỹ. Các con tôi đều học trường của Mỹ dành riêng cho con cái các quân nhân và nhân viên ngoại giao Mỹ làm việc ở Bỉ. Bạn bè chúng đến chơi vào bữa ăn hay ở lại qua đêm cũng được mời ngồi vào bàn ăn với chúng tôi. Các cô cậu mắt lơ mũi xanh ăn như máy những món phở, chả giò, cơm chiên... Chúng nói rằng các con tôi được may mắn có mẹ nấu cơm nóng hổi cho ăn hằng ngày. Tôi cũng làm vài món Việt tiếp khách Bỉ, Mỹ và quốc tế của chồng, nhưng tuyệt nhiên tôi không làm món thịt bò và tôm nhúng dấm. Tôi không cảm thấy hứng thú làm món này thiết đãi ai ngoài chồng con tôi.

Một ngày kia chúng tôi đến dự một bữa tiệc tại nhà một vị ngoại giao Bỉ. Giữa bàn *hors d'oeuvres* tôi thấy có món *boeuf fondu* với một cái nồi tráng men đựng dầu nóng đặt trên một cái kiềng sắt dưới có hộp nhiên liệu cháy, le lói ngọn lửa. Xung quanh nồi có một

đĩa thịt bò được cắt thành miếng vuông mỗi bề độ 3/4 inch với những cái xiên dài, một đĩa những lát bánh mì nhỏ và nhiều chén đủ loại sốt như cà chua, mu-tac (mustard), *mayonnaise*, *curry*, sốt chua ngọt... để chấm thịt bò sau khi được nhúng vào dầu nóng. Tôi đã từng biết đến món này từ khi đi những đám tiệc của người Mỹ nên có lần đã bắt chước mua cái nồi *fondu* về dùng cho món bò nhúng dấm. Khi đổ nước dấm vào đun sôi lên, tôi ngửi thấy mùi lạ, ném thử một chút, có mùi han sắt. Thì ra người ta dùng nồi sắt đó để đổ dầu hay bơ nhúng *beef fondu* thì được, chứ không thể dùng cho món bò nhúng dấm. Lần đó tôi đã phải đổ cả nước nhúng và vớt nồi đi, làm lại một nồi nhúng khác.

Khi trông thấy cái nồi *fondu* có tráng men, tôi mừng thầm trong bụng, sẽ phải lùng mua nó cho món bò nhúng dấm. Vài ngày sau đó tôi lái xe xông pha ra phố Brussels, đến một tiệm bách hóa lớn trong thủ đô Vương Quốc Bỉ để tìm nồi *fondu*. Cũng may, bên Âu châu chấp nhận bằng lái xe của Hoa Kỳ nên tôi chỉ cần thuộc đường là có thể lái xe phẳng phẳng. Vốn liếng tiếng Pháp mấy năm trung học, mấy tháng trước khi đi Bỉ được đem ra thực tập lung tung với tiếng Anh lẫn lộn. Tôi qua được hết các cửa... chợ của nước Bỉ.

Tại tiệm bách hóa, tôi mừng hóm khi trông thấy bộ nồi *fondu* có tráng men hoa màu vui mắt lại thêm 6 cái xiên nhôm dài. Đầu mỗi cái xiên có một màu xanh, hay đỏ, cam, vàng, trắng và xanh lá cây. Như vậy thì “anh” nào nhớ màu xiên của “anh” nấy, không cầm nhầm xiên của “anh” khác. Tôi mua luôn hai bộ đem về nhà. Từ đây bàn tiệc gia đình của chúng tôi có hai lò *fondu* với sáu cái xiên sáu màu khác nhau thay thế hai cái bếp điện để bàn có dây lòng thòng rất nguy hiểm, nếu đập phải dây có thể kéo đổ luôn nồi nước nhúng sôi sùng sục. Các con tôi bắt đầu gọi món bò nhúng dấm là Vietnamese

beef fondu dễ dàng hơn bằng tiếng Việt của chúng đã dần dần mất dấu.

Sau Vương quốc Bỉ, chồng tôi đổi đi làm việc tại Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Đức quốc. Bầu đoàn thể tử chúng tôi lại di chuyển đến Bonn. Cậu con lớn Nguyễn Thủy ở lại Mỹ, đi Đại Học VCU ở Virginia. Xin thưa ngay rằng đó là Virginia Commonwealth University chứ không phải là Đại Học Việt Cộng đâu! Đóng cả tiền ăn ở trong trường cho con, tôi vẫn tội nghiệp con không được ăn những món mẹ làm ở nhà. Vắng một đứa con cũng khiến tôi không có hứng làm món bò nhúng dấm nữa. Ông chồng tôi và ba cô cậu chưa đi đại học cũng không bao giờ nhắc đến món ăn thích khẩu này.

Bỗng nhiên sắp đến ngày lễ Giáng Sinh và Năm Mới, cô cậu ở nhà nhao nhao lên đòi: “Khi Thủy về mẹ làm bò nhúng dấm nhé!”

“Lâu lắm mẹ không làm *beef fondu*, con thèm quá.”

“Chắc là Thủy cũng thèm món này lắm!”

Quả nhiên trước khi về Brussels, cậu cả cũng gọi điện thoại từ Virginia:

“Từ ngày con đi đại học, mẹ có làm bò nhúng dấm không?”

“Không, mẹ đợi con về mới làm!”

“Thật hả mẹ! Hay là mẹ sợ con nhớ món đó, mẹ có làm mà mẹ không nói.”

“Mẹ nói thật. Nhà không đủ mặt anh em ăn với nhau, mẹ nghĩ rằng ăn món đặc biệt đó không thấy ngon nữa. Mẹ để dành khi Thủy về mẹ làm cho cả nhà ăn, vui hơn!”

“OK! I love you, mom!” Cậu cả của tôi reo lên từ đầu dây bên kia bờ Đại Tây Dương.

Hai năm sau, Trường Sơn, cậu con thứ hai của tôi đi Đại Học Maryland tại Munich. Rồi đến lượt Ngọc Hân, cô con gái độc nhất của tôi đi Đại Học Arlington, Texas. Khi chúng tôi trở lại Virginia thì Thần Phong, cậu con út của tôi cũng đi Đại Học VCU, cùng trường với anh lớn. Ở nhà chỉ còn hai vợ chồng cu ky, đi ra đi vào với nhau. Hằng

ngày chúng tôi thay đổi món ăn Mỹ, Việt thông thường. Khi có khách ngoại giao hay bạn đồng hương, tôi cũng chỉ làm món chả giò là thịnh soạn nhất. Tôi vẫn đợi những khi các con nghỉ hè, nghỉ học ngày lễ về nhà mới làm món *Vietnamese beef and shrimp fondu* cho gia đình quây quần ăn uống đông đủ, mới cảm thấy vui hơn và ăn ngon hơn.

Lúc này, nhà người Việt nào cũng có một vườn rau đủ thứ húng cây, húng quế, hành, răm, ngò, rau muống, rau cần, giàn bầu, giàn mướp, thấy mà mê. Thế là nhà ngoại giao của tôi cũng phải ra vườn cuốc đất, trộn phân bón làm một mảnh vườn rau cho vợ. Chẳng bao lâu rau mọc không kịp ăn. Bầu, bí, mướp leo đổ cả hàng rào. Tuy nhiên cái vườn của tôi không thể so sánh được với cái vườn của một bà ở Falls Church. Hình như nhà bà ta có bao nhiêu đất đều được bới lên để trồng đủ các loại rau, không khác gì những vườn rau ở Ngã Tư Gò Vấp hay Ngã Ba Ông Tạ, Vườn Trâu Bà Điểm... Bà ta thuê thợ làm vườn “full time”, phân phối rau cho tất cả các tiệm thực phẩm Việt trong vùng. Việt kiều vào nhà bà mua rau như đi chợ, ai cũng phục lẫn.

Xa quê hương, nhớ quê hương, người ta muốn xây dựng một khung cảnh quen thuộc yêu dấu của quê xưa, làng cũ, để được nhìn thấy hằng ngày và cảm thấy gần gũi với quê hương ngàn dặm xa xôi, khuất bóng. Vì thế mới có những tiệm mang tên Sài Gòn, Cần Thơ, Gò Công, Nha Trang, Little Sài Gòn và những khu buôn bán sầm uất Little Sài Gòn... Người ta làm những món ăn dân tộc này nọ vì nhớ hương vị quê xưa vẫn tiềm ẩn trong dạ dày, mạch máu... Người ta có thể bỏ quê hương, nhưng không thể bỏ món ăn dân tộc.

Thời gian trôi qua, cậu Cả của tôi tốt nghiệp VCU đi làm, mua nhà ở riêng. Cậu Hai năm được bằng đại học liền giảng hồ vùng nắng ấm Miami. Cô Ba sau khi tốt

ng nghiệp UT, đòi lấy David, *boy friend* từ thuở *high school* và ở lại Arlington, Texas. Cậu Út cũng lấy vợ sau khi tốt nghiệp VCU, đi làm và mua nhà ở riêng. May mắn vợ chồng tôi còn có cậu Cả, vợ chồng cậu Út ở gần bên và thỉnh thoảng về thăm ba mẹ. Con cái tôi đã hội nhập nếp sống tự lập của giới trẻ trong xã hội Hoa Kỳ. Sau khi tốt nghiệp đại học, họ kiếm việc làm và như chim đủ lông đủ cánh, bay khắp bốn phương trời tự do, không muốn ở nhà phiền lụy cha mẹ. Họ hãnh diện đã tiến những bước trưởng thành.

Rồi Ngọc Hân có con trai đầu lòng đặt tên Anton. Nguyên Thủy lấy vợ có tên Kelly. Chúng tôi có thêm một con dâu Mỹ đặc, nhưng được chồng huấn luyện cầm đũa thành thạo từ khi mới quen nhau. Kelly thích ăn chả giò, nhưng lại sợ thịt heo, không phải vì lý do tôn giáo mà vì sợ mỡ... Tôi phải làm *spring rolls* bằng thịt gà băm, chớ nào cũng có bán nên không phải vất vả xay thịt.

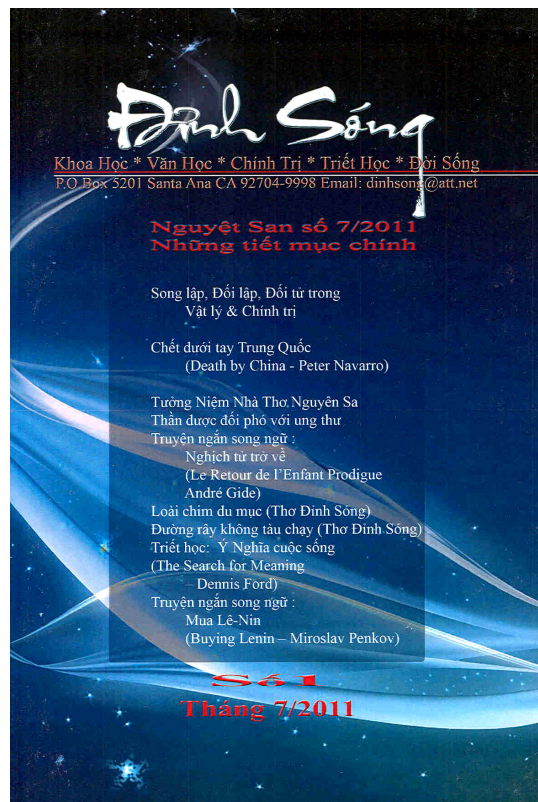
Mùa Giáng Sinh, Nguyên Thủy và Thân Phong thường mua cây Christmas đem đến tặng ba mẹ và trang hoàng dây đèn chung quanh mái nhà và bụi cây ngoài vườn. Chúng tôi chờ đợi con cháu ở xa về nhà cũ. Đêm Giáng Sinh họp mặt, dưới cây thông lóng lánh đèn màu trong phòng gia đình, đầy quà Christmas. Mùi lá thông, mùi nến thơm tăng thêm không khí trang trọng của Ngày Lễ thiêng liêng. Mùa đông ngoài kia giá lạnh, nhưng trong nhà ấm áp tình gia đình gần gũi, thân yêu.

Bàn tiệc được kéo dài và thêm hai cái ghế. 10 thành viên gia đình ngồi vừa khít phòng ăn nhỏ của cái *town home* (sát vách với nhà bên cạnh), chúng tôi mua và dọn đến ở sau khi ông xã tôi về hưu Bộ Ngoại Giao. Bàn tiệc la liệt những đĩa tôm, thịt, bánh tráng, rau sống. Tôi học được cách nhúng bánh tráng trước khi ăn. Cứ một miếng bánh tráng ướt lại một miếng giấy nến đặt lên trên để bánh tráng không dính với nhau. Quý vị thực khách của tôi có thể

luôn tay nhúng thịt, nhúng tôm, cuộn bánh. Hai nồi nước nhúng bốc khói thơm lừng mùi dứa, mùi xả nhắc nhở cái gốc gác thứ hai, Sài Gòn của tôi và nơi sinh ra đời của các con tôi. Dâu rẻ Mỹ nhúng thịt, nhúng tôm, cuộn bánh tráng thành thạo. Chồng con tôi ăn uống như vũ bão, chấm mút ngon lành. Tiếng nói, tiếng cười vang ba tầng lầu. Hạnh phúc tôi là được nhìn mặt con cháu đông đủ quanh bàn tiệc gia đình truyền thống đó.

(Còn tiếp)

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



Liên lạc: Đỉnh Sóng

P.O. BOX 5201 Santa Ana, CA 92704

<dinhsong@att.net>

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ Ông DOMINICO PHẠM XUÂN NHÂN (PETER)

thân sinh của Nghệ Sĩ Phạm Xuân Thái,

vừa tạ thế tại Fountain Valley, California, ngày 23 tháng 6, năm 2011.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng

Anh Chị Phạm Xuân Thái - Ngô Nguyệt Hằng cùng tang quyến.

Cầu chúc hương linh Cụ Ông Dominico Phạm Xuân Nhân

sớm về với nước Chúa

Toàn thể Ban Trị Sự và Ban Biên Tập

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

PHÂN ƯU

Được tin buồn Thân Mẫu

của Nhà Thơ Nguyễn Kinh Bắc là:

Cụ Bà NGUYỄN VĂN ĐỨC Nhũ danh TRƯƠNG THỊ BẢY

Sinh năm 1927 tại Bắc Ninh

(Bắc Phần - Việt Nam)

Mệnh chung ngày 4 tháng 8 năm 2011, Mồng Năm tháng Bảy năm Tân Mão

Hưởng thượng thọ 85 tuổi

Trước sự mất mát lớn lao này, chúng tôi xin chia buồn cùng

Nhà Thơ Nguyễn Kinh Bắc và Tang Quyển ở Hoa Kỳ và Việt Nam

Nguyện cầu **Hương Linh Cụ Bà Nguyễn Văn Đức**

được vãng sanh Miền Cực Lạc.

Toàn thể Ban Trị Sự và Ban Biên Tập

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

PHÂN ƯU

Được tin buồn

TIẾN SĨ CHỦ TAM ANH

Pháp danh **THÂN BIỂU**

thứ nam Nữ Sĩ Vi Khuê

vừa thất lạc ngày 24 tháng 8, năm 2011

hưởng dương 53 tuổi

Trước sự mất mát, đau đớn này, chúng tôi in thành thật chia buồn
cùng **Đại Gia Đình Nữ Sĩ Vi Khuê.**

Nguyện cầu hương linh **TIẾN SĨ CHỦ TAM ANH**
sớm được phiêu diêu miền cực lạc

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THOM

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Ý Anh, Phạm Văn Tuấn,
Ngô Tăng Giao, Trần Bích San, Hồ Trường An, Nguyễn Văn Bá,
Nguyễn Ngọc Bích, Đinh Cường, Hoàng Dung, Hoàng Cung Fa, Tâm Hảo,
Lý Hiểu, Diễm Hoa, Vũ Hối, Đào Thị Hợi, Nguyễn Quốc Khải, Huy Lãm,
Nguyễn Lân, Phạm Trọng Lê, Hoàng Song Liêm, Đàm Xuân Linh,
Phan Thị Ngọc Trinh, Nguyễn Phú Long, Nguyễn Huy Long, Bạch Mai,
Đặng Nguyên, Nghiêm Thái Phương, Đèo Văn Sách, Ngọc Phụng,
Nguyễn Văn Thành, Phong Thu, Hồng Thủy, Trương Anh Thủy, Lê Thương,
Bùi Thanh Tiên, Tạ Quang Trung, Phạm Bá, Ý Nguyên, Cung Lan,
Cao Mỹ Nhân, Việt Bằng, Diệu Tân, Kim Vũ, Nguyễn Thử, Hải Bằng HDB,
Văn Thị Kiều Anh, Lê Văn Khoa, Nguyễn Thanh Trang, Minh Giang, Vũ Lang,
Uyên Phương Minh Nguyệt, Nguyễn Khoa Lân, Vũ Đức Nghiêm, Vũ Nam,
Đỗ Bình, Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Nguyễn Mây Thu.



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sàn nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần
Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

Trân Trọng Kính Mời

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An (France), B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), B. Phạm Thị Ánh Bích, Ô.B. Phạm Bình, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương, B. Nguyễn Hồng Cung,
Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, B. Vũ Diễm, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung,
B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang,
B. Bùi Thị Đào, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Vũ Vương Đoàn,
Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô.B. B.S. Giang Hoàng,
B. Đỗ Thị Minh Giang, Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
B. Rose Ngọc Hà Nguyễn, B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, Ô. Lý Văn Hải,
B. Đỗ Trang Mỹ Hạnh, B. Quân T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền,
B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiểu, B. Nguyễn Hoa, Ô. Phạm Cao Hoàng, B. Tô Diễm Hồng,
Ô.B. Hoàng Thế Huân, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô.B. Phan Tâm Hùng,
Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm,
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Vi Khuê, B. Võ Lại, Ô. Nguyễn Lân,
B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô. Nguyễn Khoa Lân,
B. Nguyễn Tuyết Lê, Ô.B. Đạt Thu Lê, B. Ngô Thị Liên, Ô. Nguyễn Ngọc Liệu, Ô. B. Nguyễn Huy Long,
Ô. Phạm Đình Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), Ô. Vũ Nam (Germany), B. Nguyễn Phương Nga, Ô. Đào Nguyên,
Ô. Đăng Nguyên, B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Phan T. Nhân, B. Nguyễn Tú Nhật,
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng,
B. Hoàng Hữu Phước, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương, B. Nguyễn Trần Song Phương,
Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn,
B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ),
Ô. Nguyễn Thanh (Paris), Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. Lê Tam Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Thảo Nguyên Phạm, Ô. Nguyễn Thành Thế, B. Phong Thu,
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu (Canada),
B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy,
Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Lê Văn Thương, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến,
B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân,
B. Hoàng Minh Trân, Ô. Tạ Quang Trung, Ô. B. Võ Trương, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú,
Ô. Hoàng Lý Văn, B. Nguyễn Tường Vân (CA), B. Khánh Vân Michalek, Ô. Yên Vi, B.S. Võ Đạm,
Ô. Nguyễn Tinh Vệ, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates,
Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty,
INC., Harvest Moon Restaurant.

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #): tới số (To issue #):

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ: US \$35.00 [] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$40.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO
LÀ ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**



NẮNG THU: Nguyễn Sơn



FARMLAND – BLUE RIDGE MOUNTAIN FOOTHILL: Nguyễn Quốc Khải